

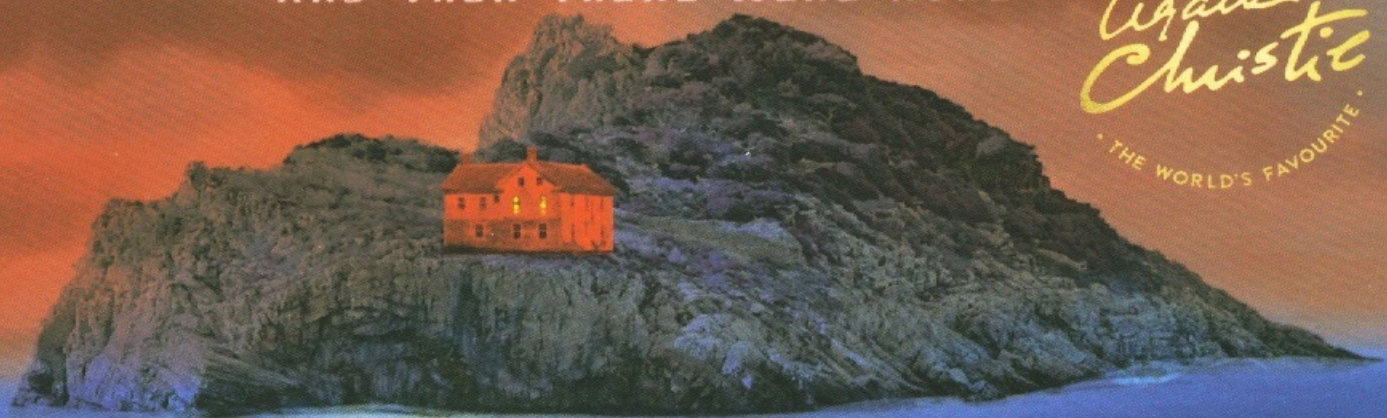
Agatha Christie[®]

MƯỜI NGƯỜI DA ĐEN NHỎ

AND THEN THERE WERE NONE

Việt Hà dịch
In lần thứ 7

THE WORLD'S FAVOURITE
Agatha Christie
THE WORLD'S FAVOURITE



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

- [Chương 1](#)
- [Chương 2](#)
- [Chương 3](#)
- [Chương 4](#)
- [Chương 5](#)
- [Chương 6](#)
- [Chương 7](#)
- [Chương 8](#)
- [Chương 9](#)
- [Chương 10](#)
- [Chương 11](#)
- [Chương 12](#)
- [Chương 13](#)
- [Chương 14](#)
- [Chương 15](#)
- [Chương 16](#)
- [Đoạn kết](#)

Mười tên lính nhỏ đi ăn;
Một tên chết nghẹn,
 giờ còn chín tên.
Chín tên thức muộn trong đêm;
Một quên không dậy,
 tám tên ngậm ngùi.
Devon du thuyền chúng chơi;
Một tên nằm lại,
 bảy thời ra đi.
Bảy tên bỏ củi làm chi;
Bỏ đôi một đũa,
 sáu tên muộn phiền.
Sáu đem tổ ong ra nghiên;
Một ong đốt chết,
 còn năm sống sờ.
Đến tòa năm đũa kia chờ;
Một vào Thượng thẳm,
 bốn ra biển ngòi
Bốn tên cùng ra biển trời;
Trích đỏ nuốt một,
 giờ còn lại ba
Vườn thú ba đũa la cà;
Gấu to vồ một,
 còn hai vẹn toàn.
Hai tên đi dưới nắng vàng;
Một khô cong chết,

*một tên bơ phờ.
Còn tên lính nhỏ thân thờ
Hắn đi treo cổ
mình lên trần nhà.
Và rồi chẳng còn một ai.*

FRANK GREEN, 1869.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com



Chương 1

Ở góc toa hút thuốc hạng nhất là ngài thẩm phán Wargrave, người gần đây đã rời chức về hưu. Ông vừa bập một hơi xì gà vừa đảo qua mục tin chính trị của thời báo *Times* với ánh mắt lộ rõ vẻ thích thú.

Để tờ báo xuống, ông đưa mắt nhìn ra cửa sổ. Lúc này tàu đã qua Somerset. Ông nhìn chiếc đồng hồ đeo tay - vẫn còn hai tiếng nữa.

Ông điếm lại trong đầu tất cả những gì liên quan tới Đảo Chiến Binh được đăng trên báo chí. Đầu tiên là tin một tay triệu phú người Mỹ say mê du thuyền đã mua đảo, rồi đến một bài viết miêu tả căn biệt thự xa xỉ tân thời mà hắn xây trên đó, ngoài khơi vịnh Devon. Chẳng may cô vợ ba mới cưới của tay triệu phú nọ lại sợ đi thuyền, thế nên mới dẫn tới việc cả cơ ngơi lẫn hòn đảo nọ bị rao bán. Một loạt quảng cáo rùm beng về hòn đảo liền xuất hiện trên báo. Rồi sau đó có một lời xác nhận khô khan rằng cả chỗ đó đã được một quý ngài tên Owen mua lại. Tiếp đến là một loạt tin đồn được những tay ký giả báo lá cải truyền đi. Đảo Chiến Binh thực ra được mua lại bởi một quý cô tên là Gabrielle Turl, một ngôi sao Hollywood! Cô ta muốn lui về đó vài tháng để thoát khỏi sự sấm soi của công chúng. Tờ báo *Con ong bận bịu* thì lại khéo léo ám chỉ rằng chỗ đó dành cho giới Hoàng gia cư trú??! Tờ báo *Quý ông Merryweather* thì được rí tai là chỗ đó được mua lại cho tuần trăng mật - ngài Bá tước trẻ tên L - cuối cùng cũng

phải chịu đầu hàng Thần tình yêu! Còn tờ *Jonas* thì biết *chắc* rằng nơi đó đã được Hải quân Anh mua lại nhằm thực hiện những thí nghiệm vô cùng bí mật.

Chuyện Đảo Chiến Binh chiếm lĩnh mục tin tức đã rõ như ban ngày!

Ngài thẩm phán Wargrave rút từ túi áo ra một lá thư. Nét chữ gần như không ai đọc nổi, chỉ trừ vài cụm từ ở chỗ này chỗ nọ là nổi bật rõ ràng đến bất ngờ. *Lawrence thân mến... đã quá lâu rồi tôi không nhận được tin tức từ ông... phải đến Đảo Chiến Binh bằng được... một nơi đầy mê hoặc... nhiều điều để nói... những ngày xưa cũ... hòa mình vào thiên nhiên... tắm mình trong ánh mặt trời... 12:40 từ Paddington... gặp ông ở Oakbridge... và người gửi thư đã kết lại với một chữ ký bắt mắt: Mãi mãi thương mến, Constance Culmington.*

Thẩm phán Wargrave mò lại trong trí nhớ của mình lần cuối cùng ông gặp quý cô Constance Culmington. Chắc là đã bảy - không, tám năm về trước. Lúc ấy cô đang ở Ý để hưởng ánh nắng mặt trời và giao hòa với thiên nhiên cùng những người nông dân Ý. Về sau, ông nghe nói cô đã tới Syria, nơi mà cô được tắm trong cái nắng còn gay gắt hơn, và sống với thiên nhiên cùng những người du mục.

Ông ngẫm nghĩ, Constance Culmington đích thị là loại phụ nữ có thể đi mua một hòn đảo rồi thuê dệt nên những điều kỳ bí xung quanh mình! Gật đầu nhẹ nhẹ tán thưởng với lối suy luận logic của mình, ông thẩm phán Wargrave mặc cho đầu mình gục xuống...

Và ông ngủ thiếp đi...

Trong một toa khách hạng ba cùng năm hành khách khác là Vera Claythorne, lúc này cô đang ngả đầu ra sau với đôi mắt nhắm nghiền. Đi tàu hỏa vào một ngày như thế này mới nóng nực làm sao! Cũng thật tuyệt khi được đi ra biển! Mà cũng may mắn lắm cô mới có được công việc này. Cứ khi nào cô muốn có một kỳ nghỉ thì hầu như luôn đồng nghĩa với việc phải đi trông nom một bầy trẻ con - mà kỳ nghỉ của một thư ký còn khó kiếm hơn nữa. Thậm chí cả cơ quan môi giới cũng chẳng đem lại nhiều hy vọng. Và rồi lá thư đó tới.

Tôi đã nhận được lời giới thiệu về cô thông qua hãng môi giới Phụ nữ tài giỏi. Tôi cũng hiểu rằng họ có biết cô từ trước. Và tôi cũng rất thoải mái về mức lương cô yêu cầu. Rất mong cô tới bắt đầu công việc này vào ngày 8 tháng Tám. Chuyến tàu sẽ khởi hành lúc 12:40 từ ga Paddington và cô sẽ được đón tại ga Oakbridge. Tôi cũng kèm theo đây năm tờ một bảng cho khoản chi phí.

Thân ái,

Una Nancy Owen

Và ở góc trên cùng là địa chỉ đính kèm tem thư, *Đảo Chiến Binh, Sticklehaven, Devon...*

Đảo Chiến Binh! Chà, mấy ngày nay chẳng có gì ngoài tin đó trên báo! Đủ các thể loại manh mối và những lời đồn hấp dẫn. Mặc dù có khi phần lớn số đó là bịa đặt. Nhưng chắc chắn là căn nhà đã được một tay triệu phú xây nên và được ví như là tận cùng của sự xa xỉ.

Mệt mỏi vì một học kỳ đầy căng thẳng vừa qua ở trường, Vera Claythorne tự nhủ: “Làm một cô chủ trò ở một trường học hạng

ba thật chẳng lợi lộc gì... Giá mình có được việc làm ở một trường học *tử tế* nào đó.”

Và rồi, một cảm giác lãnh lẽo phủ lấy tim cô, cô nghĩ: “Nhưng cũng may lắm mình mới có được việc này. Nói cho cùng, cũng chẳng ai thích cái tiếng bị điều tra, kể cả viên điều tra có cho mình trắng án đi nữa!”

Cô nhớ là ông ta thậm chí còn khen ngợi cô vì sự bình tĩnh và lòng dũng cảm. Với một cuộc điều tra thì như vậy là tốt lắm rồi. Và bà Hamilton cũng đối xử rất tốt với cô - chỉ có Hugo - *nhưng cô sẽ không nhớ tới Hugo nữa!*

Bỗng nhiên, người cô run lên bất chấp cái nóng bức trong toa tàu và cô ước gì mình không phải đi ra biển. Hình ảnh ấy lại hiện rõ trong tâm trí cô. *Đầu của Cyril, nhấp nhô lên xuống, cố bơi ra chỗ tảng đá... Lên xuống - lên xuống...* Và cô nữa, bơi những sải dễ dàng điêu luyện ở phía sau - rẽ mình qua làn nước trong lúc cô biết, quá đổi chắc chắn, rằng cô sẽ không tới kịp...

Biển - với màu xanh sâu thẳm ấm áp của nó - những buổi sáng nằm dài trên bãi biển - Hugo - Hugo, người từng nói yêu cô...

Cô không được nghĩ tới Hugo nữa...

Cô mở mắt và cau mày xem xét người đàn ông ngồi đối diện. Đó là một người đàn ông cao lớn với khuôn mặt ngăm nâu, đôi mắt sáng màu hơi gần nhau và một vẻ ngạo mạn, gần như độc ác nơi khóe miệng.

Cô thầm nghĩ: ‘Hắn là anh ta đã từng đến những nơi hay ho trên thế giới và đã chứng kiến nhiều thứ thú vị...’

Chỉ với một lần liếc mắt nhanh như chớp, Philip Lombard đã có

thể đưa ra kết luận về cô gái ngồi đối diện và tự nhủ: ‘Khá hấp dẫn - có vẻ một cô giáo dạy học đây.’

Một khách hàng điềm tĩnh, anh tiếp tục đoán - và là một người luôn làm chủ tình thế - dù trong tình trường hay chiến trường. Anh thà khiêu chiến với cô ta còn hơn...

Anh cau mày. Không, phải dừng ngay mấy thứ đó. Đây là chuyện làm ăn. Anh phải tập trung vào công việc của mình.

Mà chính xác thì là việc gì cơ chứ, anh thắc mắc? Cái tên Do Thái nhỏ thó đó tỏ vẻ rõ là bí hiểm.

“Anh cầm lấy mà không thì thôi, đại úy Lombard.”

Anh trầm ngâm nói: “Một trăm đồng gui-nê, hử?”

Anh nói với cái giọng bình thường như thể một trăm gui-nê chẳng hề quan trọng mấy với mình. *Một trăm gui-nê* trong lúc anh chỉ còn đủ tiền cho đúng một bữa tử tế cuối cùng! Dù vậy, anh chắc chắn rằng tên Do Thái nhỏ thó nợ chẳng hề bị anh qua mặt - đó chính là thứ đáng ghét nhất về dân Do Thái, chẳng ai lừa được chúng trong chuyện tiền nong bao giờ - chúng *biết hết cả!*

Giữ giọng bình thường, anh tiếp: “Và ông không thể cho tôi biết thêm gì hết sao?”

Isaac Morris lắc cái đầu nhăn nhui của lão một cách tự tin. “Không, thưa đại úy Lombard, mọi thứ chỉ có vậy. Ông chủ tôi biết rõ rằng ngài có tiếng giỏi xoay xử trong tình thế khó khăn. Tôi được giao việc gửi lại cho ngài một trăm đồng gui-nê và bù lại ngài sẽ đến Sticklehaven, ở Devon. Ga gần đây nhất là Oakbridge, sẽ có người đợi ở đó để đưa ngài đến Sticklehaven và ngài sẽ tới Đảo Chiến Binh bằng thuyền máy. Chủ nhân của tôi sẽ tiếp đón ngài tại đó.”

Lombard đột ngột ngắt lời: “Tôi phải ở đó trong bao lâu?”

“Khoảng một tuần là cùng.”

Vân vê hàng ria của mình, đại úy Lombard nói: “Ông hiểu là tôi sẽ không làm điều gì - bất hợp pháp chứ?” Vừa nói anh vừa ném một ánh nhìn sắc lẹm về phía đối diện. Một thoáng cười mỉm lướt qua khóe miệng đặc trưng Do Thái của lão Morris khi lão nghiêm trang trả lời: “Nếu có bất cứ điều gì bất hợp pháp, tất nhiên ngài hoàn toàn có quyền từ chối.”

Lão già nhỏ thó khốn kiếp, cười với lại cợt! Cứ như thể lão đã biết tổng Lombard trước đây vốn chẳng coi pháp luật ra gì. Miệng Lombard khẽ mở ra một cái nhếch mép.

Ờ đây, anh cũng đã có một đôi lần phạm pháp! Nhưng mọi việc rồi đều êm xuôi cả! Chẳng việc gì mà anh phải giới hạn bản thân hết...

Không, anh chẳng cần biết đến giới hạn nào sất. Anh bắt đầu hình dung đến cái cảnh tận hưởng vui thú trên Đảo Chiến Binh ra sao...

Trong một toa dành cho người không hút thuốc, cụ bà Emily Brent đang ngồi thẳng thớm như thường lệ. Cụ đã sáu mươi lăm tuổi và cụ không hề chấp thuận tác phong uể oải. Cha của cụ, một Đại tá thuộc lớp người đi trước, từng rất chú trọng về phong thái nói chung.

Lớp trẻ ngày nay thì lại dễ dãi một cách đáng xấu hổ - từ điệu bộ cho đến tất tần tạt mọi việc khác...

Được bao bọc trong vầng hào quang của sự chĩnh chu và những nguyên tắc bất di bất dịch, cụ Brent ngồi trong toa khách hạng ba

chật chội và đánh bại cái nóng nực cũng như sự bất tiện mà nó mang lại. Thiên hạ ngày nay thì rối rít loạn xạ lên vì toàn những chuyện không đâu! Nào là muốn tiêm thuốc tê trước khi nhổ răng - nào là uống thuốc ngủ nếu chẳng may mất ngủ - họ muốn những chiếc ghế bành thoải mái với gối đệm và lũ con gái thì xõa xượi nằm thượt ra đến hở cả nửa người ở những bãi biển hè.

Cụ Brent mím chặt môi. Cụ như muốn nhớ lại một vài cá nhân tiêu biểu làm ví dụ.

Cụ nhớ lại kỳ nghỉ hè năm ngoái. Dù thế, năm nay sẽ khác hoàn toàn. Đảo Chiến Binh...

Cụ rà lại bức thư mà cụ đã đọc đi đọc lại nhiều lần trong đầu.

Kính gửi bà Brent,

Mong là bà vẫn chưa quên tôi chứ? Chúng ta đã gặp nhau ở nhà nghỉ Belhaven một ngày tháng Tám mấy năm về trước, và thật có duyên khi chúng ta có nhiều điểm chung.

Tôi cũng đang mở một nhà khách của riêng mình tại đây, trên một hòn đảo ngoài khơi vịnh Devon. Thiết nghĩ sẽ thật là dễ chịu khi có một nơi như thế này, với thức ăn ngon lành và một người đáng kính ghé thăm. Sẽ không có cảnh khỏa thân hay cái loa nhạc nào vào nửa đêm nữa. Tôi rất lấy làm hân hạnh nếu bà có thể thu xếp được và đến đây vào kỳ nghỉ hè, tại Đảo Chiến Binh - hoàn toàn miễn phí - như một vị khách của tôi. Liệu đầu tháng Tám có thích hợp với bà không? Có lẽ là ngày mùng 8 chẳng?

Thân mến,

U.N.O

Tên gì kia nhỉ? Chữ ký hơi khó nhìn. Cụ Emily Brent nôn nóng

nghĩ: “Nhiều người có chữ ký không thể nhìn nổi.”

Cụ cố tua lại những người cụ đã gặp ở Belhaven trong óc. Cụ từng ở đó trong hai mùa hè liên tiếp. Có một người phụ nữ trung niên nào đó rất tốt - bà - bà - ôi bà ta tên gì vậy nhỉ? Cha của bà ấy từng là một vị linh mục. Và còn một bà Olton - Ormen - không, chắc chắn là Oliver! Đúng rồi - là Oliver.

Đảo Chiến Binh! Có biết bao nhiêu là tin báo đưa về Đảo Chiến Binh rồi - tin gì đó về một ngôi sao điện ảnh - hay là một tay triệu phú người Mỹ vậy nhỉ?

Tất nhiên là những nơi như vậy thường bị bán giá rẻ - những hòn đảo đâu có hợp gu tất cả mọi người. Thiên hạ nghĩ rằng nó lãng mạn nhưng đến khi ở đó thì họ lại nhận ra chỉ có mỗi sự bất tiện và rồi lại sẵn lòng rao bán.

Cụ Emily Brent thầm nhủ: “Gì thì gì mình vẫn sẽ có được một kỳ nghỉ miễn phí ở đó.”

Với số tiền lương ngày càng giảm và bao nhiêu cổ tức chưa được trả hết, thì dịp này rất đáng để suy xét. Chỉ ước gì cụ có thể nhớ thêm đôi chút về bà - hay cô - Oliver kia?

Tướng Macarthur nhìn ra ngoài cửa sổ toa xe lửa. Tàu vừa tới địa phận hạt Exeter, nơi ông cần đổi chuyến. Thật đáng nguyên rủa, mấy cái xe lửa chậm lẽ mề này! Cái Đảo Chiến Binh đó, tính theo đường chim bay thì lấy gì làm xa cơ chứ.

Ông còn đang lơ mơ về cái tên Owen nọ. Hình như là một người bạn của Spoof Leggard - và của Johnnie Dyer.

“- Một, hai người bạn nối khố của ông cũng đang trên đường tới - để ôn lại kỷ niệm xưa.”

Chà, ông lấy làm thích thú khi trò chuyện về quá khứ. Gần đây ông còn có cảm giác như thể đám bạn cũ đang cố tình lánh mặt mình vậy. Tất cả là vì cái tin đồn nhố nhăng ấy! Thề có đấng tối cao, mọi chuyện đã quá nặng nề - đã gần ba mươi năm rồi! Chắc là cái thằng Armitage đã phun ra. Thằng ranh khốn kiếp! Thằng nhãi đó biết cái gì cơ chứ? Ờ thì cũng chẳng mấy tốt lành gì khi cứ nghĩ đi nghĩ lại mấy cái chuyện này! Người ta cũng thi thoảng tưởng tượng ra các thứ - như việc có một tên đang nhìn mình chăm chăm chẳng hạn.

Hòn Đảo Chiến Binh này, chà, ông rất muốn được thấy nó. Đã có quá nhiều tin đồn thổi rồi. Hình như còn có cái lời đồn gì đó về việc Hải quân Anh hay Bộ Quốc phòng hay Không quân đã nắm quyền sở hữu hòn đảo.

Tay triệu phú trẻ người Mỹ nọ, Elmer Robson, mới thực là người xây ngôi nhà. Cả hàng ngàn đô-la, thiên hạ đồn vậy. Toàn xa xỉ trần tục...

Exeter! Còn những một tiếng nữa! Mà ông thì không muốn phải chờ đợi. Ông muốn đi tiếp luôn...

Bác sĩ Armstrong còn đang lái chiếc xe hiệu Morris qua vùng đồng bằng Salisbury. Ông đang rất mệt mỏi... Thành công cũng có giá của nó. Còn nhớ cái thời ông phải ngồi trong văn phòng tư vấn trên phố Harley, ăn mặc chỉnh tề, vây quanh toàn là những thứ máy móc hiện đại nhất với đồ nội thất đắt tiền nhất và ông chờ đợi - ông chờ cho qua những ngày tháng trống rỗng để đến cái ngày mạo hiểm đổi lấy thành công hoặc thất bại...

Cuối cùng thì cũng thành công! Ông đã gặp may! Tất nhiên là may mắn *cộng thêm* cái tài của ông nữa. Ông là một người lành

nghề - nhưng thế chưa đủ để thành đạt. Người ta cần có cả vận may nữa. Và ông đã có nó! Một chẩn đoán chính xác, một vài bà bệnh nhân cũ mang ơn mình - loại phụ nữ có tiền có thế - và thế là tin tức bay xa. “Bà thử gặp ông Armstrong xem - một người đàn ông *khá* trẻ - nhưng *rất* thông minh - những năm qua Pam đã gặp đủ mọi loại người và ông sẽ giải quyết mọi vấn đề ngay tức khắc!” Mọi chuyện đã diễn ra như thế.

Và giờ thì bác sĩ Armstrong chắc chắn đã đến đích. Ngày làm việc bận kín lịch, ông ít khi có thì giờ rảnh rang. Và thế là, vào buổi sáng tháng Tám ấy, ông cảm thấy vui mừng vì được rời khỏi London để tận hưởng vài ngày nghỉ trên hòn đảo ngoài khơi Devon kia. Mà cũng chẳng phải là kỳ nghỉ gì cho cam. Bức thư mà ông nhận được khá tối nghĩa về khoản nội dung, nhưng chẳng có gì là không rõ ràng về tờ séc kèm theo hết. Một khoản tiền khổng lồ. Nhà Owen nợ chắc phải bơi trong tiền. Nhưng cũng có vẻ hơi khó nhằn, một ông chồng lo lắng cho sức khỏe của bà vợ và muốn có một bản báo cáo tình trạng sức khỏe của bà ta miễn sao bà ấy không hay biết. Rốt cuộc bà vợ kia sẽ không hề biết là có một bác sĩ tới khám. Thần kinh của bà ta...

Lại thần kinh nữa! Đôi mày của ông bác sĩ nhướn lên. Đúng là đàn bà và thần kinh của họ! Thì, nó cũng chỉ tốt cho chuyện làm ăn thôi. Đến nửa số phụ nữ đến gặp ông để tư vấn chẳng bị làm sao ngoài chứng chán chường, nhưng họ cũng chẳng mấy cảm kích khi nghe nói vậy đâu! Và thế là lại phải tìm ra một cái gì đó khác.

“Một tình trạng hơi bất thường của (một từ dài ngoằng nào đó) nhưng chẳng có gì nghiêm trọng - chỉ cần làm đúng là được. Một phương pháp chữa trị đơn giản thôi.”

Thực tình, thuốc men hầu hết cũng là thứ tạo niềm tin cho

người ta. Và ông lại có một cách cư xử đàng hoàng - ông có thể gây niềm tin và gieo hy vọng.

May mắn thay ông cũng đã bình tĩnh lại sau cái chuyện mười - không, mười lăm năm trước. Xém chút nữa là gay to rồi! Ông đã đến rưng rùi chân tay. Cú sốc đã kéo ông trở lại. Ông cai hẳn rượu từ đó. Thề có đức Chúa trời, chỉ một chút nữa thôi là mọi thứ đã kết thúc...

Một tiếng còi với sức tàn phá xé tai phát ra từ một chiếc siêu xe thể thao Dalmain vừa vượt qua ông với tốc độ tám mươi dặm một giờ. Bác sĩ Armstrong xém nữa là lao vào hàng rào bên đường. Lại là mấy thằng ranh con hay phá phách khắp nơi. Ông ghét cay ghét đắng chúng. Đó cũng lại là một lần suýt chết. Thằng ranh mất dạy!

Tony Marston, trong lúc phóng xe âm âm tới Mere, nghĩ thầm: “Cái số xe hơi lết trên đường nhiều đến phát kinh lên được. Lúc nào cũng có cái gì đó ngáng đường. Đã thế lại còn nằm chềnh ềnh giữa đường nữa chứ! Dù gì thì lái xe ở Anh cũng thật đáng nản... không như ở Pháp, anh có thể phóng thoải mái...”

Có nên dừng lại làm ly rượu không nhỉ, hay phóng tiếp? Còn một đồng thời gian mà! Chỉ còn có hơn một trăm dặm chút xíu. Anh sẽ mua rượu gin và ít bia gừng uống. Ngày gì mà nóng chảy cả mỡ!

Chắc trên cái đảo đó cũng có mấy thứ hay ho - nếu thời tiết đẹp lâu. Mà mấy người nhà Owen này là ai, anh thắc mắc? Chắc giàu nứt đố đổ vách. Tay bán hàng rất rành đánh hơi chuyện mấy người như thế. Tất nhiên, lão phải làm vậy, tội nghiệp lão, còn chẳng có một xu dính túi...

Hy vọng họ sẽ đãi khách với rượu ngon. Chẳng biết đâu mà lần với mấy tên tự làm ra tiền chứ không phải để ra đã có tiền. Đáng tiếc là mẩu tin Gabriella Turl mua Đảo Chiến Binh lại không đúng. Anh thích được giao du với đám diễn viên nổi tiếng hơn.

Đành thôi, chắc ở đó cũng phải có mấy em chứ...

Bước ra khỏi khách sạn, anh vươn vai, ngáp một cái, ngược nhìn bầu trời xanh trên cao và trèo vào chiếc xe Dalmain.

Phải đến vài cô gái nhìn anh đầy ngưỡng mộ - thân hình cân đối cao một mét tám mươi hai, mái tóc óng mượt, khuôn mặt r ám nắng, và đôi mắt xanh biếc vô cùng.

Anh nhấn ga rồ máy rồi lướt qua con phố hẹp. Người già và mấy đứa bé bán rong phải nhảy dựng lên tránh cho an toàn. Bọn trẻ thì dõ theo với ánh mắt hâm mộ.

Anthony Marston đắc thắng tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Ông Blore lúc này đang trong một chuyến tàu chậm chạp đến Plymouth. Ngoài ông ra chỉ còn một người nữa trong toa tàu, một cụ già từng đi biển với đôi mắt lèm nhèm. Hiện cụ già đã ngủ gật.

Ông Blore đang cẩn thận ghi chép vào quyển sổ nhỏ.

“Thế là đủ,” ông lẩm bẩm. “Emily Brent, Vera Claythorne, bác sĩ Armstrong, Anthony Marston, ông già thẩm phán Wargrave, Philip Lombard, tướng Macarthur, C.M.G., D.S.O. Người quản gia và vợ ông ta: ông bà Rogers.”

Ông gập quyển sổ lại rồi đút nó vào túi. Ông liếc nhìn phía góc toa tàu và người đàn ông đang ngủ.

“Có một trong tám rồi này,” ông Blore thẩm định một cách

chính xác.

Ông nhắm lại mọi thứ trong đầu một cách cẩn thận đầy lương tâm.

“Công việc chắc chẳng mấy khó khăn.” Ông nghiền ngẫm. “Khó mà vượt tay vụ này được. Hy vọng nhìn mình không đến nỗi nào.”

Nghĩ rồi người đàn ông đứng dậy, lo lắng soi mình qua tấm kính. Khuôn mặt phản chiếu trong gương có vẻ đặc trưng của lính với hàng ria mép. Chẳng có mấy biểu cảm ở gương mặt ấy. Đôi mắt xám lạnh và hơi gằn nhau.

“Có thể là một thiếu tá,” ông Blore nói. “Không, mình quên bég. Có một lão già ở đó cũng từng trong quân đội. Lão sẽ nhận ra mình ngay.”

“Nam Phi,” ông Blore thốt lên. “Phải rồi! Chẳng một ai trong số đó có bất cứ mối liên hệ nào với Nam Phi, và mình vừa đọc mẩu tin du lịch kia nên có thể nói trôi chảy được.”

Cũng thật may là có đủ loại thuộc địa trên đời. Và một người trở về từ Nam Phi như ông Blore cảm thấy mình có thể hòa nhập với bất cứ giai tầng nào chẳng chút khó khăn.

Đảo Chiến Binh. Ông nhớ nó từ khi còn là một đứa bé con. Đủ loại đá nhuộm vị biển vây quanh bởi hải âu - nằm cách bờ biển khoảng một dặm.

Thật là một ý tưởng nực cười khi đến đó xây nhà! Thời tiết ở đó mới tệ làm sao! Nhưng mấy tay triệu phú cũng nhiều khi bốc đồng!

Cụ già ở trong góc lúc này đã tỉnh dậy và nói: “Chẳng bao giờ lương trước được biển cả đâu - không bao giờ hết!”

Ông Blore nói dõ dành: “Đúng thế. Không ai lương được.”

Cụ già nấc lên hai lần, tỏ ra rầu rĩ: “Sắp có cơn cố đây.”

Ông Blore nhẹ nhàng chỉnh lại: “Đâu, không phải đâu cụ ơi, hôm nay đẹp trời mà.”

Cụ già giận dữ: “Có một cơn giông mà. Tôi có thể *ngủ* được nó.”

“Chắc cụ nói đúng.” Ông Blore nói hòa giải.

Đoàn tàu dừng lại ở một trạm ga và cụ già loạng choạng đứng dậy.

“Tới nơi tôi xuống rồi.” Cụ quờ tay phải ô cửa sổ. Ông Blore bèn giúp cụ.

Cụ già đứng nơi cánh cửa, giơ bàn tay chào trang nghiêm và chớp chớp đôi mắt kèm nhèm của cụ.

“Hãy cẩn trọng và cầu nguyện,” cụ nhắc nhở. “Cẩn trọng và cầu nguyện. Ngày xét xử cuối cùng đã cận kề rồi.”

Cụ nhào người khỏi cánh cửa ngã xuống nền sân ga. Vẫn tư thế nằm như vậy, cụ ngược mắt nhìn ông Blore và nói với giọng vô cùng trịnh trọng: “Tôi đang nói về *anh* đó, chàng trai trẻ ạ. Ngày phán xử cuối cùng đến gần rồi.”

Ngồi lặng thinh nơi chỗ ngồi của mình, ông Blore thầm nhủ: Lão còn gần ngày tận thế hơn mình ấy chứ!

Nhưng, kỳ thực mà nói, ông ta đã làm...



Chương 2

Đứng ngoài ga Oakbridge lúc này là một nhóm người có vẻ phân vân giây lát. Phía sau họ là người khuân vác đồ với đồng hành lý. Một trong số đó gọi: “Jim!”

Một người lái xe tắc-xi bước đến.

“Mọi người đến Đảo Chiến Binh phải không ạ?” Anh ta hỏi với giọng Devon nhẹ nhàng. Có bốn giọng trả lời - và gần như ngay lập tức họ quay ra nhìn nhau vẻ giấu giếm.

Người lái xe trả lời, quay sang ngài thẩm phán Wargrave vì ông là một người cao tuổi trong nhóm: “Ở đây có hai chiếc xe, thưa ông. Một chiếc lại phải đợi chuyến tàu chậm từ ga Exeter - chỉ năm phút thôi - vì có một quý ông đang trên chuyến đó. Có lẽ một người trong số các vị không thấy phiền nếu phải đợi chứ? Như thế mọi người sẽ được thoải mái hơn.”

Vera Claythorne, với ý thức rõ ràng về vị trí thư ký của mình, cất tiếng ngay.

“Tôi sẽ đợi,” cô cho biết, “nếu mọi người đều muốn đi ngay?” Cô nhìn ba người còn lại, cái nhìn và giọng nói của cô có chút gì đó như ra lệnh do cô đã quen lối ra oai trong nghề của mình. Có thể cô đã từng chỉ đạo cho lũ trẻ được chơi séc quần vợt nào trong trường.

Cụ Brent nói một cách cứng nhắc: “Cảm ơn cô,” rồi khom người vào một chiếc tắc-xi mà cửa đã được người lái xe mở sẵn. Thẩm phán Wargrave theo sau cụ.

Đại úy Lombard bèn nói: “Tôi sẽ ở lại đợi với quý cô...”

“Claythorne,” Vera đáp lời.

“Tên tôi là Lombard, Philip Lombard.”

Mấy người khuôn đồ lúc này đang xếp hành lý vào xe tắc-xi. Bên trong, ông thẩm phán Wargrave nói với vẻ thận trọng pháp lý đúng mực.

“Thời tiết thật là đẹp làm sao.”

Cụ Brent đáp lời: “Đúng là đẹp thật.”

Một quý ông thật nổi bật, cụ nghĩ. Hoàn toàn khác với những loại người thường thấy ở những nhà nghỉ gần biển. Rõ ràng là bà hay cô Oliver gì đó có những mối quan hệ khá tốt. Ông thẩm phán Wargrave hỏi: “Bà có biết nhiều về nơi này không?”

“Tôi đã từng đến Cornwall và Torquay, nhưng đây là lần đầu tiên tôi đặt chân tới Devon.”

Ông thẩm phán nói: “Tôi cũng chưa biết nhiều về nơi này cho lắm.”

Chiếc tắc-xi bắt đầu lăn bánh.

Người lái chiếc xe tắc-xi thứ hai liền hỏi: “Cô có muốn ngồi đợi ở phía trong không?”

Vera đáp một cách dứt khoát: “Không hề.”

Đại úy Lombard mỉm cười. Anh nói: “Chỗ bức tường đầy nắng kia nhìn hấp dẫn hơn. Trừ khi cô muốn vào trong trạm ga?”

“Không, thực tình. Tôi thấy rất vui vì thoát được khỏi chiếc tàu chật chội đó.”

Anh trả lời: “Đúng là đi bằng tàu hỏa trong thời tiết như thế này hơi khó chịu thật.”

Vera đáp kiểu mẫu mực: “Tôi hy vọng nó được lâu, ý tôi là thời

tiết ấy. Cái nắng của nước Anh thật là không thể tin được.”

Lombard liền hỏi một câu không được độc đáo cho lắm: “Cô từng đến đây chưa?”

“Chưa, tôi chưa bao giờ tới đây.” Cô mau lẹ nói thêm, với chủ đích làm rõ vị trí của mình ngay từ đầu. “Tôi thậm chí còn chưa được gặp bà chủ của mình.”

“Bà chủ của cô ư?”

“Đúng vậy, tôi là thư ký riêng của bà Owen.”

“Ồ, tôi hiểu rồi.” Điệu bộ của anh liền có chút thay đổi. Giọng anh trở nên thêm chắc chắn - và cởi mở hơn. Anh nói: “Thế có lạ không?”

Vera cười.

“Ồ, không, tôi không nghĩ vậy. Vì cô thư ký trước của bà ấy đột nhiên bị ốm và phải nhờ đến một công ty môi giới để tìm người thay thế và họ đã cử tôi.”

“Ra là vậy. Lỡ đến mà cô không thích công việc đó thì sao?”

Vera lại cười.

“À, đó chỉ là công việc tạm thời thôi - một công việc trong kỳ nghỉ. Tôi có việc ổn định ở một trường dành cho các bé gái. Thực ra thì, tôi cũng khá hồi hộp khi đến Đảo Chiến Binh này. Có quá nhiều tin trên báo mà. Chẳng phải hòn đảo đó rất thú vị sao?”

Lombard đáp: “Tôi cũng không rõ. Tôi chưa tới đó bao giờ.”

“Ồ, thật thế sao? Nhà Owen hẳn rất quan tâm tới nó, tôi nghĩ vậy. Họ như thế nào? Hãy kể tôi nghe đi.”

Lombard nghĩ: Quái lạ, thế này - đúng ra thì mình đã phải gặp họ rồi chứ nhỉ, hay sao? Anh đáp nhanh: “Có một con vò vẽ đang bò trên tay cô kia. Không - cứ giữ yên như thế.” Đoạn anh vờ ngáp ngừng như thể đúng thế thật. “Được rồi. Nó bay đi rồi!”

“Ôi, cảm ơn anh. Hè này có nhiều ong quá.”

“Vâng, tôi cho là do cái nóng. Mà chúng ta đang đợi ai nhỉ, cô biết không?”

“Tôi không biết chút gì cả.”

Một tiếng còi hụ âm ỉ vang lên từ chiếc xe lửa đang tiến đến. Lombard nói: “Tàu hỏa đến rồi kìa.”

Một người đàn ông cao ráo ra dáng lính xuất hiện chỗ cánh cửa nhà ga. Mái tóc bạc của ông được miết xẹp xuống và ông ta có một hàng ria trắng cắt tỉa gọn gàng.

Người mang hành lý cho ông, có vẻ loạng choạng dưới sức nặng của chiếc va-li da nặng trĩu, hướng về phía Vera và Lombard.

Vera bước tới với vẻ đáng tin cậy. Cô lên tiếng: “Tôi là thư ký của bà Owen. Đang có một chiếc xe đợi chúng ta rồi.” Cô nói thêm, “Còn đây là anh Lombard.”

Đôi mắt người đàn ông sở hữu thứ màu xanh biển nhạt, sắc bén mặc cho vết thời gian để lại, nhìn Lombard ước chừng. Trong vài giây, một vẻ phán xét hiện rõ - nếu có ai đó nhận ra được.

“Nhìn khá điển trai. Nhưng có gì đó không ổn...”

Ba người liền bước lên chiếc xe tắc-xi đợi sẵn. Chiếc xe đi qua con phố nhỏ yên ắng của Oakbridge và đi tiếp khoảng một dặm trên đường cái Plymouth, rồi lao vào một mê cung của những con đường ngoằn ngoèo, dốc, xanh rờn và hẹp. Tướng Macarthur mở lời: “Tôi không hề biết gì về Devon cả. Tôi ở bên đông Devon - giáp ngay với Dorset ấy.”

Vera nhìn nhận: “Chỗ này thật là đẹp. Những ngọn đồi với đất đỏ và tất cả mọi thứ đều xanh, nhìn lại màu mỡ nữa.”

Philip Lombard nhận xét: “Chỉ có điều nó hơi cô lập... Tôi thích

một nơi hướng ngoại hơn. Thế thì mới biết được mọi thứ diễn ra xung quanh...”

Tướng Macarthur nói với anh: “Chắc cậu cũng có đi vài nơi trên thế giới rồi chứ?”

Lombard nhún vai khiêm nhường: “Cũng từng đi chỗ này chỗ khác, thưa ông.”

Anh nghĩ thầm: “Thế nào ông ta cũng hỏi xem mình có đủ tuổi đi lính hồi trước không cho mà xem. Mấy ông lính già toàn thế cả.”

Nhưng tướng Macarthur không hề đả động đến cuộc chiến.

Xe đi lên một quả đồi dốc rồi xuống theo lối dích dắc đến Sticklehaven - chỉ có mỗi vài ngôi lán nhỏ với một hay hai chiếc thuyền đánh cá nhỏ phơi mình trên bãi biển.

Nhờ ánh sáng hoàng hôn chiếu rọi, lần đầu tiên họ thấy Đảo Chiến Binh nổi lên giữa biển hướng nam.

Vera thốt lên với vẻ ngạc nhiên: “Ôi, còn xa lắm.”

Cô đã hình dung hòn đảo khác hoàn toàn, gần với bờ, với chiếc vương miện là một ngôi nhà trắng xinh đẹp. Nhưng từ đây không thể thấy một ngôi nhà nào, chỉ rõ bóng của mấy tảng đá nom na ná như một cái đầu khổng lồ. Ở nó toát lên một vẻ gì đó hiểm trở. Cô khẽ rùng mình.

Bên ngoài nhà khách nhỏ Bảy Sao là ba người đang ngồi. Bóng lưng gù gù của ông thẩm phán, dáng thẳng thớm của cụ Brent, và một người thứ ba - một người đàn ông to lớn thô kệch bước tới và tự giới thiệu: “Chúng tôi nghĩ là nên đợi các vị,” ông ta nói. “Đi liền một lúc cho tiện. Xin tự giới thiệu. Tên tôi là Davis. Nơi sinh

ư, nơi chôn rau cắt rốn của tôi là Nam Phi, ha ha!”

Lão bật cười sáng khoái.

Ông thẩm phán Wargrave nhìn lão với ánh mắt lộ rõ sự ác cảm. Nhìn ông như thể đang muốn yêu cầu cả tòa án phải giải tán vậy. Cụ Emily Brent thì không chắc liệu mình có thích mấy dân thuộc địa hay không.

“Có ai muốn làm một nháp trước khi nhổ neo không?” lão Davis hỏi một cách hiếu khách.

Không ai hưởng ứng lời đề nghị này, nên lão Davis quay ra và giơ ngón tay nói.

“Thế thì không nên chậm trễ nữa. Ông chủ và bà chủ tốt bụng của chúng ta đang chờ.” Lão giục.

Dường như lão Davis đã nhận ra sự kìm nén kỳ lạ bao trùm lên đoàn khách. Như thể việc nhắc tới ông bà chủ nhà làm mọi người tê liệt vậy.

Đáp lại cái giơ tay ra hiệu của lão Davis, một người đàn ông vốn đang dựa lưng vào một bức tường gần đó liền rời chỗ của mình và tiến đến phía họ. Dáng đi lắc lư của ông như tuyên bố rằng ông là một người chuyên đi biển. Khuôn mặt ông ta dãi dầu mưa nắng với đôi mắt đen như đang cố giấu điều gì. Ông ta cất lên chất giọng nhẹ nhàng của xứ Devon.

“Quý bà và quý ông đã sẵn sàng ra đảo chưa ạ? Thuyền đang đợi rồi. Còn có hai quý ông nữa đang trên đường tới đây bằng xe hơi nhưng ngài Owen đã bảo tôi không cần phải đợi họ, vì họ có thể sẽ đến bất cứ lúc nào.”

Đoàn khách lên thuyền. Người hướng dẫn chỉ cho họ qua một cái cầu tàu nhỏ bằng đá. Nằm bên cạnh nó là một chiếc thuyền máy.

Cụ Emily Brent nhìn nhận: “Chiếc thuyền này nhỏ quá.”

Người chủ chiếc thuyền trả lời đầy thuyết phục: “Con thuyền này rất tốt đó, thưa quý bà. Bà còn có thể đi nó đến Plymouth chỉ trong chớp mắt.”

Ông thẩm phán Wargrave nói sắc lẹm: “Chúng tôi khá đông người mà.”

“Nó còn chở được gấp đôi thế này nữa, thưa ông.”

Philip Lombard nói với giọng xoa dịu dễ dãi: “Cũng ổn mà. Thời tiết quá tốt rồi - không có sóng biển.”

Với vẻ hơi nghi ngờ, cụ Brent để người khác giúp mình lên thuyền. Những người còn lại thì theo sau. Không khí đoàn khách như vẫn có chút dè chừng. Như thế mỗi người trong số họ đều bị lúng túng trước những người còn lại.

Mọi người vừa chuẩn bị khởi hành thì người hướng dẫn đột ngột dừng lại, với chiếc neo thuyền trong tay.

Cuối con dốc dẫn vào làng có một chiếc xe đang đi tới. Một chiếc xe mạnh mẽ, tuyệt đẹp tới độ sự xuất hiện của nó không khác nào một bóng ma. Ngồi sau vô-lăng là một người đàn ông trẻ, mái tóc nâu hất ngược vì gió. Trong ánh chiều anh ta giống hệt một vị thần trẻ, chứ không còn là một người đàn ông nữa, một vị thần anh hùng nào đó bước ra từ thần thoại phương Bắc.

Anh ta nhấn còi và một tiếng kêu vang dội vọng lại từ những phiến đá trên vịnh.

Đó là một giây phút phi thường. Trong giây lát ấy, Anthony Marston có vẻ như bất tử. Kể từ đó có tới hơn một người trong đoàn khách nhớ tới khoảnh khắc ấy.

Fred Narracott ngồi bên động cơ mà nghĩ về đoàn khách kỳ cục này.

Chẳng hề giống như ông tưởng tượng về đám khách khứa của nhà Owen chút nào. Ông đã mong đợi một đoàn khách toàn những người sang trọng. Những quý bà váy áo là lượt và những quý ông trong bộ trang phục du thuyền với vẻ giàu có và quan trọng.

Chẳng bù cho đám khách của ông Elmer Robson. Một nụ cười mờ nhạt hiện trên miệng Fred Narracott khi ông nhớ đến đám khách của tay triệu phú nọ. Đó mới gọi là tiệc tùng - và cả những loại rượu mà họ đã dùng nữa chứ!

Cái ông Owen này hẳn phải là một quý ông khác thường. Thật buồn cười làm sao, Fred nghĩ, khi chưa một lần ông được thấy ông Owen - hay bà vợ của ông ta nữa. Chưa bao giờ ông ta đặt chân xuống đây cả. Tất cả mọi yêu cầu hay việc tiền nong đều do ông Morris lo toàn bộ. Lệnh bao giờ cũng rất rõ ràng và việc chi trả thì luôn mau lẹ, nhưng vẫn kỳ lạ thế cả thôi. Mấy bài báo có viết một chuyện gì đó bí ẩn về ông Owen. Ông Narracott cũng thấy như thế.

Hay có khi cuối cùng lại là cô Gabrielle Turl mua đảo nhỏ. Nhưng giả thuyết đó của ông bị gạt đi khi ông thăm dò đoàn khách. Không phải mấy người này rồi - chẳng ai trong số này có vẻ liên quan tới một ngôi sao điện ảnh cả.

Ông rút ra kết luận một cách khách quan.

Một bà cô già - thuộc dạng khó tính - ông cũng thừa biết kiểu người này. Ông dám cá là bà ta luôn ra lệnh này nọ. Ông lính già

kia - có vẻ đúng thực là lính. Cô gái nom ưa nhìn - nhưng chỉ tầm tầm, chứ không phải loại rạng rỡ - chẳng có vẻ gì là Hollywood về cô ta cả. Còn người đàn ông thô kệch xởi lởi kia - ông ta không phải là một quý ông thực thụ. Một thương nhân đã nghỉ hưu, thế mới đúng, Fred Narracott nghĩ. Quý ông còn lại, nom gầy đỏi với đôi mắt nhanh nhạy, là một người trông lạ lùng, đúng thế. Cũng có khi anh ta lại liên quan tới mấy tấm ảnh đó.

Không, chỉ có mỗi một người có vẻ thỏa mãn trên con thuyền. Người đàn ông cuối cùng, người đã tới bằng chiếc xe hơi (xe gì thế chứ! Loại xe đó trước nay chưa ai thấy ở Sticklehaven cả. Chắc một chiếc như thế phải tốn bộn tiền). Anh ta mới hợp với chốn này. Loại để ra đã có tiền. Nếu đám khách khứa toàn những người như vậy... thì ông còn hiểu được...

Chuyện này nghĩ đi nghĩ lại đều thấy lạ - tất cả mọi việc đều kỳ lạ - rất kỳ lạ...

Con thuyền chòng chành gần đá. Cuối cùng thì ngôi nhà cũng đã lọt vào tầm nhìn. Phía nam hòn đảo lại khác biệt hoàn toàn. Sườn dốc phía đó thoải thoải trải nhẹ đến biển. Căn nhà quay về hướng nam - thấp và vuông vắn nom hiện đại với những ô cửa sổ tròn cho ánh sáng ủa vào.

Một ngôi nhà thú vị - một ngôi nhà đúng như đã mong đợi!

Fred Narracott tắt động cơ, mũi thuyền chĩa nhẹ vào khoảng bến giữa hai tảng đá.

Philip Lombard sắc sảo nói: “Hắn cập bến sẽ rất khó nếu thời tiết xấu.”

Fred Narracott nói vui vẻ: “Không lên được Đảo Chiến Binh nếu

có gió hướng nam đông. Đôi khi nó bị cô lập phải đến một tuần hoặc hơn.”

Vera Claythorne nghĩ: “Đồ ăn thức uống chắc sẽ khó khăn. Đây là thứ tệ nhất ở một hòn đảo. Tất cả mọi vấn đề trong nhà đều đáng lo nghĩ cả.”

Con thuyền kêu kèn kẹt khi va phải đá. Fred Narracott nhảy khỏi thuyền rồi cùng Lombard giúp mọi người lên bờ. Narracott buộc thuyền vào mỏm đá. Rồi ông dẫn đường lên những bậc thang tạc từ đá.

Tướng Macarthur thốt lên: “A! Chỗ này hay thật!”

Nhưng ông không có thấy dễ chịu mấy. Cái chỗ kỳ cục chết tiệt.

Khi đoàn khách đã lên bậc thang và tới hiên nhà ở trên, tinh thần của họ phấn chấn hẳn. Nơi cánh cửa mở dẫn vào nhà là một người quản gia thực thụ đang chờ, vẻ nghiêm trang của ông ta như trấn an mọi người. Và rồi chính ngôi nhà lại trở nên thật thu hút, khung cảnh nhìn từ mái hiên trở nên thật kỳ vĩ...

Người quản gia tiến tới khẽ nghiêng người chào. Ông ta là một người cao ráo, mảnh khảnh, mái tóc màu xám và nom đáng kính, ông ta lên tiếng: “Mời quý khách đi đường này.”

Trong sảnh lớn, đồ uống đã được dọn sẵn đâu vào đấy. Hàng hàng những chai. Tinh thần của Anthony Marston được khích lệ thêm một chút. Anh ta vừa mới nghĩ là vụ này có vẻ kỳ dị. Chẳng có ai anh quen cả! Chẳng hiểu lão Badger nghĩ ngợi thế nào mà để cho anh gia nhập vào cái đám này? Dù vậy, rượu có vẻ tạm ổn. Lại còn có nhiều đá nữa.

Mà lão quản gia kia đang nói gì vậy nhỉ?

Ông Owen - chẳng may bị trễ - nên không thể đến đây trước ngày mai. Lời chỉ dẫn - tất cả mọi thứ họ muốn - nếu mọi người

muốn về phòng riêng của mình?... Bữa tối sẽ bắt đầu lúc tám giờ...

Vera theo bà Rogers lên gác. Bà mở sẵn một cánh cửa phía cuối hành lang và Vera bước vào căn phòng ngủ trông vui mắt, khung cửa sổ to mở rộng ra hướng biển và một khung cửa khác nhìn ra hướng đông. Cô thốt lên hài lòng.

Bà Rogers hỏi han: “Tôi mong là đã có đủ các thứ cô cần rồi chứ?”

Vera nhìn quanh. Hành lý của cô đã được mang lên và dỡ ra. Một bên là cánh cửa dẫn vào phòng tắm với gạch lát màu xanh dương nhạt.

Cô trả lời vắn tắt: “Vâng, tôi nghĩ là đủ rồi.”

“Cô chỉ cần rung chuông nếu cần bất cứ thứ gì.”

Bà Rogers có một chất giọng đơn điệu đều đều. Vera nhìn bà, không tránh được cảm giác tò mò. Trông bà ấy trắng bệch như ma vậy! Nom rất đứng đắn, với mái tóc hất ra sau gương mặt và chiếc váy đen. Đôi mắt kỳ lạ luôn đảo từ chỗ này sang chỗ khác.

Vera nghĩ bụng: “Bà ấy như thể đang sợ chính cái bóng của mình vậy.”

Đúng thế rồi - sợ hãi!

Bà ta trông như một người phụ nữ luôn phải chịu nỗi sợ hãi cái chết...

Một cơn rùng mình chạy dọc theo sống lưng của Vera. Bà ta sợ điều gì mới được cơ chứ?

Cô cất giọng một cách thoải mái: “Tôi là thư ký mới của bà Owen. Chắc bà cũng đã biết.”

Bà Rogers đáp lời: “Không, thưa cô, tôi không biết gì hết. Chỉ có danh sách một loạt các quý bà quý ông và những ai ở phòng nào thôi.”

Vera tỏ ra thắc mắc: “Bà Owen không nhắc tới tôi ư?”

Hàng mi bà Rogers chớp chớp.

“Tôi chưa được gặp bà Owen - cho tới giờ. Chúng tôi mới tới từ hai ngày trước.”

Những con người bất thường, cái nhà Owen này, Vera thăm nhủ. Rồi cô nói to: “Vậy có những ai làm việc ở đây?”

“Chỉ có tôi và ông Rogers thôi, thưa cô.”

Vera nhú mày. Tám người trong nhà - mười người nếu tính cả ông bà chủ - và chỉ có một cặp vợ chồng làm mọi việc cho họ.

Bà Rogers giải thích thêm: “Tôi giỏi việc bếp núc và Rogers thì thạo việc nhà. Tất nhiên là tôi cũng không ngờ lại có nhiều người tới đây như vậy.”

Vera hỏi tới: “Liệu ông bà có lo xuể không?”

“Ồ có chứ, thưa cô, tôi lo được. Nếu nhiều khách đến thường xuyên thì có lẽ bà Owen cũng giúp một tay.”

Vera đáp: “Tôi cũng đoán vậy.”

Bà Rogers quay trở ra. Đôi chân bước trên sàn không một tiếng động. Bà lướt ra khỏi căn phòng như một cái bóng.

Vera đến bên cửa sổ và ngồi lên bậu cửa. Cô hơi băn khoăn. Tất cả mọi thứ - dường như - đều có vẻ kỳ cục. Sự vắng mặt của ông bà Owen, bà Rogers tái nhợt như ma. Và đám khách nữa! Đúng thế, đám khách cũng kỳ cục nốt. Một tập hợp toàn những người kỳ lạ.

Vera nghĩ: “Phải chi mình được gặp nhà Owen từ trước... Giá mình biết họ là người thế nào.”

Cô đứng dậy và đi đi lại lại quanh căn phòng.

Căn phòng ngủ hoàn hảo được trang trí kỹ lưỡng theo kiểu hiện đại. Tấm thảm màu trắng nhờ trải trên sàn gỗ sáng bóng, những bức tường màu nhạt, một tấm gương dài với các bóng đèn bao quanh. Cái kệ gỗ trên lò sưởi chẳng có đồ trang trí nào trừ một khối cẩm thạch đồ sộ có hình hài của một con gấu, một bức tượng tân thời với một chiếc đồng hồ được khắc ở trong. Trên đó, trong khung ảnh bằng crôm sáng loáng, là một tấm vải da to vuông vức - một bài thơ.

Mười tên lính nhỏ đi ăn;

Một tên chết nghẹn

giờ còn chín tên.

Chín tên thức muộn trong đêm;

Một quên không dậy

tám tên ngậm ngùi.

Devon du thuyền chúng chơi;

Một tên nằm lại

bảy thời ra đi.

Bảy tên bỏ củi làm chi;

Bỏ đôi một đũa

sáu tên muộn phiền.

Sáu đem tổ ong ra nghiên;

Một ong đốt chết

còn năm sống sờ.

Đến tòa năm đũa kia chờ;

Một vào Thượng thẩm,

bốn ra biển ngòi
Bốn tên cùng ra biển trời
Trích đở nuốt một
giờ còn lại ba
Vườn thú ba đưa la cà;
Gấu to vồ một,
còn hai vện toàn.
Hai tên đi dưới nắng vàng;
Một khô cong chết
một tên bơ phờ.
Còn tên lính nhỏ thần thờ
Hắn đi treo cổ
mình lên trần nhà
Và rồi chẳng còn một ai.

Vera cười. Tất nhiên rồi! Đây là Đảo Chiến Binh mà!

Cô lại đến bên cửa sổ ngòi ngắm nhìn cảnh biển.

Biển mới rộng lớn làm sao! Từ đây cô không thể thấy được đất liền ở đâu cả - chỉ có mênh mông là nước biển xanh thăm gợn sóng dưới ánh hoàng hôn.

Biển... Hôm nay thật hiền hòa - đôi khi lại thật dữ tợn... Biển có thể lôi tuột người ta xuống đáy của nó. Chìm nghiêm... Khi tìm thấy thì đã chết đuối... chết đuối ngoài khơi... Chết đuối - chết - đuối...

Không, cô sẽ không nhớ tới nữa... cô sẽ không nghĩ tới chuyện đó nữa!

Tất cả mọi chuyện đều đã qua...

Bác sĩ Armstrong tới được Đảo Chiến Binh ngay khi mặt trời vừa bị nuốt chửng xuống lòng biển. Trong lúc đi, ông có chuyện trò với người coi thuyền - một người dân địa phương. Ông sốt sắng muốn được biết đôi chút về chủ nhân của Đảo Chiến Binh, thế nhưng cái ông Narracott nọ lại có vẻ như thiếu thông tin một cách lạ lùng, hoặc có thể ông ta không muốn hé lộ điều gì.

Vì thế bác sĩ Armstrong đành nói chuyện phiếm về thời tiết và tình hình đánh cá.

Ông khá mệt mỏi sau cuộc hành trình dài. Mắt ông đau. Khi lái xe về hướng tây tức là người ta đang hướng thẳng về phía mặt trời chiếu.

Đúng vậy, ông đang rất mệt. Biển và sự yên bình hoàn hảo của nó - chính là thứ ông cần. Ông đang rất muốn có được kỳ nghỉ thật dài. Tất nhiên là ông thừa sức chi trả cho việc đó, nhưng không thể bỏ dở công việc như vậy. Người ta sẽ sớm bị lãng quên trong thời buổi này. Không, khi ông đã đến đây rồi thì chỉ có đường làm việc không ngơi nghỉ mà thôi.

Ông nghĩ: “Đằng nào cũng vậy, tối nay mình sẽ cố tưởng tượng là không phải quay lại - rằng mình đã thoát hẳn London, phố Harley và tất cả mọi thứ ở đó.”

Có một điều gì đó kỳ diệu nơi hòn đảo - chỉ từ đó thôi đã đủ gợi nên bao viễn cảnh. Người ta sẽ quên đi cái thế giới bên ngoài - chỉ riêng hòn đảo thôi đã là cả một thế giới riêng rồi. Có lẽ là một thế giới mà người ta sẽ không bao giờ rời khỏi đó để trở về.

Ông lại nghĩ: “Ta đang rời bỏ cuộc sống tầm thường phía sau.”

Và, cười một mình, ông bắt đầu vạch ra các kế hoạch, những kế hoạch hay ho cho tương lai. Ông vẫn tiếp tục mỉm cười trong

lúc leo lên những bậc đá.

Trong chiếc ghế bành trước hiên nhà là một người đàn ông có tuổi đang ngồi và trông ông ta có vẻ gì đó quen thuộc với bác sĩ Armstrong. Ông đã nhìn thấy cái khuôn mặt ếch, cái cổ rùa, cái thái độ kênh kiệu - đúng vậy, và cả cặp mắt nhỏ sắc sảo đó ở đâu rồi nhỉ? Tất nhiên rồi, lão già Wargrave. Ông đã có lần phải làm chứng trước mặt lão. Nhìn lúc nào cũng như nửa thức nửa mê, nhưng luôn sáng suốt mỗi khi dính dáng tới chuyện luật pháp. Có hẳn trong tay mình bồi thẩm đoàn - người ta đồn rằng lão có thể quyết định thay cho họ bất cứ ngày nào trong tuần. Lão từng có được một vài lời tuyên án không ngờ từ phía họ. Thẩm phán treo cổ, vài người gọi như vậy.

Thật buồn cười khi gặp lão... ở đây - cách xa với thế giới.

Ông thẩm phán Wargrave thầm nghĩ: “Armstrong à? Còn nhớ hồi hẳn ngồi ghế nhân chứng. Luôn chính xác và cảnh giác. Đám bác sĩ ấy đều là lũ ngốc cả. Hội phố Harley là tệ nhất trong số đó.” Đầu óc ông ngập chìm trong cuộc phỏng vấn gần đây giữa ông và một nhân vật khôn khéo từ chính con phố ấy.

Ông to tiếng cầu nhàu: “Đồ uống ở trong sảnh ấy.”

Bác sĩ Armstrong đáp lại: “Tôi phải vào đáp lễ ông bà chủ chứ.”

Ông thẩm phán Wargrave nhắm mắt lại lần nữa, nhìn giống loài bò sát một cách rõ rệt, và nói: “Ông không gặp được đâu.”

Bác sĩ Armstrong hoảng hốt: “Tại sao cơ?”

Ông thẩm phán trả lời: “Không có ông chủ và bà chủ. Mọi chuyện đều rất đáng tò mò. Không hiểu nơi này là kiểu gì nữa.”

Bác sĩ Armstrong nhìn người đối diện chăm chăm trong một

phút. Khi ông nghĩ người đàn ông già đã thực sự ngủ rồi thì Wargrave đột ngột cất tiếng: “Ông có biết ai là Constance Culmington không?”

“Ừm - không, tôi nghĩ là không.”

“Cũng không quan trọng lắm,” thảm phán trầm ngâm. “Đó là một người phụ nữ rất khó hiểu - và nét chữ thì hoàn toàn không thể đọc nổi. Tôi chỉ đang ngờ liệu mình có đến nhầm nhà hay không.”

Bác sĩ Armstrong lắc đầu và tiếp tục đi vào nhà.

Thảm phán Wargrave ngẫm nghĩ lại về chủ đề Constance Culmington. Bà ta không đáng tin cậy như mọi phụ nữ khác.

Tâm trí ông tiếp tục nghĩ về hai người phụ nữ trong ngôi nhà, bà cụ già với đôi môi mím chặt và cô gái. Ông không quan tâm mấy đến cô gái nọ, loại phụ nữ trẻ lạnh lùng tinh ranh. Không, cả thảy là ba người, nếu tính cả bà Rogers nọ. Một người kỳ lạ, trông bà ta sợ gần chết. Một đôi vợ chồng đứng đắn và hiểu rõ công việc của họ.

Rogers vừa ra hiên nhà ngay phút đó, ông thảm phán liền hỏi ông ta: “Ông có hay là quý bà Constance Culmington được mời không?”

Rogers nhìn ông không rời mắt.

“Không, thưa ngài, tôi không hề biết.”

Cặp mày ông thảm phán rướn cao. Nhưng ông chỉ làm bàm, nghĩ ngợi.

“Đảo Chiến Binh, hửm? Đúng là con sâu làm rầu nồi canh.”

Anthony Marston đang ngồi trong bồn tắm. Anh đang tận hưởng

sự xa hoa trong hơi nước nóng. Chân tay anh đau nhức sau chuyến đi dài. Ít khi có ý nghĩ nào lướt qua đầu anh. Anthony là con người của cảm giác phấn khích - và của hành động.

Anh thầm nhủ: “Chắc mình phải trôi theo dòng thôi,” và rồi xua đi tất cả mọi chuyện ra khỏi đầu.

Làn nước ấm nóng - chân tay thì mỏi - chốc nữa cạo râu - rồi cocktail - bữa tối.

Rồi sau đó nữa?

Ông Blore đang thất cà-vạt. Ông vốn không rành mấy chuyện như thế này lắm.



Chương 3

Bữa tối đã gần xong.

Thức ăn khá ngon, rượu thì hoàn hảo. Nhà Rogers đã phục vụ chu đáo.

Mọi người đều lên tinh thần. Họ bắt đầu nói chuyện với nhau một cách cởi mở và thân mật hơn trước.

Ông thẩm phán Wargrave, khi đã mềm lòng bởi loại rượu porto hảo hạng, bắt đầu vui vẻ châm chọc, bác sĩ Armstrong và Tony Marston đang lắng nghe ông nói. Cụ Brent nói chuyện với tướng Macarthur, họ như đã tìm ra được một vài người quen của nhau. Vera Claythorne thì đặt ra những câu hỏi thông minh cho ông Davis về Nam Phi. Ông Davis tỏ ra hoàn toàn trôi chảy về chủ đề này. Lombard dõi theo cuộc trò chuyện. Một đôi lần anh có ngược lên thật nhanh, mắt se lại. Thi thoảng anh lại đưa mắt nhìn quanh bàn ăn, nghiên cứu những người xung quanh.

Anh đang mỉm cười một mình.

Một tuần - hửm?

Anh sẽ tận hưởng tuần sắp tới.

Trong phòng ngủ của mình, Emily Brent diện chiếc váy lụa đen sẵn sàng cho bữa tối, đang đọc quyển Kinh thánh của cụ. Mũi cụ nhấp nháy lần theo từng chữ:

“Những tên ngoại đạo sẽ bị nhấn chìm trong đồng đổ nát mà chúng gây nên: trong lưới mà chúng bủa giăng sẽ chính là bàn chân của chúng. Đức Chúa trời được biết tới bởi những bản án mà ngài thi hành: kẻ gian ác sẽ mắc vào chính thứ mà hắn làm ra. Lũ gian tà sẽ bị tống vào hỏa ngục.”

Môi cụ mím chặt. Cụ gập quyển Kinh thánh lại.

Đoạn ngồi dậy, cụ ghim chiếc trâm bảo ngọc vào cổ áo, rồi xuống nhà ăn tối.

Trông ông có ổn không nhỉ? Chắc là được rồi.

Chẳng ai tỏ vẻ thân mật với ông cả... cái cách họ nhìn nhau cũng thật buồn cười - như thể họ biết vậy...

Chà, cũng tại ông cả thôi.

Ông không có ý làm hỏng việc.

Ông ngược nhìn mấy câu vè được đóng khung trên kệ lò sưởi.

Thật thú vị, khi để cái khung ở đó!

Ông ngẫm nghĩ: ‘Còn nhớ hòn đảo này khi mình là một đứa trẻ. Chẳng bao giờ ngờ rằng mình lại đi làm loại công việc này trong một ngôi nhà ở đây. Có lẽ không thấy trước tương lai cũng là một điều tốt.’

Tướng Macarthur thì trầm ngâm một mình.

Thật khốn thay, tất cả mọi thứ đều xui xẻo một cách kỳ cục! Ông chẳng bao giờ nghĩ là mình lại phải chờ đợi thế này...

Thà rằng ông bịa ra có gì đó rồi chuồn khỏi nơi đây... quãng luôn cả phi vụ này...

Thế nhưng chiếc thuyền máy đã về đến đất liền rồi. Ông đành phải ở lại thôi.

Còn tên Lombard kia nữa, trông bất thường thật. Không bình thường. Ông dám thề rằng tên đó không bình thường.

Ngay khi có chuông kêu, Philip Lombard ra khỏi phòng và bước tới cầu thang. Anh di chuyển như một con báo, uyển chuyển và không gây ra một tiếng động. Có điểm gì đó na ná giữa anh và con báo. Một loài thú săn mồi - nom đẹp mắt.

Anthony Marston đột ngột mở lời: “Mấy thứ này thật kỳ quái, đúng không?”

Ở giữa chiếc bàn tròn, trên một chiếc kệ tròn đựng cốc là mấy món đồ gốm sứ.

“Các chiến binh,” Tony nói. “Đảo Chiến Binh. Tôi chắc đó là ý tưởng cho cái này.”

Vera vươn người tới.

“Chắc vậy rồi. Có bao nhiêu chiếc vậy nhỉ? Mười phải không?”

“Vâng - có mười cái.”

Vera thốt lên: “Thật thú vị! Tôi đoán đây chính là mười tên lính nhỏ trong bài vè trẻ con đó. Trong phòng ngủ của tôi có bài vè được đóng khung và treo trên kệ lò sưởi.”

Lombard góp lời: “Phòng tôi cũng thế.”

“Tôi nữa.”

“Phòng tôi cũng vậy.”

Tất cả mọi người đều lặp lại điệp khúc ấy. Vera nói tiếp: “Thật là một ý tưởng hay ho, phải vậy không?”

Ông thẩm phán Wargrave càu nhàu: “Thật hết sức trẻ con,” rồi tự rót cho mình cốc rượu porto. Emily Brent nhìn Vera Claythorne. Vera Claythorne nhìn cụ Brent. Rồi cả hai người phụ

nữ đứng dậy.

Trong phòng khách, những ô cửa sổ kiểu Pháp đang mở hướng ra hiên nhà, âm thanh của những con sóng đập vào đá ì ầm vọng tới tai họ.

Emily Brent lên tiếng: “Âm thanh thật dễ chịu.”

Vera đáp gọn lỏn: “Tôi ghét nó.”

Cụ Brent nhìn cô với ánh mắt ngạc nhiên. Vera đỏ mặt. Cô nói, vẻ điềm tĩnh hơn: “Chỉ là sẽ không dễ chịu lắm nếu nơi này có bão thôi ạ.”

Emily Brent đồng tình.

“Không nghi ngờ gì là hòn đảo sẽ bị cách biệt vào mùa đông,” cụ nói. “Sẽ không có người phục vụ nào muốn ở đây ấy chứ.”

Vera thì thầm: “Cũng khó tìm được người phục vụ nữa.”

Emily Brent nói: “Bà Oliver thật may mắn khi kiếm được hai người này. Người phụ nữ kia là một đầu bếp giỏi.”

Vera nghĩ: “Thật buồn cười là mấy người già luôn nhầm lẫn mấy cái tên với nhau.”

Cô đáp: “Vâng, bà Owen thật sự là rất may mắn.”

Emily Brent đã lấy một mẫu vải thêu ra khỏi túi của cụ. Vừa lúc ấy, khi đang chuẩn bị đơm kim, cụ khựng lại.

Cụ nói sắc lẻm: “Owen ư? Cô vừa nói là Owen?”

“Vâng.”

Emily Brent trả lời một cách sắc gọn: “Cả đời tôi chưa bao giờ gặp ai tên là Owen cả.”

Vera nhìn chăm chăm.

“Nhưng chắc hẳn là...”

Cô còn chưa kịp hoàn tất câu nói mình nói, cánh cửa đã bật

mở và mấy người đàn ông nhập cuộc. Rogers theo họ với một khay đựng cà-phê.

Ông thẩm phán tiến tới và ngồi xuống bên cạnh Emily Brent.

Armstrong thì tới bên Vera. Tony Marston thông thả đến bên ô cửa sổ đang mở. Blore thì đang ngắm nghía một chiếc tượng nhỏ với vẻ ngạc nhiên vô tư - bản khoán rằng có khi những góc cạnh kỳ lạ trên bức tượng là những nét dung mạo của phụ nữ. Tướng Macarthur thì đứng quay lưng lại phía lò sưởi. Ông vôn vê hàng ria trắng nhỏ của mình. Bữa tối ngon tuyệt cú mèo! Tinh thần ông thêm phấn chấn. Lombard thì lật qua lật lại tờ báo *Punch* vốn nằm bên cạnh những tờ báo khác trên chiếc bàn kê cạnh tường.

Rogers đi lại với chiếc khay cà-phê trên tay. Cà-phê rất ngon - đen đặc và rất nóng.

Cả đoàn khách đã có một bữa ăn ra trò. Họ thỏa mãn với bản thân và với cuộc sống nói chung. Kim đồng hồ điểm chín giờ kém hai mươi phút. Tĩnh lặng - một sự tĩnh lặng thoải mái ngập tràn.

Xuyên thủng sự tĩnh lặng đó là một giọng nói. Không hề báo trước, không giống tiếng người, thẩm thấu...

“Quý ông quý bà! Mong quý vị im lặng cho!”

Tất cả mọi người sửng lại. Họ nhìn quanh - nhìn nhau, nhìn những bức tường. Ai đang nói vậy?

Giọng nói lại tiếp tục - đó là một giọng nói tông cao, rõ ràng:

“Các người bị kết tội theo bản cáo trạng sau:

Edward George Armstrong, về việc người đã làm vào ngày 14 tháng 3 năm 1925, gây ra cái chết của Louisa Mary Clees.

Emily Caroline Brent, vào ngày 5 tháng 11 năm 1931, người chịu trách nhiệm về cái chết của Beatrice Taylor.

William Henry Blore, người đã gây ra cái chết của của James

Stephen Landor vào ngày 10 tháng 10 năm 1928.

Vera Elizabeth Claythorne, vào ngày 11 tháng 8 năm 1935, người đã sát hại Cyril Ogilvie Hamilton.

Philip Lombard, vào một ngày tháng 2 năm 1932, người phạm tội gây ra cái chết của hai mươi một người đàn ông thuộc một bộ tộc ở Đông Phi.

John Gordon Macarthur, vào ngày 4 tháng 1 năm 1917, người đã cố ý đẩy nhân tình của vợ người, Arthur Richmond, vào chỗ chết.

Anthony James Marston, vào ngày 14 tháng 11 năm vừa rồi, người đã gây ra cái chết của John và Lucy Combes.

Thomas Rogers và Ethel Rogers, vào ngày 6 tháng 5 năm 1929, các người đã sát hại Jennifer Brady.

Lawrence John Wargrave, vào ngày 10 tháng 6 năm 1930, người đã gây ra cái chết của Edward Seton.

Các tù nhân trước vành móng ngựa, các người có điều gì để thanh minh hay không?”

Giọng nói dừng lại.

Trong một khoảnh khắc là sự im lặng như hóa đá và rồi có một tiếng đổ vỡ vang dội! Rogers đã làm rơi khay cà-phê!

Ngay lúc ấy, từ đâu đó bên ngoài căn phòng, có một tiếng hét vang lên và rồi một tiếng thịch vẳng lại.

Lombard là người đầu tiên chạy ra. Anh nhảy bổ tới cánh cửa và đẩy ra ngoài. Bên ngoài, nằm giữa mớ lộn xộn là bà Rogers.

Lombard gọi to: “Marston.”

Anthony chạy ra giúp. Hai người ở hai bên đỡ người phụ nữ dậy và dìu bà vào phòng nghỉ.

Bác sĩ Armstrong tới thật nhanh. Ông giúp họ đặt người phụ nữ

lên ghế bành rồi cúi xuống. Ông nói trong gấp gáp: “Không sao đâu. Bà ấy chỉ ngất thôi. Bà ấy sẽ tỉnh lại sau ít phút.”

Lombard nói với ông Rogers: “Ông mau lấy ít rượu brandy.”

Rogers, với khuôn mặt tái nhợt, đôi tay run rẩy, thì thầm: “Vâng, thưa ngài,” rồi mau lẹ ra khỏi phòng.

Vera kêu thất thanh: “Ai đã nói thế? Hẳn ta ở đâu cơ chứ? Nghe như là... nghe như là...”

Tướng Macarthur lấp bắp: “Chuyện gì đang xảy ra vậy? Trò đùa gì quái gở vậy chứ?”

Tay ông lúc này đang run lên. Đôi vai oằn xuống. Trông ông đột nhiên như vừa già thêm mười tuổi.

Blore thì đang lau mặt với chiếc khăn tay của mình.

Chỉ có ngài thẩm phán Wargrave và cụ Brent là có vẻ không động đậy. Emily Brent vẫn ngồi thẳng lưng, ngẩng cao đầu. Hai bên má là đốm da sạm màu. Ông thẩm phán ngồi trong tư thế quen thuộc của mình, cái đầu như lún xuống cổ. Ông đưa tay gãi nhẹ nhẹ ở tai. Chỉ có đôi mắt là sống động, nhìn quanh căn phòng, bối rối, cảnh giác với vẻ thông thái.

Lần này lại là Lombard hành động. Armstrong còn đang bận bịu với người phụ nữ vừa ngất, Lombard thì lại không vướng tay chuyện gì để đưa ra quyết định.

Anh nói: “Giọng nói ấy? Nghe như là phát ra từ trong căn phòng.”

Vera kêu lên: “Nhưng là ai cơ chứ? Ai? Rõ là không phải ai đó ở đây rồi.”

Giống như ông thẩm phán, mắt Lombard chậm rãi lướt quanh căn phòng. Tạm dừng một lúc nơi cánh cửa sổ đang mở, rồi anh lắc đầu quả quyết. Đột nhiên mắt anh sáng lên. Anh nhanh nhẹn

di chuyển tới cánh cửa gần lò sưởi dẫn vào căn phòng kế bên.

Với một động tác mau lẹ, anh với lấy ngọn nến và đẩy cho cửa mở. Anh bước vào và ngay lập tức thốt lên đắc thắng: “À, ra là đây.”

Những người khác liền bám theo. Chỉ có cụ Brent là vẫn giữ tư thế thẳng lưng, ngồi một mình trong chiếc ghế của cụ.

Trong căn phòng thứ hai có một cái bàn gần bức tường kê phòng khách. Trên bàn là một cái đài - loại cổ điển với chiếc kèn to được gắn cùng. Loa kèn hướng vào tường, và Lombard đẩy nó sang một bên để chỉ ra hai ba cái lỗ đã được đục một cách kín đáo trên tường.

Anh chỉnh chiếc loa thả cho cái cần chạm đĩa nhạc và ngay lập tức họ lại nghe được nội dung: “*Các người bị kết tội theo bản cáo trạng sau...*”

Vera thét lên: “Tắt đi! Tắt nó đi! Thật kinh khủng!”

Lombard làm theo.

Bác sĩ Armstrong lên tiếng, kèm theo một cái thở phào nhẹ nhõm: “Một trò đùa đại đáng xấu hổ và vô tâm, chỉ vậy thôi.”

Giọng nói nhỏ, rõ ràng là của ông thẩm phán Wargrave cất lên: “Vậy ông nghĩ đây là một trò đùa ư?”

Vị bác sĩ nhìn lại ông chằm chằm.

“Vậy nó còn có thể là gì nữa?”

Bàn tay ông thẩm phán nhẹ nhàng đặt lên môi trên. Ông nói: “Hiện giờ tôi chưa sẵn sàng đưa ra ý kiến.”

Anthony Marston ngắt lời: “Xem này, có một điều mà mọi người đã quên. Tên quái quỷ nào đã bật cái loa và cho đĩa này vào?”

Wargrave lẩm bẩm: “Đúng thế, tôi nghĩ chúng ta nên tìm hiểu

chuyện đó.”

Nói rồi ông dẫn đầu đoàn người quay trở lại căn phòng khách. Những người khác nối bước theo sau.

Rogers vừa mới quay lại với một ly brandy. Cụ Brent thì cúi xem bà Rogers rên rỉ.

Một cách khéo léo, ông Rogers xen vào giữa hai người phụ nữ.

“Nếu bà cho phép, thưa bà, tôi sẽ nói chuyện với bà ấy. Ethel - Ethel - mọi chuyện ổn rồi. Ổn rồi, mình nghe được không? Cố gắng bình tĩnh nào.”

Nhịp thở của bà Rogers trở nên gấp gáp. Mắt bà mở thao láo đầy sợ hãi, cứ đảo lòng vòng quanh những khuôn mặt. Giọng của ông Rogers tỏ ra khẩn khoản.

“Cố bình tĩnh nào, Ethel.”

Bác sĩ Armstrong dịu dàng nói với bà: “Bà sẽ khỏe lại, bà Rogers. Chỉ là khó chịu một chút thôi.”

Người phụ nữ hỏi lại: “Tôi vừa ngất ư, thưa ngài?”

“Đúng vậy.”

“Là cái giọng đó - cái giọng khủng khiếp đó - *như lời phán quyết vậy...*”

Mặt bà lại chuyển xanh, đôi mắt chớp chớp.

Bác sĩ Armstrong hỏi gọn: “Chai brandy đó đâu rồi?”

Rogers đã đặt nó nơi cái bàn nhỏ. Ai đó đưa cho vị bác sĩ và ông cúi xuống người phụ nữ đang thở gấp.

“Uống cái này đi, bà Rogers.”

Bà ta uống, hơi nghẹn một chút và lại thở dốc. Hơi rượu mạnh làm bà khỏe lại. Mặt bà đã lấy lại sắc. Bà lên tiếng: “Tôi ổn rồi. Chỉ là... tôi vừa thấy khó chịu.”

Ông Rogers nói nhanh: “Tất nhiên rồi. Anh cũng thế. Đến mức làm rơi cả cái khay. Toàn là những lời dối trá độc ác! Tôi muốn biết...”

Ông bị ngắt lời. Bởi một tiếng ho - chỉ là một tiếng ho khan nhưng lại có tác dụng ngăn ông khỏi kêu lên. Ông nhìn thẩm phán Wargrave chăm chăm và ông ta lại ho lần nữa. Rồi vị thẩm phán cất tiếng hỏi: “Ai đã đặt chiếc đĩa đó vào loa. Có phải ông không, ông Rogers?”

Ông Rogers phân bua: “Tôi không hề biết nó là cái gì. Thề trước Chúa, tôi không hề biết nó là cái gì, thưa ông. Nếu biết, tôi đã không cho nó vào rồi.”

Ông thẩm phán nói khô khan: “Điều này có lẽ cũng đúng. Nhưng tôi nghĩ tốt hơn hết ông hãy giải thích, ông Rogers.”

Viên quản gia vuốt mặt với chiếc khăn tay. Ông ta trả lời bằng giọng thành thực: “Tôi chỉ làm theo yêu cầu thôi, thưa ngài, chỉ vậy thôi.”

“Yêu cầu của ai?”

“Ông Owen.”

Ông thẩm phán nói: “Để tôi nhắc lại rõ nhé. Ông Owen đã... chính xác yêu cầu cái gì?”

Ông Rogers đáp: “Tôi phải để đĩa nhạc vào chiếc loa kia. Tôi thấy nó trong ngăn kéo và vợ tôi đã bật nó lên trong lúc tôi vào phòng khách với chiếc khay cà-phê.”

Ông thẩm phán thì thầm: “Một câu chuyện thật đáng ghi nhận.”

Ông Rogers kêu lên: “Sự thật là thế, thưa ngài. Tôi thề trước Đức thánh rằng đây là sự thật. Tôi không biết nó là gì - dù chỉ là một chút. Trên nó có ghi chú hẳn hoi - tôi cứ ngỡ nó chỉ là một

đĩa nhạc cổ điển.”

Wargrave đưa mắt sang Lombard.

“Nó có đề tên gì không?”

Lombard gật đầu. Anh đột nhiên nhếch miệng cười, lộ ra hàm răng nhọn. Anh tiếp tục: “Đúng thế thật, thưa ông. Nó có tiêu đề là Khúc Thiên Nga...”

Tướng Macarthur đột ngột thốt lên. Ông cho biết: “Tất cả những chuyện này thật là vô lý - mâu thuẫn! Những lời buộc tội tà đình thế này! Phải có ai làm gì đi chứ. Cái tên Owen này dù có là ai đi nữa...”

Emily Brent ngắt lời. Giọng cụ thật sắc lẹm: “Đúng thế đó, ông ta là ai?”

Ông thẩm phán xen ngang. Ông nói với chất giọng đầy thẩm quyền mà cả đời làm việc trong tòa đã mang lại. Ông nói: “Đây chính là thứ mà chúng ta cần điều tra kỹ càng. Tôi đề nghị là trước tiên ông nên dẫn vợ mình đi ngủ, Rogers. Sau đó hãy quay trở lại đây.”

“Vâng, thưa ông.”

Bác sĩ Armstrong đề nghị: “Tôi sẽ giúp một tay, Rogers.”

Dựa vào hai người đàn ông, bà Rogers liêu xiêu bước khỏi phòng. Khi họ đã đi khỏi, Tony Marston bèn nói: “Không biết anh thế nào chứ tôi phải nhấp mấy ngụm đã.”

Lombard tiếp lời: “Tôi cũng vậy.”

Tony nói: “Tôi sẽ kiểm đồ nhắm.”

Anh bước ra khỏi phòng.

Một hai giây sau anh quay lại.

“Thấy họ đã phục vụ với cái khay bên ngoài chuẩn bị đem vào rồi.”

Anh ngồi xuống một cách cẩn thận. Một hai phút tiếp theo được dành cho việc phân chia đồ uống. Tướng Macarthur lấy rượu whisky mạnh và ông thẩm phán cũng thế. Tất cả mọi người đều thấy cần đến chất kích thích. Chỉ có cụ Emily Brent là đòi lấy một ly nước.

Bác sĩ Amrstrong quay trở lại phòng.

“Bà ấy ổn rồi,” ông cho biết. “Tôi đã cho bà ấy uống thuốc ngủ. Cái gì vậy, rượu phải không? Tôi cũng muốn một cốc.”

Vài người đàn ông rót thêm rượu vào cốc. Một lúc sau thì ông Rogers quay trở lại căn phòng.

Ông thẩm phán Wargrave lãnh lấy trách nhiệm tiến hành. Căn phòng trở thành một tòa án tạm thời.

Thẩm phán nói: “Bây giờ thì, ông Rogers, chúng ta cần đi đến cùng việc này. Ông Owen này là ai?”

Ông Rogers trợn tròn mắt.

“Ông ấy làm chủ chỗ này, thưa ông.”

“Tôi biết rõ việc đó rồi. Cái tôi muốn ông trả lời là ông biết gì về người đàn ông này?”

Rogers lắc đầu.

“Tôi không thể nói được, thưa ông. Ông thấy đấy, tôi chưa gặp ông ấy bao giờ.”

Một sự xáo động nhẹ lan đi khắp phòng.

Tướng Macarthur xen vào: “Ông chưa bao giờ gặp ông ta sao? Ý ông là gì?”

“Chúng tôi mới dọn tới đây chưa đến một tuần, thưa ông, vợ tôi

và tôi. Chúng tôi được thuê trước bằng thư, qua một công ty môi giới. Công ty môi giới Regina ở Plymouth.”

Blore gật gù.

“Một công ty được thành lập từ lâu.” Ông cho hay.

Wargrave thắc mắc: “Ông có lá thư ấy ở đây không?”

“Lá thư giới thiệu chúng tôi ư? Không, thưa ông. Tôi không mang nó theo.”

“Vậy tiếp tục câu chuyện của ông đi. Ông được thuê, như ông đã nói, nhờ một bức thư.”

“Vâng, thưa ông. Chúng tôi phải đến vào một ngày đã định sẵn. Và chúng tôi đã làm như vậy. Tất cả mọi thứ ở đây đều rất ngăn nắp. Có rất nhiều thức ăn trong kho và mọi thứ đều rất đẹp. Chỉ cần phủi mỗi bụi mà thôi.”

“Còn gì nữa?”

“Không có gì nữa, thưa ông. Chúng tôi nhận được yêu cầu - lại bằng thư - là cần chuẩn bị các phòng cho một bữa tiệc tại gia, và rồi khoảng chiều hôm qua tôi nhận thêm được một lá thư của ông Owen. Lá thư có viết là ông bà Owen bị kẹt, rằng chúng tôi phải làm hết sức, và có cả chỉ dẫn về bữa tối, cà-phê và bật loa nghe nhạc.”

Thẩm phán nói một cách sắc lẹm: “Ông chắc là mình còn giữ lá thư đó không?”

“Vâng, thưa ông. Tôi có đem theo nó đây.”

Ông ta lấy từ trong túi áo ra bức thư. Vị thẩm phán cầm lấy.

“Hừm,” ông thốt lên. “Gửi tới khách sạn Ritz và được đánh máy.” Với một động tác mau lẹ, Blore đã lách người tới bên cạnh thẩm phán.

Ông ta nói: “Ông có thể cho tôi xem một lát chứ?”

Đoạn Blore rút lá thư khỏi tay vị thẩm phán, rồi đảo mắt khắp lượt. Ông ta thì thầm.

“Dùng máy hiệu Vương Miện. Hoàn toàn mới - không có lỗi. Giấy bìa - loại được dùng nhiều nhất từ trước đến giờ. Không thể rút ra được điều gì từ cái này cả. Có thể là vân tay, nhưng tôi nghi là khó.”

Ông Wargrave chú mục vào người vừa nói ra những điều ấy với một vẻ chú ý đến bất ngờ.

Anthony Marston đang đứng cạnh Blore và nhìn qua vai ông ta. Anh góp lời: “Ông ta có mấy cái tên Thiên Chúa mỹ miều phết, phải không? Ulick Norman Owen. Thật hết biết.”

Ông thẩm phán già nói mà hơi giật mình: “Tôi phải biết ơn cậu mới phải, cậu Marston. Cậu đã hướng sự chú ý của tôi đến một điểm rất đáng tò mò và gợi liên tưởng.”

Rồi nhìn hết thấy mọi người xung quanh và rướn cổ lên như một con rùa đang tức giận, ông nói: “Tôi nghĩ đã đến lúc mọi người cùng chia sẻ thông tin rồi. Tôi nghĩ, sẽ tốt hơn nếu mọi người đứng ra và nói những gì mình biết liên quan đến chủ nhân ngôi nhà này.” Ông dừng một lúc rồi tiếp tục, “Chúng ta đều là khách của ông ấy. Tôi nghĩ sẽ có ích nếu mỗi người tự giải thích rằng chúng ta quen ông ta như thế nào.”

Một giây phút tạm lắng và rồi cụ Emily Brent nói với vẻ quả quyết.

“Có điều gì đó rất mờ ám về chuyện này,” cụ nhìn nhận. “Tôi đã nhận được một lá thư với chữ ký không mấy rõ ràng để nhận ra. Bức thư có ghi là của một người phụ nữ mà tôi từng gặp vào một mùa hè hai hay ba năm về trước. Tôi nghĩ là cái tên đó hoặc là Ogden hoặc là Oliver. Tôi có biết một bà tên Oliver và một cô tên

Ogden. Tôi hoàn toàn chắc chắn là chưa từng gặp, hay quen biết bất cứ ai là bà Owen cả.”

Ông thẩm phán Wargrave hỏi tới: “Bà có mang bức thư cùng không, bà Brent?”

“Vâng, tôi sẽ lấy cho ông xem.”

Cụ bước ra rồi một phút sau quay lại với lá thư.

Thẩm phán đọc bức thư. Ông nói: “Tôi bắt đầu hiểu ra rồi... còn cô Claythorne?”

Vera giải thích hoàn cảnh dẫn cô tới công việc thư ký thuê này.

Ông thẩm phán tiếp tục: “Marston?”

Anthony trả lời: “Tôi nhận được một cú điện. Từ một người bạn. Badger Berkeley. Tôi khá bất ngờ lúc ấy vì cứ tưởng lão già đó đã đi Na Uy rồi. Lão bảo tôi tới đây.”

Lại một lần nữa Wargrave gật đầu. Ông nhắc: “Bác sĩ Amrstrong?”

“Tôi được gọi tới đây vì công việc.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy là ông không hề quen biết trước với gia đình này?”

“Không. Có một người đồng nghiệp của tôi được nhắc đến trong lá thư.”

Ông thẩm phán đoán định: “Để tăng độ tin cậy... Vâng, vậy còn người đồng nghiệp kia, tôi đoán là, không liên lạc được với ông vào thời điểm đó?”

“Ừm - ơ - đúng thế.”

Lombard, người từ nãy giờ vẫn nhìn Blore chăm chặp, đột ngột nói: “Xem này, tôi vừa nghĩ ra điều này...”

Ông thẩm phán giơ tay lên.

“Đợi một phút thôi...”

“Nhưng tôi...”

“Chúng ta sẽ nghe từng người nói một, anh Lombard. Chúng ta đang tập trung tìm hiểu nguyên nhân của việc tất cả được dẫn tới đây đêm nay. Tướng Macarthur?”

Vừa vân vê râu, ông tướng lẩm bẩm: “Tôi nhận được lá thư - từ ông Owen này - có nhắc tới vài người bạn già của tôi mà đáng lẽ phải tới đây rồi - để tôi khỏi bận tâm về lời mời thiếu trịnh trọng. Tôi không nghĩ là mình có đem lá thư theo.”

Wargrave tiếp tục: “Anh Lombard?”

Lombard lúc này khá tỉnh táo. Liệu anh có nên khai thành thực hay không đây? Anh đã đi đến quyết định.

“Cũng như thế thôi,” anh cho biết. “Có lời mời, nhắc đến vài người bạn - tôi đã tin như vậy. Và tôi xé lá thư rồi.”

Ông thẩm phán Wargrave hướng sự chú ý của mình vào ông Blore. Ngón trỏ của ông gõ nhẹ lên môi trên và giọng ông thì lịch sự một cách nguy hiểm.

Ông nói: “Ngay lúc này đây chúng ta đang có một chút trải nghiệm thật đáng lo lắng. Một giọng nói vô hình nào đó nêu đích danh từng người, đọc ra một số cáo trạng tởm mĩ buộc tội chúng ta. Chúng ta sẽ giải quyết việc đó ngay lúc này. Hiện giờ tôi đang quan tâm về một điểm nhỏ. Trong số những cái tên được nhắc tới có William Henry Blore. Theo mọi người thấy thì không có ai tên Blore ở đây. Cái tên Davis không hề được nhắc tới. Ông có gì để nói về việc này không, ông Davis?”

Blore giận dữ đáp: “Chỉ là nói hớ thôi mà. Tôi nghĩ tốt hơn tôi nên thú nhận tên tôi không phải là Davis.”

“Ông là William Henry Blore?”

“Đúng vậy.”

“Tôi muốn bổ sung điều này nữa,” Lombard xen vào, “không những là ông tới đây với một cái tên giả, ông Blore, mà tối nay tôi còn phát hiện ra ông đúng thực là một tay nói dối hạng nhất. Ông kể rằng ông đến từ Natal, Nam Phi. Tôi biết Nam Phi và vùng Natal và tôi sẵn sàng thề rằng ông chưa từng một lần đặt chân tới Nam Phi trong đời.”

Mọi cặp mắt đều hướng về phía Blore. Những đôi mắt giận dữ nghi ngờ. Anthony Marston tiến một bước về phía ông ta. Năm đấm của anh cuộn chặt lại.

“Bây giờ thì sao, tên khốn?” Anh gằn giọng. “Có lời giải thích nào không?”

Blore quay đầu lại và bắt đầu bạnh hàm ra nói.

“Các quý ông nghĩ sai về tôi rồi,” ông ta tỏ bày. “Tôi có giấy ủy nhiệm và các ông có thể xem ngay đây. Tôi là một cựu đặc vụ điều tra tội phạm CID. Tôi có điều hành một văn phòng thám tử ở Plymouth. Tôi được giao nhiệm vụ này.”

Ông thẩm phán Wargrave hỏi: “Ai giao cho ông?”

“Ông Owen này này. Có gửi kèm theo cả một đồng tiền cho mọi chi phí và hướng dẫn tôi phải làm gì theo ý ông ta. Tôi phải tham dự tiệc tại gia này, giả vờ làm khách. Tôi được đưa cho tên của các vị. Tôi phải xem chừng tất cả mọi người.”

“Có lý do gì không?”

Blore đáp một cách chua chát: “Vì mớ nữ trang của bà Owen. Bà Owen khỉ gì chứ! Tôi không tin là có một người như thế nữa.”

Ngón trỏ của vị thẩm phán lại nhip lên môi, lần này với một vẻ cảm kích.

“Kết luận đó của ông, tôi nghĩ là hợp lý,” Ông nói. “Ulick

Norman Owen! Trong lá thư gửi bà Brent, dù chữ ký phần họ rất nguệch ngoạc cái tên Thiên Chúa kia thì lại khá rõ ràng - Una Nancy - trong cả hai trường hợp nếu ta để ý, sẽ thấy cách viết tắt giống hệt. Ulick Norman Owen - Una Nancy Owen - hợp lại, sẽ thành U.N. Owen. Hay nếu nói hơi chệch đi sẽ thành UNKNOWN (VÔ DANH)!

Vera thảng thốt: “Nhưng như thế thì thật quái gở... điên rồ!”

Thẩm phán gật gù, tán thành: “Ồ, vâng. Tôi không nghi ngờ là chúng ta đã được mời tới đây bởi một người điên - có khả năng là một tên giết người hàng loạt mất trí nguy hiểm.”



Chương 4

Một phút lặng thinh. Một sự im lặng do hoảng hốt và ngỡ ngàng. Rồi giọng nói nhỏ, rõ của viên thẩm phán lại bắt đầu chủ đề lần nữa.

“Bây giờ chúng ta sẽ tiếp đến bước thứ hai trong việc điều tra. Dù vậy thì trước tiên, tôi nên bổ sung thông tin của mình vào danh sách.”

Ông rút ra trong túi một lá thư và lia nó lên mặt bàn.

“Lá thư tự nhận là từ một người bạn cũ của tôi, quý bà Constance Culmington. Tôi đã không gặp bà ấy mấy năm nay. Bà ấy đã dời đến phía Đông. Đây đúng là loại thư khó hiểu và tối nghĩa mà bà ấy có thể viết, giục tôi đến gặp bà ấy tại đây và có nhắc đến ông bà chủ của bà ấy một cách mơ hồ. Cũng với phương pháp ấy, như mọi người đã thấy. Tôi chỉ nhắc lại vì nó khớp với những chứng cứ khác - từ đó mới hé lộ một điểm hay ho. Tên đã tụ họp chúng ta lại đây dù là ai đi nữa, thì cũng phải biết mọi người hoặc đã dành khá nhiều công sức tìm hiểu kỹ càng. Tên đó, dù có là ai, thì cũng phải biết quan hệ bạn bè giữa tôi với quý bà Constance - và quen cái phong cách viết thư của bà ấy. Hẳn biết điều gì đó về đồng nghiệp của bác sĩ Armstrong và tung tích của người đó. Hẳn biết tên thân mật của bạn cậu Marston và kiểu điện mà người đó sẽ gửi. Hẳn biết chính xác nơi bà Brent ở hai năm trước vào kỳ nghỉ lễ và loại người bà ấy gặp gỡ tại đó. Hẳn biết hết về mấy ông bạn già của tướng Macarthur.”

Ông ngưng lời một thoáng rồi nói tiếp: “Hắn biết, như mọi người thấy đấy, rất nhiều thứ. Và ngoài những thứ hắn biết liên quan đến chúng ta ra, thì hắn còn buộc tội đích danh nữa.”

Ngay lập tức những tiếng đồng thanh rộ lên.

Tướng Macarthur la lên: “Toàn là lời dối trá cả! Vu khống!”

Vera cũng thốt lên: “Thật là bất công!” Nhịp thở của cô gấp dần. “Độc ác!”

Ông Rogers cất giọng khàn khàn: “Nói dối - một lời nói dối ác độc... chúng tôi chưa bao giờ - không ai trong chúng tôi...”

Anthony Marston gầm gừ: “Không hiểu thằng khốn đàn độn đó muốn cái gì nữa!”

Tay thẩm phán Wargrave giơ lên làm lắng đi tiếng ồn ã. Ông nói, cân nhắc từ ngữ với sự cẩn trọng: “Tôi muốn nói thế này. Người bạn ẩn danh của chúng ta có buộc tội tôi giết một người tên Edward Seton. Tôi có nhớ cái tên Seton đó rất rõ. Hắn trình tòa trong một vụ xử án tháng Sáu năm 1930 vì bị buộc tội giết một người phụ nữ cao tuổi. Hắn được bào chữa và gây được ấn tượng tốt trước bồi thẩm đoàn từ bực nhân chứng. Dù vậy, dựa theo bằng chứng, hắn hoàn toàn có tội. Tôi đã đưa ra kết luận từ đó, và bồi thẩm đoàn đã đưa ra lời phán quyết là Có Tội. Trong lúc thông qua án tử hình, tôi đã đồng ý với phán quyết đó. Một bản kháng án được tung ra lấy lý do là vì điều tra lạc hướng. Bản kháng án đã bị bác bỏ và hắn đã bị xét xử theo đúng luật. Tôi muốn nói với các vị rằng lương tâm tôi hoàn toàn không day dứt về vấn đề đó. Tôi đã làm nhiệm vụ của mình không hơn một li. Tôi đã cho xét xử đúng tội kẻ giết người.”

Armstrong dần nhớ ra. Vụ Seton! Bản phán quyết đã gây bất ngờ lớn. Ông đã gặp Matthews, cố vấn cho nhà vua vào một trong

những ngày đang diễn ra vụ xét xử khi họ đang ăn tối ở nhà hàng. Matthew tỏ ra tự tin. “Không còn nghi ngờ gì về vụ án đó hết. Tất nhiên là trắng án rồi.” Và sau đó ông nghe được những lời bình luận kiểu như: “Thẩm phán ra quyết định tử hình khiến bồi thẩm đoàn quay ngoắt lại kết luận hắn có tội. Dù vậy, mọi thứ hoàn toàn hợp pháp. Wargrave già biết rõ các điều luật. Coi bộ lão có mối hiềm khích gì đó với tên kia.” Tất cả những ký ức đó trở lại với tâm trí ông bác sĩ. Và trước khi ông kịp suy ngẫm về tính khôn ngoan của câu hỏi thì ông đã buột miệng: “Vậy ông có quen biết gì Seton không? Tôi muốn nói là trước vụ án ấy.”

Đôi mắt ti hí như của loài bò sát gập mắt ông. Với giọng nói rõ ràng và lạnh lùng, ông thẩm phán trả lời: “Tôi không quen biết gì Seton trước vụ án hết.”

Armstrong tự nhủ: “Lão ấy đang nói dối - mình dám chắc là lão nói dối.”

Vera Claythorne nói với giọng run rẩy: “Tôi muốn kể với mọi người. Về đứa trẻ đó - Cyril Hamilton. Tôi vốn là cô giáo nuôi dạy thành bé. Nó bị cấm không được bơi xa bờ. Ngày hôm đó, nhân lúc tôi đang bị xao lãng, thành bé đã đi bơi. Tôi phải cố theo sau nó... Tôi không thể bơi kịp đến chỗ thành bé... Thật kinh khủng... Nhưng đó không phải lỗi của tôi. Tại buổi điều tra, viên cảnh sát đã miễn tội cho tôi. Và mẹ của đứa bé - bà ấy đã thật tử tế. Nếu đến bà ấy còn chẳng trách tội tôi, thì sao - tại sao cái giọng kia lại nói vậy? Như thế là không công bằng - không công bằng...”

Cô òa khóc, một cách đầy cay đắng.

Tướng Macarthur vỗ nhẹ lên vai cô.

Ông an ủi: “Được rồi, cô gái. Tất nhiên là điều đó không đúng rồi. Tên đó là một kẻ mất trí. Một tên tâm thần! Bị ám ảnh! Lại

hiểu sai mọi thứ nữa.”

Rồi ông đứng thẳng, ưỡn ngực. Ông hô to: “Tốt nhất là để mặc đó không cần tìm hiểu thêm nữa. Tuy nhiên, tôi thấy mình cần nói là - không có sự thật nào - không có một chút sự thật nào trong bất cứ điều gì tên kia nói về - ờm - về cậu Arthur Richmond kia hết. Richmond là một trong số sĩ quan của tôi. Tôi đã cử cậu ấy làm nhiệm vụ trinh sát. Cậu ấy bị giết. Đó là một phần của chiến tranh. Ước gì tôi có thể nói cho ra nhẽ - thật đáng thương thay bà vợ tôi. Người phụ nữ tuyệt vời nhất trên đời. Chắc chắn là thế - cũng như không ai lại đi nghi ngờ vợ Cæsar ấy!”

Tướng Macarthur ngồi xuống. Bàn tay run rẩy của ông lại vãn vê hàng ria. Nỗ lực để nói ra được hết khiến ông phải trả một cái giá khá lớn.

Lombard lên tiếng. Mắt anh tỏ vẻ khô hài. Anh nói: “Về những người thổ dân đó...”

Marston hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra với họ?”

Philip Lombard nhếch mép.

“Câu chuyện hoàn toàn đúng như vậy! Tôi đã bỏ mặc họ! Đơn thuần là đấu tranh sinh tồn thôi. Chúng tôi bị lạc trong rừng. Tôi và một vài người khác đã lấy số thức ăn và biến khỏi chỗ đó.”

Tướng Macarthur nói vẻ nghiêm nghị: “Anh đã bỏ mặc người của anh - bỏ mặc họ cho chết đói ư?”

Lombard đáp: “Không phải là một hành động anh hùng cho lắm, tôi biết. Nhưng đấu tranh sinh tồn là nghĩa vụ hàng đầu của con người. Với lại người bản xứ cũng chẳng ngán ngại cái chết lắm, ông biết đấy. Họ không nghĩ về nó như người Châu Âu đâu.”

Vera ngược mặt khỏi hai bàn tay. Cô nói, nhìn anh bằng đôi mắt mở to: “Anh đã bỏ mặc họ... đến chết ư?”

Lombard đáp: “Tôi đã bỏ mặc họ đến chết.”

Vẻ khô hài trong đôi mắt anh bắt gặp sự sợ hãi trong mắt cô. Anthony Marston nói với giọng chậm rãi bối rối: “Tôi vừa mới nghĩ ra - John và Lucy Combes ấy. Chắc là hai đứa bé mà tôi đã cán phải gần Cambridge. Thật xui hết mức.”

Thẩm phán Wargrave nói chua chát: “Xui cho chúng, hay cho cậu?”

Anthony đáp: “Thì, tôi mới nghĩ - là với tôi - nhưng chắc hẳn là, ông nói đúng, thưa ông, thật là tệ cho chúng. Tất nhiên đó hoàn toàn là tai nạn. Chúng chạy ra khỏi một cái nhà nhỏ hay gì đó. Tôi đã bị tước giấy phép lái xe trong một năm. Phiền toái hết chịu nổi.”

Bác sĩ Armstrong nói giọng quyết liệt: “Đi nhanh là trái luật - trái luật! Những người trẻ như cậu là mối họa cho cả xã hội này.”

Anthony nhún vai. Anh nói: “Đi nhanh chẳng có gì là sai hết. Đường phố nước Anh mới là vô vọng, hẳn là thế rồi. Chẳng ai đi được với tốc độ tử tế trên mấy cái đường đó.”

Anh mơ hồ nhìn quanh tìm chiếc cốc của mình, đứng bên bàn rồi cầm nó lên và tự rót cho mình thêm một cốc whisky pha sô-đa. Anh nói với qua vai: “Kiểu gì thì đó cũng không phải lỗi của tôi. Chỉ là một tai nạn thôi!”

Người quản gia Rogers, từ nãy giờ vẫn liếm môi và vắn vẹo đôi bàn tay tay của mình. Ông nói với giọng trầm và cung kính: “Không biết tôi có được phép nói đôi lời không, thưa ông.”

Lombard nói: “Cứ nói đi, Rogers.”

Ông Rogers hắng giọng và lại đưa lưỡi liếm môi một lần nữa.

“Giọng nói có nhắc tới tôi, và bà Rogers, thưa ông. Và cả bà Brady nữa. Không có gì thật trong đó hết, thưa ông. Vợ chồng tôi

đều đã ở bên bà Brady cho đến phút cuối cùng. Bà ấy vốn luôn trong tình trạng yếu như vậy, thưa ông, đêm hôm đó - đêm đó bà ấy đã quá yếu. Điện thoại thì bị hỏng. Chúng tôi không thể gọi bác sĩ cho bà ấy. Tôi đã đích thân đi mời bác sĩ tới, thưa ông, đi bộ. Nhưng ông ấy đã đến quá muộn. Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể cho bà ấy, thưa ông. Chúng tôi đã tận tụy giúp bà ấy. Bất cứ ai cũng sẽ nói với ông như vậy. Chưa ai từng nói điều gì ngược lại cả. Chưa bao giờ.”

Lombard nhìn kỹ khuôn mặt giàn giụa của người đàn ông, đôi môi khô, sự sợ hãi trong đôi mắt ông ta. Anh nhớ đến tiếng chiếc khay cà-phê rơi xuống đất. Anh nghĩ mà không bật ra thành tiếng: “Ồ vậy sao?”

Blore nói - với cái vẻ nhiệt huyết lẫn lướt của một sĩ quan.

Ông nói: “Nhưng ông được hưởng chút gì đó từ cái chết của bà ta chứ? Phải không?”

Rogers vươn thẳng người, ông nói với giọng chắc nịch: “Bà Brady có để lại tài sản để ghi nhận sự phục vụ tận tình của chúng tôi. Và có gì mà không được chứ, tôi đang muốn biết đây?”

Lombard nói: “Thế còn ông, ông Blore?”

“Tôi thì sao?”

“Tên ông có trong danh sách đó mà.”

Sắc mặt Blore chuyển sang tím.

“Landor, ý anh là thế chứ gì? Đó là vụ cướp ngân hàng - thương mại London.”

Ông thẩm phán Wargrave như bần chồn. Ông nói: “Tôi còn nhớ. Tuy nó không xảy ra khi tôi còn nhậm chức, nhưng tôi nhớ vụ đó. Landor đã bị kết tội dựa trên bằng chứng ông đưa ra. Ông chính là người cảnh sát phụ trách vụ đó ư?”

Blore đáp: “Đúng thế.”

“Landor đã lĩnh án hình sự chung thân và chết trong Dartmoor chỉ một năm sau đó. Cậu ta khá yếu ớt.”

Blore nói: “Hắn là một tên gian manh. Chính hắn đã hạ gục người gác đêm. Vụ đó rõ ràng là chống lại hắn.”

Wargrave nói chậm rãi: “Tôi chắc ông được khen thưởng chứ, vì cách xử lý khôn khéo trong vụ đó.”

Blore nói cấm cản: “Tôi được thăng chức.”

Rồi ông ta nói tiếp với giọng nặng trịch: “Tôi chỉ làm nhiệm vụ của mình thôi.”

Lombard cười lớn - một tràng cười hả hê ngẫu hứng. Anh nói: “Toàn người yêu trách nhiệm và tuân thủ luật lệ làm sao! Trừ tôi ra. Thế còn ông, bác sĩ - và tai nạn nghề nghiệp nho nhỏ của ông? Phẫu thuật trái phép, phải không?”

Cụ Emily Brent nhìn ông ta với ánh mắt lộ rõ vẻ khinh bỉ và cố ngồi cách ông ta một khoảng.

Bác sĩ Armstrong, với vẻ hoàn toàn tự chủ, lắc đầu với vẻ hài hước.

“Tôi không hiểu rõ câu chuyện này cho lắm,” ông phân trần. “Cái tên đó không gây ấn tượng gì với tôi khi được nhắc đến cả. Tên gì nhỉ - Clees? Hay Close? Tôi thật sự không nhớ là từng có bệnh nhân tên như thế, hay liên quan gì đến cái chết nào cả. Toàn bộ chuyện là bí ẩn với tôi. Tất nhiên, cũng đã lâu quá rồi. Cũng có thể là một trong những ca phẫu thuật tại bệnh viện. Họ đến quá muộn, lại quá nhiều người. Rồi đến lúc bệnh nhân nào chết, thì họ lại luôn nhắc đến lỗi của bác sĩ.”

Ông thở dài, lắc đầu.

Ông nghĩ: Say rượu - chính là thế - say rượu... Và mình còn

phẫu thuật chứ! Thần kinh thì loạn cả lên - tay thì run. Đúng là mình đã giết bà ấy. Khổ thân - bà già - nếu tỉnh táo thì việc đó đã quá đơn giản. May là còn có lòng trung thành của người trong nghề. Bà sơ biết thừa, đương nhiên - nhưng đã ngậm chặt miệng giùm. Chúa ơi, mình đã sốc! Tự kéo bản thân trở lại. Nhưng ai lại biết được chuyện đầy cơ chứ - sau từng ấy năm?

Một sự im lặng tràn ngập căn phòng. Tất cả mọi người đều nhìn Emily Brent, một cách giấu diếm hoặc công khai. Phải đến một, hai phút sau cụ mới nhận ra sự chờ đợi này. Cặp mày cụ rướn cao trên vầng trán hẹp. Cụ nói: “Mọi người đang chờ đợi ta phải nói điều gì? Ta không có gì để nói hết.”

Thẩm phán hỏi lại: “Không một chút gì sao, bà Brent?”

“Không gì hết.”

Môi cụ mím chặt lại.

Thẩm phán vuốt mặt mình. Ông nói với giọng êm ái: “Bà muốn giữ lại lời biện minh của mình sao?”

Cụ Brent nói lạnh lùng: “Không có gì mà phải biện hộ hết. Tôi luôn hành động đúng với những gì lương tâm mách bảo. Tôi chẳng có gì phải hổ thẹn cả.”

Một cảm giác không thỏa mãn bao trùm bầu không khí. Nhưng Emily Brent không phải loại người bị ảnh hưởng bởi suy nghĩ của đám đông. Cụ ngồi không chút lay chuyển. Thẩm phán tăng hắng một hai lần. Rồi ông nói: “Cuộc điều tra của chúng ta dừng ở đây thôi. Bây giờ thì Rogers, còn ai ngoài chúng tôi và vợ chồng ông ở trên đảo này?”

“Không ai cả, thưa ông. Chẳng có ai hết.”

“Ông có chắc chắn là vậy không?”

“Hoàn toàn chắc, thưa ông.”

Wargrave nói: “Tôi cũng chưa rõ mục đích của việc ông chủ Vô Danh của chúng ta tụ họp tất cả ở đây. Nhưng theo tôi thì người này, dù là ai đi nữa, cũng không bình thường theo cái nghĩa mọi khi được chấp nhận.

Hắn ta có thể nguy hiểm. Theo ý tôi thì mọi người nên rời khỏi chỗ này càng sớm càng tốt. Tôi đề nghị chúng ta nên rời đi ngay tối nay.”

Ông Rogers cho biết: “Xin lỗi, thưa ngài, nhưng không có con thuyền nào trên đảo cả.”

“Không có đến một cái ư?”

“Vâng, thưa ông.”

“Vậy ông liên lạc với đất liền như thế nào?”

“Fred Narracott, anh ta tới đây vào mỗi sáng, thưa ông. Anh ấy mang bánh mì với sữa cùng thư từ, rồi làm theo mệnh lệnh.”

Ông thẩm phán Wargrave nói: “Vậy thì tôi nghĩ là sẽ tốt hơn nếu chúng ta rời vào sáng mai ngay khi thuyền của Narracott cập bờ.”

Một loạt điệp khúc đồng tình vang lên và trong đó có duy nhất một giọng bất mãn. Người phản đối đám đông ấy là Anthony Marston.

“Thế có đúng tinh thần thượng võ không?” Anh lên tiếng. “Phải tìm cho ra nhẽ trò bí ẩn này trước khi về chứ. Tất cả mọi thứ như là một câu chuyện trinh thám vậy. Rất gay cấn mà.”

Thẩm phán nói giọng chua chát: “Cả đời, tôi chưa bao giờ ham hố gì cái ‘gay cấn’ như cách mà cậu gọi đâu.”

Anthony nhếch miệng nói: “Cả đời chỉ biết có luật pháp thì nông lắm! Tôi khoái mạo hiểm! Đây chính là cơ hội.”

Đoạn anh lấy ly rượu và nốc hết sạch chỉ với một hớp. Quá vội,

chắc thế. Anh ta bị nghẹn - nghẹn nặng. Mặt anh méo mó, chuyển thành màu tím tái. Anh cố hớp lấy không khí - rồi trượt khỏi ghế của mình, ly rượu rơi khỏi bàn tay.



Chương 5

Mọi thứ quá đột ngột và khó lường đến nỗi mọi người đều sửng sờ. Họ vẫn dán mắt vào cái hình thù co quắp trên sàn một cách ngu ngốc.

Rồi bác sĩ Armstrong băng tới, quỳ bên cạnh chỗ Anthony. Ông ngược mắt lên với vẻ kinh hoàng.

Ông trầm hẳn giọng thì thầm vì kinh hãi: “Trời ơi! Anh ta chết rồi.”

Họ không hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Không thể hiểu nổi ngay lúc đó.

Chết? Chết ư? Vị thần trẻ Bắc Âu đang còn trong thời kỳ sung sức cường tráng bị hạ gục chỉ trong giây lát. Thanh niên khỏe mạnh không thể chết như vậy được, bị nghẹn vì rượu whisky pha sô-đa...

Không, họ không thể hiểu nổi.

Bác sĩ Armstrong đang soi xét kỹ khuôn mặt người đàn ông đã chết. Ông đưa mũi lại gần cặp môi tái nhợt co rúm. Rồi ông nhấc chiếc ly mà Anthony vừa dùng.

Tướng Macarthur không khỏi lấy làm thắc mắc: “Chết thật ư? Ý ông là cậu ấy bị nghẹn mà - chết được ư?”

Vị thầy thuốc nói: “Ông có thể gọi là nghẹn, nếu muốn. Chắc cậu ấy đã chết vì ngạt thở.”

Lần này thì ông đang ngửi chiếc ly. Ông chấm đầu ngón tay

vào phần cặn rồi đưa lên đầu lưới ném đầy cảnh giác.

Thái độ ông thay đổi.

Tướng Macarthur nói: “Chẳng thể tin được là một người có thể chết như vậy - chỉ vì bị nghẹn.”

Emily Brent nói với giọng rõ ràng: “Ngay trong cuộc sống thì ta đã nằm trong cái chết rồi.”

Bác sĩ Armstrong đứng dậy. Ông nói cộc lốc: “Không, cậu ấy không hề chết vì nghẹn. Cái chết của Marston không thể gọi là cái chết bình thường được.”

Vera nói khẽ như thì thầm: “Vậy là - có gì đó - trong rượu whisky ư?”

Armstrong gật đầu.

“Đúng thế. Không thể kết luận chính xác được. Có vẻ là do một loại xyanua. Không có mùi dễ nhận biết của axit prussic, cũng có thể là kali xyanua. Nó có phản ứng khá tức thì.”

Thẩm phán nói sắc lém: “Ở trong ly rượu của cậu ấy sao?”

“Đúng.”

Bác sĩ sai bước đến bên chiếc bàn nơi có đồ uống, ông bật nút chai whisky rồi gửi và ném nó. Đoạn ông thử nước sô-đa. Ông lắc đầu.

“Tất cả đều không có gì lạ.”

Lombard cũng lên tiếng: “Ý ông là - cậu ấy đích thân bỏ chất đó vào chiếc ly ư?”

Armstrong gật đầu với thái độ thất vọng kỳ lạ. Ông nói: “Có vẻ như vậy.”

Blore hỏi: “Tự tử à? Nhưng thế thì thật lạ.”

Vera tỏ ra từ tốn: “Chẳng ai tin được là *anh ấy* lại tự kết liễu

bản thân mình như thế. Anh ấy quá sôi nổi. Anh ấy - ồm - yêu bản thân mình! Cái lúc mà anh ấy đi xuống đồi trong chiếc xe chiều tối nay trông thật - thật là - ôi tôi không giải thích được!”

Nhưng bọn họ đều hiểu rõ ý cô. Anthony Marston, đang trên đỉnh cao của tuổi thanh xuân cường tráng, trông như một người bất tử vậy. Còn bây giờ, co quắp và méo mó, anh đang nằm trên sàn nhà.

Bác sĩ Armstrong đặt nghi vấn: “Còn có khả năng nào ngoài tự tử không?”

Dần dần mọi người đều lắc đầu. Chẳng còn cách giải thích nào hơn. Bản thân đồ uống thì không bị pha thuốc độc. Họ đều tận mắt thấy Anthony Marston tới bàn và tự rót cho mình ly rượu. Từ đó chỉ ra mỗi một điều là bất cứ chất xyanua nào trong đồ uống cũng phải do chính Anthony Marston bỏ vào. Thế nhưng - vì sao Anthony Marston lại tự tử?

Blore nói với vẻ suy ngẫm: “Ông biết không, bác sĩ. Tôi thấy mọi việc đều có gì đó không ổn. Tôi không nghĩ cậu Marston lại là loại người tự kết liễu bản thân như vậy.”

Armstrong tán thành: “Tôi cũng nghĩ vậy.”

Họ dừng ở đó. Còn gì để bàn tán nữa?

Armstrong cùng Lombard bê cái xác bất động của Anthony Marston tới chiếc giường của anh và để anh nằm đó với tấm khăn trùm lên trên.

Khi họ xuống cầu thang một lần nữa, những người khác đang tụ lại thành một nhóm, hơi run rẩy, mặc dù tối hôm ấy không hề lạnh.

Cụ Emily Brent đề nghị: “Chúng ta nên về phòng ngủ thôi. Khuya rồi.”

Lúc ấy là mười hai giờ kém hai mươi. Lời gợi ý ấy thật khôn ngoan - nhưng tất cả mọi người đều chần chừ. Cứ như thể họ đang muốn bám chặt vào nhau để đảm bảo an toàn.

Thẩm phán tán thành: “Vâng, chúng ta nên ngủ một giấc.”

Ông Rogers cho biết: “Tôi vẫn chưa dọn dẹp xong - trong phòng ăn.”

Lombard nói cụt ngắn: “Dọn vào buổi sáng ấy.”

Armstrong hỏi han ông ta: “Vợ ông sao rồi?”

“Tôi sẽ lên xem sao, thưa ông.”

Ông quay lại khoảng một, hai phút sau.

“Bà ấy ngủ ngon lành.”

“Tốt,” bác sĩ nói. “Đừng đánh thức bà ấy dậy.”

“Vâng, thưa ông. Tôi sẽ chỉ để các thứ như vậy trong phòng ăn tối và kiểm tra khóa kỹ càng, rồi tôi sẽ đi ngủ.”

Nói rồi người đàn ông sai bước qua sảnh tới phòng ăn tối.

Những người khác dần dần bỏ lên gác, với điệu bộ miễn cưỡng chậm chạp.

Nếu như đây là một ngôi nhà cổ, với những ván gỗ cốt kết, và bóng tối, với những bức tường bít ván dày cộp, thì hẳn đã gây cảm giác rợn tóc gáy. Nhưng ngôi nhà này lại toàn những thứ hiện đại. Không góc tối - không ván gỗ nào bị vênh - tràn ngập ánh sáng với đèn điện - tất cả mọi thứ đều mới và sạch bóng. Chẳng có gì gọi là bí hiểm trong ngôi nhà này, không có gì bị che giấu. Nó chẳng mang bầu không khí gì như thế cả.

Theo một cách nào đó, đấy lại chính là điều đáng sợ nhất trong

tất cả mọi thứ...

Họ chúc nhau ngủ ngon tại thềm chiếu nghỉ. Mỗi người về phòng riêng của mình, và mỗi người tự động, hầu như chẳng chút suy nghĩ, khóa trái cửa lại...

Trong căn phòng nhạt màu dễ chịu của mình, ông thẩm phán Wargrave bắt đầu thay quần áo chuẩn bị đi ngủ.

Ông đang nghĩ tới Edward Seton.

Ông còn nhớ Seton rất rõ. Tóc thẳng, mắt xanh biển, cái thói quen nhìn thẳng vào mặt người khác với một vẻ thẳng thắn dễ chịu. Đó là lý do vì sao hắn đã gây được ấn tượng tốt đẹp với bồi thẩm đoàn.

Llewellyn, đại diện của tòa hình sự, có hơi vụng về một chút. Tên này có vẻ hăng hái quá độ, lại cố chứng tỏ quá nhiều.

Mặt khác thì Matthews, đại diện bên bị đơn, lại xoay xử tốt. Luận điểm thì rõ ràng. Phiên thẩm vấn khá hóc búa. Cách hắn ứng xử với thân chủ của mình trên bục nhân chứng cũng thật tài tình.

Và Seton đã vượt qua được màn thẩm vấn thử thách khá ổn. Hắn không quá phấn khích hay tỏ ra hăng hái. Ban bồi thẩm đã vô cùng ấn tượng. Đối với Matthews, có lẽ mọi thứ như đã chắc chắn trong tầm tay.

Thẩm phán lên dây cót cho chiếc đồng hồ cẩn thận rồi để bên cạnh giường.

Ông còn nhớ chính xác cảm giác của mình khi ngồi đó - lắng nghe, ghi chép, đánh giá mọi thứ, phân loại từng chứng cứ vụn vặt có thể dùng để chống lại tên tù nhân.

Ông đã rất khoái vụ án đó! Lần bào chữa cuối của Matthews thật xuất sắc. Llewellyn, tới lượt ngay sau đó, thì lại thất bại trong việc xóa đi cái ấn tượng tốt đẹp mà bên bào chữa đã gây dựng được.

Và rồi đến lượt lời kết án của chính ông...

Một cách cẩn thận, thẩm phán Wargrave tháo hàm răng giả của mình rồi thả vào cốc nước. Cái miệng móm lộ ra. Thay vào đó là một đôi môi độc ác của thú săn mồi.

Đôi mắt lim dim, vị thẩm phán mỉm cười một mình.

Ông đã cho tên Seton đó một bài học đích đáng!

Với cơn đau âm ỉ do bệnh thấp khớp, ông trèo lên giường và tắt đèn điện.

Trong phòng khách dưới nhà, ông Rogers đang đứng lặng trong bối rối.

Ông đang nhìn chăm chăm vào mấy hình thù bằng sứ ở giữa bàn.

Ông lẩm bẩm một mình: “Thật lạ làm sao! Mình thề là khi này còn mười chiếc đúng.”

Tướng Macarthur vẫn đang trở mình liên tục hết bên này sang bên nọ.

Giấc ngủ mãi không đến với ông.

Trong bóng tối ông liên tục thấy khuôn mặt của Arthur Richmond.

Ông đã rất quý cậu ta - ông đã rất ưu đãi Arthur. Ông còn lấy

làm hài lòng là Leslie cũng mến cậu.

Leslie thật thất thường. Đã có biết bao nhiêu người tốt mà Leslie cứ từ chối đây đẩy rồi tuyên bố là chán. “Nhạt nhẽo!” Chỉ một từ như vậy.

Nhưng rõ là ả không thấy Arthur Richmond nhạt nhẽo tẹo nào. Chúng đã có cảm tình với nhau ngay từ đầu. Chúng trò chuyện với nhau về tất cả những vở kịch rồi âm nhạc và hội họa. ả trêu chọc hấn, cười nhạo hấn, giễu cợt hấn. Và ông, Macarthur, đã vui vẻ với cái ý nghĩ là Leslie đã đối xử với cậu ta như một người mẹ với đứa con trai.

Mẹ con gì cơ chứ! Thật ngu xuẩn khi không nhớ ra là Richmond mới hai mươi tám so với Leslie đang hai mươi chín tuổi.

Ông đã yêu Leslie, ông đang hình dung ra ả. Khuôn mặt trái xoan, đôi mắt sâu lúng liếng xám màu, và mái tóc xoắn nâu dày. Ông đã yêu Leslie mà tin tưởng ả đến tuyệt đối.

Giữa nước Pháp, ngay trong lúc tồi tệ nhất nơi địa ngục, ông đã nghĩ đến ả, lấy bức ảnh của ả ra khỏi túi áo quân phục.

Và rồi - ông đã phát hiện ra!

Mọi thứ diễn ra y hệt như trong truyện. Bức thư bị đút vào nhòm phong bì.

Ả vốn vẫn viết cho cả hai người và đã đút lá thư cho Richmond vào bao phong bì gửi cho chồng. Thậm chí ngay lúc này, sau ngần ấy năm trời, ông vẫn còn nhớ như in cú sốc khi đó - đau điếng...

Chúa ơi, đau đớn làm sao!

Và cuộc tình ấy cũng đã diễn ra được một khoảng thời gian. Bức thư đã chỉ ra rõ ràng. Những dịp cuối tuần! Lần đi cuối của Richmond...

Leslie - Leslie và Arthur!

Quý tha ma bắt hẩn đi! Đáng nguyên rửa cái khuôn mặt cười cợt, cái cách hẩn lạnh lợi thừa: “Vâng, thưa ngài.” Thật dối trá, thật giả tạo! Cái loại đi ăn cướp vợ người khác!

Tất cả ngấm ngấm dồn nén lại - cơn tức giận giết người máu lạnh ấy.

Ông đã cố tiếp tục tỏ ra bình thường - để không lộ ra điều gì. Ông đã cố đối xử với Richmond hết như trước.

Ông có thành công không? Ông nghĩ thế. Richmond không mấy may nghi ngờ. Tính khí thất thường là một chuyện dễ dàng gặp phải vì đó là nơi mà thần kinh con người luôn phải gồng lên chịu sức ép.

Chỉ có tên Armitage trẻ tuổi đó là có đôi lần nhìn ông với vẻ tò mò. Một tên trẻ tuổi, nhưng đã có cách nhìn nhận riêng, tên nhãi đó.

Armitage, có lẽ, đã đoán được - khi mọi chuyện xảy ra.

Ông đã cố tình đẩy Richmond tới chỗ chết. Chỉ có phép màu mới có thể giúp hẩn thoát khỏi đó lạnh lặn. Phép màu đó đã không xuất hiện. Đúng thế, ông đã ném Richmond vào chỗ chết mà không một chút hối tiếc. Mọi thứ đã khá dễ dàng. Sai lầm thì lúc nào chẳng gặp phải, lính luôn bị gửi đến chỗ chết một cách không cần thiết. Tất cả chỉ là sự khó hiểu, hoảng loạn. Mọi người sau đó có thể nói: “Lão Macarthur già có hơi mất trí một chút, mắc phải một số sai lầm khủng khiếp, hy sinh mất vài người tốt nhất của lão.” Họ cũng chẳng thể nói thêm gì nữa.

Nhưng tên Armitage trẻ kia lại khác. Hẩn nhìn sĩ quan chỉ huy của hẩn một cách kỳ lạ. Chắc hẩn biết, rằng Richmond đã bị đẩy đến chỗ chết một cách có chủ ý.

(Sau khi chiến tranh kết thúc - liệu Armitage có hé răng điều gì không?)

Leslie không hay biết. Leslie có lẽ đã khóc lóc vì tên tình nhân trẻ của ả (ông đoán vậy) nhưng màn nước mắt ấy đã chấm dứt trước khi ông trở về nước Anh. Ông chẳng bao giờ nói với ả là ông đã biết hết mọi chuyện. Họ lại tiếp tục sống với nhau - chỉ mỗi một điều, ả chẳng bao giờ còn thật như trước nữa. Và rồi, ba bốn năm sau, ả đã bị hai lần viêm phổi rồi qua đời.

Đã lâu lắm rồi. Mười lăm năm - mười sáu năm?

Rồi ông rời khỏi quân đội và chuyển về sống ở Devon - mua một căn nhà nhỏ mà ông vẫn luôn muốn có. Hàng xóm thì tốt bụng - ấy là một nơi dễ chịu nhất trên đời. Chỉ có vài cuộc săn bắn hay đánh cá gì đó. Ông thường đến nhà thờ vào các Chủ nhật (trừ đúng những ngày mà có bài giảng đạo về việc vua David gửi Uriah ra tiền tuyến. Có điều gì đó khiến ông không thể đối mặt được với nó. Cái cảm giác khó chịu mà nó đem lại).

Tất cả mọi người đều rất thân thiện. Thoạt đầu thì như vậy. Về sau ông lại có cái cảm giác không mấy dễ chịu là người ta bàn tán sau lưng ông. Họ nhìn ông với con mắt khác, vì lẽ gì đó. Như thể họ đã nghe được chuyện gì - một lời đồn bịa đặt nào đó...

(Armitage ư? Coi như là Armitage đã nói vậy).

Từ đó ông cố lánh mặt mọi người - rút về ẩn dật. Thật chẳng mấy thoải mái gì khi có cảm giác mọi người thì thầm sau lưng mình.

Và tất cả những thứ ấy đã trôi qua quá lâu rồi. Thật chẳng để làm gì nữa. Leslie nay đã lui về quá khứ và cả Arthur Richmond nữa. Chẳng có chuyện gì đáng để bận tâm nữa rồi.

Nhưng nó khiến cuộc đời thật cô đơn. Ông đã cố tránh mặt cả

những người bạn lính già. (Nếu Armitage đã hé răng, thì họ cũng phải biết về chuyện đó).

Và bây giờ - buổi tối nay - cái giọng nói bí ẩn đó đã làm om sòm lên cái chuyện quá khứ được giấu kín ấy.

Ông đã đối mặt với chuyện đó ôn hòa chứ? Giữ chặt cái miệng? Phản bội lại cái phần cảm giác tự nhiên - sự phẫn uất, sự khinh bỉ - và không hề mang mặc cảm tội lỗi, không chút bối rối? Thật khó mà nói được.

Chắc chắn một điều là chẳng ai có thể nghĩ lời buộc tội đó là thật. Còn có cả một mớ những điều phi lý khác, cũng khó tin hết như vậy. Cả cô gái khả ái đó nữa - giọng nói vu cho cô tội làm một đứa trẻ chết đuối! Thật ngu xuẩn! Một tên điên rồ tung ra những lời vu khống vô tội vạ.

Emily Brent nữa - thực ra là người cháu gái của Tom Brent thuộc trung đoàn cũ. Giọng nói đã buộc tội bà ta giết người! Bất cứ ai dù có mù một mắt cũng thấy là người đàn bà đó sùng đạo hết mực - loại người có thể sánh vai cùng với mấy vị linh mục hay cha xứ.

Toàn mấy chuyện kỳ cục chết giẫm! Thật điên rồ, chẳng còn gì khác nữa.

Kể từ khi họ bước chân tới đây - mà đó là lúc nào nhỉ? Gì chứ, chết tiệt, cũng mới từ chiều nay chứ mấy! Thời gian có vẻ lâu hơn.

Ông nghĩ: “Không biết đến bao giờ thoát khỏi cái chốn này.”

Sáng mai, tất nhiên rồi, khi chiếc thuyền máy từ đất liền đến.

Thật buồn cười, ngay lúc này ông không muốn thoát khỏi cái hòn đảo này lắm... Phải trở lại đất liền, trở lại ngôi nhà nhỏ của ông, trở lại với toàn những âu lo và rắc rối. Qua ô cửa sổ đang mở,

ông có thể nghe thấy tiếng sóng xô vào đá - tiếng động có vẻ ào ào hơn so với lúc tối. Gió cũng đang nổi lên.

Ông nghĩ: Âm thanh êm ái. Một nơi thật yên bình...

Ông nghĩ: Điều tuyệt vời nhất về một hòn đảo là một khi đã tới đó - người ta không thể đi đâu xa hơn nữa... người ta đã tới nơi cuối cùng...

Đột nhiên, ông hiểu ra, rằng ông không muốn rời khỏi hòn đảo.

Vera Claythorne nằm trên giường, nhìn thao láo lên trần nhà.

Chiếc đèn ngủ bên giường cô vẫn sáng. Cô thấy sợ bóng tối.

Cô đang ngẫm nghĩ: “Hugo... Hugo... Tại sao đêm nay mình lại thấy anh ấy gần như thế?... Ở đâu đó rất gần...”

“Mà anh ấy đang ở đâu? Chẳng thể biết được. Mình cũng chẳng nên biết. Anh ấy chỉ biến mất - trong phút chốc - khỏi cuộc đời mình.”

Thật vô ích khi cố gắng quên đi Hugo. Anh ấy luôn ở sát bên cạnh. Cô phải nghĩ tới anh ấy - để nhớ...

Cornwall...

Những phiến đá đen, bãi cát mềm mại vàng óng. Bà Hamilton, một người mập mạp, vui tính. Cyril lúc nào cũng mè nheo, kéo kéo tay cô.

“Cháu muốn bơi ra chỗ đá cơ, cô Claythorne. Tại sao cháu lại không được bơi ra chỗ đá kia?”

Ngẩng mặt lên - cô bắt gặp ánh mắt Hugo đang nhìn mình. Tối hôm sau khi Cyril đã lên giường ngủ...

“Hãy đi dạo cùng tôi, cô Claythorne.”

“Tôi nghĩ là được thôi.”

Cuộc đi dạo trên bãi biển ấy thật tự nhiên. Ánh trăng đêm - bầu không khí trong nhẹ thổi vào từ Đại Tây Dương.

Và rồi, cánh tay Hugo ôm quàng lấy cô.

“Anh yêu em. Anh yêu em. Em biết là anh yêu em chứ, Vera?”

Có, cô biết rõ. (Hoặc cô tưởng là cô biết).

“Anh không thể cầu hôn em được. Anh không có đến một xu dính túi. Tất cả những gì anh có thể làm là giữ được mạng sống cho mình. Thật kỳ lạ, em biết không, đã có lúc, trong khoảng ba tháng trời anh đã có cái cơ hội trở nên giàu có để mà mong đợi. Cyril chưa ra đời cho đến ba tháng sau cái chết của Maurice. Nếu nó là con gái...”

Nếu đứa bé là gái, thì Hugo đã được thừa hưởng cả gia tài. Anh đã khá thất vọng, anh thừa nhận như thế.

“Anh cũng không quá hy vọng, tất nhiên rồi. Nhưng anh có hơi sốc một chút. Thì biết sao được, may mắn là may mắn! Cyril là một đứa trẻ ngoan. Anh rất yêu quý nó.” Và anh cũng yêu mến nó thật. Luôn sẵn sàng chơi trò chơi hay làm trò cười cho cậu cháu trai bé nhỏ. Không có sự thù hằn gì trong con người Hugo.

Cyril không được khỏe mạnh cho lắm. Một đứa trẻ yếu đuối - không có khả năng chịu đựng. Ấy là dạng đứa trẻ mà, có lẽ, cũng chẳng thể sống được cho đến lúc lớn...

Và rồi...?

“Cô Claythorne, sao cháu lại không được bơi ra chỗ đá?”

Cái câu nhõng nhẽo đầy khó chịu ấy cứ lặp đi lặp lại.

“Nó xa bờ quá, Cyril à.”

“Nhưng, cô Claythorne...”

Vera đứng dậy. Cô tới bên bàn trang điểm và nuốt lấy ba viên aspirin.

Cô nghĩ: “Ước gì mình có được một giấc ngủ đúng nghĩa.”

Cô nghĩ: “Nếu mình mà tự kết liễu bản thân thì mình đã uống cả tá viên thuốc mê - hay thứ gì đó tương tự - chứ không phải xyanua!”

Cô rùng mình khi nhớ tới khuôn mặt tím tái rúm ró của Anthony Marston.

Khi đi qua chỗ lò sưởi, cô nhìn vào bài thơ được đóng khung.

Mười tên lính nhỏ đi ăn,

Một tên chết ghen

giờ còn chín tên

Cô thầm nghĩ: “Thật kinh khủng - y hệt như những gì diễn ra tối nay vậy...”

Tại sao Anthony Marston lại muốn chết cơ chứ?

Cô không muốn chết.

Cô không thể tưởng tượng được ai đó lại muốn được chết... Cái chết là dành cho - những người khác...



Chương 6

Bác sĩ Armstrong đang mơ...

Trong căn phòng mổ nóng nực...

Chắc là bọn họ lại để nhiệt độ cao quá đây? Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt ông. Tay ông thì ướt nhẹp. Thật khó mà cầm chắc được dao mổ...

Con dao mổ mới sắc làm sao...

Dễ mà giết người với một con dao như thế. Và dĩ nhiên rồi, lúc ấy ông đang giết người còn gì...

Toàn thân người đàn bà ấy nhìn có vẻ khác. Lúc này còn là một người béo mập nặng nề. Còn giờ lại trông gầy gò ốm yếu. Và khuôn mặt thì lại bị che khuất.

Người mà ông phải giết là ai vậy nhỉ?

Ông không thể nhớ nổi. Nhưng ông cần phải biết! Ông có nên hỏi bà sơ không?

Bà sơ đang theo dõi ông. Không, ông không thể hỏi bà ta được. Bà ta có vẻ nghi ngờ, ông thấy rõ điều đó.

Nhưng ai đang nằm trên bàn mổ mới được chứ?

Đáng lẽ họ không nên che khuôn mặt như vậy...

Giá như ông được thấy khuôn mặt đó...

A! Thế thì tốt hơn. Một viên tập sự đang kéo chiếc khăn che ra.

Emily Brent, ra vậy. Emily Brent chính là người mà ông cần giết. Mắt bà ta trông mới nham hiểm làm sao! Mối bà ta đang

mấp máy. Bà ta đang nói gì vậy chứ?

“Ngay trong cuộc sống này thì chúng ta đã chết rồi...”

Bà ta đang cười. Không, y tá, đừng kéo khăn lên che tiếp. Tôi phải thấy, tôi phải gây mê. Ê-te đâu rồi? Tôi phải mang theo ê-te chứ. Các người làm gì với thuốc ê-te của tôi rồi, bà sơ? Chai rượu Châteauneuf-du-Pape ư? À, tốt quá.

Kéo cái khăn đó ra, y tá.

Tất nhiên rồi! Tôi biết ngay từ đầu mà! Đó là Anthony Marston! Mặt anh ta tím tái và co rúm lại, nhưng anh ta chưa chết hẳn - anh ta đang cười. Tôi thề là anh ta đang cười! Làm rung cả cái bàn mổ.

Cẩn thận kìa, cẩn thận chứ. Y tá, giữ chắc đi - giữ cho chắc...

Bác sĩ Armstrong giật mình tỉnh dậy. Trời đã sáng. Ánh nắng đang ùa vào phòng.

Và có ai đó đang cúi người bên cạnh ông - lay người ông. Đó là ông Rogers. Ông Rogers, với khuôn mặt trắng bệch, lắp bắp: “Bác sĩ... bác sĩ!”

Bác sĩ Armstrong tỉnh dậy ngay lập tức.

Ông ngồi bật dậy. Giọng nói thật sắc gọn: “Có chuyện gì vậy?”

“Vợ tôi, thưa bác sĩ. Tôi không đánh thức được bà ấy. Chúa ơi! Tôi không làm cách nào đánh thức được bà ấy. Và... trông bà ấy có vẻ không bình thường.”

Bác sĩ Armstrong nhanh nhẹn và tỏ ra hữu ích. Ông choàng lên mình cái áo ngủ và đi theo ông Rogers.

Ông cúi xuống bên chiếc giường, nơi người phụ nữ đang nằm nghiêng sang một bên không một động tĩnh, ông nhắc bàn tay lạnh lẽo, kéo mí mắt. Vài phút sau, ông mới đứng thẳng dậy và quay lại. Ông Rogers khẽ khàng: “Bà ấy... liệu có phải... bà ấy...?”

Ông ta liếm đôi môi khô.

Bác sĩ Armstrong gạt đầu.

“Vâng, bà ấy đã qua đời.”

Mắt ông trầm ngâm nhìn người đàn ông đối diện, rồi lướt qua chiếc bàn cạnh giường, tới chỗ chậu rửa, rồi trở lại chỗ người phụ nữ đang ngủ.

Ông Rogers hỏi: “Có phải... có phải... do t... tim bà ấy không, bác sĩ?”

Bác sĩ Armstrong ngập ngừng một, hai phút trước khi trả lời. Rồi ông nói: “Sức khỏe bà ấy mọi khi thế nào?”

Viên quản gia trả lời: “Bà ấy có bị thấp khớp nhẹ.”

“Có bác sĩ nào kê đơn thuốc cho bà ấy không?”

“Bác sĩ ư?” Ông Rogers lặng nhìn. “Chẳng có bác sĩ nào cả trong suốt mấy năm trời - cả hai chúng tôi đều vậy.”

“Ông không có lý do gì để tin là bà ấy bị bệnh tim chứ?”

“Không, thưa bác sĩ. Tôi hầu như không biết gì hết.”

Armstrong hỏi tiếp: “Bà ấy ngủ có tốt không?”

Lúc này thì mắt ông Rogers xoáy thẳng vào mắt ông. Hai tay ông ta lại nắm lấy nhau vắn vẹo một cách khổ sở. Ông ta lẩm bẩm: “Bà ấy ngủ không được tốt cho lắm... Không.”

Ông bác sĩ nói gọn: “Bà ấy có uống thuốc gì để ngủ không?”

Ông Rogers nhìn ông chăm chặp, vẻ ngạc nhiên.

“Uống thuốc ư? Để ngủ ư? Tôi không hay biết gì về chuyện đó. Tôi chắc chắn là bà ấy không dùng thuốc.”

Armstrong tới bên chậu rửa.

Ở đó có một vài chiếc lọ. Kem dưỡng tóc, nước hoa oải hương, lá cascara, dầu dừa chuột thoa tay, một lọ nước súc miệng, kem

đánh răng và một ít dầu Elliman chữa thấp khớp.

Rogers giúp bằng cách mở ngăn kéo chỗ bàn trang điểm. Rồi họ tìm tiếp đến tủ quần áo. Nhưng không có dấu hiệu gì của thuốc ngủ hay bất cứ một viên thuốc nào.

Ông Rogers cho hay thêm: “Bà ấy chẳng ăn gì tối hôm qua, thưa ông, chỉ trừ mấy thứ tôi đưa...”

Khi tiếng chuông vang lên báo hiệu bữa sáng vào chín giờ thì mọi người đều đã thức giấc và đang đợi tiếng triệu tập.

Tướng Macarthur và thẩm phán vừa mới rảo bước trước hiên, trao đổi với nhau những câu nhận xét rời rạc về tình hình chính trị.

Vera Claythorne và Philip Lombard đã lên đến ngọn đồi cao nhất trên đảo ngay sau ngôi nhà. Ở đó họ bắt gặp William Henry Blore, đang đứng nhìn đăm đăm về phía đất liền.

Ông ta lên tiếng: “Chưa thấy chiếc thuyền máy nào cả. Tôi đã đợi từ nãy đến giờ rồi.”

Vera cười nói: “Devon là một thị trấn ngái ngủ. Mọi thứ thường chậm chạp mà.”

Philip Lombard thì đang ngóng về phía khác, hướng ra biển. Anh đột ngột hỏi: “Mọi người thấy thời tiết thế nào?”

Ngước lên bầu trời, Blore nhận xét: “Tôi thấy có vẻ ổn.”

Lombard cong môi lên huýt sáo.

Anh nói: “Không khéo lại có bão trong ngày hôm nay.”

Blore hỏi lại: “Gió giật ấy hả?”

Từ dưới vọng lên tiếng chuông ngân.

Philip Lombard thốt lên: “Bữa sáng à? Chà, sẵn lòng thôi.”

Khi họ đang xuôi dốc xuống, Blore nói với Lombard, giọng trầm ngâm: “Anh biết không, tôi vẫn băn khoăn - tại sao anh chàng trẻ tuổi kia lại tự sát cơ chứ! Tôi đã lo nghĩ suốt cả buổi đêm.”

Vera đang đi ở phía trước. Lombard nán lại phía sau. Anh đáp: “Ông có giả thuyết nào khác không?”

“Tôi cần vài chứng cứ trước đã. Động cơ là một. Theo tôi thấy thì cậu ta quá sung túc rồi.”

Emily Brent từ phòng khách bước ra gặp họ.

Cụ nói sắc lém: “Con thuyền đã đến chưa?”

“Vẫn chưa thấy ạ.” Vera đáp lời.

Họ bắt đầu bữa sáng. Có một chiếc đĩa lớn đựng đầy trứng và thịt xông khói nơi tủ đựng chén đĩa cùng với trà và cà-phê. Emily Brent nói: “Ông ta sáng nay nom xanh xao quá.”

Bác sĩ Armstrong, từ nãy giờ đứng bên cửa sổ, tăng háng lấy giọng. Ông nói: “Mọi người nên bỏ quá cho bất cứ - ờm - thiếu sót gì sáng nay. Rogers đã phải dốc hết sức một mình để chuẩn bị bữa sáng. Bà Rogers thì - ờm - không thể giúp được.”

Emily Brent lạnh lùng hỏi: “Có chuyện gì với bà ấy vậy?”

Bác sĩ Armstrong mềm mỏng đáp lời: “Chúng ta hãy dùng bữa thôi. Trứng sắp nguội đến nơi rồi. Sau đó thì tôi có vài điều muốn bàn bạc với mọi người.”

Họ làm theo gợi ý. Những chiếc đĩa được gấp đầy, cà-phê và trà được rót ra. Bữa ăn bắt đầu.

Mọi bàn luận về hòn đảo, như thể có thỏa thuận, là không được nhắc đến. Thay vào đó, họ nói tới những sự kiện gần đây theo lối rời rạc. Tin tức từ nước ngoài, sự kiện thể thao thế giới, màn xuất hiện mới đây nhất của quái vật hồ Loch Ness.

Sau đó, khi những chiếc đĩa đã vơi đi, bác sĩ Armstrong mới đẩy ghế ngồi của mình ra một chút, lấy giọng quan trọng mà rằng: “Tôi nghĩ là nên đợi mọi người ăn xong bữa sáng mới thông báo một tin buồn. Bà Rogers đã qua đời trong lúc ngủ.”

Sự sững sờ và sững sốt vụt xuất hiện.

Vera kêu lên: “Thật khủng khiếp! Có tới hai cái chết trên hòn đảo này, từ khi chúng ta tới đây!”

Ông thẩm phán Wargrave, mắt se lại, cất giọng nói nhỏ mà rõ của ông: “Hừm - thật đáng chú ý - nguyên nhân gây ra cái chết là gì vậy?”

Armstrong nhún vai.

“Khó mà nói ngay được.”

“Phải có một cuộc khám nghiệm tử thi ư?”

“Mình tôi không thể đưa ra một lời khẳng định chắc chắn. Tôi không hề hay biết chút gì về tình trạng sức khỏe của người phụ nữ này.”

Vera nói: “Trông bà ấy giống người lúc nào cũng rất căng thẳng ấy. Và lại bà ấy bị sốc tối qua nữa. Tôi cho là có thể do bệnh tim chẳng?”

Một tiếng nói cất lên từ cụ Emily Brent. Nghe nặng nề và rõ ràng với đoàn khách đang lắng nghe.

“Lương tâm!” Cụ trả lời.

Armstrong quay lại phía cụ.

“Chính xác thì ý bà là gì, bà Brent?”

Emily Brent, môi cụ lúc này lại mím chặt, nói: “Các người nghe thấy rồi đấy. Bà ta bị buộc tội, cùng với chồng mình, là cố ý giết người chủ cũ của họ - một cụ già.”

“Và bà nghĩ là...?”

Emily Brent tiếp: “Ta nghĩ lời buộc tội đó là đúng. Mọi người đều thấy tối qua rồi đó. Bà ta suy sụp hoàn toàn và bất tỉnh. Cứ sốc về việc tội ác bị phơi bày thật quá sức chịu đựng. Nói trắng ra thì bà ta đã sợ đến chết.”

Bác sĩ Amrstrong lắc đầu nghi ngờ.

“Đó cũng là một giả thuyết.” Ông nói. “Một người không thể rút ra nhiều thông tin cho lắm về tình trạng sức khỏe của bà ấy. Nếu đó là do bệnh đau khớp...”

Emily Brent lặng lẽ nói: “Cứ gọi như thế nếu ông thích, ấy là bàn tay của Chúa.”

Tất cả mọi người nhìn sửng sốt. Ông Blore nói vẻ khó khăn: “Nói thế thì hơi quá đà, bà Brent ạ.”

Cụ nhìn lại mọi người với ánh mắt hấp háy. Cầm cụ ngoảnh lên. Cụ nói: “Cứ như các người nghĩ là việc một người có tội bị trừng phạt bởi cơn thịnh nộ của Chúa là không thể vậy! Ta thì không thế!”

Ông thẩm phán mân mê chiếc cầm. Ông nói thầm với chút mỉa mai: “Thưa bà kính mến, với kinh nghiệm của tôi về những hành động tội lỗi, thì, Đấng tạo hóa đã để lại việc buộc tội và trừng phạt cho người phạm chúng ta - và quá trình đó thường đầy ắp những nan giải. Chẳng có đường tắt nào hết.”

Emily Brent nhún vai.

Blore nói sắc gọn: “Bà ấy đã ăn hay uống gì tối qua sau khi lên gác đi ngủ vậy?”

Armstrong đáp: “Không có gì cả.”

“Bà ấy không uống gì ư? Một tách trà chẳng hạn? Một cốc nước lọc? Tôi cá là bà ấy đã uống trà. Những người như bà ấy thường

làm vậy.”

“Rogers đã khẳng định với tôi là bà ấy chẳng uống bất cứ thứ gì cả.”

“A,” Blore kêu lên. “Ông ta có thể nói vậy chứ!”

Nhưng giọng ông quá lộ liễu khiến cho vị bác sĩ phải nhìn ông sắc lẹm.

Philip Lombard hỏi lại: “Vậy ý ông là thế hả?”

Blore gay gắt đáp lời: “Thì, tại sao không chứ? Chúng ta đều đã nghe lời buộc tội hôm qua rồi. Có thể là trò nhảm nhí - chỉ toàn là mất trí! Mặt khác, cũng có thể không phải thế. Cứ coi như là đúng sự thật đi. Rogers và vợ ông ta đã kết liễu bà cụ già ấy. Thế thì, có nghĩa là gì? Cho đến nay họ khá an toàn và hạnh phúc vì điều đó...”

Vera chột xen vào. Với giọng nói trầm, cô cất tiếng: “Không, tôi không nghĩ là bà Rogers từng cảm thấy an toàn đâu.”

Blore nom có vẻ khá méch lòng vì sự chen ngang vừa rồi.

“Đúng là đàn bà.” Ánh mắt của ông ta hiện rõ điều đó.

Ông nói tiếp: “Cũng có thể là thế. Dù gì thì cũng chẳng có mối đe dọa trực tiếp nào theo những gì họ biết. Rồi thì, tới tối qua, một tên rò dại nào đó cố phun ra. Chuyện gì xảy ra đây? Bà ta suy sụp - hoàn toàn mất cân bằng. Cứ để ý cái cách người chồng dõi theo lúc bà ấy đang tỉnh lại. Chẳng hẳn đã là sự lo âu của một người chồng! Dám cá là thế! Ông ta trông căng như dây đàn vậy. Sợ đến chết vì những điều mà bà ấy có thể buột miệng nói ra.

Và mọi người có thể thấy tình thế là như vậy! Họ đã mưu đồ một vụ giết người và thoát tội. Nhưng nếu chuyện quá khứ ấy bị khơi ra, thì sẽ như thế nào? Cá mười ăn một, là người phụ nữ sẽ khiến mọi chuyện đổ sông đổ bể. Bà ấy còn chẳng có đủ dũng khí

để đứng thẳng mà thú nhận. Bà ấy nghiêm nhiên trở thành mỗi họa sống của ông chồng, đúng là thế. Ông ta có vẻ tạm ổn. Ông ta sẽ nói dối trắng trợn cho đến lúc chết - nhưng ông ta thấy không chắc chắn về bà vợ! Nếu bà ấy bị khủng hoảng, thì ông ta sẽ bị vạ lây! Thế là ông ta sẽ lén bỏ thứ gì đó vào tách trà và chắc ăn là miệng bà ta sẽ ngậm chặt mãi mãi.”

Armstrong nói một cách chậm rãi: “Chẳng hề có chiếc tách rỗng nào bên giường bà ấy hết - chẳng có thứ gì cả. Tôi đã quan sát rồi.”

Blore thở hắt ra.

“Tất nhiên là chẳng có gì! Điều đầu tiên mà ông ta làm khi bà ta đã uống hết là đem chiếc tách đi rửa kỹ càng rồi.”

Có chút ngập ngừng. Rồi tướng Macarthur nói với vẻ nghi ngờ: “Có thể thế. Nhưng tôi vẫn không tin được là một người đàn ông lại làm vậy - với chính vợ mình.”

Blore cười nhạt.

Ông ta đáp: “Khi mỗi nguy hiểm cận kề rồi thì đàn ông ít khi nghĩ ngợi về mấy thứ tình cảm ấy.”

Lại một chút ngập ngừng. Trước khi bất cứ ai kịp nói, cánh cửa đã mở và ông Rogers bước vào.

Ông ta lên tiếng, nhìn từng người một.

“Tôi có cần lấy thêm gì cho quý vị không?”

Ông thẩm phán Wargrave hơi nhúc nhích trong chiếc ghế của mình, ông hỏi: “Mấy giờ thì chiếc thuyền máy thường qua đây?”

“Quãng bảy, tám giờ, thưa ông. Có lần lại sau tám giờ một chút. Cũng không rõ là Fred Narracott có đi được vào sáng nay hay không. Nếu ông ấy bị ốm thì chắc ông ấy sẽ cử em trai đi thay.”

Philip Lombard hỏi: “Bây giờ là mấy giờ rồi?”

“Mười giờ kém mười, thưa ông.”

Lombard nhướn mày. Anh gật gù nhẹ.

Rogers chờ đợi khoảng một, hai phút.

Tướng Macarthur đột ngột cất lời thật to: “Rất lấy làm tiếc về vợ ông, Rogers, ông bác sĩ mới cho chúng tôi hay.”

Rogers nghiêng đầu.

“Vâng, thưa ông. Cảm ơn ông.”

Ông ta nhặt chiếc đĩa đựng thịt hun khói trống trơn lên và bước ra khỏi phòng.

Một lần nữa, sự yên lặng lại bao trùm.

Ngoài hiên nhà, Philip Lombard lẩm nhẩm: “Cái thuyền máy này...”

Blore nhìn anh, gật đầu: “Tôi biết anh đang nghĩ gì, anh Lombard. Tôi đã tự hỏi bản thân câu tương tự như thế. Chiếc thuyền ấy đáng lẽ ra phải đến đây khoảng hai tiếng trước rồi. Nhưng vẫn chưa thấy nó đâu? Tại sao cơ chứ?”

“Ông biết câu trả lời rồi phải không?” Lombard hỏi.

“Đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên - tôi sẽ nói như thế. Nó là một phần trong cái vụ trộm gói này. Tất cả mọi thứ đều liên quan tới nhau.”

Philip Lombard hỏi lại: “Nó sẽ không đến, ông nghĩ thế phải không?”

Một giọng nói phát ra từ phía sau - giọng cái bản đã mất hết kiên nhẫn.

“Chiếc thuyền máy không tới đây đâu.” Giọng nói ấy cất lên.

Blore khẽ xoay đôi vai vuông vức của ông lại và nhìn người vừa nói với vẻ trầm ngâm.

“Ông cũng nghĩ thế sao, đại tướng?”

Tướng Macarthur đáp: “Tất nhiên là nó sẽ không tới rồi. Chúng ta đang mong là con thuyền sẽ đưa chúng ta ra khỏi hòn đảo này. Đây chính là ý nghĩa của toàn bộ câu chuyện này. Chúng ta sẽ không thể rời hòn đảo... Không ai trong số chúng ta thoát được cả... Đây là sự kết thúc, ông thấy đấy - điểm kết thúc của mọi chuyện...”

Ông ngật ngừng, rồi ông nói với một giọng trầm tư lạ lẫm: “Đó là nơi yên bình - yên bình thật sự... đến với cái chết - mà không phải tiếp tục nữa... Đúng thế, sự yên bình...”

Vị tướng quay đi đột ngột rồi rời khỏi đó. Ông ta đi dọc theo hiên nhà, rồi bước xuống đoạn dốc dẫn tới biển - liêu xiêu - tới tận cùng của hòn đảo nơi những tảng đá lộn xộn ngâm mình trong nước biển.

Ông bước đi không mấy vững vàng, như một người còn đang nửa mơ, nửa thức.

Blore nhận xét: “Lại thêm một người khủng nữa! Cứ đà này thì cả đám người sẽ kết thúc hết như thế mất.”

Philip Lombard đáp lời: “Tôi không nghĩ là ông sẽ bị, Blore ạ.”

Viên cựu thanh tra cười.

“Phải nhiều thứ hơn thế này mới khiến tôi phát điên.” Ông chêm vào một cách dí dỏm: “Và tôi cũng không nghĩ là anh sẽ bị như thế đâu, anh Lombard.”

Philip Lombard trả lời: “Tôi thấy hoàn toàn bình thường lúc này, cảm ơn ông.”

Bác sĩ Armstrong bước ra phía hiên, ông đứng đó chần chừ. Bên trái ông lúc này là Blore và Lombard. Bên phải ông là Wargrave, đang ngồi đung đưa chậm rãi, với cái đầu cúi gục.

Armstrong, sau một giây phút do dự, quay sang phía bên phải.

Nhưng đúng lúc đó thì ông Rogers lanh lẹ bước ra khỏi căn nhà.

“Tôi có thể nói vài lời với ông được không, thưa ông?”

Armstrong quay ra.

Ông sửng người vì điều mà ông được trông thấy.

Khuôn mặt của ông Rogers đang biến sắc. Nước da đã chuyển sang xanh xám. Tay ông ta run rẩy.

Thật quá trái ngược với sự kiềm chế của ông ta mới vài phút trước, điều này khiến cho Armstrong khá bất ngờ.

“Làm ơn, thưa ông, cho tôi nói với ông vài điều. Ông vào trong cho, thưa ông.”

Ông bác sĩ quay lại và bước vào căn nhà với viên quản gia đã không còn tự chủ. Ông trấn an: “Có chuyện gì thế, kìa, cố bình tĩnh lại đi.”

“Trong này, thưa ông, ông hãy vào đây cho.”

Nói rồi ông ta mở căn phòng ăn. Vị bác sĩ bước tới. Rogers đi theo ông rồi khép cánh cửa lại phía sau.

“Thế...” Armstrong mở lời. “Có chuyện gì vậy?”

Múi cơ nơi cổ họng của Rogers đang hoạt động. Ông ta đang nuốt nước miếng, và liến thoảng: “Đang có chuyện gì đó xảy ra, thưa ông, mà tôi không hiểu được.”

Armstrong nói gọn lỏn: “Chuyện ư? Chuyện gì?”

“Ông có thể sẽ nghĩ tôi bị điên, thưa ông. Ông chắc sẽ nói là

chẳng làm sao. Nhưng điều đó phải được giải thích, thưa ông. Phải được tìm hiểu. Bởi vì có vẻ như nó không có ý nghĩa gì cả.”

“Trời, này ông, hãy nói toẹt ra là có chuyện gì đi. Đừng có mà vòng vo.”

Ông Rogers lại nuốt nước bọt: “Là mấy cái tượng nhí đó, thưa ông, ở giữa chiếc bàn ấy. Mấy chiếc tượng bằng sứ. Có mười chiếc, ở đó. Tôi sẵn sàng thề độc, có mười chiếc.”

Armstrong xác nhận: “Rồi, mười chiếc. Chúng ta đều đếm chúng tối qua.”

Rogers tiến sát lại.

“Chính là thế, thưa ông. Tối qua, khi tôi đang dọn dẹp, thì chỉ có chín chiếc, thưa ông. Tôi đã nhận thấy và nghĩ là kỳ cục. Nhưng tôi cũng chỉ thấy có vậy. Còn bây giờ, ông xem, sáng nay. Tôi không để tâm lúc dọn bàn ăn sáng. Tôi vốn đang buồn vì tất cả mọi chuyện. Nhưng bây giờ thì, ông xem kìa, khi tôi tới dọn các thứ đi. Ông hãy tự mắt chứng kiến nếu không tin tôi. *Giờ chỉ còn tám thôi, thưa ông! Chỉ còn tám! Không có lý gì, phải không? Chỉ còn tám...*”



Chương 7

Sau bữa điếm tâm, Emily Brent gợi ý với Vera Claythorne là họ sẽ đi lên đỉnh đồi lần nữa để chờ thuyền. Vera bằng lòng.

Làn gió trở nên tươi mát. Những đợt sóng trắng xóa hiện dần trên mặt biển. Chẳng có một chiếc thuyền đánh cá nào - và cũng chẳng hề có dấu hiệu của chiếc thuyền máy.

Ngôi làng thật sự của Sticklehaven chẳng dễ mà nhận ra, chỉ có ngọn đồi ở phía trên, vực đầy đá đỏ nhô ra che khuất cả cái vịnh bé nhỏ ấy.

Emily Brent cất giọng: “Người đàn ông chở chúng ta tới đây hôm qua có vẻ như là một người đáng tin cậy. Thật lạ lùng là sáng nay ông ta lại tới muộn đến như vậy.”

Vera không tiếp lời. Cô đang cố nhấn chìm cái cảm giác hoảng loạn đang chực bủa vây.

Cô tự nhủ một cách tức giận: “Mày phải giữ bình tĩnh chứ. Thế này chẳng giống mày tẹo nào. Vốn dĩ mày là đứa thần kinh thép lắm cơ mà.”

Sau một hay hai phút gì đó, cô nói to: “Tôi ước gì ông ấy đến. Tôi - tôi muốn thoát khỏi đây.”

Emily Brent nói khô khốc: “Ta chắc chắn là chúng ta đều như vậy.”

Vera thở dài: “Tất cả mọi thứ đều thật dị thường... Dường như mọi chuyện chẳng có - chẳng có ý nghĩa gì vậy.”

Bà cụ già bên cạnh cô nói ngay lập tức: “Ta cũng thật giận bản thân vì đã bị lừa một cách dễ dàng như vậy. Thật sự thì lá thư đó ngớ ngẩn hết mức nếu đem ra soi xét kỹ. Nhưng ta lại chẳng nghi ngờ gì lúc đó cả - chẳng hề chút nào.”

Vera thì thào một cách máy móc: “Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Người ta cho mọi chuyện là ngẫu nhiên một cách quá thường xuyên,” Emily Brent nói.

Vera bèn rùng mình thở sâu.

Cô hỏi: “Bà có thực sự nghĩ như thế không - những điều mà bà nói lúc ăn sáng ấy?”

“Hãy nói cho chính xác hơn, cô gái. Cô đang muốn nhắc tới việc gì cơ chứ?”

Vera hạ thấp giọng xuống, giải thích cho rõ ràng hơn: “Bà có thực sự nghĩ là Rogers và vợ ông ấy đã gây ra cái chết của bà cụ kia không?”

Emily Brent nhìn xa xăm ra ngoài khơi. Rồi cụ nói: “Cá nhân ta, thì ta khá chắc chắn. Cô nghĩ thế nào?”

“Tôi không biết phải nghĩ thế nào nữa.”

Cụ Emily Brent nói tiếp: “Tất cả mọi thứ đều chứng tỏ là thế. Cái cách mà người phụ nữ đó ngắt. Và người đàn ông thì đánh rơi khay cà-phê, cô nhớ chứ? Rồi cái cách mà ông ta nói về chuyện đó nữa - chẳng có vẻ gì là thật cả. Ồ, đúng thế, ta sợ là họ đã làm thế thật.”

Vera nhớ lại: “Bề ngoài của người đàn bà ấy - sợ sệt chính cái bóng của mình! Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người phụ nữ nào lại lo sợ như thế... Chắc hẳn bà ta đã bị ám ảnh bởi chuyện đó...”

Cụ Brent lẩm bẩm: “Ta còn nhớ một đoạn trong bài về của ta

khi nhỏ. *‘Hãy nhớ là tội ác của người luôn tìm ra người’*. Thật đúng thế. *‘Hãy nhớ là tội ác của người luôn tìm ra người’*.”

Vera đứng đó một cách khổ sở. Cô thều thào: “Nhưng, bà Brent à... bà Brent... nếu trong trường hợp đó...”

“Thì sao, cô gái?”

“Những người còn lại thì sao? Những người khác ấy?”

“Ta không hiểu cô muốn nói gì.”

“Những lời buộc tội khác ấy... chúng... chúng là bịa đặt chứ? Nhưng nếu lời buộc tội nhà Rogers kia là đúng...” Cô ngập ngừng, không thể nói ra được những suy nghĩ hỗn loạn trong đầu một cách rõ ràng.

Đôi mày của Emily Brent, vốn đang cau lại đầy bối rối, lúc này giãn ra.

Cụ trả lời: “A, ta đã hiểu ý cô rồi. Thì, có anh Lombard đó thôi. Anh ta đã thừa nhận việc bỏ mặc hai mươi người đàn ông đến chết.”

Vera nói: “Họ chỉ là người bản xứ...”

Emily nghiêm khắc vạch lại: “Dù là da đen hay da trắng, họ cũng là những người anh em của chúng ta.”

Vera nghĩ: “Người anh em da đen của chúng ta... người anh em da đen. Ôi, đến cười mất thôi. Mình lú lẫn hết rồi. Không còn là chính mình nữa rồi...”

Emily tiếp tục nói với vẻ trầm ngâm.

“Tất nhiên, những lời buộc tội khác thì hoàn toàn là xa sự thật và vô lý. Lời buộc tội ông thẩm phán chẳng hạn, ông ấy chỉ làm nhiệm vụ của mình trong khả năng cho phép. Và cả viên cựu cảnh sát Scotland kia nữa. Hay như chính trường hợp của ta chẳng hạn.”

Cụ ngập ngừng và rồi tiếp tục: “Bình thường, căn cứ vào hoàn cảnh tối qua, thì ta sẽ không nói được gì rồi. Đó không hẳn là điều phù hợp để bàn luận khi có mặt đàn ông.”

“Vậ ư?”

Vera lắng nghe một cách chăm chú. Cụ Brent lại tiếp tục một cách bình thản.

“Beatrice Taylor từng là người hầu gái của ta. Chẳng phải là một đứa con gái ngoan đạo gì... dù lúc ta phát hiện ra thì đã quá muộn. Ta đã bị nó lừa dối. Nó có thái độ ứng xử tốt, sạch sẽ và sẵn sàng làm việc. Ta đã rất hài lòng về nó. Tất nhiên, tất cả những thứ đó chỉ là trò ngụy tạo giả trá nhất! Nó là một đứa bê tha vô đạo đức. Thật đáng ghê tởm! Cũng phải mất một khoảng thời gian ta mới phát hiện ra là nó gặp ‘rắc rối’ như cách người ta thường hay nói.” Cụ dừng lại, chiếc mũi thanh thoát chun lại tỏ vẻ khinh bỉ. “Đó là một cú sốc lớn với ta. Bố mẹ nó là những người lương thiện, và họ cũng nuôi dạy nó nghiêm khắc lắm. Ta cũng mừng là họ đã không hề dung thứ cho việc làm đó của nó.”

Vera nói, nhìn cụ Brent chăm chặp: “Rồi chuyện gì xảy ra?”

“Lẽ dĩ nhiên là ta không thể chứa chấp nó dưới mái nhà của ta dù chỉ là một giờ đồng hồ. Không ai có thể đặt điều là ta đã dung thứ cho loại người đồ đốn.”

Vera hạ thấp giọng xuống: “Vậ chuyện gì xảy ra - với cô ấy?”

Cụ Brent nói: “Thứ sinh vật bị bỏ rơi ấy, vì không chịu nổi việc lương tâm mình bị vương phải tội, đã mắc phải một cái tội còn lớn hơn. Nó đã tự kết liễu đời mình.”

Vera thì thào, vẻ kinh sợ: “Cô ấy tự tử ư?”

“Đúng thế, nó đã nhảy xuống sông tự vẫn.”

Vera rùng mình.

Cô nhìn không rời mắt khỏi cái tư thế bình thản của cụ Brent. Cô nói: “Bà cảm thấy thế nào khi biết là cô ấy làm vậy? Bà có thấy tội nghiệp không? Bà không tự trách mình ư?”

Cụ Emily Brent rướn thẳng người.

“Ta ư? Ta chẳng thấy có gì phải lấy làm hổ thẹn về bản thân cả.”

Vera nói: “Nhưng nếu... sự khắc nghiệt của bà... đã khiến cô ấy làm vậy?”

Emily nói sắc lẹm: “Hành động của nó... tội của nó... đó mới là thứ khiến nó làm vậy. Nếu nó cư xử như một đứa con gái thật thà phải đạo thì mọi thứ đã không diễn ra như thế.”

Cụ quay mặt lại nhìn Vera. Không có lấy một chút xấu hổ, không có một sự bứt rứt nào trong đôi mắt ấy. Chúng có vẻ hà khắc và quả quyết. Emily Brent ngồi trên đỉnh đồi của Đảo Chiến Binh, vây quanh là kho vũ khí phẩm chất của cụ.

Cụ bà nhỏ nhắn chưa chùng ấy không còn cái vẻ tức cười với Vera như trước nữa.

Đột nhiên - bà ta trở nên thật kinh khủng.

Bác sĩ Armstrong bước ra khỏi phòng ăn tối, và một lần nữa đến bên hiên nhà.

Thẩm phán đang ngồi trên chiếc ghế gỗ, điềm tĩnh ngắm nhìn biển khơi.

Lombard và Blore thì đứng phía bên trái, phì phèo điếu thuốc lá thay vì trò chuyện.

Như lần trước, vị bác sĩ lại chần chừ một lúc. Mắt ông rảo qua ông thẩm phán Wargrave với vẻ thăm dò. Ông đang muốn thảo

luận với một người nào đó. Ông ý thức khá rõ về đầu óc logic nhạy bén của ông thẩm phán. Nhưng dù vậy, ông vẫn bị lung lay. Ông thẩm phán Wargrave có thể sở hữu đầu óc sắc bén thật đấy nhưng ông ta cũng chỉ là một ông già. Lúc này, Armstrong cảm thấy người cần gặp phải là con người của hành động.

Ông lên quyết định.

“Lombard à, tôi có thể nói chuyện với cậu một lúc được không?”

Philip mở to mắt.

“Tất nhiên rồi.”

Hai người đàn ông rời khỏi hiên. Họ sải bước xuôi con dốc dẫn ra biển. Khi đã rời khỏi tầm nghe lọt, Armstrong mới cất tiếng: “Tôi muốn tham khảo ý kiến.”

Lombard nhướn mày, anh đáp: “Ông bạn quý mến của tôi, tôi không có chút kiến thức y học nào hết.”

“Không, không, ý tôi là tình hình nói chung kia.”

“Ồ, vậy thì khác.”

Armstrong vào thẳng vấn đề: “Thẳng thừng mà nói, anh nghĩ gì về mọi chuyện bây giờ?”

Lombard ngẫm nghĩ một lúc, rồi đáp: “Có vẻ cũng dễ liên hệ, phải không?”

“Anh nghĩ thế nào về người phụ nữ đó? Anh có đồng tình với giả thuyết của Blore không?”

Philip thở hắt ra khiến khói thuốc tan vào không trung. Anh đáp: “Cũng hoàn toàn có khả năng - nếu xét riêng ra.”

“Chính xác.”

Giọng Armstrong lúc này nghe thật nhẹ nhõm. Philip Lombard

không phải là người khờ khạo chút nào.

Rồi anh tiếp: “Đấy là, nếu đúng thật là ông bà Rogers đã thành công khi thoát khỏi tội giết người khi đó. Và tôi cũng không thấy có lý do nào mà họ lại không thể. Nhưng ông nghĩ chính xác thì họ đã làm thế nào? Đầu độc bà già ư?”

Armstrong chậm rãi trả lời: “Có khi lại đơn giản hơn thế. Tôi đã hỏi Rogers vào sáng nay là bà cụ Brady từng mắc bệnh gì. Câu trả lời của ông ta đã làm sáng tỏ mọi thứ. Tôi cũng chẳng cần phải đi vào chi tiết y học cụ thể làm gì, nhưng trong một trường hợp bệnh tim cụ thể, họ thường dùng amyl nitrit. Nếu một cơn đột quỵ xảy ra thì một ống amyl nitrit sẽ được mở cho người bệnh hít. Nếu liều amyl nitrit bị giấu đi - thì, hậu quả là chết người một cách dễ dàng.”

Philip Lombard nói với vẻ trầm ngâm: “Nếu đơn giản như thế. Thì mọi chuyện hẳn khá là - cảm ối.”

Bác sĩ gật đầu.

“Đúng vậy, chẳng cần hành động trực tiếp. Không cần tới arsenic để ra tay - chẳng có gì là chắc chắn - chỉ có mỗi - sự phủ nhận! Và Rogers tất tả chạy đi tìm bác sĩ trong đêm trong khi họ hoàn toàn tự tin là chẳng ai có thể đoán ra được.”

“Và thậm chí nếu có ai biết đi chẳng nữa, thì cũng chẳng có bằng chứng gì đưa ra để chống lại họ,” Philip Lombard tiếp lời.

Anh bỗng sững người lại.

“Tất nhiên rồi - chuyện đó giải thích được nhiều điều.”

Armstrong nói, vẻ khó hiểu: “Anh đang nói chuyện gì cơ?”

Lombard đáp: “Thì ý tôi là - nó giải thích cho Đảo Chiến Binh. Có những tội ác mà không thể đem ra để xử những tên phạm tội. Ví dụ như nhà Rogers. Một ví dụ nữa, là thẩm phán Wargrave già,

lão đã phạm tội giết người dựa vào bàn tay luật pháp.”

Armstrong nói sắc lém: “Anh tin chuyện đó sao?”

Philip Lombard mỉm cười.

“Ồ vâng, tôi tin chứ. Wargrave giết Edward Seton là cái chắc, lão giết hẳn chắc chắn như kiểu đâm con dao vào người vậy! Nhưng lão đủ khôn ngoan để làm chuyện đó từ ghế thẩm phán với bộ tóc giả và áo luật sư. Thế nên theo cách thông thường thì chẳng ai có thể đem cái tội nho nhỏ đó ra mà xử lão.”

Một luồng suy nghĩ lóe lên nhanh như chớp trong đầu bác sĩ.

“Giết người trong bệnh viện. Giết người trên bàn mổ. An toàn - hẳn thế rồi - như chó cày gần nhà vậy!”

Philip Lombard lại tiếp tục: “Vì thế - mới có cái tên Owen - vì thế - mới có Đảo Chiến Binh!”

Armstrong hít vào một hơi thật sâu.

“Bây giờ chúng ta đã suy ra tới đây rồi. Vậy mục đích thật sự của việc kéo mọi người tới đây là gì?”

Philip Lombard hỏi ngược lại: “Ông nghĩ thế nào?”

Armstrong đột ngột cắt lời: “Hãy quay lại chuyện cái chết của người phụ nữ kia đã. Những giả thiết có thể có là gì? Rogers giết bà ấy vì ông ta sợ bà ta sẽ làm hỏng mọi chuyện. Khả năng thứ hai: bà ấy đã mất hết bình tĩnh và tự chấm dứt mọi thứ một cách dễ dàng.”

Philip Lombard xác nhận lại một lần nữa: “Tự tử ấy hả?”

“Anh có ý kiến gì không?”

Lombard đáp: “Có thể mọi chuyện đã như thế này - vâng - nếu như không có cái chết của Marston nhé. Hai vụ tự sát trong vòng mười hai tiếng đồng hồ thì quả là một cục to khó nuốt trôi được! Và nếu ông nói với tôi là Anthony Marston, một con bò mộng

chẳng có lấy chút thần kinh nào lẫn một bộ não nhỏ quý giá, bỗng dưng lại có cảm giác tội lỗi vì cán phải vài đứa bé và cố tình chấm dứt đời mình theo cách như vậy - chà, ý tưởng đó thật khôi hài! Và lại, anh ta giữ thứ đó như thế nào chứ? Từ tất cả những gì tôi nghe được, thì kali xyanua không phải là loại chất mà anh có thể mang theo trong túi áo. Nhưng đó là mẩu phụ trách của ông rồi.”

Armstrong nói: “Chẳng ai đầu óc bình thường lại đem kali xyanua theo người cả. Có thể do một người nào đó lấy tổ ong thực hiện.”

“Như người làm vườn nhiệt tình hay ông chủ đất chẳng hạn? Lại một lần nữa, không thể là Anthony Marston. Tôi đã nghĩ là thứ xyanua đó cần phải có lời giải thích ngay từ đầu. Anthony Marston không thể có ý định tự vẫn từ trước khi tới đây được, và vì thế không thể có sự chuẩn bị từ trước - trừ khi...”

Armstrong trở nên nôn nóng.

“Trừ khi gì cơ?”

Philip Lombard nhếch miệng.

“Ông còn hỏi tôi nữa làm gì? Khi mà điều đó đã quá hiển nhiên như lời ông nói rồi. Anthony Marston đã bị đầu độc, tất nhiên rồi.”

Bác sĩ Armstrong hít một hơi thật sâu.

“VẬY còn bà Rogers?”

Lombard chậm rãi nói: “Tôi sẽ tin là Anthony Marston tự tử (với chút khó khăn) nếu không có chuyện bà Rogers xảy ra. Tôi sẽ tin là bà Rogers tự tử (một cách dễ dàng) nếu không có chuyện của Anthony Marston. Tôi cũng sẽ nghĩ là Rogers giết vợ mình - nếu như không có cái chết bất ngờ của Anthony Marston. Nhưng

cái chúng ta cần là một giả thuyết để có thể giải thích được hai cái chết liền nhau một cách dồn dập như thế.”

Armstrong trả lời: “Có lẽ tôi sẽ giúp anh nghĩ ra một giả thuyết như vậy.”

Và ông lặp lại phát hiện mà Rogers đã nói với ông về sự biến mất của hai chiếc tượng sứ nhỏ.

Lombard thốt lên: “Đúng rồi, mấy cái tượng sứ nhỏ... Chắc chắn là có mười chiếc trong bữa tối hôm qua. Và bây giờ còn tám, như ông nói?”

Bác sĩ Armstrong nhắc lại:

“Mười tên lính nhỏ đi ăn;

Một tên chết nghẹn giờ còn chín tên.

Chín tên thức muộn trong đêm,

Một quên không dậy tám tên ngậm ngùi.”

Hai người đàn ông nhìn nhau. Philip Lombard lại nhoẻn miệng và quẳng điếu thuốc lá ra xa.

“Quá khớp để có thể coi là trùng hợp! Anthony Marston chết vì ngạt thở hay bị nghẹn gì đó tối qua sau bữa tối, và mụ Rogers thì ngủ quá giấc một cách bất thường.”

“Và vì thế?” Armstrong tiếp tục.

Lombard nổi lời.

“Và vì thế nên phải có một loại lính khác. Tên lính vô danh! X! Ông Owen! U.N. Owen! Có một tên điên đang được thả rông ngoài kia kìa!”

“A!” Armstrong thở phào nhẹ nhõm. “Anh cũng đồng ý. Nhưng anh có thấy là điều đó có nghĩa gì không? Rogers đã thề là trên đảo này chẳng có ai ngoài vợ chồng ông ấy và chúng ta.”

“Rogers nhầm rồi! Hoặc cũng có thể Rogers đang nói dối!”

Armstrong lắc đầu.

“Tôi không nghĩ là ông ấy lại nói dối. Ông ta quá sợ hãi. Ông ấy sợ dường như mất hết bình tĩnh mà.”

Philip Lombard gật đầu: “Không có chiếc thuyền máy nào sáng nay. Điều đó khớp với mọi thứ. Lại là sự dàn xếp nhỏ nhoi từ trước của tên Owen. Đảo Chiến Binh phải bị cô lập hoàn toàn cho tới khi ông ta hoàn thành công việc của mình.”

Armstrong tái xanh mặt mày.

“Anh nhận thấy là - lão ta phải là một tên khủng tột độ!”

Philip Lombard nói, lần này giọng anh mang một nét rõ ràng mới mẻ: “Có một điều mà ông Owen không biết.”

“Là gì thế?”

“Cái hòn đảo này cũng chỉ là một tảng đá không hơn kém. Chúng ta sẽ chẳng mất nhiều thời gian dò quanh nó. Chúng ta sẽ sớm tìm được ra cái nhân vật U.N. Owen này.”

Bác sĩ Armstrong tỏ ra dè chừng: “Hắn sẽ rất nguy hiểm đó.”

Philip Lombard cười to.

“Nguy hiểm ư? Ai lại sợ con sói già độc ác cơ chứ? Tôi mới là người nguy hiểm một khi tôi tìm ra hắn!”

Anh dừng lại rồi nói tiếp: “Chúng ta nên kéo cả Blore vào để giúp, ông ta sẽ là một người phù hợp với việc này. Không nên nói với mấy người phụ nữ. Còn những người kia, ông tướng thì lắm cảm, tôi nghĩ thế, còn ông thẩm phán Wargrave già kia thì sở trường lại là ngồi bất động. Ba người chúng ta là đủ để chăm lo cho việc này.”



Chương 8

Blore chấp thuận tham gia một cách khá dễ dãi. Ông bày tỏ sự đồng ý ngay lập tức với cuộc tranh luận của họ.

“Những gì ông nói về đám tượng sứ nhỏ kia, thưa ông, khiến cho mọi sự khác biệt hẳn. Quả là điên rồ, đúng thế! Chỉ có một điều này thôi, ông không nghĩ là tên Owen này thực hiện ý tưởng kiểu dàn xếp từ trước chứ, như trước ấy?”

“Ông giải thích đi.”

“Thì, ý tôi là thế này. Sau cái chuyện lùm xùm tối qua thì cậu Marston trẻ tuổi đã hoảng sợ quá mà tự đầu độc bản thân. Và Rogers, ông ta cũng quá sợ nên đã kết liễu bà vợ của mình! Tất cả đều theo kế hoạch của U.N.O.”

Armstrong lắc đầu. Ông nhấn mạnh về liều xyanua. Blore đồng ý.

“Đúng thật, tôi quên khuấy đi mất. Bình thường chẳng ai lại mang theo thứ đó trong người. Nhưng làm cách nào mà nó lại lọt được vào đồ uống, ông xem?”

Lombard trả lời: “Tôi đã nghĩ về điều đó. Marston đã uống vài thứ tối qua. Giữa lúc mà cậu ấy có ly cuối cùng cho tới lúc mà cậu ta uống ly đó, có một khoảng thời gian trống khá lâu. Trong khoảng thời gian đó ly rượu của cậu ấy được đặt ở chiếc bàn này hoặc chiếc bàn nào đó. Tôi nghĩ - mặc dù không chắc cho lắm - là cái ly đặt ở cái bàn nhỏ bên cửa sổ. Cái cửa sổ đó lại mở. Ai đó hẳn đã lén cho một liều xyanua vào chiếc cốc.”

Blore ré lên, ông ta không thể tin nổi: “Mà không ai trong chúng ta nhìn thấy hắn ư?”

Lombard đáp cộc lốc: “Chúng ta đều - khá bận tâm vào chuyện khác.”

Armstrong chậm rãi tiếp lời: “Đúng vậy. Chúng ta đều bị vu khống. Chúng ta đã đi loanh quanh, đi đi lại lại căn phòng. Tranh cãi, tức giận, chú tâm vào câu chuyện của bản thân mình. Tôi nghĩ là chuyện đó có thể xảy ra...”

Blore nhún vai.

“Sự thật thì, rõ là nó phải xảy ra rồi! Vậy giờ, các quý ông, hãy bắt tay vào thôi. Không ai hú họa mang súng theo chứ? Tôi nghĩ như thế thì khó có thể trông mong.”

Lombard trả lời: “Tôi có một cái đây.” Đoạn anh vỗ vào túi mình.

Mắt ông Blore mở to hết cỡ. Ông nói với cái giọng quá mức xã giao: “Anh luôn mang nó theo bên mình ư?”

Lombard đáp: “Thường là thế. Tôi đã từng ở một vài nơi khá khắc nghiệt, ông biết đấy.”

“Ồ,” Blore nói và bồi thêm, “Chà, vậy chắc anh cũng chưa từng ở chỗ nào khắc nghiệt hơn chỗ ngày hôm nay đâu! Nếu có một kẻ điên đang ẩn náu trên hòn đảo này, hắn hẳn cũng sẽ có một vài thứ vũ khí trong tay - ấy là chưa kể một, hai con dao găm đâu đấy.”

Armstrong húng hắng ho.

“Có lẽ ông đã nhầm về chuyện đó, Blore ạ. Có nhiều tên giết người hàng loạt lại khá khiêm nhường, những tên khá thú vị.”

Blore đáp: “Tôi không nghĩ tên này là loại như vậy, bác sĩ Armstrong ạ.”

Ba người đàn ông bắt đầu cuộc săn tìm quanh hòn đảo.

Chuyện hóa ra lại đơn giản một cách bất ngờ. Ở phía Đông bắc của hòn đảo, chỗ gần vịnh, là nơi vực đổ ra mặt biển, bề mặt không bị phá vỡ.

Phần còn lại của hòn đảo thì không có mấy cây cối và rất ít nơi bị che khuất. Ba người đàn ông tiến hành công việc một cách cẩn thận và có phương pháp, rà qua rà lại kỹ càng từ điểm cao nhất tới tận bờ nước, soát từng gang tấc những dấu hiệu bất thường nơi tảng đá mà rất có thể là một cửa hang. Nhưng chẳng có cái hang nào hết.

Cuối cùng thì, từ chỗ quanh mép nước, họ đến nơi mà tướng Macarthur đang ngồi ngắm nhìn biển khơi. Nơi đây thật bình yên với những đợt sóng vỗ tan khi ập vào vách đá. Người đàn ông ngồi rất thẳng, mắt nhìn chăm chăm về phía đường chân trời.

Ông chẳng tỏ vẻ gì là nhận ra sự xuất hiện của những người tìm kiếm. Sự thờ ơ của ông khiến bất cứ ai cũng phải lấy làm khó chịu.

Blore nhủ thầm: “Thật không bình thường - nhìn cứ như là ông ta đã bị hôn mê bất tỉnh vậy.”

Ông tăng hắng giọng và bắt chuyện: “Ông tìm được một chỗ thật đẹp để ngồi đấy.”

Ông tướng đông cứng người lại. Ném một cái nhìn nhanh lẹ qua vai, ông ta trả lời: “Còn ít thời gian lắm - quá ít. Tôi phải chắc rằng không ai làm phiền tôi nữa.”

Blore nói một cách ôn hòa: “Chúng tôi sẽ không làm phiền ông đâu. Chúng tôi có thể coi là đang dạo quanh hòn đảo thôi. Chỉ

nghĩ là, ông biết đấy, có khi ai đó đang ẩn mình trên này.”

Ông tướng vẫn cứng đờ người, nói: “Ông không hiểu rồi - ông chẳng hiểu gì cả. Ông hãy làm ơn đi chỗ khác cho.”

Blore rút lui. Ông nói, khi quay trở lại gặp hai người kia: “Lão ta điên rồi... chẳng ích gì đi nói chuyện với lão.”

Lombard hỏi, tỏ ra tò mò: “Ông ấy nói gì thế?”

Blore nhún vai.

“Gì đó về cái chuyện là còn ít thời gian và rằng lão không muốn bị ai làm phiền hết.”

Bác sĩ Armstrong nhăn mặt. Ông lẩm bẩm: “Tôi nghĩ là...”

Cuộc tìm kiếm quanh hòn đảo đã được thực hiện đầy thiết thực. Ba người đàn ông đứng trên đỉnh cao nhất nhìn qua biển tới nơi đất liền. Chẳng có con thuyền nào cả. Còn cơn gió thì đang hồi sức.

Lombard lên tiếng: “Không có thuyền đánh cá. Có một cơn bão đang đến rồi. Khốn kiếp, cái phiền toái nhất là không thấy được ngôi làng từ đây. Chúng ta có thể ra dấu hiệu hay làm gì đó rồi.”

Blore đáp: “Chúng ta có thể phát pháo sáng đêm nay.”

Lombard trả lời, nhăn nhó: “Quý quái ở chỗ chuyện đó đã được tính toán cả rồi.”

“Như thế nào cơ?”

“Làm sao tôi biết được cơ chứ? Trò đùa nào đó, chắc thế. Chúng ta sẽ bị đày đọa ở đây, sẽ không có sự chú ý nào để mà ra dấu, đại loại như vậy. Có khi ngôi làng lại được báo tin là có vụ cá cược nào đó chẳng hạn, chuyện của một thằng ngốc nào đó.”

Blore nói một cách mơ hồ: “Anh nghĩ là họ sẽ tin vào mấy thứ

đó chắc?”

Lombard đáp khô khốc: “Tin thì dễ hơn là nghe sự thật! Nếu như dân làng được bảo là cái hòn đảo này phải bị cô lập cho đến khi ông Owen ẩn danh kia đã bí mật giết hết đám khách khứa - ông có nghĩ là họ tin không?”

Bác sĩ Armstrong trả lời: “Có những lúc ngay chính tôi cũng không thể tin nổi. Thế nhưng...”

Philip Lombard bành môi ra mà nói: “Thế nhưng - đúng là thế mà! Chính ông nói thế, bác sĩ à!”

Blore nhìn trân trân vào dòng nước, ông trầm ngâm: “Chắc chẳng ai có thể trèo nổi qua đây đâu nhỉ?”

Armstrong lắc đầu.

“Tôi nghi lắm. Trông khá là hiểm. Và lại hẳn có thể trốn ở đâu cơ chứ?”

Blore đáp: “Có khi lại có cái khe nào ở vực đá. Nếu chúng ta có một cái thuyền lúc này, chúng ta đã có thể vòng quanh đảo rồi.”

Lombard nói: “Nếu có thuyền thì giờ này chúng ta đã đi được nửa chặng đường từ đây đến đất liền!”

“Anh nói đúng.”

Lombard đột nhiên chỉ ra: “Chúng ta đã tường tận về vách đá này. Chỉ có một nơi là có thể có khe mà thôi - hơi lệch về bên phải phía dưới kia. Nếu hai ông có thể giữ dây thừng, thì hãy thả tôi xuống để kiểm tra.”

Blore tán đồng: “Cũng nên làm cho chắc. Dù nghe có vẻ hơi vô lý - chỉ là nghe có vẻ thôi! Tôi sẽ xem có thể tìm được cái gì đó không.”

Nói rồi ông ta bắt đầu cất bước về phía ngôi nhà. Lombard ngẩng đầu lên nhìn bầu trời. Những đám mây bắt đầu tích tụ lại

với nhau làm thành một khối. Gió nổi mạnh dần. Anh ném một cái nhìn về phía Armstrong.

“Ông có vẻ im lặng quá, bác sĩ. Ông đang nghĩ gì thế?”

Armstrong buông từng lời chậm rãi: “Tôi đang nghĩ là chính xác thì ông già Macarthur điên tới mức nào...”

Vera đã không nghĩ ngợi từ sáng. Cô đã cố tránh mặt Emily Brent theo cái kiểu rùng mình ác cảm.

Bản thân cụ Brent thì đã lấy một chiếc ghế ngồi ngay góc ngôi nhà để tránh cơn gió. Cụ ngồi đó đan len.

Cứ mỗi lần Vera nghĩ tới cụ là cô lại thấy một gương mặt nhợt nhạt với mớ rong biển mắc vào tóc... Một gương mặt từng một thời xinh đẹp - một sự xinh đẹp trơ trẽn cũng nên - thứ mà giờ đây đã vượt quá cả tầm với của sự thương hại và kinh hãi.

Và cụ Emily Brent, bình thản và luôn có vẻ cương quyết, ngồi đó đan len.

Nơi hiên nhà chính, ông thẩm phán Wargrave ngồi co rút trong chiếc ghế gập. Cái đầu của ông như rụt hẳn lại vào trong cổ.

Khi Vera nhìn ông, cô nhìn thấy một người đàn ông đang đứng nơi bến tàu - một người đàn ông trẻ tuổi với mái tóc thẳng, đôi mắt xanh và một khuôn mặt sợ sệt vẻ ngơ ngác. Edward Seton. Trong trí tưởng tượng, cô thấy bàn tay già cỗi của ông thẩm phán đặt cái mũ tử hình màu đen lên đầu anh ta và tuyên án...

Mất một lúc Vera mới chầm chậm đi men xuống tới biển. Cô đi bộ tới nơi xa nhất của đảo, nơi có một người đàn ông đang ngồi nhìn chăm chặp về phía đường chân trời.

Tướng Macarthur hơi cựa mình trước sự xuất hiện của cô gái.

Ông quay đầu lại - có một sự kết hợp kỳ lạ như nửa dò hỏi nửa sốt sắng trong cái nhìn của ông. Điều đó làm cô sửng lại. Ông nhìn cô chăm chú không rời mắt trong khoảng một, hai phút.

Cô tự nhủ: “Lạ thật đấy. Cứ như là ông ta biết vậy...”

Ông nói: “A, là cô! Cô đến đó à...”

Vera ngồi xuống bên cạnh ông. Cô tỏ ra quan tâm: “Ông thích ngồi đây ngắm cảnh biển ư?”

Ông ta gật đầu hiền lành.

“Vâng,” ông đáp. “Thật dễ chịu. Chỗ này thật là tốt, tôi thấy thế, để chờ đợi.”

“Chờ đợi ư?” Vera nói sắc lẹm. “Ông đang chờ đợi điều gì thế?”

Ông ta lịch sự đáp: “Sự kết thúc. Nhưng tôi nghĩ cô biết điều đó chứ, phải không? Điều đó là thật, phải không? Tất cả chúng ta đều đang chờ đợi sự kết thúc.”

Cô nói theo cách không quả quyết cho lắm: “Ông đang nói gì vậy?”

Tướng Macarthur nói nghiêm trang: “Chẳng ai trong chúng ta có thể rời khỏi hòn đảo này được cả. Đó là kế hoạch rồi. Cô biết điều đó, tất nhiên rồi, biết hết. Có lẽ, thứ mà cô không hiểu nổi, đó là sự thanh thản!”

Vera hỏi lại một cách ngờ vực: “Thanh thản ư?”

Ông nói: “Vâng, tất nhiên rồi, cô còn rất trẻ... cô còn chưa trải qua điều đó. Nhưng nó sẽ xảy đến! Cái sự thanh thản như được ban phước lành ấy là khi mà cô biết là mọi chuyện sẽ chấm dứt - rằng cô sẽ không phải gánh sự nặng nề thêm một giây phút nào nữa. Cô sẽ có cảm giác đó thôi, một ngày nào đó...”

Vera nói giọng khàn khàn: “Tôi không hiểu ông đang nói gì.”

Ngón tay cô tự dưng bắt chéo nhau vắn vẹo. Đột nhiên cô cảm

thấy sợ người lính già trầm lặng này.

Ông ta trầm ngâm: “Cô biết đấy, tôi từng yêu Leslie. Tôi yêu cô ấy biết bao...”

Vera hỏi lại: “Leslie là vợ của ông ư?”

“Vâng, vợ tôi... Và tôi yêu cô ấy - tôi luôn tự hào về cô ấy. Cô ấy luôn xinh đẹp, luôn rạng rỡ.”

Ông nín thinh mất một hai phút, rồi ông nói tiếp: “Vâng, tôi yêu Leslie. Thế nên tôi mới làm vậy.”

Vera thảng thốt: “Ý ông là...” Cô ngưng lời.

Tướng Macarthur gật đầu nhẹ.

“Cũng chẳng còn ích gì mà phủ nhận vào lúc này nữa - không ích gì khi mà chúng ta đều sắp chết cả. Tôi đã đẩy Richmond vào chỗ chết. Tôi nghĩ, theo một cách nào đó, thì đó cũng là giết người. Lạ làm sao. Giết người - trong khi tôi vốn là một người luôn tuân thủ pháp luật! Nhưng lúc đó không có vẻ như vậy. Tôi đã không hề hối hận. ‘Cho đáng đời nhà nó!’ - đó là tôi từng nghĩ như vậy. Nhưng rồi sau đấy...”

Với cái giọng khó khăn, Vera hỏi: “Rồi, sau đó thì sao?”

Ông ta lắc đầu khó hiểu. Nom ông ta cũng bị bối rối và có phần kiệt quệ.

“Tôi không biết nữa. Tôi - không rõ. Mọi thứ đã khác, cô hiểu chứ? Tôi không biết liệu Leslie có bao giờ đoán được ra không... Tôi không nghĩ thế. Nhưng, cô thấy đấy, tôi không còn rõ điều gì về cô ấy nữa. Cô ấy đã đi xa tới một nơi tôi không thể với được tới rồi. Và cô ấy chết - còn tôi chỉ còn lại một mình...”

Vera lặp lại: “Một mình... một mình...”, và âm thanh vắng lại lời cô dội lại từ phiến đá.

Tướng Macarthur nói tiếp: “Cô sẽ lấy làm mừng mà thôi, khi

ngày đó đến.”

Vera đứng dậy. Cô nói giọng thật sắc: “Tôi không hiểu ông đang nói gì cả!”

Ông ta đáp: “Tôi biết mà, cô gái. Tôi biết...”

“Không, ông không hiểu gì hết...”

Tướng Macarthur lại nhìn hướng ra biển lần nữa. Trông ông như mất ý thức về sự hiện diện của cô ngay đằng sau lưng vậy. Ông ta nói thật hiền từ và êm ái: “Leslie...?”

Khi Blore quay trở lại từ ngôi nhà với một cuộn dây thừng cuốn vào vai, ông thấy Armstrong vẫn ở chỗ cũ, nơi mà ông rời khỏi lúc trước, đang nhìn đâu đó xa xăm.

Blore nói như đứt hơi: “Lombard đâu rồi?”

Armstrong nói mà không thêm để ý: “Đi kiểm tra thử một vài giả thuyết gì đó rồi. Anh ta sẽ quay trở lại sau ít phút nữa. Nhìn kìa Blore, tôi lo lắm.”

“Tôi dám cá là tất cả chúng ta đều lo lắm.”

Ông bác sĩ huơ huơ tay mất kiên nhẫn.

“Tất nhiên - tất nhiên rồi. Tôi không có ý đó. Tôi đang nghĩ về ông Macarthur già kia.”

“Ông ấy làm sao cơ chứ?”

Bác sĩ Armstrong nói một cách dữ tợn: “Chúng ta đang tìm kiếm một người điên. Nhưng nên coi Macarthur là thế nào đây?”

Blore hỏi đầy nghi ngờ: “Ông đang nói ông ta là kẻ giết người hàng loạt sao?”

Armstrong trầm tư nói: “Đáng lẽ tôi không nên nói thế. Dù chỉ

là một phút. Nhưng, tất nhiên, tôi không phải là chuyên gia trong lĩnh vực thần kinh. Tôi cũng chưa có một cuộc trò chuyện nào với ông ta cả - tôi chưa nghiên cứu kẻ đó từ góc độ như vậy.”

Blore nói mơ hồ: “Hâm hấp, đúng thế. Nhưng tôi sẽ không nói là...”

Armstrong chấm dứt câu chuyện với một nỗ lực nhỏ của một người đang cố gắng lấy lại bình tĩnh.

“Có khi ông nói đúng đấy! Khỉ gió, phải có một tên nào đó đang lẩn trốn trên hòn đảo này! A! Lombard kia rồi.”

Họ thốt nút dây thừng cẩn thận.

Lombard dặn dò: “Tôi sẽ tự lo cho mình thôi. Hãy nhớ cảnh giác nếu sợi dây đột nhiên căng mạnh đấy.”

Sau một hay hai phút, khi họ đang đứng cạnh nhau quan sát hoạt động của Lombard, Blore nhận xét: “Cậu ta leo trèo như mèo ấy nhỉ?”

Có cái gì đó kỳ quặc trong giọng nói của ông ta.

Bác sĩ Armstrong đáp lời: “Tôi đoán chắc cậu ta đã từng học leo núi.”

“Có lẽ thế.”

Cả hai chột im lặng và rồi ngài cựu thám tử cất tiếng: “Anh ta có vẻ gì đó kỳ kỳ. Ông biết tôi thấy thế nào không?”

“Thế nào cơ?”

“Anh ta có gì đó không ổn!”

“Không ổn thế nào?”

Blore lầm bầm: “Tôi không biết - chắc chắn. Nhưng tôi sẽ không sẵn lòng tin anh ta tuyệt đối.”

Bác sĩ Armstrong nhìn nhận: “Tôi cho rằng anh ấy từng có cuộc

sống nhiều mạo hiểm.”

Blore đáp: “Tôi dám cược rằng anh ta đã có vài cuộc phiêu lưu khá đen tối.” Ông ta ngưng lời rồi tiếp tục: “Ông có vô tình mang theo một khẩu súng ngắn không, bác sĩ?”

Armstrong sửng người.

“Tôi ư? Chúa ơi, không. Sao lại mang cơ chứ?”

Blore đáp: “Vậy tại sao Lombard lại mang theo?”

Armstrong trả lời với vẻ nghi ngờ: “Tôi đoán là - do thói quen.”

Blore khịt mũi.

Một cú giật bất ngờ kéo căng đoạn dây thừng. Trong vài giây họ đã phải vận hết sức mình. Lúc này, khi đoạn dây đã giãn bớt, Blore nói tiếp: “Có thói quen này, thói quen nọ chứ! Lombard mang theo mình khẩu súng ngắn tới những nơi hoang sơ, thì đúng thôi, và cả bếp ga, túi ngủ lẫn phần chống côn trùng là đương nhiên! Nhưng thói quen ấy lại còn khiến anh ta phải đem theo cả thứ đó đến đây ư! Chỉ có trong mấy cuốn truyện thì người ta mới đem súng đi khắp nơi như là chuyện thường tình.”

Bác sĩ Armstrong lắc đầu bối rối.

Họ nhào người ra phía trước để xem Lombard đã tới đâu. Cuộc thăm dò của anh ta khá kỹ lưỡng và họ có thể thấy ngay là chẳng đem lại kết quả gì. Lúc này thì Lombard đã leo lên tới vách núi. Anh quệt đi mồ hôi trên trán mình.

“Chà,” Lombard lên tiếng. “Chúng ta có lợi thế lớn rồi đây. Chỉ có thể là trong nhà hoặc chẳng ở đâu cả.”

Ngôi nhà thì dễ tìm hơn. Họ xem qua mấy gian bên ngoài trước rồi mới quay trở lại xem ngôi nhà chính ra sao. Chiếc thước đo

của bà Rogers tìm được trong ngăn kéo bếp đã giúp họ. Nhưng cũng chẳng có khoảng trống nào ẩn khuất là chưa được đo đếm cả. Mọi thứ đều đơn giản và minh bạch, một cấu trúc hiện đại không một góc khuất giấu diếm. Họ dò tìm quanh tầng trệt trước tiên. Khi đang lên gác tới tầng dành cho phòng ngủ, qua ô cửa sổ nơi chiếu nghỉ, họ bắt gặp ông Rogers đang bưng một khay cocktail ra hiên nhà.

Philip Lombard nói nhẹ nhàng: “Một người tuyệt vời, một người phục vụ tốt. Ông ta cứ tiếp tục làm mọi thứ với dáng vẻ bình thản làm sao.”

Armstrong thì tỏ vẻ cảm kích: “Rogers là một người quản gia hạng nhất, tôi dám nói như vậy!”

Blore tiếp lời: “Vợ ông ấy cũng là một người nấu ăn cừ khôi nữa. Bữa tối... hôm qua...”

Họ quay vào trong căn phòng ngủ đầu tiên.

Năm phút sau, cả ba người quay lại nơi chiếu nghỉ. Chẳng có ai đang trốn ở đó cả - chẳng có chỗ nào khả dĩ trốn được.

Blore thốt lên: “Có một cái cầu thang nhỏ ở đây.”

Bác sĩ Armstrong tiếp lời: “Nó dẫn tới căn phòng của người phục vụ.”

Blore cho biết: “Phải có một chỗ nào đó dưới mái nhà - chỗ để chứa nước, thùng nước, hay gì đó. Chỗ đó là khả thi nhất - và cũng là chỗ duy nhất mà thôi!”

Và chính lúc ấy, khi đang đứng đó, họ nghe thấy một âm thanh vọng ra từ bên trên. Một tiếng chân người lén lút từ phía trên đầu.

Cả ba người đều nghe thấy tiếng động đó. Armstrong với lấy cánh tay của Blore. Lombard thì ra dấu ngón tay tỏ ý quở trách.

“Yên nào - nghe này.”

Tiếng động đó lại phát ra - có ai đó đang di chuyển nhẹ nhàng, bí mật, phía bên trên.

Armstrong thì thầm: “Thì ra hẳn đang ở trong phòng ngủ. Căn phòng nơi có bà Rogers ấy.”

Blore thì thầm đáp lại: “Tất nhiên rồi! Nơi ẩn náu tốt nhất mà hẳn có thể chọn! Chẳng ai là có thể lên đó được. Giờ thì - hãy cố mà yên lặng.”

Họ rón rén bước lên bậc thang.

Tới bậc thềm bên ngoài phòng ngủ thì họ dừng lại. Đúng thế, có ai đó đang ở trong phòng thật. Có tiếng cọt két phát ra từ bên trong.

Blore nói khẽ: “Vào.”

Nói đoạn ông ta xô cánh cửa và ừa vào trong, hai người còn lại theo sát phía sau.

Rồi cả ba đều đứng chết lặng.

Ông Rogers đang ở trong phòng, với đầy ắp những quần với áo trên tay.

Blore hỏi lại trước tiên. Ông ta cất lời: “Xin lỗi - ờm - ông Rogers. Chúng tôi nghe thấy có ai đó đang đi lại trong phòng, và nghĩ là... thì...” Ông dừng lại.

Rogers đáp: “Tôi xin lỗi quý vị. Tôi chỉ đang dời đồ đạc của mình thôi. Chắc cũng không ai phản đối nếu tôi dùng căn phòng trống của khách ở tầng dưới chứ? Căn phòng nhỏ nhất ấy.”

Armstrong là người mà viên quản gia nói tới và Armstrong bèn đáp: “Tất nhiên. Tất nhiên rồi. Ông cứ tiếp tục đi.”

Tránh nhìn cái hình thù được phủ kín đang nằm trên giường, ông Rogers khẽ giọng: “Xin cảm ơn, thưa ông.”

Đoạn ông ta bước ra khỏi căn phòng với đầy những đồ dùng trên tay và bước xuống cầu thang dẫn tới tầng bên dưới.

Armstrong bước đến đầu giường và nhắc tấm khăn liệm lên, ông nhìn xuống khuôn mặt bình thản của người đàn bà đã chết. Chẳng còn sự sợ hãi nào ở đó nữa. Chỉ có ngự trị duy nhất một sự trống rỗng.

Armstrong chợt thốt lên: “Giá như tôi mang theo mấy đồ nghề của mình. Tôi muốn biết đó là thứ thuốc gì.”

Rồi ông quay lại phía hai người kia.

“Làm cho xong thôi. Thâm tâm tôi nghĩ chúng ta sẽ chẳng tìm thấy thứ gì ở đây cả.”

Blore đang đánh vật với một cái chốt trên cửa ra vào.

Ông nói: “Ông ta di chuyển nhanh thật đấy. Mới một, hai phút trước chúng ta còn thấy ông ta trong vườn. Chẳng có ai nghe thấy tiếng ông ta đi lên gác cả.”

Lombard nhỏ tiếng: “Tôi nghĩ đó là lý do vì sao chúng ta đoán là có kẻ lạ đi lại trên này.”

Blore biến mất trong bóng tối bao phủ kín mít. Lombard lấy ra một chiếc đèn pin từ trong túi và theo sau.

Năm phút sau, ba người đàn ông đã đứng ở chiếu nghỉ phía trên mà nhìn lẫn nhau. Trên người vướng đầy mạng nhện, khuôn mặt người nào người nấy mang đầy vẻ rầu rĩ.

Chẳng có ai trên hòn đảo này ngoại trừ nhóm tám người bọn họ.



Chương 9

Lombard nói một cách chậm rãi: “VẬY là chúng ta đã làm - làm ngay từ đầu! Tự dựng nên một cơn ác mộng huyền hoặc và ảo tưởng chỉ vì hai cái chết trùng hợp!”

Armstrong nghiêm trang nhận xét: “Thế nhưng, anh thấy đó, cuộc tranh cãi là có lý. Cứ dừng ở đó đã, tôi là một bác sĩ, tôi biết vài điều về tự sát. Anthony Marston không phải là loại người đi tự tử.”

Lombard cho biết với vẻ nghi ngờ: “Tôi nghĩ, chẳng lẽ lại không thể là một vụ tai nạn sao?”

Blore khịt mũi, tỏ vẻ không được thuyết phục cho lắm.

“Trùng hợp gì mà quái gở vậy cơ chứ?” Ông ta cầu nhàu.

Một khoảng lặng, rồi ông Blore cất tiếng: “Về người phụ nữ đó...”, rồi dừng lại.

“Bà Rogers ư?”

“Vâng. Cũng có khi, chỉ là một tai nạn thôi, đúng không?”

Philip Lombard thốt lên: “Tai nạn á? Tại nạn kiểu gì cơ?”

Blore nom ngượng ngùng. Khuôn mặt đỏ gạch của ông ta trở nên sẫm màu hơn. Và ông ta trả lời, gần như là buột miệng: “Thế này nhé, bác sĩ, ông có đưa cho bà ấy liều thuốc mê gì đó mà, ông biết rõ mà.”

Armstrong nhìn lại chằm chằm.

“Thuốc mê á? Ông có ý gì vậy?”

“Tối qua. Chính ông đã nói là ông sẽ cho bà ấy uống một liều gì đó để đi ngủ.”

“Ồ đúng rồi, đúng thế. Một liều thuốc ngủ vô hại.”

“Chính xác thì nó là cái gì?”

“Tôi đã đưa cho bà ấy uống một liều trional loại vừa. Đó là một sự chuẩn bị hoàn toàn vô hại.”

Mặt ông Blore đỏ thêm lên. Ông hỏi gặng: “Xem này - không phải là tôi làm quá chuyện này lên - nhưng ông chắc là không đưa cho bà ấy dùng quá liều đó chứ?”

Bác sĩ Armstrong giận dữ vặc lại: “Tôi không hiểu nổi ý ông là gì.”

Ông Blore nói: “Cũng có thể chứ, phải không, rằng ông mắc một lỗi nào đó? Những chuyện như thế này cũng đôi khi xảy ra mà.”

Armstrong nói sắc như dao: “Tôi không làm những chuyện như vậy. Cách nghĩ như vậy thật ngớ ngẩn.” Ông ta dừng lại một thoáng và thêm vào với giọng đặng ngắt: “Hay ý ông là tôi đã cho bà ấy dùng quá liều có chủ đích?”

Philip Lombard nói nhanh: “Khoan đã, hai người, phải giữ bình tĩnh chứ. Đừng có khởi ra những lời buộc tội lung tung như vậy.”

Blore nói, vẻ rầu rĩ: “Tôi chỉ nghĩ là có thể ông bác sĩ mắc phải nhầm lẫn thôi.”

Bác sĩ Armstrong gắng nở một nụ cười, ông ta phô ra hàm răng với nụ cười không mang nét vui tươi chút nào: “Bác sĩ không thể phạm phải những lỗi như thế được, ông bạn của tôi ạ.”

Ông Blore cố tình nói: “Cũng không phải là lần đầu tiên ông mắc phải mà - nếu như lời chiếc loa đó nói là tin được!”

Khuôn mặt bác sĩ Armstrong trở nên trắng bệch. Philip Lombard nhanh miệng nói một cách giận dữ với ông Blore: “Ông

cứ phải gây hiềm khích như thế để làm gì? Chúng ta đều đang trên cùng một thuyền. Phải cùng đoàn kết chứ. Thế còn cái tin ông khai man thì sao hả?”

Ông Blore dẫn tới một bước, bàn tay nắm chặt, ông ta gằn từng tiếng với giọng chắc nịch: “Khai man cái con khỉ! Đó là một lời nói dối! Anh cứ cố mà chặn họng tôi lại đi, Lombard, nhưng có những điều mà tôi muốn tìm cho ra nhé - và một trong số đó là chuyện của anh đấy!”

Đôi mày của Lombard rướn lên.

“Về tôi á?”

“Đúng đấy. Tôi muốn biết tại làm sao mà anh lại mang theo một khẩu súng ngắn bên mình trong khi đến đây để gặp gỡ xã giao?”

Lombard đáp: “À, là ông muốn biết, chứ gì?”

“Đúng thế đấy, anh Lombard.”

Lombard bất ngờ nói: “Ông biết không, Blore, ông cũng không đến nỗi ngờ nghệch như cái vẻ bên ngoài của ông đâu.”

“Cũng có thể là thế đấy. Thế còn khẩu súng thì sao đây?”

Lombard mỉm cười.

“Tôi mang nó theo vì tôi đang chuẩn bị lâm vào một chuyện rắc rối.”

Blore nói đầy nghi hoặc: “Anh không hề nói với chúng tôi tối qua.”

Lombard lắc đầu.

“Anh muốn giấu không cho chúng tôi biết sao?” Ông Blore tiếp tục.

“Theo cách nào đó thì đúng như thế.” Lombard đáp.

“Ôi, thôi đi, nói toẹt ra đi.”

Lombard nhả từng lời, một cách chậm chạp: “Tôi muốn để mọi người nghĩ là tôi cũng bị kéo tới đây theo cái cách mà mọi người đều bị. Điều đó không hẳn là đúng. Thực ra thì có một tên Do Thái nhỏ thó đã gặp tôi - tên hắn là Morris. Hắn đã trả tôi một trăm gui-nê để xuống đây thám hiểm mọi thứ - hắn nói là tôi có tiếng giỏi xoay xử trong tình huống khó khăn.”

“Rồi sao nữa?” Blore chen ngang với vẻ mặt kiên nhẫn.

Lombard nhếch miệng: “Chỉ có vậy thôi.”

Bác sĩ Armstrong thêm vào: “Nhưng chắc là hắn ta phải nói điều gì đó nữa với anh chứ?”

“Ồ không, hắn không thêm gì cả. Chỉ câm như hến. Hoặc nhận hoặc bỏ - đó là lời mà hắn nói. Tôi đang cần tiền gấp, nên đã nhận.”

Blore có vẻ không tin cho lắm. Ông ta hỏi: “Tại sao anh không cho chúng tôi biết điều này vào tối qua?”

“Quý ông thân mến của tôi...” Lombard nhún vai đầy cảm xúc. “Làm sao mà tôi biết được là chuyện tối qua không phải là thứ cuối cùng mà tôi phải bận tâm ở đây? Tôi đành phải giấu thân phận thật và bịa ra một câu chuyện không ràng buộc mà thôi.”

Bác sĩ Armstrong khôn khéo đáp: “Nhưng bây giờ - anh nghĩ khác rồi chứ?”

Mặt Lombard thay đổi. Khuôn mặt đó trở nên tối sầm và rắn đanh lại. Anh ta đáp: “Đúng thế. Bây giờ thì tôi tin là tôi cũng cùng hội cùng thuyền với các ông cả thôi. Cái số tiền một trăm gui-nê đó chỉ là mồi phô-mát dụ tôi vào bẫy cùng với mọi người.”

Rồi anh nói chậm rãi: “*Và vì chúng ta đang ở trong bẫy* - tôi dám thề là như thế! Cái chết của bà Rogers! Của Tony Marston!

Tượng lính biến mất khỏi bàn ăn nữa! Đúng thế, bàn tay của tên Owen kia đã lộ rõ - nhưng hắn ở cái chỗ quý quái nào mới được cơ chứ?”

Dưới nhà, một hồi chuông trang nghiêm vẳng lên báo đã đến giờ ăn trưa.

Rogers đang đứng bên cánh cửa phòng ăn. Khi ba người đàn ông xuống cầu thang thì ông ta bước một, hai bước tới trước. Ông ta nói với giọng trầm lo lắng: “Tôi hy vọng là bữa trưa đáng hài lòng. Có đĩa thịt nguội và lười đông lạnh, tôi cũng luộc thêm cả khoai tây. Và có cả phô-mát, bánh quy, cùng với hộp hoa quả thiếc.”

Lombard đáp lời: “Nghe có vẻ ổn rồi. Vậy là kho chứa có vẻ dư thừa nhỉ?”

“Có rất nhiều thức ăn, thưa ông - đủ các loại đồ hộp. Kho thịt cũng được bảo quản tốt. Tôi nghĩ, đó là một điều cần thiết, ở nơi mà đảo cách xa đất liền trong một khoảng thời gian dài.”

Lombard gật gù.

Rogers lẩm bẩm khi bước theo ba người đàn ông vào phòng ăn.

“Điều làm tôi lo lắng là việc hôm nay, Fred Narracott vẫn chưa qua đây. Điều này không may một cách kỳ lạ, như các ông thấy đấy.”

“Đúng vậy.” Lombard tán thành. “Nói không may một cách kỳ lạ là hoàn toàn chuẩn xác.”

Cụ Brent bước vào căn phòng. Cụ vừa đánh rơi một cuộn len và lúc này đang cuộn lại đoạn len cuối cùng một cách cẩn thận.

Khi đã ngồi vào bàn ăn, cụ đưa ra nhận xét: “Thời tiết đang thay đổi. Gió đang mạnh lên và tôi thấy có sóng bạc đầu ở ngoài

khởi.”

Thẩm phán Wargrave vừa bước vào. Ông ta rải những bước đều chân, chậm chạp, ném một cái nhìn nhanh từ dưới đôi mày rậm rạp của mình về phía những người đang ở trong phòng ăn. Rồi ông ta lên tiếng: “Các ngài đã có một buổi sáng thật tích cực.”

Có gì đó như sự thỏa mãn độc ác trong giọng nói của ông ta. Vera Claythorne vội vã đi vào. Nom cô có vẻ như hụt hơi. Cô nói nhanh: “Tôi mong là mọi người chưa phải chờ tôi. Tôi xuống muộn phải không?”

Cụ Emily Brent trả lời: “Cô không phải người cuối cùng đâu. Ông đại tướng vẫn chưa xuất hiện.”

Họ bắt đầu ngồi quanh bàn ăn.

Ông Rogers quay sang cụ Brent.

“Bà muốn bắt đầu rồi chứ, thưa bà, hay bà muốn đợi một lúc?”

Vera nói xen vào: “Tướng Macarthur đang ngồi ở ngay bên bờ biển. Dù gì tôi cũng không nghĩ là ông ấy có thể nghe được tiếng chuông đâu.” Cô ngập ngừng. “Ngày hôm nay ông ấy có vẻ hơi khó hiểu, tôi thấy thế.”

Ông Rogers nhanh nhẩu: “Tôi sẽ xuống báo với ông ấy là bữa trưa đã sẵn sàng.”

Bác sĩ Armstrong nháy dựng lên.

“Tôi sẽ đi.” Ông ta tự nguyện. “Các vị cứ bắt đầu bữa ăn đi.”

Rồi vị bác sĩ rời khỏi căn phòng. Từ phía sau, ông nghe thấy tiếng ông Rogers hỏi: “Bà muốn lười đông lạnh hay thịt nguội, thưa bà?”

Năm người ngồi quanh bàn ăn lúc này cảm thấy thật khó khăn

để bắt đầu cuộc trò chuyện. Bên ngoài, những cơn gió giật bất chợt ủa đến rồi tan biến.

Vera có hơi run một chút, cô thẽ thọt: “Cơn bão sắp tới rồi.”

Ông Blore góp lời cho cuộc hội thoại, ông ta nói kiểu tiếp chuyện: “Có một ông lão trên chuyến tàu từ Plymouth hôm qua. Ông ấy cứ liên tục nói rằng có một cơn bão đang đến. Thật tuyệt vời làm sao cái cách mà mấy người đó đoán biết được thời tiết, mấy người từng đi biển ấy.”

Ông Rogers đi quanh bàn ăn thu gom lại những đĩa thịt.

Đột nhiên, với chõng đĩa trên tay, ông ta dừng lại.

Viên quản gia nói với giọng sợ hãi: “Có ai đó đang chạy...”

Tất cả mọi người đều nghe được âm thanh đó - bước chân chạy dọc theo hiên nhà.

Trong giây phút đó, họ đã biết - họ biết mà không cần thông báo gì...

Như được giao hẹn từ trước, ai nấy đều đứng thẳng dậy. Họ đứng đó nhìn ra phía cửa.

Bác sĩ Armstrong xuất hiện, thở hổn hển.

Ông ta thông báo: “Tướng Macarthur...”

“Chết rồi!” Âm thanh như bùng phát từ Vera.

Armstrong xác nhận: “Vâng, ông ấy chết rồi...”

Lại một khoảng lặng - một khoảng lặng dài thật dài.

Bảy người bọn họ nhìn nhau mà không tìm được lời nào để nói.

Cơn bão ập tới ngay khi xác của người đàn ông già được khiêng

qua cánh cửa.

Những người còn lại thì đứng ở trong sảnh.

Đột nhiên có một tiếng rít ròi gầm gừ khi cơn mưa đổ xuống.

Trong lúc ông Blore và Armstrong leo lên cầu thang cùng với sức nặng kia, Vera đột ngột quay trở lại căn phòng ăn trống trải.

Nó vẫn y hệt như lúc họ rời khỏi đó. Cô ở đó được khoảng một hay hai phút thì ông Rogers khẽ chân đi vào căn phòng.

Ông khựng lại khi nhìn thấy cô. Vừa lúc đó, mắt ông như dò hỏi điều gì.

Ông lên tiếng: “Ồ, quý cô, tôi - tôi chỉ muốn tới xem...”

Với một giọng khắc nghiệt đến chính cô cũng phải ngạc nhiên, Vera trả lời: “Ông đoán đúng rồi đó, Rogers. Hãy tận mắt xem này. Chỉ còn có bảy chiếc thôi...”

Tướng Macarthur đã được đặt trên giường của ông ta. Sau khi thực hiện lần kiểm tra cuối cùng, Armstrong rời căn phòng và bước xuống dưới nhà. Ông thấy những người khác đang họp lại với nhau trong căn phòng khách.

Cụ Brent đang đan len. Vera Claythorne thì đứng bên cửa sổ quan sát cơn mưa gầm gào.

Ông Blore vẫn ngồi vuông vắn trong chiếc ghế, tay đặt trên gối. Lombard đi lên đi xuống không chút ngưng nghỉ. Trong một góc phòng xa, thẩm phán Wargrave đang ngồi trong chiếc ghế bành to. Mắt ông như khép lại.

“Thế nào rồi, bác sĩ?”

Armstrong mặt tái nhợt. Ông ta cho biết: “Không có vẻ là một cơn đau tim hay thứ gì đại loại như thế cả. Macarthur đã bị đánh

vào đầu bởi một cái cần phao hay một thứ gì đó tương tự.”

Một đợt rì rào lan tỏa ra xung quanh, nhưng thứ giọng rành rọt của ông thẩm phán lại một lần nữa nổi lên trên hết.

“Ông có thấy loại vũ khí thực được sử dụng không?”

“Không.”

“Nhưng dù thế ông vẫn chắc chắn về điều ông nói chứ?”

“Tôi hoàn toàn tin chắc.”

Ông thẩm phán Wargrave nói khẽ: “Giờ thì chúng ta đã biết đích xác tình cảnh của chúng ta rồi.”

Chẳng còn nghi ngờ gì về việc ai là người nắm quyền hành trong tay nữa. Sáng nay Wargrave còn ngồi thu lu trong chiếc ghế của mình ở góc hiên nhà lảng tránh mọi hoạt động lộ liễu. Còn giờ thì ông ta tự nắm lấy quyền chỉ huy một cách dễ dàng nhờ có thói quen lâu năm của một người có thẩm quyền. Rõ ràng ông ta là người điều hành cả tòa án.

Tầng hắng lấy giọng, ông Wargrave lại nói thêm.

“Sáng nay, thưa các vị, trong khi tôi đang ngồi ở hiên nhà, thì tôi đã quan sát được việc mà các vị làm. Tôi có một chút nghi ngờ về mục đích của việc đó. Quý vị đã đi tìm khắp hòn đảo này vì một tên giết người vô danh ư?”

“Hoàn toàn đúng vậy, thưa ông.” Philip Lombard đáp.

Ông thẩm phán tiếp tục.

“Không nghi ngờ gì, là các vị cũng đi đến cùng một kết luận với tôi - rằng cái chết của Anthony Marston và bà Rogers không hề do trùng hợp ngẫu nhiên, cũng chẳng phải do tự sát. Chắc hẳn các vị cũng đi đến kết luận về mục đích của ông Owen khi lôi kéo chúng ta ra hòn đảo này?”

Ông Blore nói, giọng khàn khàn: “Lão ta là một tên điên! Một

thằng mất trí.”

Ông thẩm phán húng hắng ho.

“Điều đó là hiển nhiên rồi. Nhưng cũng chẳng thể hiện rõ vấn đề gì. Bây giờ mối lo chính của chúng ta là - giữ lấy mạng sống của bản thân mình.”

Armstrong nói, giọng run lấy bầy: “Nhưng chẳng có ai trên hòn đảo này cả, tôi nói cho mọi người hay. Chẳng có ai cả!”

Ông thẩm phán vân vê cằm của mình, nói một cách ôn tồn: “Với cách ông nghĩ, thì không. Tôi đã đi tới kết luận đó từ sáng nay rồi. Đáng lẽ tôi đã nói với các vị rằng cuộc tìm kiếm đó sẽ chẳng đem lại kết quả gì. Nhưng dù sao đi nữa thì tôi cũng rất đồng tình với ý kiến là ‘ông Owen’ (nếu ta gọi hắn theo cái tên mà tự hắn nghĩ ra) đang ở trên đảo. Nhiều khả năng là thế. Với kế hoạch mà chúng ta đang xem xét thì nó không có gì khác hơn là thi hành án đối với một số người, vì những tội mà luật pháp không thể với tay tới được, và chỉ có mỗi một cách để kế hoạch đó được hoàn tất. Ông Owen chỉ có thể đến hòn đảo theo một con đường duy nhất mà thôi. Như vậy là đã sáng tỏ hoàn toàn, ông Owen chính là một trong số chúng ta...”

“Ôi, không, không, không...”

Chính Vera là người đã thốt lên trước - gần như là rên rỉ. Ông thẩm phán đưa một cái nhìn quan tâm về phía cô.

Ông nói: “Cô gái trẻ thân mến của tôi, giờ không phải là lúc để phủ nhận sự thật sờ sờ trước mặt. Chúng ta đều đang trong tình cảnh nguy hiểm hết sức. Một trong số chúng ta là U.N. Owen. Và chúng ta lại không biết là ai. Trong số mười người đặt chân đến đảo này thì có ba người là không dính líu gì rồi. Anthony Marston, bà Rogers, và tướng Macarthur là không thể bị nghi ngờ

gì cả. Vậy là còn bảy người chúng ta thôi. Trong số này, một người là, nếu tôi được phép nói như thế này, là một tên lính rởm.”

Ông dừng lời và nhìn quanh.

“Tôi nghĩ là mọi người đồng ý cả chứ?”

Bác sĩ Armstrong trả lời: “Thật không bình thường - nhưng tôi đoán là ông nói đúng.”

Ông Blore tiếp lời: “Không nghi ngờ gì rồi. Và nếu ông hỏi tôi, tôi có một giả thuyết rất hay là...”

Bằng một động tác nhanh lẹ, bàn tay của thẩm phán Wargrave đã ngăn ông ta lại. Thẩm phán nói khẽ khàng: “Chúng ta sẽ đề cập tới việc đó ngay bây giờ đây. Ngay lúc này, tôi muốn chắc là chúng ta đều đồng tình với sự thật này.”

Cụ Emily Brent vẫn tiếp tục đan, lên tiếng: “Cách biện luận của ông có vẻ logic. Tôi cũng đồng ý là một trong số chúng ta bị quỷ ám.”

Vera lẩm bẩm: “Tôi không tin được... không thể nào...”

Thẩm phán Wargrave hỏi tới: “Anh Lombard?”

“Tôi cũng đồng ý, thưa ông, hoàn toàn đồng ý.”

Ông thẩm phán gật đầu với phong thái mãn nguyện. Ông nói: “Bây giờ thì chúng ta hãy kiểm tra các chứng cứ. Để bắt đầu, liệu có nguyên cơ gì để nghi ngờ một ai đó cụ thể hay không? Ông Blore, tôi đoán ông có điều gì muốn nói.”

Ông Blore bắt đầu thở hơi khó nhọc. Ông ta trả lời: “Lombard có một khẩu súng ngắn. Anh ta không nói thật - vào tối hôm qua. Anh ta đã thừa nhận điều đó.”

Philip Lombard mỉm cười khinh miệt.

Anh cất tiếng: “Tôi nghĩ tốt hơn hết là tôi nên giải thích lại.”

Và anh làm hết như thế, kể lại câu chuyện một cách ngắn gọn và súc tích.

Ông Blore nói sắc lém: “Thế thì chúng mình được gì? Chẳng có gì có thể xác minh cho câu chuyện của anh hết.”

Ông thẩm phán lại ho.

“Đáng tiếc thay,” ông ta nói, “chúng ta đều trong tình huống như vậy. Chỉ có điều chúng ta nói là được phổ biến thôi.”

Rồi vị thẩm phán nhòai người ra phía trước.

“Chưa ai trong số quý vị đây hiểu được sự kỳ quặc của tình hình mà chúng ta gặp phải. Với tôi thì chỉ có một việc phải làm mà thôi. Có ai trong số chúng ta là loại bỏ được mọi nghi ngờ dựa vào những bằng chứng mà chúng ta hiện có hay không?”

Bác sĩ Armstrong nói nhanh: “Tôi, tôi là một bác sĩ lành nghề được nhiều người biết tới. Chỉ cái ý nghĩ rằng tôi có thể bị nghi là...”

Lại một lần nữa, tay thẩm phán lại đưa ra cử chỉ chặn đứng một người đang trình bày ý kiến của họ. Ông thẩm phán lại nói với giọng rõ ràng, nhưng nho nhỏ: “Tôi cũng vậy chứ, là một người được biết đến khá nhiều! Nhưng, quý ông thân mến, điều đó chẳng chứng tỏ được điều gì cả! Bác sĩ đã mất trí từ trước tới nay. Mấy tên thẩm phán cũng mất trí chứ. Và...” ông ta bồi thêm, nhìn thẳng vào ông Blore, “cảnh sát cũng vậy nốt!”

Lombard nói: “Dù gì đi nữa, tôi đoán ông cũng sẽ loại phụ nữ khỏi diện tình nghi.”

Đôi mày ông thẩm phán lại rướn lên. Ông ta nói với chất giọng chua loét nổi tiếng mà ban hội thẩm đã quá quen thuộc: “Tôi có hiểu đúng khi nói là anh muốn khẳng định phụ nữ không thể đi giết người hàng loạt không?”

Lombard nói với vẻ khó chịu: “Tất nhiên là không. Nhưng kể cả thế, nó cũng khó mà xảy ra được...”

Anh dừng lời. Ông thẩm phán Wargrave vẫn nói với giọng mỏng chua chát khi hướng tới Armstrong.

“Bác sĩ Armstrong à, tôi nghĩ là một người phụ nữ vẫn có đủ sức lực để thực hiện cú đánh giết chết ông Macarthur tội nghiệp, phải không?”

Ông bác sĩ nói bình tĩnh: “Hoàn toàn được - nếu có công cụ phù hợp, chẳng hạn như một chiếc dùi cao su hay cây gậy.”

“Điều đó không đòi hỏi quá sức chứ?”

“Không hề.”

Ông thẩm phán Wargrave vặn vẹo cái cổ rùa của mình. Ông kết luận: “Hai cái chết trước là do dùng thuốc. Điều đó, không ai có thể bàn cãi là không thể do một người với sức khỏe thể chất yếu nhất.”

Vera hét lên giận dữ: “Tôi nghĩ là ông điên rồi!”

Mắt ông chăm chăm đảo qua cho tới khi bắt gặp cô. Đó là cái nhìn chăm chặp không thiên vị của một người đàn ông đã quá quen với cảnh phải cân nhắc lòng nhân từ.

“Ông ta nhìn cứ như thể mình là... mình chỉ là một mẫu thí nghiệm vậy. Và...” Rồi một ý nghĩ gây bất ngờ lớn đột nhiên lướt qua tâm trí cô, ‘Ông ta không ưa mình mấy!’

Với một giọng kìm nén, ông thẩm phán bắt đầu nói: “Cô gái trẻ quý mến của tôi ơi, hãy cố gắng mà kiềm chế cảm xúc của cô. Tôi không hề buộc tội cô nhé.” Ông cúi mình quay sang phía cụ Brent. “Tôi cũng mong là, bà Brent, rằng bà không lấy làm phiền bởi việc tôi khẳng định là chúng ta đều đáng bị nghi như nhau chứ?”

Cụ Brent vẫn đang đan len. Cụ không thèm ngẩng mặt lên lấy

một lần. Với một chất giọng lạnh lùng, cụ nói: “Cái ý tưởng rằng tôi có thể bị buộc tội tước đi mạng sống của một đồng loại - chứ chưa nói gì đến ba mạng sống - tất nhiên là rất vô lý đối với những người hiểu rõ tính cách của tôi. Nhưng tôi cũng hoàn toàn ý thức được cái sự thật là chúng ta toàn là những người xa lạ với nhau, và rằng, trong những hoàn cảnh như vậy, không ai có thể được tha tội trừ khi có được chứng cứ đầy đủ. Như tôi đã nói đó, có một con quỷ hiện hữu trong số chúng ta.”

Ông thẩm phán nói: “Vậy là chúng ta đồng thuận. Sẽ không có một ngoại lệ nào chỉ dựa trên cơ sở là nhân cách hay vị thế nữa.”

Lombard hỏi lại: “Vậy còn ông Rogers thì sao?”

Ông thẩm phán nhìn anh không chớp mắt.

“Ông ấy làm sao?”

Lombard trả lời: “Chà, với tôi thì Rogers hoàn toàn thuộc phần ngoại lệ.”

Ông thẩm phán Wargrave thừa nhận: “Đúng thế thật, mà dựa trên cơ sở gì thế?”

Lombard đáp: “Ông ấy không đủ kiến thức là thứ nhất. Và thứ hai là vợ ông ấy nằm trong số những nạn nhân.”

Đôi mày ông thẩm phán lại rướn lên lần nữa. Ông nói: “Vào cái thời của tôi, chàng trai trẻ ọ, có tới vài người đã phải hầu tòa vì lời buộc tội sát hại chính vợ của họ - và còn bị chứng minh là có tội nữa.”

“Ồ! Tôi đồng ý. Giết vợ là việc hoàn toàn có thể xảy ra - gần như là chuyện tự nhiên phải thế, cứ coi như thế đi! Nhưng không phải loại người này! Tôi có thể tin là Rogers giết bà ấy vì sợ rằng vợ mình có thể suy sụp mà làm lộ mọi chuyện về ông ta, hoặc có thể vì ông ta đã chán ghét bà ấy, hoặc có khi vì ông ấy muốn cặp kè

với một mục già khụ khú để nào đó. Nhưng tôi không thể hiểu được chuyện ông ta là một tên Owen thần kinh nào đó đi thi hành pháp luật bằng cách bắt đầu từ vợ của chính mình trong khi cả hai bọn họ cùng tham gia.”

Thẩm phán Wargrave nói: “Anh đang tự cho những tin đồn đó là chứng cứ. Chúng ta không thể biết được có đúng là Rogers và vợ đã cùng nhau lên kế hoạch giết người chủ của họ hay không. Biết đâu đó lại là một lời dối trá chỉ để khiến cho Rogers lâm vào tình thế giống như chúng ta thì sao. Cú sốc của bà Rogers tối qua biết đâu là do việc bà ấy nghĩ là chồng mình bị loạn trí.”

Lombard đáp: “Được, thế thì cứ làm điều ông thích, U.N. Owen là một trong số chúng ta. Không có ngoại lệ nào hết. Tất cả đều như nhau.”

Thẩm phán Wargrave tiếp tục: “Tôi muốn chỉ ra rằng không có ngoại lệ nào dựa trên cơ sở là nhân cách, vị thế, hay việc có thể hay không. Cái mà chúng ta cần kiểm tra hiện giờ là tính khả thi của việc ai đó được ngoại phạm hay không dựa trên mọi dữ kiện. Nói một cách đơn giản, liệu có một ai hay nhiều người trong số chúng ta là không thể có khả năng dùng xyanua với Anthony Marston, hay như chuyện thuốc ngủ quá liều với bà Rogers, và ai không thể có thời cơ thuận lợi ra đòn giết chết tướng Macarthur?”

Khuôn mặt có hơi nặng nề của ông Blore như được thắp sáng. Ông khom người về trước.

“Có thể chứ, thưa ngài!” Ông ta thốt lên. “Chính là thế! Hãy nói thêm về chuyện đó đi. Về trường hợp của cậu Marston trẻ kia, tôi không nghĩ là có gì cần phải bàn rồi. Mọi thứ cho thấy là có ai đó từ bên ngoài đã rắc thứ gì đó vào cốc rượu của cậu ta trước khi cậu ta rót đầy lần cuối. Một người ở trong căn phòng thậm chí còn có thể làm chuyện đó dễ dàng hơn. Tôi không nhớ là Rogers

có ở trong phòng hay không, nhưng bất cứ ai trong số chúng ta ở đây đều có thể thực hiện được việc đó.”

Ông dừng lời, rồi nói tiếp: “Còn giờ thì đến vợ Rogers. Những người nổi bật ở đây thì có chồng bà ta và ông bác sĩ. Một trong số họ đã có thể làm chuyện đó dễ như...”

Armstrong đứng hẳn dậy. Ông ta đang run rẩy.

“Tôi phản đối - thế này thật không cần thiết! Tôi thề là chỗ thuốc mà tôi đưa cho bà ấy uống hoàn toàn...”

“Bác sĩ Armstrong.”

Cái giọng nhỏ bé chua chát ấy thật đầy sức thuyết phục. Ông bác sĩ giật mình ngưng lại câu nói đang dang dở của mình. Tiếng nói nhỏ, lạnh lùng tiếp tục cất lên: “Sự phẫn nộ của ông là rất bình thường. Dù gì đi nữa thì ông cũng phải thừa nhận những dữ kiện mà ông phải đối mặt. Hoặc ông hoặc là Rogers đã có thể đưa liều thuốc chết người ấy một cách vô cùng dễ dàng. Bây giờ thì chúng ta hãy cùng xem xét tình thế của những người còn lại. Liệu có khi nào tôi, hay thám tử Blore, bà Brent, cô Claythorne, anh Lombard đã có thời cơ mà thực hiện việc đầu độc hay không? Có ai trong số chúng ta có thể hoàn toàn ngoại phạm hay không?” Ông ta ngừng lại. “Tôi không nghĩ như vậy.”

Vera tỏ ra giận dữ: “Tôi còn chẳng hề tới gần người phụ nữ đó! Tất cả mấy người đều có thể chứng thực cho chuyện đó mà!”

Ông thẩm phán Wargrave đờ mắt một phút, rồi ông nói: “Nếu như trí nhớ của tôi còn hoạt động tốt thì mọi chuyện là như thế này - mọi người có thể sửa sai cho tôi nếu tôi có nhầm lẫn đâu đó nhé? Bà Rogers được đặt lên ghế sô-pha nhờ Anthony Marston và anh Lombard rồi bác sĩ Armstrong tiến tới gần. Ông ấy nhờ Rogers đi mang một chai brandy. Sau đó là câu hỏi về việc chúng ta nghe

được giọng nói đó từ đâu ra. Chúng ta đều đi sang phòng bên cạnh ngoại trừ cụ Brent ở lại căn phòng này - một mình với người phụ nữ bất tỉnh.”

Đốm màu bắt đầu xuất hiện trên má cụ Brent. Cụ ngưng việc đan len lại. Cụ nói: “Thế này thật đáng lên án!”

Cái giọng nhỏ nhẹ không thương tiếc kia lại cất lên: “Khi chúng tôi quay trở lại căn phòng này, thì bà, bà Brent, đang cúi người bên người phụ nữ trên ghế sô-pha.”

Cụ Emily Brent vặc lại: “Vậy tình thương đồng loại là một tội ư?”

Ông thẩm phán Wargrave trả lời: “Tôi chỉ đang thuật lại dữ kiện mà thôi. Rogers sau đó quay trở lại căn phòng với chai brandy, tất nhiên là ông ấy hoàn toàn có thể thêm gì đó vào trước khi bước chân vào phòng. Chai brandy được chuyển cho người phụ nữ rồi sau đó ông chồng cùng bác sĩ Armstrong đưa bà ấy lên gác, ở đó bác sĩ Armstrong đã đưa cho bà ấy một liều thuốc ngủ.”

Ông Blore tán thành: “Đúng là những gì đã xảy ra đó. Chắc chắn rồi. Và thế là loại ra được ông thẩm phán, anh Lombard, tôi và cô Claythorne.”

Giọng ông lúc này trở nên lớn tiếng và hân hoan. Ông thẩm phán Wargrave, ném một cái nhìn lạnh lẽo về phía ông, thì thầm: “A, nhưng phải vậy không đã? Chúng ta cần xem xét tất cả những kết cuộc có thể xảy ra.”

Ông Blore sửng lại.

“Tôi không hiểu ý ông.”

Ông thẩm phán nói: “Trong phòng mình, bà Rogers đang nằm ở trên giường. Thuốc ngủ mà bác sĩ đưa cho bà ấy bắt đầu có tác dụng. Bà ấy bắt đầu thấy buồn ngủ và trở nên dễ bảo. Giả sử lúc

ấy có tiếng gõ cửa và rồi ai đó bước vào, mang cho bà ấy, cứ coi như là, một viên thuốc, hay liều thuốc mê, với tin nhắn là: ‘Ông bác sĩ bảo bà cần uống cái này’. Ông có nghĩ là bà ấy lại không nuốt ực viên thuốc ấy một cách ngoan ngoãn mà không thèm nghĩ lại không?”

Lại một sự im lặng, ông Blore chuyển thế đứng với vẻ trầm tư. Philip Lombard góp lời: “Tôi không tin câu chuyện đó dù chỉ là một chút. Với lại chẳng ai trong số chúng ta lại rời căn phòng này sau đó cả. Có cái chết của Marston và mấy chuyện kia nữa mà.”

Thẩm phán cũng góp thêm ý kiến: “Ai đó có thể rời khỏi phòng ngủ của mình - vào lúc sau.”

Lombard phản đối: “Nhưng thế thì lúc đó Rogers ở trên đó rồi.”

Bác sĩ Armstrong cự mình.

“Không,” ông nói. “Rogers đã đi xuống nhà để dọn dẹp phòng ăn và tủ đồ ăn rồi. Bất cứ ai cũng có thể vào phòng người phụ nữ mà không bị phát hiện.”

Cụ Emily Brent hỏi vặn lại: “Bác sĩ, ông chắc là khi đó người phụ nữ đã chìm vào giấc ngủ sâu nhờ tác dụng của thuốc mà ông đưa chứ?”

“Trong mọi trường hợp thì đúng thế. Nhưng cũng không phải là chắc ăn. Nếu ta không kê đơn thuốc cho một bệnh nhân hơn hai lần thì không thể nào đoán được phản ứng của bệnh nhân với liều thuốc khác nhau. Có khi, cần mất một khoảng thời gian đáng kể thì thuốc mới có tác dụng. Nó còn phụ thuộc vào cơ địa của người bệnh đối với mỗi loại thuốc cụ thể.”

Lombard nói: “Tất nhiên là ông sẽ nói thế rồi, bác sĩ. Thuận cho ông chứ, hả?”

Một lần nữa khuôn mặt của Armstrong đanh lại vì giận dữ.

Nhưng vẫn là cái giọng vô cảm, thấp tông kia đã ngăn lời ông chực nói ra.

“Sẽ chẳng có kết quả gì nếu chỉ phản bác lại lời buộc tội đầu. Sự thật mới là những gì mà chúng ta phải đối mặt. Thế là đã rõ, tôi nghĩ, giả thiết mà tôi nghĩ đến là có thể xảy ra. Tôi cũng đồng ý rằng khả năng xảy ra không cao lắm; nhưng dù gì thì, nó cũng còn tùy thuộc vào chuyện người đó là ai nữa. Sự xuất hiện của cô Claythorne hay bà Brent ở khu đó sẽ không gây ra sự ngạc nhiên nào cho người bệnh. Tôi đồng ý là sự xuất hiện của bản thân tôi, nói nhẹ nhất cũng là bất thường, nhưng tôi vẫn nghĩ là chuyến viếng thăm ấy cũng sẽ không gây ra một sự nghi ngờ nào.”

Ông Blore thắc mắc: “Vậy tất cả chuyện này dẫn chúng ta tới - đâu?”

Ông thẩm phán Wargrave đang vân vê mấy ngón tay quanh cái miệng của mình, nom ông hoàn toàn vô cảm và lạnh lùng, phát biểu: “Giờ chúng ta đã đi đến vụ giết người thứ hai, và thống nhất là không ai trong số chúng ta ngoại phạm cả.”

Ông dừng lại rồi nói tiếp.

“Giờ thì chúng ta đi đến cái chết của tướng Macarthur. Chuyện xảy ra vào sáng nay. Tôi sẽ hỏi xem có ai cho rằng mình có chứng cứ ngoại phạm hay không để được trình bày rõ. Bản thân tôi sẽ nói ngay là tôi không có chứng cứ ngoại phạm rõ ràng nào. Tôi đã dành cả buổi sáng ngồi ngoài hiên và tĩnh tâm suy ngẫm về cái tình huống mà chúng ta bị đặt vào. Tôi ngồi trong chiếc ghế chỗ hiên nhà ấy cả buổi sáng cho tới khi có tiếng chuông kêu, nhưng cũng có những lúc mà tôi nghĩ là mình hoàn toàn không bị giám sát để có thể đi ra bãi biển, giết ông tướng, rồi quay trở lại chỗ ngồi. Chỉ có lời nói của tôi bảo vệ cho chuyện là tôi không hề rời hiên nhà. Trong hoàn cảnh mà điều đó không đủ, thì phải có

bằng chứng.”

Ông Blore nói tiếp: “Tôi ở cùng với anh Lombard và bác sĩ Armstrong cả buổi sáng. Họ có thể chứng thực chuyện đó.”

Bác sĩ Armstrong xác nhận: “Ông có vào nhà tìm dây thừng mà.”

Ông Blore trả lời: “Tất nhiên rồi, tôi có vào nhà. Đi thẳng đến đó rồi quay ngay trở lại. Ông biết là thế mà.”

Bác sĩ Armstrong khẳng định: “Ông đã mất khá nhiều thời gian...”

Ông Blore mặt đỏ phừng phừng. Ông ta xẵng giọng: “Ông có ý đồ gì khi nói thế, hả bác sĩ Armstrong?”

Armstrong nhắc lại: “Tôi chỉ nói là ông đã mất nhiều thời gian thôi.”

“Còn phải đi tìm nữa chứ, đúng không? Không phải chỉ một giây là đã tìm thấy cuộn dây thừng.”

Ông thẩm phán Wargrave hỏi tiếp: “Trong khi thám tử Blore vắng mặt, hai người ở lại với nhau phải không?”

Armstrong nóng nảy đáp: “Tất nhiên rồi. Lúc đó, Lombard đi đâu đó mất một, hai phút. Còn tôi thì đứng nguyên tại chỗ.”

Lombard mỉm cười nói: “Tôi muốn kiểm tra khả năng dùng gương phản quang để báo tới đất liền. Muốn tìm được chỗ tốt nhất. Tôi cũng chỉ vắng mặt khoảng một, hai phút thôi.”

Armstrong gật đầu, ông nói: “Đúng thế. Không đủ thời gian để giết ai cả, tôi chắc chắn với ông như vậy.”

Ông thẩm phán nêu nhận xét: “Hai người có xem đồng hồ không?”

“À, không.”

Philip Lombard nói: “Tôi không đeo.”

Thẩm phán trả lời với vẻ bình tĩnh: “Một hay hai phút là cách nói không được rõ ràng cho lắm.”

Ông quay đầu sang cái hình thù thẳng đuột đang ngồi với que đan trong lòng.

“Bà Brent?”

Cụ Emily Brent cất tiếng: “Tôi đi dạo với cô Claythorne lên tới đỉnh đồi trên đảo. Sau đó thì tôi ngồi chỗ hiên nhà dưới ánh nắng trời.”

Thẩm phán nói ngay: “Tôi không nhớ là có nhìn thấy bà ở đó.”

“Không, tôi đứng ở góc phía đông căn nhà. Nơi đó không có gió.”

“Và bà ngồi đó cho đến tận bữa trưa ư?”

“Đúng thế.”

“Còn cô Claythorne?”

Vera trả lời với vẻ sẵn sàng và rành rọt: “Tôi đi cùng bà Brent vào sáng nay. Lúc sau tôi có đi loanh quanh một lúc. Rồi tôi đi xuống và nói chuyện với tướng Macarthur.”

Ông thẩm phán Wargrave chen ngang. Ông nói: “Lúc đó là mấy giờ?”

Lần đầu tiên Vera tỏ vẻ không mấy chắc chắn. Cô đáp: “Tôi không biết nữa. Khoảng một tiếng trước bữa ăn trưa, tôi đoán vậy - hoặc có khi còn sớm hơn.”

Ông Blore hỏi: “Lúc đó là trước khi chúng tôi nói chuyện với ông ấy hay là sau đó vậy?”

Vera đáp: “Tôi không rõ. Ông ấy - ông ấy đã rất kỳ cục.”

Cô run lên.

“Kỳ cục như thế nào cơ?” Thẩm phán trở nên thắc thỏm.

Vera trả lời với giọng trầm trầm: “Ông ấy nói là chúng ta đều sắp chết - ông ấy nói là ông ấy đang đợi đến ngày kết thúc, ông ấy - ông ấy khiến tôi sợ...”

Thẩm phán gật gù. Ông tiếp lời: “Cô làm gì sau đó?”

“Tôi quay trở lại căn nhà. Sau đó, ngay trước bữa ăn, tôi lại ra ngoài lần nữa và leo lên con dốc phía sau ngôi nhà. Tôi như không nghĩ cả ngày hôm nay.”

Thẩm phán Wargrave mân mê cái cầm của mình, ông nói: “Vậy là còn Rogers. Tuy nhiên tôi nghi là bằng chứng của ông ấy cũng chẳng thêm được điều gì cho chúng ta cả.”

Rogers, được triệu đến trước ‘tòa’, và có rất ít thứ để kể. Ông ta đã bận bịu cả buổi sáng vì mấy việc nhà và chuẩn bị bữa trưa. Ông đã đem mấy ly cocktail ra hiên nhà ngay trước bữa trưa rồi lên thu dọn đồ đạc từ căn gác mái sang một căn phòng khác. Ông đã không hề nhìn qua cửa sổ suốt cả sáng nên chẳng nhìn thấy điều gì có thể liên quan tới cái chết của tướng Macathur. Ông kiên quyết thề rằng đã có tám bức tượng sứ trên bàn ăn khi ông đi dọn bữa.

Khi chứng cứ của Rogers đến hồi kết thì lại có một khoảng dừng.

Ông thẩm phán Wargrave tăng hắng giọng.

Lombard thì thầm với Vera Claythorne: “Màn kết luận sắp bắt đầu rồi đây.”

Thẩm phán nói: “Chúng ta đã cố gắng hết khả năng để điều tra về hoàn cảnh của ba cái chết này rồi. Trong khi một vài tình huống có vẻ chống lại một số người, chúng ta vẫn chưa thể nói một cách chắc chắn rằng có người nào là miễn được mọi sự rắc

rồi. Tôi muốn nhắc lại niềm tin chắc chắn của mình rằng một trong số bảy người chúng ta là người nguy hiểm và có thể là một tên giết người mất trí. Chưa có bằng chứng nào hiện có ở đây để chỉ ra được người đó là ai. Tất cả những gì chúng ta có thể làm được vào thời điểm hiện tại là xem xét các phương tiện có thể dùng để liên lạc với đất liền nhờ giúp đỡ, và nếu sự cứu giúp có bị trì hoãn (mà với thời tiết như thế này là hoàn toàn có thể) thì chúng ta cần dùng phương pháp nào để bảo đảm an toàn.

“Tôi muốn yêu cầu mọi người hãy coi chuyện này kỹ càng và đưa ra bất kỳ gợi ý nào mà mọi người nghĩ ra. Trong lúc này tôi cảnh báo mọi người nên thật cảnh giác. Cho đến giờ tên sát nhân vẫn đang thực hiện nhiệm vụ một cách dễ dàng, bởi nạn nhân của hắn quá mất cảnh giác. Từ giờ trở đi, nhiệm vụ của chúng ta là phải nghi ngờ mỗi người còn lại. Cảnh giác trước chính là phòng vệ bản thân trước. Đừng nên mạo hiểm và luôn ý thức được hiểm nguy. Chỉ có vậy thôi.”

Philip Lombard nói thêm: “Tòa án đã đến giờ giải tán...”



Chương 10

“Anh có tin vậy không?” Vera chột hỏi.

Cô và Philip Lombard đang ngồi bên bệ cửa sổ phòng khách. Bên ngoài trời đang đổ mưa và cơn gió thì rú rít với những làn giạt mạnh đập vào cửa kính.

Philip Lombard khẽ ngả đầu sang một bên trước khi trả lời. Rồi anh nói: “Ý cô là, liệu tôi có tin ông già Wargrave đã đúng khi nói đó là một trong số chúng ta ư?”

“Vâng.”

Philip Lombard trả lời một cách rành rọt: “Cũng khó nói lắm. Về mặt logic, cô thấy đấy, ông ta nói đúng, thế nhưng...”

Vera chiếm mất lời anh định nói: “Thế nhưng quả là khó tin!”

Philip Lombard nhăn mặt.

“Tất cả mọi chuyện đều khó tin cả! Nhưng sau cái chết của Macarthur thì chẳng còn gì để nghi ngờ là điều thứ nhất. Cũng chẳng còn nghi vấn rằng đây là tai nạn hay tự sát nữa. Chắc chắn là giết người. Ba vụ giết người tính từ đầu đến giờ.”

Vera run rẩy. Cô nói: “Cứ như một cơn ác mộng vậy. Tôi cứ có cảm giác là chuyện như thế này không thể xảy ra được!”

Anh nói với vẻ thông cảm: “Tôi biết. Như là ngay bây giờ sẽ có tiếng gõ cửa, và rồi sẽ là tách trà sáng sớm được đem vào.”

Vera thốt lên: “Ôi, tôi ước được như vậy biết bao!”

Philip Lombard tỏ ra nghiêm trang: “Đúng thế, nhưng nó sẽ

không xảy ra đâu! Chúng ta đều đang trong giấc mơ đó! Và chúng ta sẽ phải thật cảnh giác từ giờ trở đi.”

Vera hạ thấp giọng: “Nếu - nếu như đó là một trong số họ - thì anh nghĩ là ai?”

Philip Lombard chột mím cười. Anh nói: “Đấy là tôi hiểu cô đang loại trừ hai chúng ta ra? Thế cũng chẳng sao. Tôi biết rất rõ tôi không phải tên giết người này, và tôi cũng không hề nghĩ là có gì điên rồ từ phía cô đâu, Vera. Cô gây ấn tượng với tôi như là một người phụ nữ bình tĩnh nhất, lý trí nhất mà tôi từng gặp. Tôi sẵn sàng đặt cược danh dự của mình vào sự bình thường của cô.”

Với một nụ cười có phần méo mó, Vera đáp: “Cảm ơn anh.”

Anh nói: “Thôi nào, cô Vera Claythorne, cô không định đáp lại lời khen đó sao?”

Vera ngậm ngừng một lúc, rồi cô nói: “Anh đã thú nhận, như anh biết đấy, rằng anh không lấy gì làm trọng mạng sống con người cho lắm, nhưng dù gì thì tôi cũng không thể hình dung nổi là - anh lại đi làm theo cuốn băng chạy loa đó.”

Lombard trả lời: “Hoàn toàn đúng. Nếu tôi có định thực hiện một hay nhiều hơn một vụ giết người, thì cũng sẽ chỉ vì thứ mà tôi có thể chiếm được từ họ. Cái kiểu thanh sạch hàng loạt này không phải là cách của tôi. Tốt rồi, vậy là chúng ta sẽ tự loại bản thân ra và tập trung vào năm người bạn tù còn lại. Ai trong số đó là U.N. Owen. Chà, nếu đoán, và nếu chẳng có gì thêm thốt vào, tôi bỏ phiếu cho Wargrave!”

“Ô!” Vera có vẻ ngạc nhiên. Cô nghĩ ngợi mất một, hai phút rồi cất tiếng: “Tại sao thế?”

“Khó mà chỉ ra chính xác được. Nhưng đầu tiên nhé, ông ta là một lão già và ông ta đã điều hành cả tòa án hàng bao năm trời.

Nói thế tức là, ông ta đã đóng vai Chúa toàn năng hàng bao nhiêu tháng mỗi năm. Cuối cùng thì điều đó cũng sẽ ám vào ông ta chứ. Ông ta tự thấy bản thân mình có quyền lực trong chuyện sống chết - và cũng có khả năng là đầu óc ông ta bị chập và thế là ông ta muốn tiến xa thêm một bước là thành Thẩm Phán Phi Thường kiêm đao phủ.”

Vera nói chậm rãi: “Vâng, tôi đoán chuyện đó cũng có thể...”

Lombard tiếp tục: “Thế cô bỏ phiếu bầu cho ai?”

Không chút ngập ngừng Vera đáp: “Bác sĩ Armstrong.”

Lombard huýt sáo khe khẽ.

“Ông bác sĩ ấy hả? Cô biết gì không, tôi sẽ đặt ông ta xuống cuối cùng.”

Vera lắc đầu.

“Ồ không! Hai trong số người chết bị đầu độc. Như thế là phải do một bác sĩ. Và rồi anh không thể chối cãi sự thật là thứ duy nhất chúng ta hoàn toàn chắc là bà Rogers đã uống viên thuốc ngủ mà ông ấy đưa cho.”

Lombard thừa nhận: “Vâng, đúng thế.”

Vera tiếp tục: “Nếu một ông bác sĩ bị thần kinh, thì cũng sẽ phải mất khá lâu mới bị nghi ngờ. Và mấy ông bác sĩ thì làm việc quá tải và chịu nhiều áp lực nữa.”

Philip Lombard nói: “Vâng, nhưng tôi không tin là ông ấy có thể giết được Macarthur. Ông ấy không thể có đủ thời gian chỉ trong lúc ngắn ngủi mà tôi rời ông ấy đi được - không thể, chắc vậy, trừ khi ông ấy chạy như bay xuống đó rồi lại quay lại, mà tôi nghĩ là ông ấy không được huấn luyện để làm chuyện đó mà không bị phát hiện.”

Vera chỉnh lại: “Ông ấy không làm lúc đó. Ông ấy có cơ hội sau

đó kia.”

“Khi nào?”

“Khi ông ấy xuống gọi ông tướng đi ăn trưa.”

Philip huyết sáo khe khẽ lần nữa. Anh nói: “VẬY cô nghĩ là ông ấy đúng không? Khá là hay ho đây.”

Vera trở nên mất bình tĩnh: “CÓ GÌ KHÔNG ĐƯỢC CƠ CHỨ? ĐÓ LÀ người duy nhất có kiến thức y học. Ông ta có thể thề thốt là người chết đã được ít nhất một tiếng và ai có thể cãi lại được ông ta?”

Philip nhìn cô trầm tư.

“Cô biết không,” anh nói. “ĐÓ LÀ một ý tưởng rất sáng suốt. Tôi đang nghĩ...”

“ĐÓ LÀ ai thế, ông Blore? Đấy là điều tôi muốn biết. Ai vậy?”

Khuôn mặt ông Rogers đang kích động mạnh. Viên quản gia đang nắm chặt miếng da đánh bóng trong tay.

Cựu thám tử Blore nói: “Ờm, ông bạn ơi, chính là câu hỏi đó đó!”

“MỘT trong số chúng ta’, ông thẩm phán đã phán như vậy. Nhưng là ai? Đấy mới là thứ tôi muốn biết. Ai là con quỷ đội lốt người?”

“ĐÓ,” Blore nói, “là điều mà tất cả chúng ta muốn biết.”

Rogers nhìn nhận một cách sáng suốt: “NHƯNG ông có ý gì rồi mà, ông Blore. Ông đã nghĩ ra gì rồi, phải không?”

“CÓ THỂ tôi đã nghĩ ra,” ông Blore chậm rãi nói. “NHƯNG còn lâu mới có thể chắc chắn được. Tôi có thể sai. Tất cả những gì có thể nói là nếu tôi đúng thì cái người cần tìm kia phải là một tay rất bình thản - vô cùng bình thản là cái chắc.”

Rogers quệt mồ hôi trên trán. Giọng ông khàn hẳn đi: “Cứ như một cơn ác mộng vậy, đúng là thế.”

Blore nhìn người đối diện một cách tò mò: “Ông có ý tưởng gì chưa, Rogers?”

Người quản gia lắc đầu. Ông ta nói một cách khô khan: “Tôi không biết nữa. Tôi chẳng biết gì cả. Và chính điều đó khiến tôi sợ hãi đến chết mất. Khi chẳng biết gì cả...”

Bác sĩ Armstrong trở nên dữ dội: “Chúng ta nên biến khỏi đây - chúng ta phải làm thế - phải làm thế! Dù phải trả giá nào đi nữa!”

Thẩm phán Wargrave trầm ngâm nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ mù mịt. Ông nghịch sợi dây đeo kính của mình, ông nói: “Tất nhiên tôi không phải chuyên gia thời tiết rồi. Nhưng tôi cũng có thể thấy là rất khó để thuyền tới được đây - kể cả họ có biết hoàn cảnh khó khăn của chúng ta đi nữa - không dưới hai mươi tư tiếng nữa - mà đây là nếu gió ngừng.”

Bác sĩ Armstrong vục mặt vào tay mà rên rỉ.

“Và trong lúc đó thì chúng ta đều bị sát hại trên giường ngủ ư?”

“Tôi hy vọng là không,” ông thẩm phán Wargrave trả lời. “Tôi đã lên kế hoạch cho mọi sự đề phòng cần thiết để ngăn ngừa chuyện như vậy xảy ra rồi.”

Một ý nghĩ lóe lên trong đầu ông bác sĩ rằng một người già như thẩm phán thì thường sống dai hơn những người trẻ tuổi. Ông đã thường lấy làm lạ về mấy chuyện như vậy trong nghề nghiệp của mình. Và ngay như ông đây, trẻ hơn vị thẩm phán phải đến hai chục tuổi, thế nhưng lại có bản năng phòng vệ kém hơn hẳn.

Ông thẩm phán Wargrave thì nghĩ: “Bị giết trên giường ngủ!

Mấy tay bác sĩ này giống nhau tuốt - toàn nghĩ đến mấy điều sáo rỗng. Cái kiểu suy nghĩ hoàn toàn phổ biến.”

Bác sĩ nói: “Đã có tới ba nạn nhân rồi, ông nhớ chứ.”

“Có. Nhưng ông cũng nên nhớ là họ không được chuẩn bị cho cuộc tấn công. Chúng ta đã được báo trước.”

Bác sĩ Armstrong nói cay đắng: “Chúng ta thì làm được gì? Sớm hay muộn thì...”

“Tôi nghĩ là,” ông thẩm phán Wargrave cất lời, “có một vài điều mà chúng ta có thể làm.”

Armstrong đáp: “Chúng ta còn chẳng có nổi manh mối, rằng đó là ai...”

Thẩm phán quệt ngang chiếc cằm của mình và thì thầm: “Ồ, ông biết không, tôi sẽ không nói thế đâu.”

Armstrong nhìn ông ta chăm chăm.

“Ông muốn nói là ông biết rồi ư?”

Thẩm phán Wargrave trở nên thận trọng: “Nếu dựa trên những bằng chứng thực, cái thứ mà anh cần trong một tòa án, thì tôi phải thú nhận là tôi chẳng có gì. Nhưng tôi nhận thấy một điều, dựa trên toàn bộ câu chuyện này, có một người nhất định là được ám chỉ rất rõ ràng. Đúng thế, tôi tin vậy.”

Armstrong nhìn vị thẩm phán không rời mắt: “Tôi không hiểu.”

Cụ Brent đang ở trong phòng ngủ của mình trên gác.

Cụ nhặt cuốn Kinh sách lên và đến ngồi bên cửa sổ.

Cụ mở cuốn Kinh thánh. Rồi, sau một phút lưỡng lự, cụ đẩy nó sang một bên và tới bàn trang điểm. Từ ngăn kéo, cụ lấy ra một

cuốn sổ nhỏ bìa đen.

Cụ mở nó ra và bắt đầu viết.

Một điều kinh khủng đã xảy ra. Tướng Macarthur đã chết. (Người em họ của ông ta đã cưới Elsie Macpherson). Không còn nghi ngờ gì là ông ấy đã bị sát hại. Sau bữa ăn trưa ông thẩm phán đã có một bài diễn thuyết thật thú vị. Ông ta tin rằng kẻ sát nhân là một trong số những người ở đây. Có nghĩa là một trong số chúng ta đã bị quỷ ám. Mình đã nghi ngờ điều đó từ trước. Là ai trong số những người ở đây? Họ đều đang tự hỏi bản thân câu hỏi đó. Chỉ mình mình biết...

Cụ ngồi yên một lúc không động đậy. Mắt cụ dần mờ đi như sương phủ. Chiếc bút chì bắt đầu nghiêng ngả trong ngón tay cụ. Với hàng chữ lộn xộn in hoa cụ viết:

TÊN CỦA KẺ GIẾT NGƯỜI LÀ BEATRICE TAYLOR...

Mắt cụ nhắm lại.

Đột nhiên, với một cú giật mình, cụ tỉnh giấc. Cụ nhìn xuống cuốn sổ. Với khuôn mặt biểu lộ sự giận dữ, cụ gạch đi dòng chữ lộn xộn không thẳng hàng ở câu cuối.

Cụ nói với một giọng trầm thấp: “Ta đã viết câu đó ư? Thật là ta không? Có lẽ ta bị mất trí rồi...”

Cơn bão mạnh lên. Cơn gió hú va đập vào vách nhà.

Tất cả mọi người đều ở trong phòng khách. Họ ngồi sát cạnh nhau một cách không mấy hào hứng. Và họ nhìn nhau đầy giấu diếm.

Khi ông Rogers mang khay trà vào căn phòng, tất cả đều đứng dựng lên. Người quản gia bèn đề nghị: “Tôi hạ rèm cửa nhé? Mọi thứ sẽ tươi tắn hơn.”

Được hưởng ứng, tấm rèm cửa được hạ xuống và đèn được bật lên. Căn phòng trở nên tươi sáng hơn một chút. Một phần của sự ấm đạm như được trút bỏ. Chắc rồi, giờ này vào ngày mai, cơn bão sẽ kết thúc và ai đó sẽ đến đây - con thuyền sẽ đến...

Vera Claythorne lên tiếng: “Bà rót trà chứ, bà Brent?”

Người đàn bà lớn tuổi đáp lại: “Không, cô hãy rót đi, cô gái. Chiếc bình trà quá nặng. Còn ta thì bị mất mấy sợi len xám của ta rồi. Thật bực bội làm sao.”

Vera đến bên bàn trà. Tiếng rót nước vào cốc sứ nghe thật vui tai. Sự bình thường bắt đầu trở lại.

Trà! Buổi trà chiều hàng ngày mới đáng vui làm sao! Philip Lombard đưa ra một câu nhận xét vui vẻ. Blore đáp lời. Bác sĩ Armstrong kể một câu chuyện hài hước. Thẩm phán Wargrave, người vốn ghét trà vào ngày thường, cũng nhấp vài ngụm hưởng ứng.

Bước vào bầu không khí thoải mái này là ông Rogers.

Trông người mới đến có vẻ phiền muộn, ông ta nói với giọng căng thẳng và không liên quan mấy: “Xin lỗi các quý ngài, nhưng có ai trong quý vị biết chiếc rèm cửa trong phòng tắm ở đâu không?”

Đầu Lombard ngẩng lên đột ngột.

“Chiếc rèm phòng tắm ư? Ông đang nói cái quý gì thế, Rogers?”

“Nó biến mất rồi, thưa ông, biến mất gọn ghẽ. Tôi vốn định vòng qua đó hạ hết mấy tấm rèm và cái ở trong toilet... à, trong phòng tắm đã không còn ở đó nữa.”

Thẩm phán Wargrave thắc mắc: “Nó còn ở đó sáng nay không?”

“Ồ có, thưa ngài.”

Blore thắc mắc: “Trông tấm rèm đó như thế nào?”

“Lụa óng màu đỏ tươi, thưa ông. Nó có dây buộc màu hồng điều.”

Lombard hỏi lại: “Và nó biến mất?”

“Biến mất rồi, thưa ông.”

Họ nhìn chăm chặp lẫn nhau.

Ông Blore thốt lên trong tâm trạng nặng nề: “Chà - cuối cùng thì - đã làm sao cơ chứ? Điên rồi - nhưng mọi thứ đều vậy cả. Dù gì đi nữa thì cũng không quan trọng. Chẳng ai có thể giết người bằng một cái rèm lụa cả. Quên nó đi.”

Rogers nói: “Vâng, thưa ông, cảm ơn ông.”

Ông ta bước ra khỏi phòng, đóng cánh cửa phía sau mình lại. Trong căn phòng, tấm màn của sự sợ hãi lại được phủ lên một lớp mới.

Một lần nữa, một cách lén lút, họ theo dõi lẫn nhau.

Bữa tối đến, mọi người ăn, rồi chén đĩa lại được dọn đi. Một bữa ăn đơn giản, chủ yếu là từ đồ hộp.

Sau đó, trong phòng khách, sự căng thẳng đã lên đến quá mức chịu đựng.

Đến chín giờ, cụ Emily Brent đứng hẳn dậy.

Cụ nói: “Tôi lên phòng ngủ đây.”

Vera cũng tán đồng: “Tôi cũng lên đi ngủ đây.”

Hai người phụ nữ đi lên cầu thang và Lombard cùng ông Blore đi theo họ. Đứng nơi bậc cao nhất, hai người đàn ông dõi theo mấy người phụ nữ cho đến khi họ vào phòng riêng của mình và đóng cửa lại. Lombard và ông Blore nghe thấy tiếng hai chiếc chốt cửa được sập vào và tiếng hai chiếc chìa khóa xoay.

Blore nói với nụ cười mỉm: “Đâu cần phải bảo họ khóa cửa lại đâu!”

Lombard giải thích: “Thì, dù gì họ cũng được an toàn vào ban đêm!”

Anh đi xuống lần nữa và người còn lại nới gót đằng sau.

Bốn người đàn ông đi ngủ vào một tiếng đồng hồ sau đó. Họ đi cùng nhau. Ông Rogers, từ căn phòng ăn nơi ông đang dọn bàn cho bữa sáng, nhìn thấy họ đi lên cầu thang, ông còn nghe thấy tiếng họ dừng lại nơi chiếu nghỉ.

Rồi có tiếng ông thẩm phán vang lên khe khẽ.

“Tôi cần phải khuyên các quý ông, là hãy khóa cửa phòng lại.”

Ông Blore góp ý thêm: “Thêm nữa, hãy đặt một chiếc ghế chèn dưới tay cầm. Có nhiều cách để mở khóa từ bên ngoài lắm chứ.”

Lombard lẩm bẩm: “Ông Blore kính mến, cái rắc rối của ông là ông biết quá nhiều thứ!”

Thẩm phán nói nghiêm nghị: “Chúc ngủ ngon, các quý ông. Hẹn gặp lại nhau vào sáng mai lành lặn!”

Ông Rogers ra khỏi phòng ăn và bước khẽ lên tới nửa cầu thang. Ông nhìn thấy bốn hình thù đi qua bốn cánh cửa và nghe thấy tiếng của bốn cái khóa và tiếng sập của bốn chiếc chốt cài.

Ông gật đầu.

“Được lắm!” Ông lắm nhảm.

Rồi người quản gia quay trở lại căn phòng ăn. Đúng, mọi thứ đã sẵn sàng cho bữa sáng. Mắt ông nán lại nơi tấm gương ở trung tâm và bảy chiếc tượng sứ nhỏ.

Một nụ cười hiện ra trên gương mặt ông.

Ông thầm thì: “Mình sẽ không để cho ai làm trò này tối nay, dù gì đi nữa.”

Bước qua căn phòng, ông khóa cánh cửa dẫn đến tủ chứa đồ ăn. Rồi ông ra bằng cánh cửa khác dẫn đến sảnh và kéo cánh cửa lại, khóa chặt, đoạn bỏ chiếc chìa khóa vào túi áo.

Rồi sau khi đã tắt hết đèn, ông mau chóng bước lên cầu thang, vào căn phòng ngủ mới của mình.

Chỉ có mỗi một nơi lẩn trốn duy nhất trong đó, trong tủ quần áo cao to, và ông ngó vào ngay lập tức. Sau khi khóa cửa và vặn chốt, ông mới chuẩn bị lên giường ngủ.

Ông tự nhủ: “Không còn cái trò mè o tượng lính sứ kia nữa. Mình đã để tâm vụ đó rồi...”



Chương 11

Philip Lombard có thói quen dậy sớm lúc mặt trời mọc. Anh cũng dậy sớm vào sáng nay. Anh chống người dậy bằng cùi chỏ và lắng nghe. CƠN gió đã có phần giảm đi sức mạnh nhưng vẫn tiếp tục thổi. Anh cũng không còn nghe thấy tiếng mưa rơi...

Vào tám giờ sáng, gió lại nổi mạnh một lần nữa, nhưng Lombard không hề nghe thấy. Anh đã ngủ thiếp đi.

Vào chín giờ rưỡi sáng, anh đang ngồi bên đầu giường và ngó vào chiếc đồng hồ đeo tay. Anh đưa nó đến gần tai. Rồi đôi môi anh giãn ra để lộ hàm răng theo cái cách cười kỳ lạ thường thấy ở loài sói điển hình nơi anh.

Anh tự nhủ một cách nhẹ nhàng: “Mình nghĩ đã đến lúc mình phải làm gì đó về chuyện này rồi.”

Vào lúc mười giờ kém hai mươi lăm phút thì anh gõ cửa phòng ông Blore.

Người kia mở cửa đầy thận trọng. Tóc ông ta rối mù và mắt thì vẫn lim dim buồn ngủ.

Philip Lombard nói một cách thân thiện: “Ông ngủ đã chưa thế? Chà, có vẻ lương tâm ông không mấy day dứt dễ dàng nhỉ.”

Ông Blore hỏi ngắn gọn: “Có chuyện gì thế?”

Lombard đáp lời: “Có ai gọi ông chưa - hay mang trà lên chẳng hạn? Ông có biết bây giờ là mấy giờ rồi không?”

Blore nhìn ngoái qua vai, tới chỗ chiếc đồng hồ du lịch phía

đầu giường.

Ông nói: “Mười giờ kém hai mươi lăm. Không thể tin được là tôi lại ngủ nhiều đến thế. Rogers đâu rồi?”

Philip Lombard buông lời nhận xét: “Đó là chuyện mà ai cũng sẽ đồng thanh trả lời.”

“Ý anh là gì vậy?” Người kia hỏi sắc lẹm.

Lombard nói: “Ý tôi là Rogers mất tích rồi. Ông ấy không có ở trong phòng hay bất cứ đâu. Và cũng chẳng có ấm nước nào được đặt và bếp lửa cũng không hề được nhóm.”

Ông Blore chửi thề không ra tiếng, ông gất gỏng: “Ông ta ở chỗ quý nào mới được chứ? Ra đâu đó ngoài đảo chẳng? Đợi chút, tôi mặc quần áo. Xem những người khác đã biết gì chưa.”

Philip Lombard gật đầu. Anh đi dọc quanh những cánh cửa đóng chặt.

Anh tìm thấy bác sĩ Armstrong đã dậy và gần như đã mặc đồ xong. Ông thẩm phán Wargrave, giống như Blore, phải cần gọi dậy. Vera Claythorne thì đã ăn vận xong xuôi. Còn phòng của Emily Brent thì không có bóng dáng của ai.

Đoàn người nhỏ bắt đầu đi quanh căn ngôi nhà. Phòng của Rogers thì không có một bóng người, hệt như lời đảm bảo của Philip Lombard. Chiếc giường đã có người nằm, và chiếc dao cạo râu cùng xấp tấm và xà phòng của ông đều ướt cả. Lombard nhìn nhận: “Rõ là ông ấy thức dậy rồi.”

Vera nói với một giọng trầm trầm mà cô cố làm cho có vẻ chắc chắn và trấn an: “Anh không nghĩ là ông ấy - đang trốn ở đâu đó - đợi chúng ta chứ?”

Lombard trả lời: “Cô gái thân mến của tôi, tôi sẵn sàng nghĩ đến bất cứ điều gì về bất cứ ai! Lời khuyên của tôi là hãy đi cùng

nhau cho đến khi chúng ta tìm ra ông ta.”

Armstrong cũng góp lời: “Ông ấy chắc hẳn phải ở đâu đó trên đảo.”

Ông Blore, người vừa mới đến nhập cuộc, lúc này đã chỉnh tề quần áo, nhưng vẫn chưa cạo râu, nói: “Mà bà Brent đi đâu mất tăm rồi - đó mới là một ẩn số khác?”

Nhưng khi họ đi đến sảnh, thì Emily Brent đã bước vào từ cửa chính. Cụ khoác lên mình một chiếc áo mưa. Cụ cất tiếng: “Nước biển dâng cao quá rồi. Tôi không nghĩ là sẽ có bất cứ chiếc thuyền nào tới đây hôm nay đâu.”

Ông Blore thốt lên: “Bà vừa mới đi dạo quanh đảo một mình đó sao, bà Brent? Bà không thấy đó là một việc hoàn toàn ngu ngốc để làm lúc này hay sao?”

Cụ Emily Brent đáp: “Tôi dám chắc với ông, ông Blore, là tôi có quan sát mọi thứ hết sức cảnh giác.”

Ông Blore làu bàu: “Bà thấy Rogers đâu không?”

Đôi mày cụ Brent nhướn lên.

“Rogers ư? Không, tôi không thấy ông ấy từ sáng rồi. Sao thế?”

Thẩm phán Wargrave, lúc này đã cạo râu, trang phục chỉnh tề với hàm răng giả đã được lắp vào đúng chỗ, đang đi xuống cầu thang, ông đến bên cánh cửa đã mở dẫn tới phòng ăn. Ông nói: “Chà, tôi thấy là bàn ăn đã được dọn cho bữa sáng rồi.”

Lombard nhìn nhận: “Có thể ông ấy đã chuẩn bị từ tối trước.”

Họ đều quay vào căn phòng, quan sát những chiếc đĩa và bộ đồ ăn được xếp đặt gọn gàng. Hàng cốc trên giá để bên. Những chiếc lót cốc đã được bày sẵn cho chiếc bình cà-phê.

Vera là người đầu tiên phát hiện ra. Cô nắm lấy cánh tay thẩm phán và sự chắc khỏe của những ngón tay dẻo dai ấy làm cho ông

thẩm phán phải nhăn nhó.

Cô kêu lên: “Đám lính kia! Nhìn kia!”

Chỉ còn sáu chiếc tượng lính sứ ở giữa bàn ăn.

Chỉ một lúc ngắn ngủi sau đó họ đã tìm được ông ấy.

Ông ấy đang ở trong căn bếp nhỏ nằm ở góc sân. Ông vốn đang chặt củi để chuẩn bị dóm lửa nấu bếp. Chiếc rìu nhỏ vẫn đang nằm trong bàn tay của ông. Một chiếc rìu lớn hơn, rất nặng, thì được đặt dựa vào cánh cửa - chiếc lưới sắt của nó có vấy màu gì đó trông như nâu sẫm. Hoàn toàn khít với một vết thương sâu hoắm nơi đằng sau đầu ông Rogers...

“Quá rõ rồi,” Armstrong thốt lên, “tên giết người đã lẻn tới từ phía sau ông ấy, phang cây rìu một nhát trúng vào đầu khiến ông ấy đổ người ra phía trước.”

Ông Blore thì đang bận bịu với tay cầm chiếc rìu và cái lọc bột từ căn bếp.

Thẩm phán Wargrave hỏi: “Cái đó có cần tới sức lực lớn lắm không, bác sĩ?”

Armstrong nghiêm trang nói: “Một người phụ nữ cũng có thể làm được nếu ý ông là thế.” Ông ta liếc mắt ra xung quanh. Vera Claythorne và Emily Brent đã quay trở lại gian bếp. “Mấy người phụ nữ cũng có thể làm chẳng mấy khó khăn - người đó hẳn phải là loại dẻo dai. Trông vào ngoại hình thì bà Brent có vẻ mỏng manh, nhưng loại phụ nữ đó thường có sức mạnh khá bền bỉ. Và ông cũng nên nhớ là bất cứ ai bị tâm thần cũng có sức mạnh dồi

dào đến không lường nổi.”

Ông thẩm phán gật gù trầm ngâm.

Ông Blore đứng dậy thở dài. Ông ta nói: “Không có dấu vân tay. Chiếc tay cầm đã được lau sạch ngay sau đó.”

Một tiếng cười vọng đến - họ quay phắt lại. Vera Claythorne đang đứng ở sân. Cô ta kêu lên với một giọng cao vút đến inh tai, toàn thân cô run lên từng đợt vì cười: “Có tổ ong ở cái hòn đảo này không? Nói cho tôi biết đi. Chúng ta phải đi tìm mật ong ở đâu thế? Ha ha!”

Mọi người nhìn cô chằm chằm không hiểu gì. Cứ như thể cô gái bình tĩnh vốn cân bằng nay đã hóa điên ngay trước mắt họ. Cô tiếp tục với cái giọng cao ré bất thường: “Đừng có nhìn kiểu đấy! Cứ như là mấy người nghĩ tôi bị điên vậy! Thứ mà tôi hỏi là hoàn toàn bình thường. Ong, tổ ong ấy, ong ấy! Ồ, mấy người không hiểu gì à? Mấy người chưa nghe ra cái vè ngu xuẩn đấy à? Nó ở trong phòng ngủ của mấy người đó - đặt ở đó để mấy người nghiên cứu đó! Đáng lẽ chúng ta đã đến đây ngay nếu hiểu gì rồi. *Bảy tên bồ củi làm chi.* Và câu tiếp theo nhé. Tôi thuộc lòng mấy thứ đó rồi, đúng thế đấy! *Sáu đem tổ ong ra nghiên.* Thế nên tôi mới hỏi - người ta có giấu tổ ong ở trên cái đảo này không? - buồn cười nhỉ? - Như thế có nực cười không cơ chứ...?”

Cô lại cười lớn như lên cơn dại. Bác sĩ Armstrong sải bước tới trước. Ông giơ tay ra và tát thẳng một cái vào má cô.

Vera thở dốc, nấc lên - rồi nuốt xuống. Cô đứng yên bất động ở đó mất một phút, rồi cô khẽ giọng: “Cảm ơn ông... Tôi ổn rồi.”

Giọng cô lúc này lại bình tĩnh trở lại và được kiềm chế - chất giọng của một cô chủ trò đầy năng lực.

Cô quay người bước qua sân vào phòng bếp mà nói: “Bà Brent

và tôi đang chuẩn bị bữa sáng cho mọi người. Các ông có thể - đem vài thanh củi vào để dóm lửa không?”

Dấu tay ông bác sĩ vẫn còn hằn đỏ trên má cô.

Khi cô đã vào đến bếp thì Blore nói: “Chà, ông xử trí vụ đó thật ớn, bác sĩ ạ.”

Armstrong nói vẻ hối lỗi: “Phải thế thôi! Chúng ta không thể đương đầu với kiểu kích động này thêm với mấy thứ khác được.”

Philip Lombard nói: “Cô ấy không phải loại dễ kích động đâu.”

Armstrong đồng ý.

“Ồ không hề. Một cô gái khỏe mạnh có hiểu biết. Chỉ là cú sốc bất ngờ mà thôi. Chuyện đó có thể xảy đến với bất cứ ai.”

Ông Rogers đã bỏ được một lượng củi kha khá trước khi bị giết. Họ thu gom chỗ đó lại rồi đem vào bếp. Vera và Emily Brent đang bận tay, cụ Brent đang sửa soạn chuẩn bị bếp núc. Vera thì đang cắt miếng da dày ra khỏi chỗ thịt xông khói.

Emily Brent nói: “Cảm ơn các ông. Chúng tôi sẽ làm nhanh hết mức - chắc chỉ khoảng một tiếng thêm bốn mươi lăm phút thôi. Cái ấm nước phải được đun sôi đã.”

Cựu thám tử Blore giọng trầm khàn nói với Philip Lombard: “Biết tôi nghĩ gì không?”

Philip Lombard nói: “Ông sắp sửa nói với tôi rồi, còn đoán làm gì nữa.”

Cựu thám tử Blore là một người đàn ông sốt sắng, nên việc đương đầu với chuyện gì đó một cách tinh tế và bình thản là không thể hiểu được với con người này. Ông ta tiếp tục một cách nặng nề: “Có một trường hợp ở Mỹ. Một người đàn ông già với vợ

ông ta - cả hai đều bị giết với một chiếc rìu. Lúc giữa buổi sáng. Chẳng có ai ở trong nhà ngoại trừ cô con gái và người giúp việc. Người giúp việc kia, sau này đã được chứng minh, là không thể làm được chuyện đó. Cô con gái là một người phụ nữ trung niên đáng kính chưa chồng. Có vẻ khó mà tin nổi. Khó tin đến độ họ cho cô trắng án. Nhưng họ cũng chưa tìm ra được một lời giải thích nào khác.” Ông dừng lại. “Tôi liên tưởng tới vụ đó khi nhìn thấy chiếc rìu - và rồi khi tôi vào bếp và nhìn thấy bà ta quá đỗi gọn gàng và bình thản. Chẳng có chút cảm xúc nào cả! Còn cô gái đó, thì bắn loạn hết cả lên - chà, thế là bình thường thôi - người ta cũng có thể ngờ được - anh nghĩ vậy không?”

Philip Lombard nói vắn tắt: “Cũng có thể thế.”

Ông Blore tiếp tục: “Nhưng còn người kia cơ! Quá là cẩn chu và nghiêm ngặt - nào là đeo tạp dề - tạp dề của bà Rogers, tôi chắc thế - lại còn nói: ‘Bữa sáng sẽ xong xuôi trong khoảng nửa tiếng nữa hoặc gì đó’. Nếu anh mà hỏi tôi, tôi sẽ bảo mẹ ta bị điên rồi! Mấy mẹ chưa chồng hay bị thế lắm - tôi không có ý là lại đi giết người hàng loạt đâu, nhưng mà là đầu bị chập cheng ấy. Chẳng may là chuyện đó lại khiến bà ta như thế này. Bị ám ảnh với tôn giáo - khéo nghĩ bà ta là công cụ của Chúa cũng nên, kiểu tương tự như thế! Bà ta ngồi trong phòng, anh biết không, ngồi đọc Kinh thánh.”

Philip Lombard thở dài và nói: “Như thế không thể chứng tỏ người ta bị mất cân bằng mà thần kinh, Blore ạ.”

Nhưng Blore vẫn tiếp tục, một cách khó nhọc, không chút xáo động: “Và rồi bà ta còn đi ra ngoài - mặc áo mưa, còn bảo là bà ta ra ngoài ngắm biển nữa chứ.”

Người kia chỉ lắc đầu.

Anh nói: “Rogers bị giết khi đang chặt củi - ấy là thứ đầu tiên ông ấy làm sau khi thức dậy. Bà Brent kia không cần phải đi dạo xung quanh đến mấy tiếng đồng hồ sau đó. Nếu ông hỏi tôi, kẻ giết Rogers ắt hẳn phải cố ý mà nằm trong chần ngáy ngủ.”

Ông Blore đáp: “Anh đi lạc vấn đề rồi, anh Lombard. Nếu người đàn bà đó vô tội thì bà ta phải sợ chết điếng chứ đâu dám đi lung tung một mình. Bà ta chỉ có thể làm thế nếu bà ta biết là chẳng có gì phải sợ. Đây là nếu bà ta chính là kẻ sát nhân.”

Philip Lombard tán thành: “Đó là một ý hay... đúng thế, tôi chưa nghĩ đến điều đó.”

Anh chêm vào với một nụ cười nhẹ: “Mừng là ông không còn nghi ngờ tôi.”

Ông Blore nói với vẻ hơi xấu hổ: “Tôi có nghĩ là anh ban đầu - cái khẩu súng đó - và cả câu chuyện kỳ quặc anh kể - hay không kể ấy. Nhưng tôi nhận ra là nếu vậy thì quá lộ liễu.” Ông ta ngừng lại và nói: “Mong là anh cũng thấy thế về tôi.”

Philip Lombard nói, vẻ nghĩ ngợi: “Tất nhiên có thể tôi nhầm, nhưng tôi cũng không thể tin được là ông có đủ trí tưởng tượng để mà làm chuyện này. Tất cả những gì tôi nói là, nếu ông là tên giết người, thì ông là một tay diễn viên cừ khôi mà tôi phải ngả mũ cúi chào.” Anh hạ thấp giọng. “Chỉ giữa chúng ta thôi nhé, Blore, và cứ coi như là chúng ta đều sắp chết khô trước khi một ngày nữa sắp đến, thì có đúng nếu tôi đoán là ông đã tham gia cái vụ khai man đó không?”

Ông Blore chuyển thế đứng một cách khó nhọc. Cuối cùng ông nói: “Cũng chẳng có gì là lạ nữa. Thôi thì, thế này vậy, Landor vốn vô tội. Đám tội phạm đã rút tiền cho tôi và bọn tôi đã lên kế hoạch tống cậu ta vào tù trong một khoảng thời gian. Mà nói cho

anh biết, tôi sẽ không thú nhận chuyện này...”

“Nếu có bất cứ nhân chứng nào,” Lombard nổi câu với một cái mỉm cười, “thì chỉ là giữa ông và tôi thôi. Chà, tôi nghĩ là ông phải kiếm được một khoản kha khá từ vụ đó chứ.”

“Không làm được thứ mà đáng lẽ tôi nên làm. Cái đám côn đồ ấy, bọn Purcell ấy. Nhưng dẫu sao thì tôi cũng được thăng chức.”

“Và Landor thì bị ép buộc chịu án hình sự và rồi chết trong tù.”

“Tôi làm sao biết được là cậu ta sắp chết cơ chứ, đúng không?” Blore thốt lên với vẻ van nài.

“Không, chỉ là ông gặp xúi quẩy thôi.”

“Tôi á? Phải là cậu ta, ý anh thế chứ gì.”

“Của ông nữa kìa. Vì, từ cái kết cục đó, có vẻ như cuộc đời của bản thân ông đang bị cắt ngắn đi một cách đáng tiếc.”

“Tôi á?” Ông Blore nhìn người đối diện chằm chằm. “Anh nghĩ là tôi sẽ đi theo vết chân của Rogers và mấy người kia ư? Còn lâu! Tôi đang tự coi sóc bản thân khá cẩn thận, tôi dám nói với anh như thế.”

Lombard nói: “Ồ vâng - tôi không phải là người hay cá cược, và lại dù gì thì nếu ông chết tôi cũng chẳng được ai trả tiền hết.”

“Này, anh Lombard, ý anh là gì cơ?”

Philip Lombard lại phô ra hàm răng của mình. Anh trả lời: “Ý tôi ấy, ông Blore thân mến, đây là theo tôi thì ông còn chẳng có cơ hội nào!”

“Cái gì cơ?”

“Cái sự thiếu trí tưởng tượng của ông khiến cho ông thành một mục tiêu hoàn toàn dễ nhắm. Một tên tội phạm với trí tưởng tượng kiểu U.N. Owen có thể vượt mặt ông bất cứ khi nào hấn - hay bà ta - muốn.”

Mặt Blore bắt đầu đỏ vì giận. Ông hỏi ngay lập tức: “Vậy thế còn anh?”

Mặt Philip Lombard bắt đầu rần đanh lại và trở nên nguy hiểm.

Anh nói: “Tôi có trí tưởng tượng khá tốt đó chứ. Tôi đã từng ở những nơi khắc nghiệt từ trước và còn thoát được! Tôi nghĩ là - tôi không nói gì hơn thế nhưng tôi nghĩ là có thể tôi sẽ thoát được vụ này.”

Chỗ trứng vẫn nằm trong chiếc chảo rán. Vera, trong lúc nướng bánh, bắt đầu nghĩ thầm: “Tại sao mình lại tự biến mình thành đứa ngốc nghếch kích động thế cơ chứ? Đó là một sai lầm. Cố giữ bình tĩnh, cô gái, giữ bình tĩnh nào.”

Nói cho cùng thì, cô vẫn luôn tự hào về bản thân vì sự cân bằng của mình kia mà!

“Cô Claythorne đã rất tuyệt vời - bình tĩnh như thế - rồi còn bơi theo sau Cyril ngay lúc đó nữa.”

Sao lại nghĩ đến chuyện đó lúc này cơ chứ? Tất cả đã qua rồi - qua rồi... Cyril đã biến mất tiêu từ lâu trước khi cô bơi được đến chỗ tảng đá. Cô còn cảm thấy dòng nước biển cuốn lấy thân, đánh bật cô ra ngoài xa. Cô đã để mặc cho mình như vậy - bơi chậm chậm, nổi lênh bênh - cho tới lúc mà con tàu cuối cùng cũng tới...

Họ đã ca ngợi sự dũng cảm của cô và sự *bình tĩnh* của cô...

Nhưng Hugo không hề thế. Hugo chỉ nhìn cô...

Chúa ơi, đau làm sao, ngay cả lúc này, khi nghĩ tới Hugo...

Mà anh ta đang ở đâu? Đang làm gì? Liệu anh ta đã đính hôn chưa - hay đã cưới ai?

Emily Brent nói sắc lém: “Vera, miếng bánh đó đang cháy kìa.”

“Ôi tôi xin lỗi, bà Brent, đúng thế rồi. Tôi mới ngu ngốc làm sao.”

Emily Brent vừa nhấc lát trứng cuối cùng ra khỏi chỗ mỡ xì xèo.

Vera, đoạn vừa đặt một miếng bánh mì tươi lên chiếc đĩa nướng bánh, vừa nói với vẻ tò mò: “Nom bà bình tĩnh đến kỳ diệu, bà Brent ạ.”

Emily Brent mím chặt môi lại với nhau, rồi cũng bảo: “Ta đã được nuôi dạy là phải luôn giữ cái đầu lạnh và không bao giờ được rối rít nhặng xì lên.”

Vera suy nghĩ như cái máy: “Bị đàn áp từ bé... Điều đó giải thích cho nhiều thứ đây...”

Cô hỏi: “Bà không thấy sợ ư?”

Dừng lại một lúc rồi cô thêm vào: “Hay vì bà không sợ chết?”

Chết! Gần như có một mũi khoan sắc lém đang xuyên qua cái mớ đông đặc trong đầu của Emily Brent. Chết ư? Nhưng bà đâu phải sắp phải chết đâu! Những người kia sẽ chết - đúng vậy - nhưng chắc chắn không phải bà, Emily Brent. Con bé này chẳng hiểu gì hết! Emily đâu có sợ, như lẽ tự nhiên rồi - chẳng có ai nhà Brent lại phải sợ sệt điều gì cả. Cả dòng họ nhà bà đều là trong quân đội. Họ luôn đối mặt với cái chết mà không chút nao núng. Họ đã sống cuộc sống ngay thẳng giống như bà vậy, Emily Brent, đã sống một cuộc sống ngay thẳng... Bà chưa bao giờ làm điều gì để mà xấu hổ hết... Và vì thế, theo lẽ tự nhiên, bà sẽ không phải chết...

“Chúa trời luôn bao quát tất cả. Các người không nên sợ hãi vì sự khủng khiếp của ban đêm; hay vì mũi tên bay nơi ban ngày...”

Giờ là ban ngày rồi - cũng không có sự khủng khiếp nào cả. “Tất cả chúng ta đều sẽ ở lại hòn đảo này.” Ai nói thế ấy nhỉ? Tướng Macarthur, đúng rồi, có người em họ lấy Elsie Macpherton. Có vẻ như ông ta không thèm quan tâm. Ông ta thật ra còn có vẻ như - chào đón cái ý tưởng đó! Độc ác! Gần như không tin tưởng gì cả thì mới cảm thấy vậy. Có những người nghĩ thật ít ỏi về cái chết để rồi cuối cùng còn tước đi chính mạng sống của họ. Beatrice Taylor... Tối qua cụ đã mơ thấy Beatrice - cụ mơ là cô ta đang ở bên ngoài ịn mặt vào ô cửa sổ mà rền rĩ, van nài được cho phép đi vào. Nhưng Emily Brent không hề muốn cho cô ta vào. Bởi lẽ, nếu cô ta vào, thì sẽ có điều gì đó kinh khủng xảy ra...

Emily quay trở lại hiện tại với một cái giật mình. Cô gái kia đang nhìn cụ với đôi mắt khác lạ. Cụ nhanh nhẩu nói: “Tất cả mọi thứ đều xong rồi chứ, đúng không? Chúng ta sẽ đem bữa sáng vào vậy.”

Bữa sáng khá kỳ cục. Tất cả mọi người đều trở nên lịch thiệp.

“Tôi lấy thêm cho bà ít cà-phê nhé, bà Brent?”

“Cô Claythorne, thêm lát thịt nhé?”

“Thêm miếng bánh mì nướng chứ?”

Sáu con người, tất cả đều tự chủ hướng ngoại và bình thường.

Còn bên trong thì sao? Những ý nghĩ cứ cuộn xoáy tròn như con sóc trong chuồng sắt...

“Tiếp theo là gì đây? Thế nào nữa? Ai đây? Cái nào đây?”

“Liệu có thành công không? Mình không chắc. Nhưng cũng đáng để thử. Nếu có đủ thời gian. Chúa ơi, nếu có đủ thời gian...”

“Ám ảnh với tôn giáo, đó chính là tấm vé để... Nhìn bà ta kìa,

mặc dù khó mà tin được... Coi như mình nhầm đi...”

“Điên rồi - tất cả mọi thứ đều điên rồi. Ta sắp phát điên rồi. Len thì biến mất - rồi tấm rèm đỏ nữa - chẳng có lý gì cả. Ta không thể hiểu nổi nữa...”

“Tên ngốc kia, hẳn tin từng lời mình nói với hắn. Cũng dễ dàng... dù thế, mình vẫn phải cẩn thận mới được, phải rất cẩn thận.”

“Sáu bức tượng lính sứ... chỉ còn sáu - liệu tới tối nay còn mấy chiếc đây?...”

“Ai muốn lát trứng cuối cùng không?”

“Còn bơ chứ?”

“Cám ơn, tôi cắt cho anh ít bánh mì nhé.”

Sáu con người, hành xử hoàn toàn bình thường vào bữa sáng.



Chương 12

Bữa ăn đã kết thúc.

Ông thẩm phán Wargrave lấy giọng, ông nói với chất giọng nhỏ đầy quyền uy: “Tôi nghĩ là chúng ta nên gặp nhau để bàn về chuyện này. Liệu nửa tiếng nữa trong phòng khách có được không?”

Tất cả mọi người đều thốt ra tiếng gì đó ám chỉ là đã đồng ý.

Vera bắt đầu sắp xếp đĩa lại với nhau.

Cô nói: “Tôi sẽ đem chỗ này đi rửa.”

Philip Lombard đề nghị: “Chúng tôi sẽ mang mấy thứ này ra tủ để đồ cho cô.”

“Cảm ơn.”

Emily Brent, khi đứng lên rồi lại ngồi xuống. Cụ rên rĩ: “Ôi... Ôi...”

Thẩm phán tỏ ra quan tâm: “Có chuyện gì thế, bà Brent?”

Emily Brent nói vẻ hối lỗi: “Tôi xin lỗi. Tôi muốn giúp cô Claythorne, nhưng tôi không biết là như thế nào nữa. Tôi thấy hơi chóng mặt.”

“Chóng mặt à?” Bác sĩ Armstrong bước tới bên cạnh. “Bình thường ấy mà. Là do cơn sốc muộn. Tôi có thể cho bà thứ gì đó để...”

“Không!”

Âm thanh đó bật khỏi miệng cụ như một vụ nổ.

Điều đó khiến ai nấy cũng phải sửng sốt. Bác sĩ Armstrong đỏ mặt phừng phừng.

Không gì có thể nhầm lẫn với sự sợ hãi và đầy nghi ngờ trên khuôn mặt cụ. Ông nói cứng rắn: “Tùy ý bà thôi, bà Brent.”

Cụ đáp lời: “Tôi không có ý gì đó đâu - không có gì đâu. Tôi sẽ chỉ ngồi im ở đây một lúc cho tới khi cơn chóng mặt qua thôi.”

Họ xong xuôi việc dọn dẹp bữa ăn sáng.

Ông Blore cất tiếng: “Tôi vốn là người thạo việc nhà. Hãy để tôi giúp cô, cô Claythorne.”

Vera đáp: “Cảm ơn ông.”

Emily Brent bị bỏ lại một mình trong phòng ăn.

Trong một thoáng, cụ có nghe thấy tiếng xì xầm vọng ra từ phía tủ chứa thức ăn.

Cơn choáng đã qua. Giờ cụ thấy mơ màng, như thể cụ có thể dễ dàng đi ngủ ngay được.

Có một tiếng ro ro bên tai cụ - hay là tiếng ro ro đó từ trong căn phòng thật?

Cụ nghĩ: “Như là ong vậy - một con ong vò vẽ.”

Ngay lúc đó cụ thấy con ong ấy. Nó đang bâu nơi khung cửa sổ.

Vera Claythorne vừa mới nói về mấy con ong vào sáng nay.

Ong và mật ong...

Cụ thích mật ong. Mật ong trong tổ, và người ta phải đích thân chọc vào nó qua một túi vải nhỏ. Chảy xuống, nhỏ giọt, nhỏ giọt...

Có ai đó trong căn phòng... có ai đó ướt sũng và nước thì chảy nhỏ giọt... Beatrice Taylor quay trở về từ dòng sông...

Chỉ cần quay đầu lại là cụ có thể thấy được cô ta.

Nhưng cụ không thể quay đầu lại được...

Nếu cụ gọi họ...

Nhưng cụ cũng không thể cất tiếng gọi nổi...

Chẳng có ai ở trong căn nhà cả. Cụ chỉ còn một mình...

Cụ nghe thấy tiếng bước chân - tiếng bước chân nhẹ nhàng đến từ phía sau lưng cụ. Những bước chân vấp vấp của cô gái chết đuối...

Có một mùi gì đó ẩm ướt nơi mũi cụ...

Nơi khung cửa sổ là con ong đang vo ve kêu - vo ve...

Và rồi cụ cảm thấy một cú chích.

Con ong đốt vào bên cổ cụ.

Trong căn phòng khách mọi người đều đang đợi Emily Brent.

Vera Claythorne lên tiếng: “Tôi có nên ra gọi bà ấy không?”

Ông Blore nói nhanh: “Đợi một phút đã.”

Vera ngồi xuống lần nữa. Tất cả mọi người đều quay sang nhìn Blore vẻ dò hỏi. Ông nói: “Xem đã này, mọi người, ý tôi là thế này: lúc này chúng ta khỏi cần phải tìm đâu xa hơn nữa tên tác giả của mấy cái chết vừa rồi ngoài cái phòng ăn kia. Tôi dám thề rằng người phụ nữ kia là người chúng ta đang tìm.”

Armstrong hỏi vặn lại: “Còn động cơ là gì?”

“Cuồng tín ngưỡng, ông nghĩ sao, bác sĩ?”

Armstrong đồng tình: “Hoàn toàn được đó. Tôi không có gì để phản đối cả. Nhưng tất nhiên là chúng ta không có chứng cứ.”

Vera nói: “Bà ấy trông rất lạ lúc ở trong phòng bếp khi chúng tôi còn chuẩn bị bữa sáng. Mắt bà ấy...” Cô run rẩy.

Lombard nói: “Chúng ta không thể phán xét bà ấy kiểu đó được.

Chúng ta mất trí cả rồi!”

Blore cũng xen vào: “Còn điều này nữa. Bà ấy là người duy nhất không đưa ra một lời giải thích nào sau khi có lời ghi âm từ chiếc loa. Tại sao chứ? Bởi lẽ bà ấy chẳng có gì để nói cả.”

Vera tựa mình trong chiếc ghế cô ngồi. Cô cho biết: “Như thế không đúng hẳn đâu. Bà ấy có nói với tôi - lúc sau đó.”

Wargrave hỏi: “Bà ấy nói gì với cô thế, cô Claythorne?”

Vera lặp lại câu chuyện về Beatrice Taylor.

Thẩm phán Wargrave nhận xét: “Một câu chuyện hoàn toàn thẳng thắn. Cá nhân tôi không thấy có gì khó khăn chấp nhận nó cả. Hãy cho tôi biết, cô Claythorne, bà ấy có vẻ gì là bị khó ở vì cảm giác tội lỗi hay hối hận vì thái độ của bà ấy đối với câu chuyện đó không?”

“Không có gì cả,” Vera đáp. “Bà ấy hoàn toàn không có chút phân vân nào.”

Blore trở nên bực bội: “Trái tim rắn như đá tảng vậy, mấy bà cô già đứng đắn này! Phần nhiều là ghen tị đây!”

Ông thẩm phán nói: “Giờ là mười một giờ kém năm rồi. Tôi nghĩ chúng ta nên gọi bà Brent đến tham gia cuộc họp kín của chúng ta thôi.”

Ông Blore thắc mắc: “Ông không định làm gì sao?”

Thẩm phán trả lời: “Tôi không thấy là bây giờ chúng ta có thể làm được gì. Những mối nghi ngờ của chúng ta, cho đến lúc này, vẫn chỉ là nghi ngờ. Dù vậy, tôi sẽ nhờ bác sĩ Armstrong theo dõi hành vi của bà ấy cẩn thận. Giờ thì chúng ta cùng vào phòng ăn thôi.”

Họ thấy Emily Brent vẫn đang ngồi nơi chiếc ghế mà họ bỏ bà lại từ trước. Từ phía sau không thấy có gì là bất thường, chỉ trừ

mỗi việc là có vẻ như bà không hề nghe thấy tiếng họ bước vào.

Và rồi họ nhìn thấy khuôn mặt bà ấy - nhuộm trong máu, với đôi môi xanh tái và đôi mắt mở trừng trừng.

Ông Blore thốt lên: “Chúa ơi, bà ấy chết rồi!”

Giọng nhỏ nhẹ của thẩm phán Wargrave cất lên: “Thêm một người nữa ngoại phạm - nhưng đã quá muộn rồi!”

Armstrong đang cúi gập bên người phụ nữ đã chết, ông ngửi thử đôi môi, song lắc đầu, rồi kiểm tra mí mắt. Lombard thắc mắc với vẻ mặt kiên nhẫn: “Bà ấy chết thế nào vậy, bác sĩ? Bà ấy còn ổn khi chúng ta bỏ bà ấy ở lại đây cơ mà!”

Sự chú ý của Armstrong lúc này chuyển sang một dấu nhỏ bên cổ.

Ông nói: “Đó là dấu của một vết tiêm dưới da.”

Có một tiếng vo ve từ cửa sổ. Vera kêu lên: “Nhìn kìa - một con ong - một con ong vò vẽ. Nhớ lúc tôi nói buổi sáng không!”

Armstrong rầu rĩ: “Con ong đó không phải là thứ đã đốt bà ấy! Phải là bàn tay con người dùng ống tiêm đó.”

Thẩm phán hỏi: “Chất độc gì được dùng vậy?”

Armstrong trả lời: “Nếu tôi đoán, thì là một trong số những loại xyanua. Chắc là xyanua phốt pho, giống như Anthony Marston. Bà ấy hẳn đã chết ngay lập tức vì ngạt thở.”

Vera kêu lên: “Thế còn con ong kia? Không phải là do trùng hợp chứ?”

Lombard hung hăng đáp: “Ồ không, không phải trùng hợp đâu! Đó là cú điểm xuyết của tên giết người cho có vẻ đáng tin mà thôi! Hẳn là một tên thích đùa. Hẳn muốn bám dính lấy cái bài về

đáng nguyên rửa kia càng lâu càng tốt!”

Lần đầu tiên giọng anh lạc đi, gần như là chát chúa. Như thể là thần kinh của anh, vốn từ lâu đã được tôi luyện qua những pha liều lĩnh và nguy hiểm, thì nay cũng đã bị đánh bật. Anh nói một cách hung dữ: “Thật điên rồ! - hoàn toàn điên rồ - chúng ta điên hết cả rồi!”

Thẩm phán nói điềm nhiên: “Chúng ta vẫn còn hy vọng, tôi mong là thế, với khả năng suy luận của chúng ta. Có ai mang theo một chiếc kim dùng để tiêm dưới da tới đây không?”

Bác sĩ Armstrong, rướn thẳng người, nói với với một giọng không được chắc chắn cho lắm: “Có, tôi có mang.”

Bốn cặp mắt còn lại đều nhìn về phía ông. Ông thu hết dũng khí của mình chống lại những ánh mắt nghi ngờ sâu sắc đầy thù địch. Ông nói: “Tôi đi đâu cũng đem theo một chiếc. Phần lớn các bác sĩ đều vậy.”

Thẩm phán Wargrave tỏ ra bình thản: “Đúng thế thật. Ông có thể cho chúng tôi biết, ông bác sĩ, rằng ống tiêm đó hiện đang ở đâu không?”

“Trong chiếc va-li trong phòng tôi.”

Wargrave nói: “Có lẽ chúng ta nên kiểm chứng điều đó.”

Năm người bọn họ đi lên gác, một hành trình khá yên lặng. Những thứ ở trong va-li được đổ hết ra sàn nhà.

Chiếc ống tiêm dưới da không có ở đó nữa.

Armstrong tức giận: “Có ai đó đã lấy nó đi rồi!”

Một sự yên lặng bao trùm khắp căn phòng.

Armstrong đứng tựa lưng vào cửa sổ. Bốn cặp mắt kia đều nhìn ông, phủ đầy bóng đen nghi kỵ và buộc tội. Ông nhìn từ Wargrave tới Vera và rồi lập đi lập lại một cách vô vọng - yếu ớt: “Tôi nói là

ai đó đã lấy nó rồi mà.”

Blore đang nhìn Lombard và người kia cũng đáp lại cái nhìn. Thẩm phán nói: “Năm người chúng ta ở trong căn phòng này. Một người là tên sát nhân. Tình thế đang bị đặt trong nguy kịch lớn. Ta phải làm mọi thứ có thể để bảo vệ bốn người vô tội. Bây giờ tôi sẽ hỏi ông thế này, bác sĩ Armstrong, ông đang có loại thuốc gì trong tay?”

Armstrong trả lời: “Tôi có một cái cặp y tế nhỏ ngay đây. Các vị có thể kiểm tra nó. Rồi sẽ thấy mấy thứ thuốc ngủ - trional và vài viên sulphonal - một túi thuốc an thần bromide, nước sô-đa bicacbon, aspirin. Không còn gì nữa. Tôi không hề nắm giữ chất xyanua nào cả.”

Thẩm phán cho biết: “Bản thân tôi có một vài viên thuốc ngủ - sulphonal, tôi đoán tên chúng là như vậy. Tôi nghĩ chúng sẽ gây chết người nếu dùng một liều lớn vừa đủ. Anh, anh Lombard, có trong tay một khẩu súng ngắn nữa.”

Philip Lombard nói sắc gọn: “Thế thì sao?”

“Chỉ thế này thôi. Tôi đề xuất là thuốc của ông bác sĩ, mấy viên sulphonal của chính tôi, khẩu súng ngắn của anh và bất cứ thứ gì là thuốc hay vũ khí đều phải được tập trung lại và cất vào một nơi an toàn. Sau khi làm việc đó rồi, chúng ta nên tự giác cho khám một lượt - cả người lẫn tài sản.”

Lombard phản đối trước tiên: “Tôi sẽ bị trừ khử ngay nếu không có khẩu súng ngắn của tôi!”

Wargrave nói sắc lẹm: “Anh Lombard, anh có sức vóc khỏe và là một người đàn ông trẻ còn khỏe mạnh, nhưng cựu thám tử Blore cũng là người có thể trạng tốt. Tôi không biết kết cục của một trận đánh tay đôi giữa hai người sẽ như thế nào nhưng tôi có

thể nói với anh như thế này. Đứng về phía Blore, thì người sẽ trợ giúp ông ấy với mọi khả năng có được sẽ là tôi, bác sĩ Armstrong và cô Claythorne. Vì thế anh sẽ phải ghi nhớ là, nếu anh cố kháng cự thì lực lượng chống lại anh sẽ khá mạnh.”

Lombard giật đầu về phía sau. Hàm răng lộ rõ như đang gầm gừ.

“Ồ, được thôi, tốt thôi. Vì ông đã có mọi thứ trong đầu đầu vào đây cả rồi.”

Thẩm phán Wargrave gật đầu.

“Anh là một người đàn ông trẻ tuổi có suy nghĩ đấy. Thế khẩu súng của anh đâu?”

“Trong chiếc ngăn kéo bàn cạnh giường tôi.”

“Tốt.”

“Tôi sẽ đi lấy nó.”

“Tôi nghĩ mọi người sẽ muốn đi cùng anh hơn.”

Philip nở một nụ cười gần giống như đang hăm dọa: “Ông lúc nào cũng phải nghi ngờ nhỉ?”

Họ đi dọc hành lang đến phòng Lombard.

Philip sải bước tới bên chiếc bàn cạnh giường ngủ và kéo ngăn kéo ra.

Anh giật nảy người lùi lại và chửi thề.

Chiếc ngăn kéo bàn đầu giường hoàn toàn trống rỗng.

“Hài lòng rồi chứ?” Lombard hỏi.

Anh đã bị rà soát đến tận răng và cả căn phòng anh đều bị lục lọi rất kỹ lưỡng bởi ba người đàn ông còn lại. Vera Claythorne thì đứng bên ngoài hành lang.

Cuộc rà soát diễn ra lần lượt. Từng người, Armstrong, thẩm

phán, và Blore đều phải trải qua điều tương tự.

Bốn người đàn ông bước ra khỏi phòng ông Blore và đến bên Vera. Thẩm phán là người đầu tiên nói.

“Tôi mong cô hiểu cho, cô Claythorne, là chúng ta không được có ngoại lệ nào. Khẩu súng đó phải được tìm thấy. Tôi đoán là cô có một chiếc áo choàng tắm chứ?”

Vera gật đầu.

“Vậy thì tôi phải yêu cầu cô vào phòng khoác nó lên rồi bước ra đây với chúng tôi.”

Vera vào phòng rồi đóng cửa lại. Cô xuất hiện trở lại chỉ khoảng một phút sau với chiếc áo choàng tắm bằng lụa nhẵn bó sát trên người.

Wargrave gật đầu tán thành.

“Cảm ơn cô, cô Claythorne. Giờ nếu cô ở lại đây, chúng tôi sẽ rà qua phòng cô.”

Vera kiên nhẫn đợi nơi hành lang cho tới khi họ trở lại. Rồi cô bước vào, mặc lại bộ đồ, rồi quay trở ra chỗ họ đợi.

Thẩm phán nói: “Bây giờ chúng ta chắc chắn một điều. Không còn thứ vũ khí hay loại thuốc giết người nào còn được lưu trữ bởi bất cứ ai trong số năm người ở đây. Đó là điều tốt lành thứ nhất. Giờ chúng ta sẽ để mớ thuốc vào một nơi an toàn. Tôi nghĩ là có một cái rương sắt trong tủ thức ăn có đúng không?”

Ông Blore thốt lên: “Thế là tốt cả rồi, nhưng ai sẽ giữ chìa khóa thế? Tôi đoán là ông giữ rồi.”

Thẩm phán Wargrave không thềm đáp lại.

Ông bước xuống cầu thang tới nơi tủ thức ăn và những người kia theo sau. Có một chiếc hộp nhỏ ở đó nhằm giữ mấy đồ bạc và chồng đĩa. Dưới sự chỉ đạo của thẩm phán, mớ thuốc được cho

hết cả vào chiếc hộp rồi khóa lại. Rồi, cũng dưới sự chỉ đạo của Wargrave, chiếc hộp được mang đến đặt vào trong tủ đĩa và chính chiếc tủ này cũng bị khóa lại. Thẩm phán sau đó đưa chìa khóa của chiếc hộp cho Philip Lombard và chìa khóa của cái tủ cho ông Blore.

Ông nói: “Hai vị là những người khỏe mạnh nhất. Nếu một người muốn lấy chiếc chìa khóa từ người kia thì sẽ rất khó khăn. Bất cứ ai trong số ba người chúng ta cũng khó mà làm được điều đó. Việc phá mở được chiếc tủ - hay chiếc hộp đựng đĩa - sẽ là một việc hết sức âm ỉ, nhiều trở ngại và sẽ khó được thực hiện mà lại không bị phát hiện hay gây sự chú ý.”

Ông dừng lại, rồi nói tiếp: “Chúng ta vẫn đang phải đối mặt với một vấn đề lớn nữa. Đó là khẩu súng ngắn của anh Lombard giờ đang ở đâu?”

Ông Blore đáp: “Tôi nghĩ là người chủ của nó ắt phải biết rõ nhất rồi.”

Một nếp nhăn nổi rõ từ mũi Philip Lombard. Anh nói: “Lão lợn già khốn kiếp! Tôi đã bảo là có ai đó lấy cắp rồi mà!”

Wargrave hỏi: “Lần cuối anh thấy nó là lúc nào?”

“Tối qua. Nó còn ở trong ngăn kéo khi tôi đi ngủ - sẵn sàng phòng trường hợp chuyện gì xảy ra.”

Thẩm phán gật đầu. Ông xác định: “Vậy là nó phải bị ăn cắp lúc sáng nay khi mọi người còn đang bối rối tìm ông Rogers hoặc sau khi xác chết của ông ấy được tìm thấy.”

Vera nói: “Hẳn là nó bị giấu đâu đó trong căn nhà này. Chúng ta phải đi tìm thôi.”

Những ngón tay của ông thẩm phán lúc này đang vân vê cằm. Ông nói: “Liệu cuộc tìm kiếm có đem lại kết quả gì không. Tên giết

người của chúng ta hẳn đã có rất nhiều thời gian để tạo ra một chỗ chôn cất. Tôi không nghĩ là chúng ta sẽ tìm thấy khẩu súng đó một cách dễ dàng đâu.”

Ông Blore nói dứt khoát: “Tôi không biết khẩu súng ngắn kia ở đâu, nhưng tôi dám cá là tôi biết một thứ khác đang ở đâu - cái ống tiêm dưới da. Hãy theo tôi.”

Ông mở cánh cửa chính và dẫn đường vòng qua ngôi nhà.

Cách xa khung cửa sổ phòng ăn một chút là nơi ông thấy chiếc ống tiêm. Bên cạnh nó là một bức tượng sứ - chiếc tượng lính thứ sáu đã bị vỡ.

Blore nói với giọng thỏa mãn: “Nơi duy nhất mà thôi. Sau khi giết bà ấy, hẳn mở cửa sổ và ném chiếc ống tiêm ra bên ngoài rồi nhặt bức tượng sứ từ bàn ăn và cũng làm hết như vậy.”

Không có dấu vân tay nào trên chiếc ống. Nó cũng đã được lau sạch cẩn thận.

Vera đề nghị với giọng quả quyết: “Bây giờ chúng ta hãy đi tìm khẩu súng ngắn thôi.”

Thẩm phán Wargrave nói: “Thế nào cũng được. Nhưng lúc đi tìm chúng ta hãy cùng đi với nhau. Hãy nhớ lấy, nếu chúng ta tách nhau ra, tên giết người sẽ có cơ hội của hẳn.”

Họ tìm trong căn nhà một cách kỹ lưỡng từ căn gác xép cho tới căn hầm, nhưng không tìm thấy gì. Khẩu súng vẫn mất tăm mất tích.



Chương 13

“Một ai đó... Trong số này... Một ai đó...”

Ba từ, được lặp đi lặp lại liên tục, sau hàng nhiều giờ đồng hồ vẫn còn vang vọng trong những bộ não dễ sai khiến.

Năm người - năm con người đang sợ sệt. Năm người soi mói lẫn nhau, và giờ thì họ không thêm che giấu tình trạng căng thẳng thần kinh của bản thân nữa.

Chẳng còn màn kịch nào được diễn nữa - không còn lớp sơn bóng bẩy nào phủ lên những cuộc trò chuyện. Họ như năm con người thù địch được liên kết với nhau bởi cùng một bản năng sinh tồn.

Và tất cả bọn họ đột nhiên không nhìn giống người như trước nữa. Họ đang quay trở lại giống loài thú tính. Hệt như một con rùa đầy thận trọng, ông thẩm phán Wargrave ngồi còng cả lại, toàn thân bất động, đôi mắt xuyên thấu và đầy cảnh giác. Cựu thanh tra Blore thì thân hình lúc này trở nên thô thiển hơn và vụng về hơn. Bước đi của ông ta chậm rãi như của một con thú có bộ đệm ở chân. Mắt ông đỏ như máu. Có một vẻ gì đó như trộn lẫn giữa tàn bạo và sự ngu ngốc nơi ông ta. Ông trông giống như một con quái vật bị dồn vào ngõ cụt sẵn sàng xông ra tấn công người đuổi nó. Giác quan của Lombard thì nhạy hơn, chứ không hề giảm bớt. Tai anh phản ứng lại ngay cả với âm thanh khẽ nhất. Những bước đi của anh trở nên nhẹ hơn và nhanh hơn, thân hình anh trở nên mềm mại uyển chuyển, đôi môi cuộn sát

vào hàm răng dài và trắng.

Vera Claythorne thì yên lặng. Phần lớn thời gian cô chỉ ngồi thu lu trong ghế. Cô không ngừng rời mắt khỏi khoảng xa xăm phía trước mặt. Nom cô ngơ ngác. Cô giống như một con chim chẳng may đập đầu vào cửa kính và được nhặt lên bởi bàn tay con người. Nó cố thu mình lại, sợ điếng người, không còn khả năng động đậy, cố gắng tự cứu thoát bản thân nhờ vào sự bất động ấy.

Armstrong thì ở trong tình trạng căng như dây đàn đáng tội nghiệp. Ông co giật và bàn tay ông run rẩy. Ông châm lửa hết điếu thuốc lá này đến điếu tiếp theo và đập lửa gần như ngay lập tức. Cái sự bất động ép buộc này gây ức chế cho ông nhiều hơn so với những người khác. Cứ thi thoảng ông lại nổ ra một tràng diễn văn đầy căng thẳng: “Chúng ta - chúng ta không thể chỉ ngồi im ở đây thế này được! Phải có gì đó - chắc hẳn, chắc hẳn phải có điều gì đó chúng ta cần làm chứ? Nếu chúng ta đốt pháo sáng...?”

Ông Blore nặng nề hỏi: “Với thời tiết này sao?”

Cơn mưa lại đang trút xuống. Cơn gió thì ào đến từng cơn thất thường. Âm thanh u uất của tiếng mưa rơi gần như khiến họ phát điên.

Đã có một thỏa thuận ngầm, họ đã tạo ra một chiến dịch. Họ đều ngồi trong căn phòng khách lớn. Một lúc chỉ có một người được rời căn phòng. Bốn người còn lại ngồi đợi cho tới khi người thứ năm quay trở lại.

Lombard trấn an mọi người: “Chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Thời tiết sẽ đẹp trở lại. Lúc đó chúng ta mới có thể làm gì được - ra dẫu - đốt lửa - kết một chiếc bè - cái gì cũng được!”

Armstrong nói với một tiếng cười nhẹ đầy bất ngờ: “Chỉ là vấn

đề thời gian - *thời gian* á? Chúng ta không thể đợi đến lúc đó được! Khi đó thì tất cả chết hết rồi...”

Thẩm phán Wargrave nói và cái giọng nhỏ nhẹ rõ ràng của ông nặng trĩu với lòng quyết tâm và đam mê: “Trừ phi chúng ta cẩn thận. Chúng ta phải rất cẩn thận...”

Bữa giữa ngày đã trôi qua một cách nhàm chán - mà không hề có một nghi lễ truyền thống nào. Cả năm người bọn họ đều vào bếp. Trong kho chứa, họ tìm thấy một lượng lớn những chiếc hộp thiếc đựng đồ ăn. Họ mở ra một chiếc hộp đựng lười đông lạnh và hai hộp hoa quả khô. Họ ăn mà đứng ngay bên cạnh bàn bếp. Rồi, họ bám sát nhau thành bầy và quay trở lại phòng khách - để ngồi đó - chỉ ngồi, canh chừng nhau.

Đến lúc này thì những ý nghĩ lướt qua đầu họ toàn là những điều bất thường, đến phát sốt, bệnh hoạn...

“Là Armstrong rồi... Mình thấy ông ta vừa liếc nhìn mình... mắt ông ta điên cuồng... hoàn toàn mất trí... Khéo ông ta còn không phải là bác sĩ... Đúng thế rồi, ừ nhỉ! Ông ta là một tay bệnh hoạn, trốn khỏi nhà một bác sĩ nào đó - rồi giả vờ là một bác sĩ... Đúng thế rồi... mình có nên nói với họ không?... Mình có nên hét lên không... Không, chẳng ích gì lại rút dây động rừng thế cả... Và lại nom lão ta hết sức bình thường... Máy giờ rồi nhỉ?... Mới là ba giờ mười lăm thôi!... Ôi, Chúa ơi, mình đến phát điên lên mất... Đúng thế rồi, đúng là Armstrong rồi... Lão lại đang nhìn mình...”

“Bọn họ không đánh bại được mình đâu! Mình có thể tự chăm sóc bản thân... Mình đã từng ở những nơi khắc nghiệt trước kia... Mà khẩu súng đó ở chỗ quý nào mới được chứ?... Ai đã lấy nó rồi?... Ai đang giữ nó?... Chẳng có ai giữ nó cả - ai cũng biết điều đó. Tất cả mọi người đều đã bị lục soát... Không ai có thể giữ nó được... Nhưng có ai đó biết nó ở chỗ nào...”

“Họ đều hóa điên rồi... Họ sắp điên hết cả rồi... Sợ cái chết... ai mà chẳng sợ chết... mình còn sợ chết nữa mà... Đúng thế, nhưng điều đó không giữ cho cái chết khỏi đến... ‘Chiếc xe đưa tang đang ở cửa rồi, thưa ngài’. Mình đọc câu này ở đâu ấy nhỉ? Đưa con gái... Mình phải canh chừng nó. Đúng rồi, mình phải canh chừng đưa con gái...”

“Bốn giờ kém hai mươi... mới chỉ bốn giờ kém hai mươi thôi... có khi đồng hồ chết rồi cũng nên... Mình không hiểu - không, không hiểu nổi... Những chuyện như thế này không thể xảy ra được... nó lại đang diễn ra... Tại sao chúng ta không tỉnh dậy cơ chứ? Tỉnh dậy - Ngày Phán Xét cuối cùng - không, không phải cái đó! Ước gì mình nghĩ được... Đầu óc tôi - có gì đang ở trong đầu mình vậy - nó sắp nổ tung đến nơi rồi - nó sắp nứt ra làm đôi... Mấy chuyện này không thể xảy ra được... Mấy giờ rồi nhỉ? Ôi, lạy Chúa, mới có bốn giờ kém mười lăm.”

“Mình phải giữ bình tĩnh... Phải giữ bình tĩnh... Chỉ ước gì mình giữ được bình tĩnh... mọi thứ đều quá rõ ràng - đều khớp cả. Nhưng không ai được nghi ngờ. Có khi mọi chuyện lại được giải quyết. Phải thế! Nhưng là ai đây? Đó mới là câu hỏi - ai đây? Mình nghĩ - đúng rồi, mình thà nghĩ là - hấn.”

Khi đồng hồ điểm năm giờ thì họ đều nhảy dựng lên. Vera lên tiếng đầu tiên: “Có ai muốn - uống trà không?”

Một khoảng lặng. Rồi Blore đáp lời: “Tôi muốn một tách.”

Vera đứng dậy. Cô nói: “Tôi sẽ đi pha trà. Các vị có thể ngồi đây.”

Thẩm phán Wargrave nói nhẹ nhàng: “Tôi nghĩ là, cô gái trẻ đáng mến ơi, chúng tôi sẽ muốn đi cùng và xem cô pha hơn.”

Vera sững lại, rồi bật ra một tràng cười có chút kích động. Cô

trả lời: “Tất nhiên rồi! Các vị muốn thế rồi!”

Cả năm người đều đi vào bếp. Trà được pha, Vera và ông Blore cùng uống. Ba người còn lại thì uống rượu whisky - họ mở một chai mới hoàn toàn và dùng ống hút lấy từ một chiếc hộp được đóng đinh trên tường.

Thẩm phán lẩm bẩm với một cái mỉm cười như loài bò sát: “Chúng ta phải hết sức cẩn trọng...”

Họ lại quay trở về căn phòng khách. Và mặc dù đang là mùa hè nhưng căn phòng lại khá tối. Lombard bật đèn nhưng không thấy sáng. Anh nói: “Tất nhiên rồi! Động cơ chưa được khởi động ngày hôm nay vì Rogers không có ở đó để làm chuyện ấy nữa.”

Anh ngập ngừng rồi tiếp tục: “Tôi nghĩ chúng ta có thể ra ngoài và khởi động nó.”

Thẩm phán Wargrave lên tiếng: “Có vài bao nển ở chỗ tủ đựng thịt, tôi có thấy từ trước, tốt hơn là dùng chỗ nển đó.”

Lombard ra khỏi phòng. Bốn người còn lại ngồi ở đó nhìn nhau.

Anh quay trở lại với một hộp nển và một chồng đĩa. Năm chiếc nển được thắp lên và được đặt quanh phòng.

Lúc này đã là sáu giờ kém mười lăm.

Vào lúc sáu giờ hai mươi, Vera bắt đầu cảm thấy là nếu phải ngồi lâu thêm nữa sẽ quá sức chịu đựng. Cô muốn vào phòng mình tắm cho qua cơn đau đầu và phả nước vào hai bên thái dương.

Cô đứng dậy và hướng đến cánh cửa. Rồi cô chợt nhớ ra và quay lại cầm lên một cây nển từ chiếc hộp. Cô thắp nó lên, để một ít sáp nển chảy xuống đáy đĩa và rồi ấn chặt cây nển vào đó. Sau

đó cô ra khỏi phòng, đóng cửa lại phía sau và bỏ bốn người đàn ông ở lại trong đó. Cô bước lên cầu thang và đi dọc theo hành lang dẫn tới phòng mình.

Ngay khi vừa mở cửa, cô đột nhiên dừng ngay lại và đứng đó không nhúc nhích.

Đầu mũi cô như rung nhè nhẹ.

Biển... Là mùi của biển ở Saint Trededick.

Đúng rồi. Cô không thể nhầm lẫn vào đâu được. Tất nhiên rồi, ai mà chẳng ngửi thấy mùi biển khi đang ở trên đảo, nhưng lần này lại khác. Nó là cái mùi ở biển ngày hôm ấy - với sóng vỗ và những tảng đá phủ đầy tảo biển khô kiệt dưới ánh nắng.

“Cháu bơi ra ngoài đảo nhé, cô Claythorne?”

“Tại sao cháu lại không được bơi ra ngoài đảo kia chứ?”

Cái thằng bé hư hỏng kinh khủng suốt ngày ăn vạ đó! Nếu không vì nó thì Hugo đã giàu... và có thể cưới người con gái mà anh yêu thương...

Hugo...

Có chắc không - liệu có chắc - là Hugo đang bên cạnh cô không? Không, anh đang đợi cô ở trong phòng...

Cô tiến lên trước một bước. Một cơn gió từ cửa sổ thổi đến làm bật đi ngọn lửa từ cây nến. Ngọn lửa chập chờn rồi tắt hẳn.

Trong bóng tối ấy, cô đột nhiên cảm thấy sợ hãi...

“Đừng có dở hơi thế,” Vera Claythorne tự động viên bản thân. “Ổn rồi. Máy người kia ở dưới nhà. Cả bốn bọn họ. Chẳng có ai trong phòng cả. Không thể có được. Mình chỉ đang tự tưởng tượng ra các thứ thôi, thôi ơ.”

Nhưng cái mùi đó - cái mùi của biển ở Saint Trededick... thứ đó không phải là do tưởng tượng. Mà đó là sự thật.

Và có ai đó đang ở trong phòng thật... Cô nghe thấy tiếng gì đó - chắc chắn là cô đã nghe thấy gì đó...

Và rồi, khi cô đang đứng đó, lắng tai nghe - thì một bàn tay lạnh cóng - dinh dính chạm vào cổ họng cô - một bàn tay ướt át, thoang thoảng mùi biển...

Vera hét lên. Cô hét và hét - cô hét lên với sự kinh hãi tột đỉnh - một tiếng hét tuyệt vọng chờ được cứu vớt.

Cô không nghe được tiếng động nào từ phía dưới cả, tiếng ghế bị xô đẩy, tiếng cửa bị mở, tiếng chân chạy trên cầu thang của mấy người đàn ông. Cô chỉ nhận biết được mỗi một thứ cảm giác sợ hãi tột bậc.

Và rồi, lấy lại được sự bình tĩnh, có ánh sáng lập lòe nơi cánh cửa - nấn - và mấy người đàn ông chạy vào phòng.

“Cái quỷ gì thế?”, “Chuyện gì thế?”, “Chúa lòng lành, chuyện gì xảy ra thế?”

Cô rùng mình, bước một bước tới trước, rồi đổ xuống sàn. Cô chỉ còn nửa phần ý thức được rằng có một người đang cúi xuống bên cạnh cô, ai đó đang ép đầu cô giữa hai đầu gối.

Và rồi một tiếng nói thốt lên đột ngột, thật nhanh: “Chúa ơi, nhìn kìa!” khiến giác quan của cô hồi lại. Cô mở mắt và ngẩng đầu dậy. Cô nhìn thấy cái thứ mà mấy người đàn ông đang soi nấn nhìn.

Một dải tảo biển dài được treo lên trần nhà. Nó chính là thứ mà trong bóng tối đã khiến cho cô phải chao đảo mà hét lên, chính là thứ mà cô đã lầm tưởng là bàn tay dinh dính, bàn tay chết đuối quay trở về từ cõi chết để bóp cổ cô cho tới chết! Vera bắt

đầu cười đầy kích động. Cô thốt lên: “Là tảo biển - chỉ là tảo biển - thế nên mới có cái mùi...”

Và rồi cơn choáng lại lấn lướt cô lần nữa - hết đợt say này tới đợt say khác. Một lần nữa lại có ai đó đang ép đầu cô vào giữa hai đầu gối.

Một khoảng thời gian dài vô tận như đã trôi qua. Họ bắt đầu đưa cho cô thứ gì đó để uống - ấn miệng cốc vào môi cô. Cô ngửi thấy vị brandy.

Suýt chút nữa là cô đã hợp lấy ngậm đó một cách biết ơn, nhưng bỗng dưng, một lời cảnh báo - giống như một chiếc chuông báo thức - vang lên trong đầu cô. Cô ngồi dậy, đẩy chiếc cốc ra xa.

Cô nói sắc lém: “Cái này từ đâu ra thế?”

Giọng ông Blore đáp lại. Ông đã sững người mất một phút trước khi nói: “Tôi lấy từ dưới nhà.”

Vera kêu lên: “Tôi không uống đâu...”

Có một khoảng lặng, rồi Lombard bật cười.

Anh nói vẻ cảm kích: “Tốt cho cô thôi, Vera à. Cô luôn luôn tỉnh táo - kể cả khi cô đang sợ đến gần chết. Tôi sẽ đi lấy một chai mới tinh chưa được mở.”

Rồi anh nhanh nhẹn bước ra khỏi phòng.

Vera nói với vẻ không lấy gì làm chắc chắn: “Tôi ổn rồi. Tôi sẽ uống một chút nước lọc thôi.”

Armstrong đỡ lấy cô lúc cô loạng choạng đứng dậy. Cô tới bên bồn rửa mặt, quay lại và cố bám lấy ông như trụ đỡ. Cứ thế, cô để cho dòng nước lạnh chảy và rót đầy cốc.

Ông Blore tỏ ra bị tổn thương: “Chai brandy đó có sao đâu.”

Armstrong hỏi vặc lại: “Làm sao ông biết được?”

Ông Blore tức giận: “Tôi chẳng cho cái gì vào trong đó cả. Nếu đây là điều ông muốn nói.”

Armstrong trả lời: “Tôi không nói là ông làm vậy. Có thể là ông, mà cũng có thể là ai đó đã làm gì đó với chai rượu chỉ chờ cho vụ cấp cứu này.”

Lombard nhẹ nhàng quay trở lại căn phòng.

Anh cầm một chai brandy trong tay và một cái mở nắp xoắn ốc. Anh bật nắp chai ngay trước mắt Vera.

“Đây rồi, cô gái. Không có gì lừa lọc ở đây cả nhé.”

Đoạn anh bóc miếng thiếc đậy và rút nút chai. “Cũng may là có cả một kho rượu đầy ắp trong căn nhà. U.N. Owen cũng khá chu đáo.”

Vera rùng mình dữ dội.

Armstrong giữ chiếc cốc trong lúc Philip rót brandy. Ông nói: “Cô nên uống thứ này thì tốt hơn, cô Claythorne. Cô đã bị sốc ghê gớm.”

Vera nhắm nháp một ít rượu. Màu sắc dần trở lại với khuôn mặt cô.

Philip Lombard nói với một tròng cười: “Chà, đây chính là một vụ giết người mà không diễn ra theo như kế hoạch đây!”

Vera gần như đang nói thầm: “Anh nghĩ - chuyện này là như thế ư?”

Lombard gật đầu.

“Hắn muốn cô chết ngất vì sợ! Có những người đã có thể bị như thế rồi, phải không, bác sĩ?”

Ông Armstrong không đảm bảo gì. Ông chỉ nói vẻ hoài nghi: “Hừm, khó mà nói lắm. Một nhân vật trẻ khỏe mạnh - không yếu tim. Không dễ gì đâu. Mặt khác...”

Ông nhặt chai brandy mà ông Blore đã mang lên. Ông dò một ngón tay vào trong chai, rồi ném thử một cách thận trọng. Mặt ông không hề biến sắc. Ông nói vẻ mơ hồ: “Hừm, vị bình thường.”

Ông Blore bước tới trước đầy giận dữ, cất lời: “Nếu ông đang muốn nói là tôi đã làm gì với cái chai đó, thì tôi sẽ đánh ông một trận ra trò.”

Vera, lúc này tâm trí đã được phục hồi nhờ vào chai brandy, bắt đầu nói để đánh lạc hướng: “Ông thẩm phán đâu rồi?”

Ba người đàn ông nhìn lẫn nhau.

“Kỳ nhỉ... Tưởng ông ấy lên cùng chúng ta.”

Ông Blore trả lời: “Tôi cũng tưởng thế... Thế nào ấy nhỉ, bác sĩ, ông lên ngay sau tôi phải không?”

Armstrong trả lời: “Tôi nghĩ là ông ấy theo sau tôi... Tất nhiên là ông ấy hẳn phải đi chậm hơn chúng ta một chút. Ông ấy cũng đã cao tuổi rồi mà.”

Họ lại nhìn nhau lần nữa.

Lombard thốt lên: “Thật quái lạ...”

Ông Blore cũng kêu ré: “Chúng ta phải tìm ông ấy thôi.”

Nói rồi ông ta bắt đầu quay ra cửa. Những người khác theo sau, Vera đi cuối cùng.

Khi họ đi xuống cầu thang Armstrong nói với qua vai: “Tất nhiên là ông ấy có thể vẫn còn trong phòng khách.”

Họ chạy qua sảnh. Armstrong hét lớn: “Wargrave, Wargrave, ông đang ở đâu thế?”

Không có tiếng trả lời. Sự câm lặng tràn ngập ngôi nhà, chỉ trừ có mỗi tiếng mưa rơi nhè nhẹ.

Rồi khi đã tới cửa vào phòng khách, Armstrong đứng chết lặng.

Những người phía sau bị xô chụm lại vào nhau và nhìn qua vai ông.

Có ai đó thét lên.

Ông thẩm phán Wargrave đang ngồi trên chiếc ghế có lưng tựa cao ở cuối phòng. Hai cây nến cháy hai bên. Nhưng thứ làm cho những người chứng kiến bị sốc và phải sửng người ấy là việc ông ta đang được choàng lên người một tấm vải đỏ và được đội lên một bộ tóc giả của thẩm phán...

Bác sĩ Armstrong ra hiệu cho những người còn lại lùi ra sau. Một mình ông đi qua căn phòng tới bên cái hình thù im lìm bất động, dáng ông đi liêu xiêu như một người say.

Ông cúi xuống, quan sát khuôn mặt không nhúc nhích. Rồi, với một động tác nhẹ nhàng ông nâng bộ tóc giả lên. Nó rơi xuống sàn để lộ ra một vầng trán trơ trọi, và ngay ở giữa là một dấu vết xỉn màu mà từ đó có thứ gì đang chảy ra.

Bác sĩ Armstrong nâng bàn tay không còn sự sống lên để tìm nhịp đập. Rồi ông quay sang những người còn lại.

Bác sĩ cất tiếng - giọng ông không có chút cảm xúc nào, lạnh lẽo, xa xăm...

“Ông ấy đã bị bắn...”

Ông Blore thốt lên: “Chúa ơi - khẩu súng!”

Ông bác sĩ tiếp tục nói, vẫn với cái giọng không một chút cảm xúc: “Đạn bắn xuyên qua đầu. Ngay tức thì.”

Vera cúi xuống nhìn bộ tóc giả. Cô lên tiếng, và giọng cô run lên vì khiếp sợ: “Mớ len xám mà bà Brent bị mất...”

Blore thêm vào: “Và cả tấm rèm đỏ trong phòng tắm bị mất tích...”

Vera khẽ khàng: “Vậy đó là lý do vì sao hấn muốn mấy thứ

này...”

Đột nhiên Philip Lombard cười lớn - một tiếng cười cao vút bất thường.

“Đến tòa năm đũa kia chờ; Một vào Thượng thẩm, bốn ra biển ngồi. Đó là hồi kết cho ông thẩm phán Wargrave. Không còn trò tuyên án nữa! Không còn trò đội mũ tử hình nữa! Đây là lần cuối cùng mà ông ta còn ngồi trong tòa án! Không còn trò luận tội rồi đẩy người vô tội vào chỗ chết nữa. Nếu Edward Seton mà ở đây thì anh ta cười phải biết! Chúa ơi, cười phải biết!”

Sự bùng nổ của anh đều khiến những người còn lại phải sốc và chết lặng.

Vera kêu lên: “Mới sáng nay anh còn nói hấn chính là ông ta!”

Mặt Philip Lombard thay đổi - tỉnh táo trở lại.

Anh nói với một giọng trầm trầm: “Tôi biết thế chứ... Chà, tôi đã làm. Lại thêm một người trong số chúng ta được công nhận là vô tội - nhưng lại quá muộn!”



Chương 14

Họ đã bế ông thẩm phán Wargrave lên gác và đặt ông nằm trên giường.

Rồi họ lại đi xuống nhà và đứng ở sảnh nhìn lẫn nhau.

Blore hỏi một cách nặng nề: “Chúng ta làm gì bây giờ?”

Lombard nói nhanh: “Làm gì đó ăn thôi. Chúng ta cũng phải ăn nữa chứ.”

Lại một lần nữa họ quay lại phòng bếp. Rồi lại một lần nữa họ mở chiếc hộp đựng lưới đông lạnh. Họ ăn một cách máy móc, gần như chẳng cần nếm thử.

“Tôi sẽ không bao giờ ăn món lưới này nữa.” Vera cho biết.

Họ kết thúc bữa ăn. Họ ngồi quanh bàn bếp và nhìn chăm chăm lẫn nhau.

Blore nói: “Chỉ còn bốn chúng ta thôi... Ai sẽ là người tiếp theo đây?”

Armstrong nhìn đăm đăm. Vị bác sĩ nói, như một cái máy: “Chúng ta phải thật cẩn thận...” và dừng lại.

Ông Blore gật đầu.

“Đấy là điều mà ông ấy đã nói... và giờ thì ông ấy đã chết!”

Armstrong không khỏi thắc mắc: “Chuyện đó xảy ra thế nào cơ chứ, tôi muốn biết?”

Lombard chửi thề. Anh nói: “Một vố lừa tinh khôn! Cái thứ đó đã được treo ở trong phòng cô Claythorne từ trước rồi và nó đã

đem lại hiệu quả như mong đợi. Tất cả mọi người đều chạy thục mạng lên đó vì nghĩ là cô ấy sắp bị giết. Và thế là - trong lúc hỗn loạn - có ai đó - đã khiến ông bạn già mất cảnh giác.”

Blore ngạc nhiên: “Tại sao không ai nghe thấy tiếng súng kia chứ?”

Lombard lắc đầu.

“Cô Claythorne khi đó đang hét lớn, tiếng gió hú, chúng ta khi đó đang chạy và gọi thật to. Không, khó mà nghe thấy nổi.” Anh dừng lại. “Nhưng cái mảnh lời đó sẽ không còn có tác dụng nữa. Hắn sẽ cố dùng cách khác vào lần sau.”

Blore nói: “Có lẽ hắn sẽ làm thế.”

Có một nét gì đó không được thoải mái trong giọng của ông. Hai người đàn ông nhìn nhau.

Armstrong nói: “Bốn người chúng ta, mà lại không biết là ai...”

Blore nói: “Tôi biết...”

Vera nói: “Tôi không còn chút nghi ngờ nào nữa...”

Armstrong chậm chậm nói: “Tôi nghĩ là chắc tôi biết thật...”

Philip Lombard nói: “Tôi nghĩ tôi cũng có một ý tưởng...”

Một lần nữa họ lại nhìn nhau...

Vera đứng lảo đảo. Cô nói: “Tôi thấy thật tồi tệ. Tôi phải lên giường ngủ đây... Tôi mệt lử rồi.”

Lombard nói: “Tôi cũng vậy. Chẳng ích gì cứ ngồi đây ngắm nhau.”

Blore nói: “Tôi cũng không phản đối chuyện đó...”

Bác sĩ lẩm bẩm: “Đó là điều tốt nhất có thể làm lúc này - dù vậy tôi không nghĩ là chúng ta có thể chợp mắt nổi.”

Họ tiến đến cửa. Blore thì thầm: “Không hiểu khẩu súng ngắn

đang ở đâu?”

Họ bước lên cầu thang.

Chuyện tiếp theo diễn ra như một cảnh trong trò kịch hài.

Cả bốn người đều đứng với tay họ đặt lên nắm đấm cửa. Rồi, như có hiệu lệnh, mỗi người đều bước vào phòng và đóng sập cửa lại. Có tiếng then chốt và tiếng khóa, tiếng đồ vật bị xô dịch.

Bốn con người sợ sệt đã bị chặn lại trong phòng cho tới sáng.

Philip Lombard thở một hơi dài nhẹ nhõm sau khi đã điều chỉnh chiếc ghế chặn nắm đấm cửa.

Anh lướt tới bên bàn gương.

Dưới ánh sáng chập chờn của cây nến, anh ngắm nhìn gương mặt mình đầy hiếu kỳ.

Anh tự nhủ một cách nhỏ nhẹ: “Đúng là cái trò này đã khiến mình căng thẳng rồi.”

Nụ cười của loài sói lại hiện ra trong chớp nhoáng.

Anh cởi đồ thật nhanh.

Rồi anh tới bên giường, để chiếc đồng hồ đeo tay lên chiếc bàn đầu giường.

Và anh mở cái ngăn kéo.

Anh đứng đó, nhìn chăm chăm vào khẩu súng ngắn bên trong...

Vera Claythorne nằm trên giường.

Cây nến vẫn đang cháy bên cạnh.

Thế nhưng cô vẫn không thể thu được đủ can đảm để tắt nó đi.
Cô thấy sợ bóng tối...

Cô tự nhủ với bản thân mình nhiều lần: “Mình còn ổn vào sáng nay. Chẳng có gì xảy ra tối qua cả. Sẽ không có chuyện gì xảy ra đêm nay đâu. Không có gì xảy ra được. Mình đã khóa cửa cài then rồi. Không ai đến được gần đâu...”

Và đột nhiên cô nghĩ: “Tất nhiên rồi! Mình có thể ở đây! Ở đây khóa chặt cửa lại! Thức ăn chẳng quan trọng lắm! Mình có thể ở đây - an toàn - cho tới khi có sự giúp đỡ đến! Dù là một ngày - hay hai ngày...”

Ở lại đây. Được đấy, nhưng cô có thể ở đó không? Hàng giờ nối tiếp giờ - không có ai để nói chuyện cùng, chẳng có gì để làm ngoài chuyện nghĩ...

Cô lại bắt đầu nghĩ tới Cornwall - tới Hugo - tới những điều mà cô đã nói với Cyril.

Cái thằng bé kinh khủng suốt ngày ăn vạ đó, nó luôn luôn quấy nhiễu cô...

“Cô Claythorne, tại sao cháu lại không được bơi ra chỗ đá kia? Cháu bơi được mà. Cháu biết cháu làm được mà.”

Có đúng là giọng cô trả lời nó không?

“Tất nhiên rồi, cháu bơi được mà, Cyril, thật đấy. Cô biết thế.”

“Thế cháu có được ra đó không, cô Claythorne?”

“Chà, cháu thấy đấy, Cyril, mẹ cháu lo cho cháu nhiều lắm. Thế này nhé. Ngày mai cháu có thể bơi ra tới chỗ đá. Cô sẽ nói chuyện với mẹ cháu trên bãi biển để đánh lạc hướng chú ý của mẹ cháu. Và rồi, khi mẹ cháu đi tìm xem cháu ở đâu, cháu sẽ đứng ở chỗ đá đó mà vẫy chào mẹ! Sẽ là một ngạc nhiên lớn lắm!”

“Ôi, hay quá, cô Claythorne! Thế thì vui phải biết!”

Cô đã nói rồi đó. Ngày mai! Hugo lúc đó sẽ tới Newquay. Khi anh trở về - mọi thứ sẽ đầu vào đó.

Được đó, nhưng nếu không như thế thì sao? Nhỡ mọi chuyện hỏng bét thì sao? Cyril biết đâu lại được cứu đúng lúc. Và rồi - nó sẽ nói: “Cô Claythorne bảo con được phép.” Chà, thế thì đã làm sao? Người ta phải dám liều chứ! Nếu điều tồi tệ nhất xảy đến thì cô sẽ nói trắng trợn. “Làm sao mà cháu có thể bịa ra một chuyện kinh khủng như thế chứ, Cyril? Tất nhiên là cô sẽ không bao giờ làm như vậy rồi!” Họ sẽ tin cô là cái chắc. Cyril vốn thường hay bịa chuyện. Nó là một thằng bé không trung thực. Cyril hiển nhiên sẽ hiểu. Nhưng cũng chẳng quan trọng... và lại sẽ chẳng có chuyện gì có thể hỏng bét được. Cô sẽ giả vờ bơi theo nó. Nhưng cô sẽ bơi tới quá muộn... Sẽ chẳng ai nghi ngờ điều gì...

Liệu Hugo có đoán ra không? Có phải đó là lý do anh ta nhìn cô lạ lẫm xa cách như thế không?... Có khi nào Hugo biết không?

Phải chăng đó là điều khiến cho anh rời buổi thăm vấn một cách vội vã như thế?

Anh còn chẳng hề đáp lại một bức thư nào mà cô gửi...

Hugo...

Vera xoay trở hết bên này đến bên kia trên giường. Không, không, cô không được nghĩ tới Hugo nữa. Đau như cắt vậy!

Mọi chuyện đã hết rồi, đã qua và đã xong rồi... Hugo phải được quên đi thôi.

Nhưng tại sao, lúc tối nay, đột nhiên cô thấy như Hugo đang ở trong phòng cùng cô?

Cô nhìn thao láo lên trần nhà, nhìn không rời mắt khỏi một chiếc móc to dùng đen kịt ở giữa phòng.

Cô chưa bao giờ để ý thấy cái móc đó.

Đám tảo biển được treo lên đó.

Cô rùng mình khi nhớ tới cái bàn tay dinh dính lạnh như nước đá đã đụng vào cổ cô.

Cô không hề thích thú chiếc móc trên nhà. Nó như mời mọc con mắt, khiến người ta phải tò mò... một cái móc đen to đùng...

Cựu thanh tra Blore thì đang ngồi ở một bên giường.

Đôi mắt nhỏ của ông, với viền mắt đỏ và mống mắt đỏ ngầu nom đầy cảnh giác trong khi khuôn mặt to lớn thì rắn đanh. Trông ông như một con lợn rừng trong thế tấn công.

Ông không hề có cảm giác buồn ngủ.

Lời đe dọa đã đến rất gần rồi... Sáu trong tổng số mười người!

Với tất cả sự thông minh, sự cảnh giác cùng sự sắc sảo của mình, ông thẩm phán già vẫn bị cuốn theo số phận của những người kia.

Blore khịt mũi với một vẻ thỏa mãn độc ác.

Lão già quái đản đó đã từng nói gì ấy nhỉ?

“Chúng ta phải thật cẩn thận...”

Lão già tự mãn đạo đức giả lúc nào cũng tự cho là mình đúng. Ngồi trong tòa án, lão tự nghĩ rằng mình là Chúa Toàn năng. Lão cũng đã nhận phần của mình rồi... Giờ thì lão không còn phải cẩn trọng nữa.

Và giờ chỉ còn bốn bọn họ. Cô gái, Lombard, Armstrong và chính ông.

Sẽ rất sớm thôi một người nữa sẽ lại ra đi... Nhưng sẽ không

thể là William Henry Blore được, ông đã lo liệu chuyện đó rồi.

(Nhưng khẩu súng ngắn... Còn khẩu súng thì sao đây? Đó là một yếu tố đáng bận tâm - khẩu súng!)

Ông Blore ngồi bên giường, với vầng trán nhăn nheo, đôi mắt thì hí nheo lại và tạo ra những nếp nhăn trong lúc ông đang suy ngẫm về vấn đề khẩu súng ngắn...

Trong sự yên tĩnh ấy, ông có thể nghe được tiếng đồng hồ điểm giờ ở tầng dưới.

Đã nửa đêm.

Ông thư giãn một chút - thậm chí còn ngả lưng xuống chiếc giường. Nhưng ông không thèm thay đổi.

Ông nằm đó nghĩ ngợi. Ngẫm lại câu chuyện từ đầu, một cách có phương pháp, nhẫn nại, hết như hồi mà ông phải làm khi còn ở trong sở cảnh sát. Chính sự nghiên ngẫm sâu xa là thứ đem lại kết quả vào hồi kết.

Cây nến đang cháy lụi. Trong lúc tìm xem có hộp diêm nào nằm trong tầm với của mình không, ông thổi tắt nó đi.

Có một điều kỳ lạ nữa, ông thấy bóng tối dường như đang khuấy động. Cứ như thể hàng ngàn nỗi sợ hãi ập đến và đánh vật bên trong bộ não của ông để giành ưu thế. Những khuôn mặt trôi nổi trong không khí - khuôn mặt ông thẩm phán với bộ tóc giả xám màu đầy nhạo báng trên đầu - khuôn mặt cứng đờ lạnh lẽo của bà Rogers - khuôn mặt sưng tấy tím ngắt của Anthony Marston.

Một khuôn mặt khác nữa - tái nhợt, đeo kính, với một chùm râu nhỏ xám tro.

Ấy là khuôn mặt mà có đôi lúc ông đã thấy - nhưng khi nào nhỉ? Không phải là trên hòn đảo này rồi. Không, phải lâu hơn thế

kia.

Thật buồn cười là ông không thể nhớ nổi cái tên của nó... Khuôn mặt trông ngớ ngẩn thật đấy - hẳn trông có vẻ hơi khờ khạo.

Tất nhiên rồi!

Cái tên đến với ông kèm theo một cú sốc.

Landor!

Thật kỳ cục nếu nghĩ là ông đã quên khuấy đi việc Landor nom như thế nào. Mới hôm qua thôi ông còn cố nhớ lấy khuôn mặt của hắn, nhưng không được.

Và giờ thì nó ở ngay đây, với mọi đường nét hiện ra rõ ràng và khác biệt, cứ như thể ông mới nhìn thấy nó hôm qua mà thôi.

Landor đã từng có một người vợ - một người đàn bà thuộc loại gầy gò với khuôn mặt phiến muộn. Có cả con nữa, một đứa con gái tầm mười bốn. Lần đầu tiên, ông suy nghĩ không biết họ đã ra sao.

(Khẩu súng lục. Khẩu súng lục ra sao rồi? Đó mới là điều quan trọng hơn lúc này).

Càng nghĩ về điều đó ông càng thấy rối bời... ông không hiểu nổi chuyện xung quanh khẩu súng lục...

Có ai đó trong căn nhà này đã giữ khẩu súng đó...

Dưới nhà, tiếng đồng hồ điểm một giờ sáng.

Những suy nghĩ của ông Blore bị cắt đứt. Ông ngồi bật dậy trên giường mình, đột nhiên trở nên cảnh giác. Vì ông có nghe thấy một tiếng động - một tiếng động rất khẽ - ở đâu đó bên ngoài cánh cửa phòng.

Có ai đó đang đi lại trong bóng tối của căn nhà.

Mồ hôi đột nhiên túa ra trên trán ông. Ai kia chứ, đi đi lại lại một cách bí mật và yên tĩnh dọc hành lang? Có ai đó hẳn đang định làm điều xấu, ông dám cá là thế!

Không chút tiếng ồn, mặc cho thân hình nặng nề của mình, ông Blore xuống giường và chỉ sau hai sải chân là đã tới bên cánh cửa lắng tai nghe.

Nhưng tiếng động đó không còn vang lên nữa. Dù vậy, ông Blore vẫn hoàn toàn tin là ông không nhầm lẫn. Ông đã nghe thấy một tiếng chân người ngay ngoài hành lang mà. Tóc ông dựng đứng trên đỉnh đầu. Ông lại thấy sợ hãi một lần nữa...

Có ai đó đang lướt qua lướt lại một cách lén lút trong căn nhà giữa đêm.

Ông lắng nghe - nhưng tiếng động ấy không lặp lại.

Và giờ, một sự cảm dỗ mới đang tấn công ông. Ông muốn, một cách tuyệt vọng, được bước chân khỏi căn phòng và điều tra xem sao. Ước gì ông có thể biết được là ai đang đi lang thang như vậy trong bóng tối.

Nhưng mở cửa lúc này sẽ là hành động của một thằng đàn. Rất có khả năng đấy chính là điều mà tên kia đang chờ đợi. Khéo khi hắn còn cố tình muốn cho ông Blore nghe thấy tiếng động mà ông đã nghe thấy, trông chờ ông đi ra và điều tra.

Ông Blore đứng im lìm - lắng tai nghe. Lúc này ông có thể nghe âm thanh từ khắp nơi, tiếng nứt, tiếng xào xạc, tiếng thì thầm bí ẩn - nhưng bộ não kiên quyết và thực tế của ông biết thừa bản chất của những tiếng động ấy - chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng đang sôi sục trong ông.

Và rồi đột nhiên ông nghe thấy âm thanh mà chắc chắn không thể là do tưởng tượng ra. Tiếng bước chân, rất êm, rất thận trọng,

nhưng đơn giản là hoàn toàn nghe được với một người đàn ông đang căng hết cả tai như Blore.

Chúng đến nhẹ nhàng dọc hành lang (mà phòng của Lombard và phòng của Armstrong đều cách xa cầu thang hơn hẳn phòng của ông). Họ đều phải đi qua phòng ông mà không được dẫn đo hay lưỡng lự.

Và khi họ làm thế, ông Blore đã lên quyết định.

Ông phải xem xem đó là ai! Những bước chân ấy chắc hẳn đã phải qua phòng ông để đến cầu thang. Hẳn đi đâu cơ chứ?

Một khi ông Blore đã hành động, ông hành động khá nhanh, hoàn toàn không ngờ nổi ở một người đàn ông với thân hình nom nặng nề chậm chạp như vậy. Ông nhón chân quay lại giường, luồn hộp diêm vào túi, rút phích cắm của chiếc đèn điện đầu giường rồi cầm nó lên, cuốn sợi dây xung quanh nó. Một vật làm bằng crôm với đế cao su cứng - là một thứ vũ khí hữu ích.

Ông chạy nước rút mà không gây chút tiếng động nào qua căn phòng, nhắc chiếc ghế khỏi nắm đấm cửa và mở khóa chốt cửa với sự thận trọng, ông bước ra ngoài hành lang. Có một tiếng động nhẹ ở sảnh dưới nhà. Ông Blore lại chạy nhẹ tiếng với đôi chân mang tất tới đầu cầu thang.

Chính khi đó, ông mới hiểu ra tại sao mình nghe được những tiếng động rõ ràng đến thế. Cơ gió đã tắt hoàn toàn và bầu trời đã tan mây. Có ánh trăng sáng dịu dịu luồn qua ô cửa sổ chiếu nghiêng và soi sáng cả sảnh dưới.

Ông Blore nhìn được ngay tức thì một hình thù vừa mới đi qua cửa chính.

Vừa sức chạy xuống cầu thang để đuổi theo thì ông kịp dừng lại.

Một lần nữa, ông suýt tự biến mình thành một tên ngốc! Đây là một cái bẫy, chắc thế, để dụ ông ra khỏi căn nhà!

Nhưng điều mà tên kia không nhận ra được ấy là hắn đã phạm một sai lầm, và tự đưa mình vào tầm tay ông Blore một cách gọn ghẽ.

Bởi lẽ trong số ba căn phòng có người ở trên kia, hắn phải có một chiếc bị trống. Tất cả những gì cần phải làm là chắc chắn căn nào đang trống!

Nghĩ rồi ông Blore nhanh chóng quay trở lại hành lang.

Đầu tiên, ông dừng lại trước phòng Armstrong và gõ cửa. Không có tiếng trả lời.

Ông đợi một lúc, rồi sang phòng Philip Lombard.

Ngay lập tức, một tiếng trả lời cất lên.

“Ai đó?”

“Là Blore đây. Tôi không nghĩ là Armstrong đang ở trong phòng của ông ấy. Đợi tôi chút.”

Ông tiếp tục bước tới căn phòng ở cuối hành lang. Tới đó ông lại gõ cửa lần nữa.

“Cô Claythorne. Cô Claythorne.”

Giọng Vera trả lời, vẻ ngạc nhiên: “Ai thế? Chuyện gì thế?”

“Không sao đâu, cô Claythorne. Đợi tôi chút, tôi sẽ quay lại.”

Ông hối hả quay lại phòng Lombard. Cánh cửa phòng bật mở ngay lúc đó. Lombard đứng đó. Anh cầm một cây nến nơi tay trái. Anh đã kịp mặc quần dài bên ngoài bộ ngủ. Tay phải anh thì luồn trong chiếc túi áo. Anh hỏi sắc gọn: “Chuyện quái quỷ này là gì thế?”

Ông Blore giải thích vội vàng. Mắt Lombard vụt sáng.

“Armstrong - là hấn hả? Vậy ra hấn chính là đầu mối của chúng ta!” Anh đi tới cánh cửa phòng Armstrong. “Xin lỗi nhé, Blore, nhưng tôi không sẵn lòng tin ai tuyệt đối.”

Anh đập lên tấm cửa một cách dứt khoát.

“Armstrong - Armstrong.”

Không có tiếng trả lời.

Lombard khom đầu gối và nhòm qua lỗ khóa. Anh đút ngón tay nhỏ của mình vào lỗ khóa với vẻ thận trọng.

Anh nói: “Chìa khóa không cắm ở phía trong.”

Ông Blore nhận định: “Vậy nghĩa là hấn đã khóa cửa từ bên ngoài và mang theo người.”

Philip gật đầu.

“Sự cẩn trọng bình thường ấy mà. Chúng ta sẽ bắt hấn, Blore... Lần này thì, chúng ta sẽ bắt được hấn! Chỉ trong nháy mắt.”

Và anh chạy như bay tới phòng Vera.

“Vera.”

“Vâng.”

“Tụi tôi đang đi tìm Armstrong, ông ta không có ở trong phòng. Dù cô có làm gì đi nữa thì cũng không được mở cửa. Cô hiểu không?”

“Có, tôi hiểu.”

“Nếu Armstrong có tới đây và nói là tôi đã bị giết, hay Blore có bị giết, thì không được để ý. Cô hiểu chứ? Chỉ được mở cửa nếu có cả Blore và tôi nói chuyện với cô. Cô hiểu chứ?”

Vera nói: “Vâng. Tôi đâu phải là đứa ngốc.”

Lombard nói: “Tốt rồi.”

Quay lại chỗ Blore, anh nói tiếp: “Và giờ thì - theo hấn thôi!

Cuộc săn bắt đầu!”

Ông Blore dè chừng: “Chúng ta nên cẩn thận. Hẳn có khẩu súng ngắn, nhớ không?”

Philip Lombard vừa chạy xuống cầu thang vừa chặc lưỡi: “Đó là điều mà ông đã làm.” Anh mở cánh cửa chính, đoạn nhận xét. “Then cài bị đẩy lại - vậy là để hẳn có thể quay lại dễ dàng đây.”

Anh tiếp tục: “Tôi đang giữ khẩu súng!” Anh rút nó ra khỏi túi mình, khoe một nửa khẩu súng khi nói. “Tôi vừa tìm thấy nó ở trong ngăn kéo tối nay.”

Ông Blore đứng chết lạng chỗ bậc thềm. Mặt ông biến đổi. Philip Lombard đã nhận thấy điều đó.

“Đừng có ngốc thế nữa, Blore! Tôi không đi bắn ông đâu! Cứ về phòng mà chặn cửa nếu ông muốn! Tôi đi theo bắt Armstrong đây.”

Đoạn anh bước ra dưới ánh trăng. Blore, sau một phút do dự, đi theo sau anh.

Ông tự nhủ: “Là mình chẳng muốn biết đó sao. Cuối cùng thì...”

Nói cho cùng thì ông cũng đã từng bắt những tên tội phạm mang súng lục từ trước rồi. Thiếu gì thì thiếu, chứ Blore chưa bao giờ thiếu lòng can đảm. Cứ thấy mỗi nguy hiểm nào là ông sẽ đương đầu với nó một cách gan dạ. Ông không hề lo sợ mỗi nguy hiểm nào rõ ràng cả, chỉ sợ những mỗi nguy hiểm khó định hình nhuộm màu siêu nhiên mà thôi.

Vera, trong lúc bị bỏ lại chờ đợi kết quả, đã thức dậy hẳn và mặc quần áo.

Một, hai lần cô có liếc nhìn cánh cửa. Nó là một cánh cửa tốt

vững chãi, nó được chèn then cài, được khóa lại và có cả một chiếc ghế gỗ sồi chặn ở dưới tay cầm.

Cánh cửa đó không thể dùng lực để phá được. Chắc chắn không thể bị phá bởi bác sĩ Armstrong. Ông ta không phải là loại đàn ông thể chất tốt.

Nếu cô mà là Armstrong và định đi giết người, sẽ khôn ngoan hơn nếu cô dùng mẹo, chứ không phải là dùng sức.

Cô bắt đầu tự làm thư giãn bản thân bằng cách nghĩ ra những mưu mẹo mà ông ta có thể dùng.

Giống như Philip đã gợi ý, ông ta có thể sẽ tuyên bố là một trong hai người đàn ông kia đã chết. Hoặc có khi bản thân ông ta sẽ vờ bị thương trầm trọng, lê người tới cửa phòng cô mà rên rỉ.

Cũng có những khả năng khác nữa. Ông ta có thể sẽ báo cho cô là nhà bị cháy. Hơn thế, có khi ông ta còn đốt cho nhà cháy... Đúng thế, đó cũng là một khả năng. Dụ hai người đàn ông kia ra khỏi căn nhà, rồi sau đó, đi rưới một vệt xăng xung quanh, và phóng hỏa. Còn cô, như một đứa ngốc, sẽ tự rào chắn bản thân trong phòng cho tới khi quá muộn.

Vera bước tới bên cửa sổ. Không đến nỗi nào. Chỉ một cú nhảy là người ta đã có thể trốn thoát ngay lập tức. Tức là phải nhảy xuống - nhưng đã có một tấm đệm hoa cần thiết ngay đó.

Cô ngồi xuống và lật cuốn nhật ký của mình lên, bắt đầu viết những nét rõ ràng trôi chảy.

Phải giết thời gian.

Đột nhiên người cô cứng đờ một cách đáng chú ý. Cô vừa nghe thấy một tiếng động. Nghe giống như là tiếng kính vỡ. Và nó vọng lên từ đâu đó dưới nhà.

Cô lắng nghe chăm chú, nhưng âm thanh đó không lặp lại

nữa.

Cô nghe thấy, hoặc cô nghĩ mình nghe thấy, tiếng bước chân rón rén, tiếng cầu thang kêu cọt kẹt, tiếng xào xạo của áo quần - nhưng cũng chẳng có gì là chắc chắn và cô bèn kết luận, giống như ông Blore làm khi nãy, rằng mấy âm thanh đó xuất phát từ óc tưởng tượng của cô.

Nhưng ngay lúc này, cô đang ghi nhận được những tiếng động rõ ràng hơn về bản chất. Có người đang đi lại dưới nhà - tiếng giọng nói thì thầm. Rồi chắc chắn là những tiếng một ai đó đang lên cầu thang - tiếng cửa mở và đóng - tiếng chân đi lên gác mái trên đầu. Rồi có thêm nhiều tiếng động phát ra từ đó nữa.

Cuối cùng thì những bước chân đó vọng lên ngoài hàng lang. Giọng Lombard cất lên: “Vera. Cô ổn chứ?”

“Vâng. Chuyện gì xảy ra thế?”

Giọng của ông Blore cũng vang lên liền tức thì: “Cô cho phép chúng tôi vào chứ?”

Vera đến bên cửa. Cô bỏ ghế sang một bên, mở khóa và kéo then cài. Cô mở cửa ra. Hai người đàn ông đang thở hồng hộc, bàn chân và ống quần họ đều ướt sũng.

Cô lặp lại: “Chuyện gì xảy ra thế?”

Lombard thốt lên: “Armstrong biến mất tăm rồi...”

Vera thét ré: “Cái gì cơ?”

Lombard trả lời: “Biến mất khỏi hòn đảo rồi.”

Ông Blore hùa theo: “Bốc hơi rồi - chính thế đấy! Giống như một trò ảo thuật chết tiệt nào đó vậy.”

Vera mất hết kiên nhẫn, nói: “Vớ vẩn! Ông ta đang trốn ở đâu

đó!”

Ông Blore trả lời: “Không, không phải đâu! Tôi nói cho cô biết nhé, chẳng có chỗ nào để trốn ở trên đảo này cả. Nó rõ như lòng bàn tay của cô ấy! Lại còn ánh trăng bên ngoài kia nữa. Sáng rõ như ban ngày vậy. Mà không thể tìm nổi ông ta.”

Vera thắc thỏm: “Hay ông ta đã lén lại vào nhà.”

Ông Blore trả lời: “Chúng tôi đã nghĩ tới điều đó rồi. Chúng tôi còn kiểm tra cả ngôi nhà này nữa. Hẳn cô phải nghe thấy tiếng chúng tôi. Ông ta không có ở đây, tôi nói mà. Ông ta đi rồi - biến mất tăm, mất tích rồi...”

Vera tỏ ra hoài nghi: “Tôi không tin.”

Lombard khẳng định: “Thật đấy, cô gái.”

Anh dừng lại và tiếp tục: “Có điều nho nhỏ này nữa. Một ô cửa sổ phòng ăn đã bị đập vỡ - và chỉ còn có ba tượng lính trên bàn thôi.”



Chương 15

Ba người đang ngồi ăn sáng trong phòng bếp.

Bên ngoài, mặt trời đã ửng hồng. Đó là một ngày đẹp trời. CƠ BÃO ĐÃ LÙI VÀO QUÁ KHỨ.

Với sự thay đổi này của thời tiết, một sự thay đổi cũng đang diễn ra trong tâm trạng của những tù nhân trên đảo.

Họ có cảm giác như những người vừa thoát khỏi cơn ác mộng. Có nguy hiểm, đúng thế thật, nhưng giờ là nguy hiểm giữa ngay ban ngày ban mặt. Cái bầu không khí tê cứng với nỗi sợ hãi ấy đã trùn lên họ như một tấm chăn, mới hôm qua, cơn gió còn hú mà nay đã chấm dứt.

Lombard nói: “Chúng ta sẽ thử phương pháp phản quang hôm nay với một chiếc gương đứng từ ngọn đồi cao nhất trên đảo. Một tay đèn ọc sáng sủa nào đó đi trên bờ đá sẽ nhận ra tín hiệu kêu cứu khi nhìn thấy nó, tôi mong là thế. Vào buổi tối, chúng ta có thể dùng thử pháo sáng - nếu như không có đủ củi - với lại nếu dùng củi thì người ta sẽ chỉ nghĩ đó là một trò vui hát hò nhảy múa thôi.”

Vera nói thêm: “Chắc hẳn sẽ phải có ai đó đọc được tín hiệu Morse chứ. Và sau đó người ta sẽ đến đón chúng ta. Phải đến trước khi đêm tới.”

Lombard nói: “Đã tan cơn cố rồi, nhưng mà biển động chưa dứt. Có sóng to lắm! Họ sẽ khó mà cho nổi một con thuyền cặp đảo trước ngày mai.”

Vera kêu lên: “Lại thêm một đêm ở đây sao!”

Lombard nhún vai.

“Đành chấp nhận điều đó thôi! Hai mươi tư giờ là đủ mà, tôi đoán vậy. Nếu chúng ta có thể qua được điều đó, thì chúng ta sẽ ổn thôi.”

Ông Blore tăng hắng: “Chúng ta nên hiểu rõ chuyện này đã. Chuyện gì đã xảy ra với Armstrong rồi?”

Lombard trả lời: “Thì đó, chúng ta đã có một mẫu chứng cứ. Chỉ còn ba chiếc tượng lính đặt ở bàn ăn. Có vẻ như là Armstrong đã đi đến chạng kết thúc của mình.”

Vera thắc mắc: “Vậy thì tại sao hai người lại không tìm thấy xác chết của ông ấy?”

Blore cất lời: “Chính xác.”

Lombard lắc đầu: “Kỳ quái thật - không thể bỏ qua chuyện đó được.”

Blore nói đầy nghi ngờ: “Có thể xác đã bị ném xuống biển.”

Giọng nói của Lombard thật sắc lẹm: “Bởi ai cơ chứ? Ông à? Hay là tôi? Chính ông thấy ông ta đi ra bằng cửa trước, ông đi theo và thấy tôi ở trong phòng. Cả hai chúng ta cùng nhau đi tìm. Thế lúc quái quỷ nào mà tôi có thể giết ông ta và rồi vác xác ông ta đi vòng quanh đảo chứ?”

Blore trả lời: “Tôi không biết. Nhưng tôi biết điều này.”

Lombard hỏi lại: “Điều gì?”

Blore đáp: “Khẩu súng ấy. Khẩu súng lục của anh. Nó lại quay về tay anh rồi. Và chẳng có gì đủ chứng minh là từ đầu tới giờ anh không có nó.”

“Thôi nào, Blore, tất cả mọi người đều bị khám mà.”

“Đúng thế, anh đã đem giấu nó đi từ lâu trước khi chuyện đó xảy ra. Sau đó anh chỉ việc quay lại lấy nó.”

“Ôi đầu đất ơi, tôi thề với ông là nó được đặt lại vào trong ngăn kéo của tôi. Việc làm tôi sững sốt nhất trong đời là khi tôi tìm thấy nó ở đó.”

Ông Blore vặc lại ngay: “Anh đòi hỏi chúng tôi tin câu chuyện như thế à! Vậy cái quỷ nào khiến Amrstrong, hay bất cứ ai đi nữa, đặt nó lại đó làm gì?”

Lombard lại nhún vai, vô vọng.

“Tôi không biết được lý do. Điên thôi. Đây là điều mà ít ai ngờ tới nhất. Có vẻ như chẳng có lý gì trong chuyện đó cả.”

Ông Blore đồng tình.

“Không, chẳng có lý gì cả. Đáng lẽ anh nên bịa ra một chuyện hay ho hơn.”

“Còn hơn là chứng minh chuyện tôi nói thật phải không?”

“Tôi không thấy nó giống như thế.”

Philip nói: “Ông sẽ không thấy thế rồi.”

Ông Blore cho biết: “Xem đây, anh Lombard, nếu anh đúng thực là người thành thật, như cái kiểu anh giả vờ...”

Philip lẩm bẩm: “Tôi tuyên bố là người trung thực lúc nào thế? Không, không hề, tôi chưa bao giờ nói như vậy cả.”

Ông Blore tiếp tục một cách thản nhiên: “Nếu anh đang nói sự thật - thì sẽ chỉ có một thứ phải làm mà thôi. Ngay từ lúc mà anh có cái khẩu súng đó trong tay, thì mạng sống của cô Vera và tôi chỉ còn trông cậy vào sự bao dung của anh. Điều công bằng duy nhất cần làm là phải đem khẩu súng đó đi khóa lại cùng với mấy thứ khác - anh và tôi vẫn sẽ giữ hai chiếc chìa khóa như thế.”

Philip Lombard châm một điếu thuốc lá, đoạn bập một hơi,

anh nói: “Đừng có mà nực cười thế.”

“Anh không đồng ý chuyện đó ư?”

“Không, tôi không đồng ý. Khẩu súng là của tôi. Tôi cần phải tự vệ - và tôi sẽ giữ nó bên mình.”

Ông Blore nói: “Trong trường hợp đó thì chúng ta đành phải đi đến một kết luận mà thôi.”

“Rằng tôi là U.N. Owen chứ gì? Làm ơn hãy đi mà nghĩ cho kỹ đi. Nhưng tôi sẽ hỏi ông, nếu đúng là thế, thì tại sao tôi không phang cho ông một quả bằng khẩu súng đó tới qua? Tôi đã có thể làm thế, phải đến hai chục lần.”

Ông Blore lắc đầu: “Tôi không biết - hẳn rồi. Hẳn anh phải có lý do gì đó.”

Vera vốn không hề tham gia vào cuộc thảo luận, lúc này cũng bắt đầu cựa mình: “Tôi thấy hai người đang cư xử như một cặp ngốc vậy.”

Lombard nhìn cô.

“Là sao?”

Vera nói: “Hai người đã quên cái bài về đó rồi. Các vị không thấy là có hẳn gợi ý trong đó sao?”

Cô nhắc lại với giọng đầy ẩn ý: “*Bốn tên cùng ra biển trời; Trích đở nuốt một giờ còn lại ba.*”

Cô tiếp tục: “Cá trích đở - đó chính là lời gợi ý thiết yếu. Armstrong vẫn chưa chết... Ông ta đập vỡ bức tượng sứ để khiến mọi người nghĩ là ông ấy đã chết. Hai người nói gì tùy thích - nhưng Armstrong vẫn còn ở trên đảo. Sự mất tích của ông ta chỉ là do con cá trích đở để lại thôi...”

Lombard ngồi xuống lần nữa.

Anh nói: “Cô biết không, có khi cô nói đúng.”

Ông Blore tiếp lời: “Rồi, nhưng nếu thế, thì ông ta ở đâu? Chúng ta đã tìm suốt rồi. Cả ngoài lẫn trong.”

Vera tỏ ra mỉa mai: “Tất cả chúng ta đều đi tìm khẩu súng đó thôi phải không, mà còn không thấy? Nhưng nó đã ở đâu đó ngay từ đầu.”

Lombard lẩm bẩm: “Có sự khác biệt về kích cỡ đó, cô gái thân mến, kích cỡ của một người đàn ông và một khẩu súng.”

Vera nói: “Tôi không quan tâm - tôi chắc chắn là mình đúng.”

Blore làu bàu: “Thế có hơi lộ liễu không? Lại đi đề cập tới một con cá trích đỏ ngay trong bài về. Ông ta đã có thể viết hơi khác đi một chút mà.”

Vera kêu lên: “Nhưng ông không thấy sao, ông ta điên mà? Mọi thứ đều điên rồ! Tất cả mọi chuyện mà làm theo cái bài về này đều thần kinh cả! Mặc áo cho thẩm phán, đi giết Rogers khi ông ấy đang bố củi - đầu độc bà Rogers để bà ấy ngủ quên - sắp đặt cho một con ong vò vẽ xuất hiện lúc bà Brent chết! Cứ như một đứa trẻ độc ác đang chơi trò chơi vậy. Tất cả mọi thứ đều phải khớp.”

Ông Blore đồng tình: “Vâng, cô nói đúng.” Ông nghĩ một lúc. “Nhưng dù gì thì cũng không có sớ thú nào trên đảo cả. Hẳn ta sẽ gặp phiền toái khi cố làm chuyện đó.”

Vera kêu lên: “Ông không thấy sao? Chúng ta chính là sớ thú... Tối qua, chúng ta đã chẳng còn là người nữa rồi. Chúng ta chính là sớ thú...”

Họ dành cả buổi sáng trên vách đá, lần lượt dùng gương phản quang hướng vào đất liền.

Chẳng có dấu hiệu gì là có ai đó nhìn thấy họ. Không có đến một tín hiệu trả lời. Bên dưới, biển xô vào nhau tạo thành những con sóng khổng lồ. Chẳng có con thuyền nào trên biển.

Họ lại thực hiện một cuộc tìm kiếm không ra đâu vào đâu khắp đảo. Không hề có dấu hiệu gì của vị thầy thuốc đã mất tích. Vera nhìn lên căn nhà từ nơi họ đang đứng.

Cô thốt lên, hơi thở của cô có phần kiềm chế: “Người ta thấy yên tâm hơn khi ở đây, ở ngoài trời như thế này... Đừng quay lại căn nhà nữa.”

Lombard nói: “Không hẳn là ý tưởng tồi đâu. Chúng ta khá an toàn ở đây, không ai có thể tới chỗ này mà không bị chúng ta phát hiện từ trước.”

Vera đáp lời: “Chúng ta sẽ ở đây thôi.”

Blore đề nghị: “Chúng ta phải qua đêm ở đâu đó chứ. Đành quay lại căn nhà lúc đó thôi.”

Vera rùng mình.

“Tôi không thể chịu nổi. Tôi không thể qua được một đêm nữa!”

Philip cố trấn an: “Cô sẽ đủ an toàn ở đó - cứ khóa chặt phòng mình lại là được.”

Vera lẩm bẩm: “Tôi nghĩ vậy.”

Rồi cô giang rộng cánh tay, thì thầm: “Thật tuyệt làm sao - khi lại được thấy ánh nắng...”

Cô chợt nghĩ: “Thật là lạ... mình gần như đang hạnh phúc. Và kể cả thế mình vẫn nghĩ là mình đang gặp nguy hiểm... bằng cách nào đó - ngay lúc này - chẳng có gì là quan trọng nữa... ngay dưới ánh nắng mặt trời... mình thấy sinh lực dồi dào - cảm giác như mình sẽ không thể chết được...”

Ông Blore đang nhìn xuống đồng hồ đeo tay. Ông nói: “Đã hai

giờ rồi. Mọi người muốn ăn trưa không?”

Vera ưỡng ngạnh đáp: “Tôi sẽ không quay vào căn nhà đó đâu. Tôi sẽ ở lại đây - ở ngoài trời.”

“Ôi thôi đi nào, cô Claythorne. Cô phải can đảm lên chứ.”

Vera nói: “Nếu tôi còn thấy một chiếc hộp thiếc đựng lưỡi đồng lạnh nào nữa, tôi sẽ phát ốm lên mất! Tôi không cần đến thức ăn. Người ta còn sống được vài ngày mà chẳng cần có gì vào bụng khi đang ăn kiêng đấy.”

Ông Blore tặc lưỡi: “Chà, tôi thì cần ăn uống đều đặn. Còn anh thì sao, anh Lombard?”

Philip trả lời: “Ông biết đấy, tôi không lấy làm hứng thú gì lắm với cái ý tưởng lưỡi đồng đóng hộp. Tôi sẽ ở lại đây với cô Claythorne.”

Ông Blore ngậm ngừng. Vera nói: “Tôi sẽ không sao đâu. Tôi không nghĩ là anh ấy sẽ bắn tôi ngay lập tức sau khi ông quay lưng lại, nếu đó là điều mà ông đang lo nghĩ.”

Ông Blore đáp: “Nếu cô nói vậy thì ổn rồi. Nhưng chúng ta đã đồng ý là sẽ không tách riêng ra.”

Philip nói: “Ông là người muốn tự rước mình vào hang cọp đấy chứ. Tôi sẽ đi cùng ông nếu ông muốn.”

“Không, không cần,” Blore đáp. “Anh cứ ở lại đây.”

Philip cười.

“Vậy là ông vẫn còn sợ tôi ư? Sao thế, tôi đã có thể bắn chết cả hai người ngay lúc này, nếu tôi muốn.”

Blore nói: “Vâng, nhưng như thế sẽ không theo đúng kế hoạch. Phải là một người một lúc thôi, và phải được tiến hành theo một phương pháp nhất định.”

“Chà,” Philip nói, “có vẻ như ông biết hết về chuyện đó rồi thì

phải.”

“Tất nhiên rồi,” Blore đáp lời, “chỉ là tôi hơi bồn chồn khi vào nhà một mình thôi...”

Philip nhẹ nhàng đáp: “Thế, liệu tôi có nên cho ông mượn khẩu súng ngắn không đây? Câu trả lời sẽ là, không, tôi sẽ không đưa! Không thể đơn giản như thế đâu, cảm ơn.”

Ông Blore nhún vai và bắt đầu bước lên đoạn dốc dẫn đến ngôi nhà.

Lombard nói êm ru: “Đến giờ cho ăn ở sở thú rồi! Các con vật đều đang hành xử theo thói quen bình thường!”

Vera nói với vẻ lo lắng: “Có liều lĩnh không, việc ông ấy đang làm ấy?”

“Theo cách cô ngụ ý - thì không, tôi không nghĩ là nguy hiểm đâu! Armstrong không có vũ khí, cô biết mà, vả lại kiểu gì đi nữa thì người Blore cũng to gấp đôi ông ta và ông ta cũng khá đề phòng. Mà dù gì đi nữa thì việc Armstrong đang ở trong nhà cũng là điều bất khả thi. Tôi biết là ông ta không có ở trong đó.”

“Nhưng - lời giải thích khác là gì?”

Philip nói một cách nhẹ nhàng: “Còn Blore thôi.”

“Ồ - anh thực sự tin là...?”

“Nghe này, cô gái. Cô nghe thấy câu chuyện của Blore rồi đó. Cô còn phải công nhận là chuyện đó đúng, tôi không thể có gì dính líu tới chuyện Armstrong bị mất tích cả. Câu chuyện của ông ta khiến tôi không liên quan. Nhưng nó không khiến cho ông ấy vô tội. Chúng ta chỉ có mỗi lời của ông ấy làm đảm bảo cho chuyện là ông ta nghe thấy tiếng bước chân rồi nhìn thấy một người ở dưới nhà đi ra bằng cửa chính. Cả cái mớ đó có thể là bịa đặt. Có khi ông ta còn giết Armstrong vài giờ trước đó rồi.”

“Như thế nào cơ?”

Lombard nhún vai.

“Chuyện đó chúng ta không biết được. Nhưng nếu cô hỏi tôi nhé, thì chúng ta chỉ có mỗi một mối nguy hiểm để mà lo thôi - và mối nguy đó chính là Blore! Chúng ta biết gì về người đàn ông này? Chẳng có gì cả! Tất cả cái chuyện cừu thanh tra ấy có khi chỉ là phét lác! Ông ta có thể là bất cứ ai - một tay triệu phú điên rồ - một tên thương nhân mất trí - một tên tù nhân thoát khỏi Broadmoor. Có một điều là chắc chắn, ông ta đã có thể thực hiện từng màn giết người đã xảy ra.”

Khuôn mặt của Vera bắt đầu trắng bệch. Cô nói với giọng có chút hụt hơi: “Và nếu ông ta - giết chúng ta thì sao?”

Lombard nói mềm mỏng, vỗ vỗ vào khẩu súng trong túi: “Tôi sẽ không để chuyện đó xảy ra đâu.”

Rồi anh nhìn cô tò mò.

“Cô tin tôi đúng không, Vera? Hoàn toàn tin chắc là tôi sẽ không bắn cô chứ?”

Vera đáp: “Thì một người cũng phải tin ai đó chứ... Nhưng tôi nghĩ anh đã lầm về Blore. Tôi vẫn nghĩ đó là Armstrong.”

Rồi cô gái đột ngột quay sang phía anh: “Anh không thấy là - lúc nào cũng có - có một ai đó. Có ai đó đang dõi theo và chờ đợi à?”

Lombard nói chậm chậm: “Chỉ là do thần kinh thôi.”

Vera tỏ ra háo hức: “Vậy là anh có cảm thấy như thế?”

Cô run lên. Rồi cô đưa người tới gần hơn.

“Nói cho tôi biết đi - anh không nghĩ là...” Cô nói nhát gừng, rồi tiếp tục, “Tôi từng đọc một câu chuyện, rằng có hai người thẩm phán nọ đi tới một ngôi làng nhỏ ở Mỹ - từ Tòa án tối cao. Họ đã

thực thi công lý - Công lý toàn diện. Bởi vì - họ không phải là người thuộc thế giới này...”

Lombard nhướn mày.

Anh nói: “Cuộc viếng thăm từ Đấng tối cao ấy hả? Không, tôi không tin vào chuyện siêu nhiên. Chuyện này rõ ràng là do bàn tay con người.”

Vera nói với giọng trầm trầm: “Đôi lúc - tôi cũng không chắc nữa...”

Lombard nhìn cô. Anh nói: “Đó là do lương tâm thôi...” Sau một hồi im lặng anh nói khẽ: “Vậy là cô có dim chết đứa bé đó thật hả?”

Vera phản đối kịch liệt: “Tôi không có! Không hề! Anh không có quyền nói như vậy!”

Anh cười với vẻ dễ dãi.

“Ồ đúng thế, cô đã làm thế thật, cô gái tốt bụng ơi! Tôi không hiểu được. Không thể tưởng tượng được. Có phải là vì một người đàn ông không. Có phải thế không?”

Một cảm giác chán nản bỗng ập tới, cùng với sự mệt mỏi, lan tỏa tới khắp tay chân Vera. Cô trả lời với giọng tẻ ngắt: “Vâng - đúng là có một người đàn ông trong chuyện đó...”

Lombard đáp nhẹ nhàng: “Cảm ơn. Đó là điều tôi đã muốn biết...”

Vera đột nhiên đứng bật dậy. Cô thốt lên: “Cái gì thế? Đó không phải là động đất đấy chứ?”

Lombard nói: “Không, không. Kỳ cục thật - có một tiếng uỳnh trên mặt đất. Và tôi nghĩ - cô có nghe thấy tiếng gì như là hét không? Tôi nghe thấy.”

Họ nhìn ngôi nhà chằm chằm.

Lombard thốt lên: “Nó phát ra từ hướng này. Chúng ta nên đi kiểm tra.”

“Không, không đâu. Tôi không đi đâu.”

“Tùy cô thôi. Tôi đi.”

Vera nói trong tuyệt vọng: “Thôi được rồi. Tôi sẽ đi cùng anh.”

Họ trèo lên con dốc tới ngôi nhà. Hiên nhà hoàn toàn yên ắng và có vẻ ngậy thơ dưới ánh nắng trời. Họ chần chừ mất một phút, và rồi thay vì đi vào bằng cửa chính, họ vòng quanh nó một cách thận trọng.

Rồi họ nhận ra ông Blore. Ông ta đang nằm giang rộng tay trên nền đá nơi phía đông căn nhà, đầu bị nghiền vỡ vụn bởi một khối tượng cẩm thạch màu trắng to đùng.

Philip nhìn lên. Anh thắc mắc: “Cửa sổ phòng ai ở trên đó vậy?”

Vera nói với giọng trầm run run: “Phòng tôi - và đó chính là chiếc đồng hồ trên bệ lò sưởi... Tôi nhớ ra rồi. Nó có... hình thù giống như một con gấu.”

Cô lặp lại và giọng cô lúc này đã run lên bất an: “Nó có hình thù giống như một con gấu...”

Philip nắm lấy vai cô.

Anh nói, và giọng anh lúc này nghe khẩn cấp và dữ tợn: “Thế là rõ rồi. Armstrong đang ở trong kia ẩn nấp đâu đó. Tôi sẽ đi tìm hắn.”

Nhưng Vera đã níu lấy anh. Cô kêu lên: “Đừng có dại! Giờ là đến lượt chúng ta đấy! Chúng ta là người tiếp theo! Hắn muốn chúng ta đi tìm hắn! Hắn chỉ đợi có mỗi điều đó thôi!”

Philip dừng lại. Anh nói với vẻ trầm ngâm: “Có gì đó trong

chuyện này.”

Vera thốt lên: “Dù gì đi nữa thì bây giờ anh cũng phải công nhận là tôi đã đúng.”

Anh gật đầu.

“Đúng rồi - cô thắng! Rõ ràng là Armstrong rồi. Nhưng hắn có thể trốn ở chỗ quỷ quái nào cơ chứ? Chúng tôi đã cày bới cả cái chỗ này lên rồi.”

Vera trở nên khẩn khoản: “Nếu anh không tìm thấy hắn tối qua, thì anh cũng sẽ không thể thấy hắn bây giờ đâu... Chuyện đó dễ hiểu mà.”

Lombard tỏ ra lưỡng lự: “Đúng thế, nhưng...”

“Hắn hắn đã phải chuẩn bị cả một chỗ bí mật ngay từ trước rồi - tự nhiên thôi - tất nhiên đó sẽ là điều mà hắn làm. Anh biết đấy, giống như kiểu chỗ ẩn nấu của linh mục trong mấy tòa biệt thự cổ ấy.”

“Nhưng đây không phải loại nhà cổ như thế.”

“Hắn vẫn có thể tạo ra một cái.”

Philip Lombard lắc đầu. Anh nói: “Bọn tôi đã đo từng li một - cái buổi sáng đầu tiên đó. Tôi dám thề là không còn chỗ nào mà chưa được tính đến đâu.”

Vera nói: “Phải có chứ...”

Lombard trả lời: “Tôi muốn xem...”

Vera kêu lên: “Vâng, anh muốn xem! Và hắn biết điều đó! Hắn đang ở trong đó - đợi anh đến.”

Lombard nói, gần như lòi khẩu súng lục trong túi ra: “Tôi có cái này mà, cô biết đấy.”

“Anh còn nói là Blore sẽ ổn thôi - rằng ông ta khỏe hơn

Amrstrong. Vậy là ông ấy vừa to con hơn, lại thêm cả cảnh giác nữa. Nhưng điều mà anh không hề nhận ra ấy là Armstrong bị mất trí rồi! Một kẻ mất trí có đủ mọi lợi thế trong tay hắn. Hắn ta còn xảo quyết gấp hai người bình thường nào ấy chứ.”

Lombard đút khẩu súng vào lại trong túi. Anh nói: “Thôi được rồi.”

Lombard cuối cùng cũng đặt câu hỏi: “Thế đến đêm thì chúng ta sẽ làm gì?”

Vera không trả lời. Anh tiếp tục hỏi tới: “Cô chưa nghĩ đến chuyện đó sao?”

Cô nói trong vô vọng: “Chúng ta làm gì được cơ chứ? Ôi, Chúa ơi, tôi sợ lắm...”

Philip Lombard tỏ ra suy tư: “Thời tiết ổn rồi. Đêm sẽ có trăng lên. Chúng ta sẽ phải tìm một chỗ - ở đỉnh trên vách đá kia. Chúng ta có thể ngồi đó mà đợi cho tới sáng. Chúng ta không được ngủ... Phải canh chừng suốt thôi. Và nếu có bất cứ ai đến gần, tôi sẽ bắn!”

Anh dừng lại: “Cô có lạnh không, với cái váy mỏng đó?”

Vera nói với giọng cười thô ráp: “Lạnh ư? Tôi sẽ còn lạnh hơn nếu chết kia!”

Philip Lombard khẽ giọng: “Vâng, đúng thế...”

Vera đi đi lại lại không lúc nào nghỉ chân.

Cô nói: “Tôi sẽ phát điên mất nếu cứ ngồi mãi đây. Hãy đi dạo quanh đi.”

“Cũng được.”

Họ đi chậm chậm lên lên xuống xuống, dọc theo viền đá nhìn

ra biển. Mặt trời bắt đầu lặn về phía tây. Ánh nắng chuyển sang màu vàng óng dìu dìu. Ánh nắng bao bọc họ trong vầng sáng vàng rực.

Vera bỗng lên tiếng, giọng nói của cô có phần thốn thức vì lo lắng: “Thật tiếc là chúng ta không thể tắm biển...”

Philip nhìn xuống mặt biển. Bỗng dừng anh nói: “Cái gì kia ấy nhỉ? Cô thấy không - gần chỗ tảng đá lớn ấy? Không, xa hơn về bên phải một chút kia.”

Vera nhìn đăm đăm. Cô thốt lên: “Trông như là quần áo của ai đó vậy!”

“Của một người tắm biển cũng nên?” Lombard cười. “Kỳ cục. Tôi cứ ngỡ là đám tảo biển thôi.”

Vera đề nghị: “Ra đó xem thôi.”

“Đúng là quần áo,” Lombard nhận định khi cả hai cùng tiến lại gần. “Một đồng quần áo. Có cả ủng. Đi thôi, phải trèo qua đây thôi.”

Nói rồi họ trèo qua mấy tảng đá.

Vera dừng lại đột ngột. Cô kêu lên: “Không phải quần áo - mà là một người...”

Người đàn ông xấu số đó bị dạt vào giữa hai tảng đá, ông ta bị trôi vào đó bởi đợt sóng ban sáng.

Lombard và Vera tới nơi sau cú trèo cuối cùng. Cả hai người cùng cúi thấp xuống.

Đó là một khuôn mặt đã đổi sang màu tím tái - một khuôn mặt chết chìm nom thật kinh khủng...

Lombard thốt lên: “Chúa ơi! Là Armstrong...”



Chương 16

Một quãng thời gian như vô tận đã trôi qua... thế giới quay cuồng điên đảo... Thời gian như dừng trôi... nó đứng sững lại - nó lướt qua đến hàng ngàn năm trời...

Không, mới chỉ là một hay hai phút gì đó thôi...

Hai người bọn họ đang đứng nhìn chăm chăm vào cái xác chết...

Chậm, thật chậm, Vera Claythorne và Philip Lombard ngẩng mặt lên và nhìn thẳng vào mắt nhau...

Lombard cười. Anh nói: “VẬY là hết rồi chứ, phải không, Vera?”

Vera nói: “Chẳng còn ai ở trên đảo nữa - chẳng có ai cả - chỉ trừ hai chúng ta...”

Giọng nói của cô gái không hơn gì những tiếng thì thầm.

Lombard tán thành: “Chính xác. Vậy là chúng ta đã biết chúng ta đến đâu rồi, đúng không?”

Vera không khỏi thắc mắc: “Chuyện đó xảy ra như thế nào cơ chứ - bức tượng gấu cẩm thạch ấy?”

Anh nhún vai.

“Một trò ảo thuật, cô gái ạ - một trò ảo thuật tài ba...”

Mắt họ lại gặp nhau.

Vera nghĩ: “Tại sao mình lại chưa bao giờ quan sát kỹ mặt hắn

nhỉ? Một con sói - đúng là thế rồi - mặt của một con sói... Hàm răng kinh khủng ấy...”

Lombard nói, và giọng anh như gầm gừ - nguy hiểm - đầy đe dọa: “Đây là kết thúc, cô hiểu không. Chúng ta đã tìm ra sự thật. Và đó là sự kết thúc...”

Vera nói lạnh lẽ: “Tôi hiểu...”

Cô nhìn đăm đăm ra ngoài biển. Tướng Macarthur đã nhìn biển không rời mắt - khi nào ấy nhỉ - mới hôm qua ư? Hay là ngày hôm kia? Ông ấy cũng từng nói: “Đây là sự kết thúc...” Ông ấy đã nói như thế với sự chấp nhận - gần như là chào đón.

Nhưng với Vera thì từ đó - cái ý nghĩ đó - chỉ gây ra - ý muốn nổi loạn.

Không, không thể là kết thúc được.

Cô nhìn xuống người đàn ông đã chết. Cô thốt lên: “Khổ thân bác sĩ Armstrong...”

Lombard cười khénh: “Gì thế này? Sự thương hại của đàn bà ư?”

Vera vặc lại: “Tại sao không chứ? Anh không thấy tội nghiệp sao?”

Anh trả lời: “Tôi không thương hại cô đâu. Đừng trông chờ điều đó!”

Vera lại nhìn xuống cái xác một lần nữa. Cô đề nghị: “Chúng ta phải chuyển ông ấy đi. Mang ông ấy vào nhà.”

“Để gia nhập với mấy nạn nhân còn lại ấy hả? Tất cả đều gọn gàng sạch sẽ. Với những gì tôi quan tâm thì ông ta ở đây cũng được.”

Vera thì thào: “Dù gì thì cũng nên mang ông ấy xa khỏi tầm sóng đánh chứ.”

Lombard cười. Anh nói: “Nếu cô muốn.”

Anh ta khom người - giật lấy cái xác. Vera cũng cúi xuống, giúp anh một tay. Cô cũng kéo và lê với mọi khả năng của cô. Lombard hỗn hển: “Không dễ gì đâu.”

Dù vậy, họ cũng đã xoay sở, kéo được cái xác xa khỏi tầm nước.

Lombard nói khi rướn thẳng người lên: “Hài lòng rồi chứ?”

Vera đáp: “Hoàn toàn hài lòng.”

Giọng cô làm anh cảnh giác. Anh quay người lại. Thậm chí ngay lúc cho tay vào túi, anh đã biết là nó rỗng tuếch.

Vera đã đứng cách xa tầm một, hai thước và đang đối diện anh, với khẩu súng trong tay.

Lombard như gầm lên: “Vậy ra đó là lý do cho cái trò thương hại đàn bà của cô! Cô muốn ăn cắp chứ gì?”

Cô gái gật đầu.

Cô cầm khẩu súng chắc trong tay và không có lấy một chút run sợ.

Cái chết đã đến rất gần Philip Lombard. Anh chưa bao giờ nghĩ là nó lại gần đến mức này.

Dù vậy, anh chưa hề bị đánh gục.

Anh nói vẻ ra lệnh: “Đưa khẩu súng đó cho tôi.”

Vera cười.

Lombard nói: “Thôi nào, đưa đây.”

Bộ não nhanh nhạy của anh đang hoạt động. Cách nào đây - phương án nào bây giờ - thuyết phục cô ta - dụ cho cô ta tin là mình an toàn hoặc một cú giật chộp nhoáng...

Cả đời anh Lombard đã luôn đi theo cách mạo hiểm. Anh cũng sẽ làm thế vào lúc này.

Anh nói chậm rãi, ra chiều lý luận: “Này hãy xem đây, cô gái đáng mến của tôi, cô vừa nghe...”

Và rồi anh vồ tới. Nhanh như một con báo - như bất cứ một loài vật họ mèo nào...

Ngay lập tức Vera bóp cò...

Thân hình Lombard nhào ra phía trước trong tư thế của một cú vồ và rồi đổ sập xuống nền đá một cách nặng nề.

Vera tiến tới trước đầy cảnh giác, khẩu súng ngắn vẫn sẵn sàng trong tay cô.

Nhưng sự đề phòng ấy không cần thiết cho lắm.

Philip Lombard đã chết - bị bắn trúng tim...

Một sự nhẹ nhõm choán lấy Vera - một cảm giác nhẹ nhõm đến khôn tả.

Cuối cùng thì mọi chuyện cũng kết thúc.

Không còn sự sợ hãi nữa - không còn phải tạo ra thần kinh thép nữa...

Cô chỉ còn lại một mình trên đảo...

Một mình với chín xác chết...

Nhưng chuyện đó thì có làm sao? Cô vẫn còn sống...

Cô ngồi đó - hạnh phúc vô cùng - cảm giác yên bình không kể xiết...

Không còn sự sợ hãi...

Mặt trời đã đến xế vào cái lúc mà Vera bắt đầu chuyển mình. Chỉ

mỗi phản ứng đó thôi đã khiến cô đứng yên bất động. Không còn chỗ trống nào trong người cô là không có cảm giác an toàn đầy vinh quang.

Giờ cô mới nhận ra là mình đang đói và buồn ngủ. Buồn ngủ nhiều hơn. Cô chỉ muốn quăng người lên giường, thiếp đi và ngủ thật sâu, thật sâu...

Có lẽ đến ngày mai, người ta sẽ tới cứu cô - nhưng cô không còn quan tâm nữa. Cô không lấy làm phiền khi phải ở đây nữa. Một khi chỉ còn mình cô...

Ôi! Cảm giác bình yên may mắn làm sao...

Cô đứng dậy và ngược mắt lên ngắm nhìn ngôi nhà. Không còn gì đáng để sợ nữa! Không còn điều gì khủng khiếp đang chờ đợi cô nữa! Chỉ là một ngôi nhà xinh xắn hiện đại. Vậy mà, sáng sớm nay, cô đã không thể nhìn nó mà không thấy rợn gáy...

Nỗi sợ hãi - cảm giác đó mới thật kỳ lạ làm sao...

Chà, tất cả đã kết thúc rồi. Cô đã khuất phục - đã chiến thắng được mối nguy hiểm chết người ấy. Bởi chính tư duy sắc sảo và giỏi giang của mình, cô đã có thể đánh bại được chính kẻ suýt nữa đã hủy hoại cô.

Vera bắt đầu bước về phía ngôi nhà.

Mặt trời dần chìm xuống, bầu trời phía tây lúc này chỉ còn là những vệt đỏ và cam. Nom nó mới đẹp và yên bình làm sao... Vera thầm nghĩ: “Tất cả chuyện này là một giấc mơ...”

Cô mệt biết bao - mệt khủng khiếp. Chân tay cô đau nhức, mí mắt sụp xuống. Không còn phải sợ hãi nữa... Đi ngủ thôi. Ngủ... ngủ thật sâu... thật sâu...

Đi ngủ với sự an toàn khi cô chỉ còn một mình trên đảo. Chỉ còn một tên lính nhỏ ở lại.

Cô mỉm cười với bản thân mình.

Cô bước qua cửa chính. Ngôi nhà nữa, cảm giác đẹp đẽ lạ lùng.

Vera tự nhủ: “Thường thì chẳng ai dám ngủ khi có đến chín cái xác gần như ở tất cả các phòng!”

Cô có nên vào phòng bếp và lấy gì đó ăn không?

Cô ngập ngừng một lúc, rồi quyết định không nên. Cô quá mệt rồi...

Cô dừng bước khi tới cửa phòng ăn. Vẫn còn ba bức tượng sứ ở giữa bàn ăn.

Vera cười: “Chúng bay bị chậm so với thời thế rồi, tượng ơi.”

Cô nhặt lên hai chiếc và ném chúng ra khỏi cửa sổ. Cô nghe thấy tiếng chúng vỡ loảng xoảng ngoài nền đá ở hiên nhà.

Bức tượng lính thứ ba thì được cô nhặt lên và giữ trong tay. Cô nói: “Mày có thể đi cùng tao. Chúng ta đã thắng rồi, tượng ơi! Thắng rồi!”

Sảnh lớn trở nên tối hơn trong thứ ánh sáng đang tắt dần.

Vera, với bức tượng lính nhỏ nắm chặt trong tay, bắt đầu bước lên những bậc thang. Chầm chậm thôi, vì chân cô đột nhiên quá đổi là mỏi.

“Còn tên lính nhỏ cuối cùng.” Câu đó kết thúc thế nào ấy nhỉ? Ồ, đúng rồi! “Hắn đi làm đám cưới và rồi chẳng còn lại một ai.”

Cưới... Buồn cười làm sao, lại một lần nữa cô có cái cảm giác là Hugo đang ở trong nhà...

Rất chắc chắn. Đúng vậy, Hugo đang ở trên gác đợi cô.

Vera tự nhủ: “Đừng có ngốc thế. Mày quá mệt đến nỗi tưởng tượng ra những điều kỳ ảo đó mà thôi...”

Chầm chậm lên gác...

Lên đến trên cùng thì có thứ gì đó tuột khỏi tay cô mà không gây ra chút tiếng động nào trên mặt thảm êm ái. Cô không hề để ý là mình đã làm rơi khẩu súng lục. Cô chỉ còn ý thức là mình phải nắm chặt lấy bức tượng sứ nhỏ.

Ngôi nhà mới yên ắng làm sao. Vậy mà - lại không có cảm giác là ngôi nhà ấy trống trơn...

Hugo, đang ở trên gác, chờ đợi cô...

“Còn tên lính nhỏ cuối cùng.” Cái dòng cuối như thế nào ấy nhỉ? Có gì đó về chuyện cưới xin - hay là về cái gì khác nhỉ?

Lúc này cô đã tới bên cửa phòng mình. Hugo đang đợi cô ở trong - cô hoàn toàn chắc chắn điều đó.

Cô mở cửa...

Cô há hốc miệng...

Cái gì thế kia - treo lơ lửng từ cái móc trên trần nhà? Một sợi dây thừng có nút thắt sẵn rồi ư? Và cả một cái ghế để đứng lên nữa - một cái ghế có thể đá đi được...

Đó là điều mà Hugo muốn...

Và tất nhiên đó là câu cuối cùng của bài vè.

“Hắn đi treo cổ mình lên trần nhà; Và rồi chẳng còn một ai...”

Bức tượng sứ nhỏ rơi khỏi tay cô. Nó lăn mà không được ai để ý đến rồi vỡ toang khi va vào miếng chấn lò sưởi.

Như một cái máy, Vera tiến đến trước. Đây chính là sự kết thúc - là chỗ này nơi mà bàn tay lạnh cóng ẩm ướt (bàn tay của Cyril, tất nhiên rồi) chạm đến cổ họng cô...

“Cháu có thể ra chỗ đá đó, Cyril...”

Giết người chỉ cần vậy - chỉ đơn giản như thế thôi!

Nhưng sau đó người ta lại không thể quên được...

Cô trèo lên chiếc ghế, mắt cô nhìn đăm đăm về phía trước như kẻ mộng du... Cô điều chỉnh lại nút thắt quanh cổ mình.

Hugo đã ở đó để chứng kiến cái điều mà cô phải làm.

Cô đá chiếc ghế đi...



Đoạn kết

Ngài Thomas Legge là trợ lý ủy viên tại sở cảnh sát Scotland Yard, nói với vẻ khó chịu: “Nhưng toàn bộ chuyện này thật khó tin!”

Thanh tra Maine kính cẩn nói: “Tôi biết thế, thưa ngài.”

Người trợ lý ủy viên lại tiếp tục: “Mười người chết trên một hòn đảo mà lại không có đến một người sống. Chẳng có lý gì cả!”

Thanh tra Maine điềm tĩnh nói: “Dù vậy, chuyện đó cũng đã xảy ra rồi, thưa ngài.”

Ngài Thomas Legge thốt lên: “Quý tha ma bắt chú, Maine, chắc chắn là đã có ai đó giết họ.”

“Đó chính là vấn đề của chúng ta, thưa ngài.”

“Không có gì hữu ích từ báo cáo của bác sĩ sao?”

“Không, thưa ngài. Wargrave và Lombard thì bị bắn chết, người thứ nhất bị bắn trúng đầu, người thứ hai bị trúng tim. Cụ bà Brent và Marston chết do bị đầu độc bởi xyanua. Bà Rogers chết vì quá liều thuốc mê. Đầu ông Rogers thì bị xẻ đôi. Đầu Blore thì bị nghiền nát. Armstrong chết đuối. Sọ của Macarthur thì bị nứt vì một cú đánh từ phía sau đầu và Vera Claythorne thì bị treo cổ.”

Người trợ lý ủy viên nhăn nhó. Ông nói: “Thật tàn nhẫn - toàn bộ chuyện này.”

Ông ngẫm nghĩ mất một hai phút. Rồi ông nói với vẻ cau có: “Có phải là cậu vẫn chưa thu thập được gì có ích từ mấy người ở Sticklehaven sao? Làm gì có chuyện đó, họ phải biết điều gì đó

chứ.”

Thanh tra Maine nhún vai.

“Họ bình thường là những người dân đi biển tử tế mà thôi. Họ chỉ biết là hòn đảo được mua lại bởi một người tên Owen - và đó gần như là tất cả những gì họ được biết.”

“Ai chu cấp cho hòn đảo này và thu xếp mọi thứ cần thiết?”

“Một người tên Morris. Isaac Morris.”

“Và hẳn ta nói gì về tất cả những chuyện này?”

“Hắn không nói được gì nữa rồi, thưa ngài, hẳn chết rồi.”

Người trợ lý ủy viên cau mày.

“Chúng ta có biết gì về tên Morris đó không?”

“Ồ có, thưa ngài, chúng ta có biết về hắn. Tên Morris này, hẳn không hẳn là một quý ông lịch thiệp cho lắm. Hắn có liên quan tới một vụ lừa đảo đầu tư chứng khoán cùng Bennito ba năm về trước - chúng ta chắc chắn về chuyện đó nhưng lại không chứng minh được. Hắn còn có dính líu tới việc buôn bán thuốc kích thích nữa. Và một lần nữa chúng ta cũng không chứng minh được. Hắn là một tay rất thận trọng, tên Morris này.”

“Và hẳn còn đứng đằng sau cả việc mua bán hòn đảo này chứ?”

“Đúng vậy, thưa ngài, hẳn đã lên kế hoạch mua hòn đảo này - mặc dù hẳn có nói rõ là hẳn chỉ mua Đảo Chiến Binh cho một bên thứ ba mà thôi, không nêu tên.”

“Chắc hẳn phải tìm ra được gì đó nếu xem xét trên khoản tài chính chứ hả?”

Thanh tra Maine cười.

“Trừ phi ngài biết Morris từ trước! Hẳn có khả năng thay đổi mấy thứ dữ liệu đó đến nỗi mà cả tay kế toán dày dạn kinh

nghiệm nhất cả nước cũng chẳng thể biết được đầu đuôi ra làm sao! Chúng ta đã nếm mùi trong vụ Bennito kia. Không đâu, hẳn đủ giỏi để phủ đi mọi dấu vết của tay trùm kia rồi.”

Người còn lại thở dài. Thanh tra Maine nói tiếp: “Chính Morris là tay đã thu xếp mọi chuyện ở Sticklehaven. Hẳn nói mình là đại diện cho ‘ông Owen’. Và chính hẳn cũng là người đã giải thích cho bọn họ là sắp có một cuộc thử nghiệm - một cuộc cá cược xem ai sống được trong điều kiện ‘đảo hoang’ trong vòng một tuần - và rằng mọi người không nên chú ý tới bất cứ lời kêu cứu nào từ đó phát ra.”

Ngài Thomas Legge cựa quậy ra vẻ khó nhọc, ông nói: “VẬY mà mấy người ở đó không đánh hơi thấy chuyện gì sao? Ngay cả lúc đó?”

Maine nhún vai. Anh nói: “Đừng quên điều này, thưa ngài, rằng Đảo Chiến Binh đó từng thuộc sở hữu của Elmer Robson, tay người Mỹ ấy. Hẳn từng tổ chức những màn vui chơi độc đáo nhất ở đó. Tôi sẽ không lấy làm lạ là người dân địa phương ở đây trở hết cả mắt lên với đám người đó. Nhưng rồi họ cũng quen với chuyện này và bắt đầu nghĩ rằng bất cứ điều gì dính dáng tới Đảo Chiến Binh sẽ toàn là những điều bất thường. Chuyện đó cũng bình thường mà, thưa ngài, nếu ta hiểu như vậy.”

Người trợ lý ủy viên đành chấp nhận một cách ử rữ rằng ông cũng nghĩ như thế.

Maine nói: “Fred Narracott - là người đàn ông đã dẫn họ tới đó - có nói một điều này mà tôi thấy khá sáng tỏ. Ông ấy nói là ông ấy khá bất ngờ về cung cách của những người đó. ‘Không hề giống đám người của ông Robson tẹo nào’. Tôi nghĩ là do họ có vẻ quá bình thường và không hề ồn ào nên mới khiến cho ông ấy bỏ mặc lời dặn dò của lão Morris và cho thuyền đến đảo ngay khi ông ta

nghe được chuyện tín hiệu khẩn cấp.”

“Ông ấy và mấy người kia đến lúc nào?”

“Tín hiệu cấp cứu được một đám nam hướng đạo sinh nhìn thấy vào sáng ngày 11. Nhưng không có cách nào để cho thuyền đi ngày hôm đó. Mấy người đàn ông đến đảo vào buổi chiều ngày 12 ngay lúc mà họ có thể chạy con thuyền máy ra biển. Họ hoàn toàn chắc chắn là không một ai có thể rời hòn đảo trước khi họ tới. Sóng đánh rất lớn sau cơn bão biển.”

“Chẳng lẽ không ai bơi được tới bờ à?”

“Đảo cách đất liền tới hơn một dặm chưa kể có biển động và sóng cao ngắt ngưỡng gần bờ. Và còn rất nhiều người, đám hướng đạo sinh và những người khác đứng hẳn trên vách đá mà nhìn sang hòn đảo theo dõi.”

Người trợ lý ủy viên lại thở dài. Ông đặt câu hỏi: “Vậy còn cuộn băng ghi âm cậu tìm thấy trong nhà thì sao? Chẳng lẽ nó lại không giúp ích gì được à?”

Thanh tra Maine trả lời: “Tôi đã điều tra vụ đó rồi. Nó được phát bởi một hãng sản xuất chuyên lo mấy thứ liên quan đến nhà hát và hiệu ứng phim ảnh. Cuộn băng được gửi đến cho ngài U.N. Owen cùng với Isaac Morris, và họ tưởng là sẽ được dùng cho một màn kịch không chuyên mà cho tới nay vẫn chưa từng được biểu diễn. Có cả một bản thảo cũng được gửi lại cùng cuốn băng nữa.”

Legge thắc mắc: “Vậy còn về chuyện của nhân vật thì sao?”

Thanh tra Maine nghiêm nghị nói: “Tôi chuẩn bị nói tới điều đó rồi đây, thưa ngài.”

Anh lấy giọng.

“Tôi đã điều tra về những lời buộc tội đó kỹ càng hết mức có thể.

Bắt đầu bằng chuyện vợ chồng nhà Rogers, họ là người lên đảo đầu tiên. Họ từng phục vụ bà cụ Brady, người mà bị chết đột ngột. Không thể tìm được thông tin gì rõ ràng từ người bác sĩ đã chăm sóc bà ấy cả. Ông ấy nói là chắc chắn họ không thể đầu độc bà ấy, hay bất cứ điều gì tương tự, nhưng cá nhân ông ấy tin rằng có chuyện gì đó bất thường đã xảy ra - có thể bà ấy chết vì họ cố ý làm ngơ. Ông ấy nói đó là chuyện khó mà chứng minh được.

Rồi đến ông thẩm phán Wargrave. Hoàn toàn bình thường. Ông ta là vị thẩm phán đã cho kết tội Seton.

Thêm nữa là, Seton có tội thật - không nhầm lẫn gì cả. Bằng chứng chỉ đến sau khi mà hắn ta đã bị treo cổ, và chứng tỏ là hắn có tội chứ không còn gì để nghi ngờ. Nhưng thời đó đã từng có rất nhiều lời bình luận - phải đến chín trên mười người tin là Seton vô tội và rằng kết luận của vị thẩm phán nọ là do thù hận riêng tư.

Cô Claythorne, tôi tìm ra là thế này, từng là một cô giáo làm việc cho một gia đình mà có con bị chết đuối. Dù vậy, cô ta chẳng có vẻ liên can gì tới vụ đó, và thực tế cho thấy là cô ấy còn xử sự khá được, bởi theo cố cứu đứa bé rồi còn bị sóng đánh dạt ra xa và được cứu vớt kịp thời.”

“Tiếp tục đi.” Người trợ lý ủy viên vừa nói vừa thở dài. Maine hít một hơi thật sâu.

“Đến lượt bác sĩ Armstrong. Tay này khá tiếng tăm. Ông ta có một phòng khám ở phố Harley. Hoàn toàn thẳng thắn và lành nghề. Tôi chưa tìm được một dấu vết gì chứng tỏ là có một cuộc phẫu thuật bất hợp pháp hay có gì tương tự như thế. Nhưng đúng là có một người phụ nữ tên Clees đã được ông ấy phẫu thuật vào năm 1925 ở Leithmore, cái hồi mà ông ấy còn làm cho bệnh viện ở đó. Bị nhiễm trùng bên trong và chết trên bàn mổ. Có lẽ ông ấy

cũng không thật điêu luyện với việc phẫu thuật - dù gì thì ông ấy cũng không có nhiều kinh nghiệm cho lắm - nhưng nói cho cùng thì sự vụng về cũng không phải là phạm pháp. Và chắc chắn là cũng không có động cơ gì.

Rồi đến lượt cụ bà Brent. Cô gái tên Beatrice Taylor từng là người giúp việc cho bà ta. Cô ấy mang bầu, bị đuổi ra khỏi nhà bởi chính bà chủ của mình và rồi tự dìm mình chết đuối. Không hay ho gì - nhưng cũng không phải là phạm tội.”

“Có vẻ như,” người trợ lý ủy viên lên tiếng, “đó mới chính là điểm cần lưu tâm. U.N. Owen chỉ ra tay với những trường hợp mà pháp luật không thể với tới thôi.”

Maine tiếp tục một cách bình thản với danh sách của mình.

“Chàng Marston trẻ kia thì là một tay lái xe khá ẩu - bị tước giấy phép lái xe hai lần và theo ý tôi thì đáng nhẽ ra phải bị cấm lái xe rồi. Về anh ta thì chỉ có vậy. Hai cái tên James và Lucy Combes là tên của hai đứa trẻ đã bị xe anh ta cán phải mà chết ở gần Cambridge. Một vài người bạn đã đứng ra làm chứng nên anh ta đã được thả ra và chỉ bị phạt.

Tôi không tìm thấy gì chắc chắn về tướng Macarthur. Lý lịch sạch sẽ - từng đi lính - tất cả đều thế. Arthur Richmond từng là lính dưới quyền ông ta và chết ở Pháp khi đang làm nhiệm vụ. Không có mâu thuẫn gì giữa cậu ấy và ông tướng cả. Trên thực tế họ còn là bạn hữu. Có một vài lời đồn thổi được tung ra khi ấy - là sĩ quan chỉ huy cho hy sinh người không cần thiết - có lẽ đây cũng là một trong số những lời đồn đó.”

“Cũng có thể.” Người trợ lý ủy viên tán đồng.

“Giờ là Philip Lombard. Lombard từng có liên quan đến mấy vụ khá ly kỳ ở nước ngoài. Anh ta từng suýt bị dính líu tới pháp luật

một, hai lần gì đó. Nổi tiếng là liều lĩnh và không đi vào chi tiết. Là kiểu người có thể thực hiện vài vụ giết người theo những cách mà không ai ngờ đến.”

“Rồi đến lượt Blore.” Maine chần chừ. “Tất nhiên ông ấy từng là người của chúng ta.”

Người còn lại bắt đầu cựa mình.

“Blore,” người trợ lý ủy viên nói một cách dữ dội, “là một kẻ xấu xa!”

“Ngài tin thế sao, thưa ngài?”

Người trợ lý ủy viên nói: “Tôi luôn tin thế. Nhưng ông ta cũng đủ khôn ngoan để trốn tội. Tôi tin là ông ta đã khai man trong vụ Landor. Hồi đó tôi đã không lấy làm vui vẻ gì. Nhưng không tìm được chứng cứ gì cả. Tôi đã cử Harris làm vụ đó và cậu ta cũng không tìm được gì, nhưng tôi vẫn tin là sẽ lần được ra được manh mối nếu chúng ta biết cách khởi đầu. Hấn đã không nói thật.”

Im lặng, và rồi ngài Thomas Legge lên tiếng: “Isaac Morris cũng chết, đúng không? Hấn chết lúc nào?”

“Tôi biết ngay là ngài sẽ hỏi mà. Isaac Morris chết vào tối ngày mùng 8 tháng Tám. Hấn uống quá liều thuốc ngủ - một trong những loại thuốc an thần, theo như tôi hiểu. Không có gì để chứng minh được là do tai nạn hay tự sát.”

Legge nói thật chậm rãi: “Muốn biết tôi nghĩ gì không, Maine?”

“Có lẽ tôi cũng đoán được, thưa ngài.”

Legge nói một cách nặng nề: “Cái chết của tên Morris này quả là đúng lúc!”

Thanh tra Maine gật gù. Anh thừa nhận: “Tôi cũng nghĩ là ngài sẽ nói vậy, thưa ngài.”

Người trợ lý ủy viên giộng nắm đấm lên bàn. Ông kêu lên: “Tất cả câu chuyện này thật khó tin - không thể xảy ra được. Mười người bị giết trên một hòn đảo trống tuếch trống toác - mà chúng ta lại không biết ai là thủ phạm, nguyên nhân, hay bằng cách nào.”

Maine húng hắng ho. Anh nói: “Chà, không hẳn là vậy đâu, thưa ngài. Chúng ta đã biết lý do tại sao, dù nhiều hay ít. Một tên cuồng sát bị ám ảnh với công lý. Thế nên hắn mới đi kiếm những người nằm ngoài tầm kiểm soát của pháp luật. Hắn chọn ra mười người - mặc kệ chuyện họ có thật sự có tội hay không...”

Người ủy viên nọ trở nên bồn chồn. Ông nói sắc lẹm: “Thật thế sao? Tôi thấy có vẻ như...”

Ông dừng lời. Viên thanh tra Maine chờ ông đầy kính trọng. Với một tiếng thở dài Legge chỉ lắc đầu.

“Cứ tiếp tục đi,” ông nói. “Trong một lúc ngắn ngủi tôi đã có cảm giác là mình nghĩ ra gì đó. Nghĩ ra thôi, một gợi ý. Nhưng hết rồi. Cậu cứ tiếp tục điều cậu định nói đi.”

Maine tiếp tục: “Có mười người đã bị - cứ coi như là thi hành án đi. Họ bị xử lý. U.N. Owen đã thực thi công việc đó. Và bằng cách này hay cách khác, hắn đã mau chóng tan biến vào không trung.”

Người trợ lý ủy viên trả lời: “Một trò ảo thuật thượng hạng. Nhưng cậu biết không, Maine, phải có một lời giải thích nào đó.”

Maine hỏi: “Có phải ông đang nghĩ là, nếu hắn không đến đảo, thì hắn không thể rời hòn đảo đó được, và căn cứ vào lời khai của các bên liên quan thì hắn chưa bao giờ đặt chân lên hòn đảo đó. Vậy thì, lời giải thích duy nhất có thể đưa ra là: hắn chính là một trong số mười người.”

Người trợ lý ủy viên liền gật đầu.

Maine nói thẳng thắn: “Chúng tôi có nghĩ đến điều đó, thưa ngài. Chúng tôi có điều tra. Nhưng bây giờ, nếu để bắt đầu, thì chúng tôi cũng không hề vạch rõ được trắng đen là chuyện gì đã xảy ra trên Đảo Chiến Binh. Vera Claythorne có một cuốn nhật ký, cả Emily Brent cũng vậy. Ông Wargrave già cũng ghi chép một số thứ - toàn những thứ luật lệ khó hiểu khô khan, nhưng cũng rõ ràng. Và Blore cũng có viết sổ. Tất cả những ghi chép đó đã được đối chiếu. Những cái chết đã diễn ra theo thứ tự như sau. Marston, bà Rogers, Macarthur, Rogers, cụ Brent, Wargrave. Sau cái chết của ông ta thì nhật ký của Vera Claythorne có ghi là Armstrong rời khỏi ngôi nhà vào buổi đêm và rồi Blore cùng Lombard đi theo sau. Blore còn có thêm cả một dòng trong quyển sổ của ông ta. Chỉ có ba từ: Armstrong mất tích.

Bây giờ thì, thưa ngài, với tôi, nếu xem xét tất cả những chuyện đó, thì chúng ta có thể rút ra được một lời giải khá hay. Armstrong bị dìm chết, ngài nhớ chứ. Cứ coi là Armstrong bị điên đi, thì điều gì đã ngăn không cho ông ta giết nốt những người còn lại và rồi tự tử bằng cách nhảy xuống vực, hay trong lúc cố gắng bơi đến đất liền?”

“Đó là một lời giải thích khá được - nhưng chưa đủ.”

“Phải, thưa ngài, vẫn chưa đủ. Thứ nhất là có bằng chứng từ bác sĩ pháp lý. Ông ấy đến hòn đảo vào sáng sớm ngày 13 tháng Tám. Ông ấy không nói nhiều thứ có lợi lắm. Tất cả những gì ông ấy nói là những người này đã chết ít nhất là ba mươi sáu giờ đồng hồ trước đó và có khi là còn lâu hơn thế. Nhưng ông ta khá chắc chắn về Armstrong. Ông ấy nói là ông ta phải bị ngâm nước ít nhất là tám đến chín tiếng trước khi cái xác bị cuốn lên bờ. Điều đó khớp với lý giải này, rằng Armstrong hẳn đã ra biển vào

lúc nào đó khoảng giữa đêm ngày 10 hay 11 và tôi sẽ giải thích tại sao. Chúng ta tìm thấy điểm nơi mà cái xác bị đánh dạt lên bờ - bị chặn giữa hai hòn đá và có những mảnh quần áo, tóc, vân vân ở đó. Hẳn chúng đã trôi tới đó do nước lên vào ngày 11 - khoảng chừng 11 giờ sáng. Sau đó, cơn bão qua, và đợt sóng dâng lúc này đã yếu hơn.

Vậy là ngài có thể đoán, như tôi nghĩ, là Armstrong đã xoay xử để giết ba người kia trước khi đi ra biển vào tối hôm đó. Nhưng còn một điều nữa mà không thể bỏ qua được. Xác của Armstrong đã được kéo lên trên mức sóng xô. Chúng tôi thấy chỗ đó ở quá xa mức nước có thể dâng tới được. Và xác thì được để ngay ở trên bờ - gọn gàng, ngay ngắn.

Như vậy là chắc chắn được một điểm rồi. Có ai đó vẫn còn sống ở trên đảo khi mà Armstrong đã chết.”

Anh dừng lại và nói tiếp.

“Và như thế thì - chứng minh được điều gì cụ thể cơ chứ? Đây là tình huống vào sáng sớm ngày 11. Armstrong đã ‘mất tích’ (hay chết đuối). Như vậy là chỉ còn ba người. Lombard, Blore và Vera Claythorne. Lombard đã bị bắn chết. Xác của anh ta nằm trên bờ biển - gần chỗ Armstrong. Vera Claythorne thì được tìm thấy là đã treo cổ ngay trong phòng ngủ của cô ta. Xác của Blore nằm gần hiên nhà. Đầu bị nghiền nát do chiếc đồng hồ cầm thạch nặng trình trịch rơi trúng ông ta từ ô cửa sổ phía trên.”

Người trợ lý ủy viên nói sắc gọn: “Cửa sổ phòng ai?”

“Phòng Vera Claythorne. Đến lúc này thì, thưa ngài, chúng ta hãy xem xét từng trường hợp riêng rẽ. Đầu tiên là Philip Lombard. Hãy coi như anh ta ẩy bức tượng cầm thạch đó lên người Blore - sau đó gây mê cho Vera Claythorne và treo cổ cô ta. Cuối cùng,

anh ta xuống bãi biển và tự bắn mình.

Nhưng nếu vậy, thì ai là người đã lấy khẩu súng khỏi tay anh ta? Vì khẩu súng lục đã được tìm thấy ở trong ngôi nhà, ngay sau cánh cửa phòng đầu cầu thang - phòng của Wargrave.”

Người trợ lý ủy viên đáp: “Có dấu vân tay nào trên đó không?”

“Có, thưa ngài, dấu vân tay của Vera Claythorne.”

“Nhưng, người còn sống là... vậy thì...”

“Tôi biết ngài định nói gì, thưa ngài. Rằng đó là Vera Claythorne. Rằng cô ta bắn Lombard, đem khẩu súng vào nhà, ấy cho khối cẩm thạch rơi xuống đầu Blore rồi... tự treo cổ mình.

Và nghe có vẻ ổn - trừ một điều này. Có một chiếc ghế ở trong phòng cô ta và trên đó có tảo biển giống hệt như đế giày của cô ấy. Có vẻ như cô gái đã đứng lên ghế, điều chỉnh nút thắt quanh cổ và rồi đá chiếc ghế sang một bên.

Nhưng chúng ta không tìm thấy chiếc ghế đó ở vị trí bị đá. Nó được dựng ngay ngắn cạnh tường như mọi chiếc ghế khác. Phải là sau cái chết của Vera - có một ai đó nữa.

Như vậy là chúng ta chỉ còn Blore thôi, và nếu có ai bảo là sau khi ông ta bắn chết Lombard và dụ cho Vera Claythorne tự treo cổ mình, ông ta lại đi ra ngoài và kéo một khối cẩm thạch khổng lồ như vậy bằng cách nối một cái dây hay cái gì đó tương tự - thì, đơn giản là tôi không tin được chuyện đó. Người ta không tự sát kiểu như vậy bao giờ - và hơn thế, Blore cũng không phải loại người như vậy. Chúng ta biết Blore mà - ông ấy không phải là loại mà ta có thể buộc tội là đem lòng đam mê mấy thứ công lý trừu tượng như vậy.”

Người trợ lý ủy viên tán thành: “Tôi đồng ý.”

Thanh tra Maine nói: “Và vì thế, thưa ngài, phải có một ai đó

trên hòn đảo. Có ai đó đã dọn dẹp mọi thứ sau khi câu chuyện kết thúc. Nhưng hắn đã ở đâu trong suốt lúc đó - và hắn đã đi đâu? Máy người ở Sticklehaven thì hoàn toàn chắc chắn là không ai có thể rời khỏi hòn đảo nổi trước khi con thuyền của họ tới cứu. Nhưng trong trường hợp đó...”

Anh dừng lời.

Người trợ lý ủy viên nói: “Trong trường hợp đó...”

Ông thở dài, lắc đầu, rồi nhào người ra phía trước.

“Nhưng trong trường hợp đó,” ông thốt lên, “thì ai đã giết bọn họ?”

MỘT BỨC THƯ ĐƯỢC GỬI TỚI SỞ CẢNH SÁT SCOTLAND YARD,
NGƯỜI GỬI LÀ CHỦ TÀU ĐÁNH CÁ EMMA JANE

Từ hồi thơ ấu tôi đã nhận ra bản chất của mình là một khối những mâu thuẫn nghịch lý. Tôi phải bắt đầu với chứng tưởng tượng thơ mộng khó chữa của mình. Ngay như chuyện ném một cái chai xuống biển với một lá thư có nội dung quan trọng bên trong đã là một điều luôn khiến tôi cảm thấy phấn khích như mỗi lần được đọc truyện trinh thám. Đến giờ vẫn vậy - và chính vì lẽ đó mà tôi đã bắt chước cách làm ấy - viết lời thú tội của mình, bỏ nó vào một chai thủy tinh, nút chặt lại, và ném xuống biển. Tôi nghĩ, chắc chỉ có một phần trăm cơ hội là lời thú tội của tôi được tìm thấy - và rồi (phải chăng tôi đang tự tâng bốc bản thân?) một vụ án giết người bí ẩn cho tới tận hôm nay vẫn chưa có lời giải đáp.

Bên cạnh trí tưởng tượng lãng mạn kia thì tôi cũng được sinh ra với những đặc điểm khác nữa. Tôi có một thú vui điên cuồng là chứng kiến hay gây nên sự chết chóc. Tôi còn nhớ thí nghiệm với ong vò vẽ - và hàng loạt những con côn trùng

trong vườn... Từ nhỏ, tôi đã hiểu rất rõ khát vọng được giết chóc.

Nhưng cùng với điều này lại có một đặc điểm nữa hoàn toàn đối nghịch - ấy là ý thức mạnh mẽ về lẽ công bằng. Đối với tôi thì việc bất cứ một con người hay một sinh vật vô tội nào phải chịu khổ hay phải chết dưới tay mình là một việc không thể dung thứ. Tôi vẫn luôn ý thức được một cách mạnh mẽ là lẽ phải cuối cùng sẽ được làm rõ.

Có lẽ sẽ dễ hiểu - tôi nghĩ là một bác sĩ tâm thần sẽ hiểu - rằng với bản thiết kế về tâm thần như tôi đây, tôi đã nhận nghề hành pháp. Công việc thực hành pháp luật thỏa mãn gần như mọi bản năng trong con người tôi.

Tội ác và hình phạt vốn luôn khiến tôi thích thú. Tôi thường mê mẩn đọc những cuốn truyện trinh thám và điều tra. Để thỏa niềm vui thích cá nhân, tôi đã tự chế ra những cách khôn ngoan nhất để thực hiện một vụ giết người.

Trong khoảng thời gian mà tôi còn ngồi ghế thẩm phán, những bản năng ẩn giấu trong tôi kia đã có dịp được kích lệ và phát triển. Được nhìn thấy một tên tội phạm phải khốn khổ, phải quằn quại trước vành móng ngựa, phải chịu sự hành xác dành cho những kẻ bị nguyên rủa, khi mà ngày kết thúc cận kề và đến gần hần, là một thú vui độc nhất vô nhị. Tôi cũng phải nói thêm rằng, tôi không hề lấy làm thích thú gì chuyện chứng kiến một người vô tội phải đứng đó. Đã có ít nhất hai dịp tôi phải dừng tòa vì nghĩ rằng người bị tố cáo là vô tội, chuyển hướng đoàn bồi thẩm sang giải tán vụ đó. Mặc dù thế, cũng nhờ có sự công minh và hiệu quả làm việc của lực lượng cảnh sát của chúng ta, mà phần lớn những người bị đem ra trước tòa xử án vì tội giết người, là có tội thực sự.

Tôi cũng nói luôn đây là trường hợp tương tự đã xảy ra với vụ Edward Seton. Diện mạo và cung cách ứng xử của hắn đã gây lạc hướng và tạo ra một ấn tượng tốt trong lòng đoàn bồi thẩm. Nhưng không chỉ mỗi bằng chứng, khá rõ ràng, mặc dù cũng chẳng mấy ấn tượng, mà còn cả hiểu biết của riêng tôi về tội phạm đã cho tôi biết mà không chút nghi ngờ rằng, người đàn ông này đã phạm tội mà anh ta bị tố cáo, ấy là đã giết hại dã man một người phụ nữ cao tuổi vốn tin tưởng anh ta.

Tôi được người ta biết đến với cái tên thẩm phán treo cổ, nhưng thế là không công bằng. Tôi vẫn luôn công bình một cách nghiêm ngặt và luôn tỉ mỉ trong những lần kết án.

Tất cả những gì mà tôi làm chỉ là bảo vệ bồi thẩm đoàn khỏi ảnh hưởng tình cảm từ những lời kháng án xúc động của những vị cố vấn dễ mũi lòng. Tôi đã hướng sự chú ý của họ sang thứ bằng chứng thực sự.

Những năm vừa qua tôi đã ý thức được một sự thay đổi từ bên trong bản thân mình, ít kiềm chế hơn - một khao khát được hành động thay vì phán xét.

Tôi đã luôn muốn - hãy để tôi thú thực điều này một cách thẳng thắn - là chính tay mình có thể thực hiện việc giết chóc. Tôi công nhận nó như một người nghệ sĩ luôn muốn khẳng định bản thân mình! Tôi đã là, hoặc có thể sẽ là, một nghệ nhân trong lĩnh vực tội ác! Trí tưởng tượng của tôi, vốn đã được kiểm điểm nghiêm khắc bởi tính cấp bách nơi nghề nghiệp của mình, đã bí mật thành hình với một sức mạnh khổng lồ.

Tôi phải... cho bằng được... tôi phải... thực hiện một vụ giết người! Và hơn thế nữa, nó không thể là một vụ giết người tầm thường! Nó phải trở thành một tội ác nằm ngoài sức tưởng

tượng - một thứ gì đó kỳ diệu - vượt qua những điều tầm thường! Riêng việc này, tôi nghĩ là mình vẫn còn trí tưởng tượng của một đứa trẻ sắp trưởng thành.

Tôi muốn một thứ gì đó phải thật kịch tính, phải là điều không thể!

Tôi muốn giết... Đúng thế, tôi muốn giết chóc...

Nhưng - có vẻ như đây sẽ là chuyện vô lý với một số người - tôi đã bị kìm hãm và bị ngăn trở bởi nhận thức về sự công bằng trong tâm tâm. Người vô tội không nên chịu khổ.

Và rồi, khá bất ngờ, ý tưởng đến với tôi - bắt đầu từ một lời nhận xét vô tình được thốt ra trong một cuộc trò chuyện tâm phào. Ấy là một người bác sĩ đã nói với tôi - một thầy thuốc đa khoa bình thường không có gì xuất chúng, ông ấy tình cờ đề cập đến việc những vụ giết người mà pháp luật không thể mớ tay tới xảy ra thường xuyên tới mức độ nào.

Và rồi ông ta lấy ví dụ một trường hợp cụ thể - một người phụ nữ cao tuổi, vốn là bệnh nhân của ông vừa mới đây qua đời. Ông ấy, như chính ông ta nói, tin cái chết đó là do một đôi vợ chồng chuyên chăm sóc bà ấy cố tình giữ lại viên thuốc bổ để rồi sau đó được thừa hưởng một gia tài kếch sù sau cái chết của bà ấy. Những chuyện như vậy, ông ta giải thích, là hoàn toàn khó chứng minh, nhưng dù gì thì ông cũng vẫn khá chắc chắn là vậy. Ông ta còn nói thêm rằng có nhiều trường hợp giống như thế luôn xảy ra - những trường hợp giết người có chủ đích - và tất cả đều không thể động tới được bằng pháp luật.

Đó chính là khởi đầu của mọi chuyện. Tôi bỗng nhiên nhìn thấy rõ con đường của mình. Và tôi lên quyết định không chỉ

thực hiện một vụ giết người, mà phải là một vụ giết người trên diện rộng.

Một bài về trẻ con nghe từ khi nhỏ đã quay trở lại trong tâm trí tôi - bài về về mười chú lính nhỏ. Nó vốn khiến tôi thích thú khi còn là một đứa trẻ hai tuổi - cái quá trình tiêu biến không thể tránh khỏi - cái cảm giác không thể chạy trốn được.

Thế là tôi đã bắt đầu... bí mật... sưu tầm nạn nhân...

Tôi sẽ không viết kín chỗ này bằng cách đi vào chi tiết việc mọi thứ diễn ra thế nào. Tôi thường xuyên có những cuộc trao đổi nhất định mà tôi khơi mào gần như với bất cứ ai tôi gặp - và kết quả thu được thật đáng bất ngờ. Quãng thời gian trong một bệnh viện dưỡng lão đã giúp tôi thu thập được thông tin về bác sĩ Armstrong - một người y tá căm ghét thói rượu chè đã chăm sóc tôi và cố chứng tỏ với tôi mỗi nguy hại của rượu bằng cách kể lại một câu chuyện từ nhiều năm trước tại một bệnh viện, đã có một người bác sĩ giết chết bệnh nhân của mình ngay trên bàn mổ chỉ vì ảnh hưởng của rượu. Một câu hỏi vu vơ về nơi mà người y tá đã từng thực tập, vân vân, sớm cho tôi những dữ liệu cần thiết. Tôi tìm ra người bác sĩ và người bệnh nhân được nhắc đến không chút khó khăn.

Một cuộc trò chuyện giữa hai ông lính già trong câu lạc bộ của mình đã giúp tôi lần theo tướng Macarthur. Một người đàn ông mới về từ rừng già Amazon đã cho tôi một tập lý lịch kinh hãi về những hoạt động của một người tên Philip Lombard. Một quý bà đáng trọng ở Majorca đã tức giận thuật lại câu chuyện của một người Thanh giáo tên Emily Brent và người hầu gái khốn khổ của bà ta. Anthony Marston được tôi chọn lọc từ một nhóm những người có cùng tội trạng

với cậu ta. Sự vô cảm tuyệt đối cùng với cái cách mà Marston không thể cảm nhận được trách nhiệm của mình đối với những mạng sống mà cậu ta tước đi khiến cho cậu ta, theo tôi thấy, là một loại người nguy hiểm đối với xã hội và không xứng đáng được sống. Còn cựu thanh tra Blore đến với tôi khá tự nhiên, một số đồng nghiệp của tôi đã có một cuộc bàn luận sôi nổi và tự do về vụ của Landor. Tôi đã có cái nhìn rất nghiêm khắc về lỗi của ông ta. Cảnh sát, cũng là một người thực thi pháp luật, phải liêm khiết hết mực. Bởi lẽ những lời nói của họ được tin tưởng vô điều kiện là nhờ vào phẩm chất nghề nghiệp của họ.

Cuối cùng là trường hợp của cô Vera Claythorne. Đó là lần mà tôi đang qua Đại Tây Dương. Một buổi tối muộn, người duy nhất còn ngồi trong khoang hút thuốc khi đó là tôi và một người đàn ông trẻ tuổi nom ưà nhìn tên Hugo Hamilton.

Hugo Hamilton có vẻ không vui. Và để xua tan đi nỗi bất hạnh ấy, cậu ta đã nốc một lượng rượu lớn. Cậu ấy đang trong tình cảnh dễ xúc động chuyện riêng tư. Không mong đợi gì nhiều cho lắm, tôi tự động bắt chuyện như thường lệ. Câu trả lời của cậu gây sững sờ. Tôi vẫn còn nhớ lời cậu ta. Hugo nói:

“Ông nói đúng đấy. Giết chóc không phải như cách người ta nghĩ thông thường đâu - đầu độc ai đó với cả đồng asenic - hay đẩy người ta xuống vực - mấy kiểu như thế...” Cậu ta nhào tới trước, dí sát mặt cậu ta vào mặt tôi, tiếp tục. “Tôi từng biết một kẻ giết người - biết cô ấy, tôi nói cho mà nghe. Và hơn thế nữa tôi từng yêu cô ta say đắm... Chúa cứu con, đôi lúc tôi vẫn nghĩ là mình còn yêu cô ta... Là địa ngục, tôi nói cho mà nghe - địa ngục, ông thấy đấy, cô ta làm thế phần

nhiều ít gì đó cũng là vì tôi... Tôi còn không dám mơ đến điều đó... Đàn bà ma mãnh lắm - toàn là quỷ cái - ông sẽ không bao giờ nghĩ là một cô gái như thế - một cô gái thẳng thắn vui vẻ - ông không thể tin nổi là cô ta lại làm thế, phải không? Đi dẫn một đứa trẻ ra ngoài biển rồi để nó chết đuối - ông có bao giờ tin là một người phụ nữ lại có thể làm chuyện như thế không?”

Tôi đã nói với cậu ta:

“Cậu có chắc là cô ta làm thế không?”

Cậu ta đáp và bỗng nhiên nom tỉnh táo hơn trước:

“Tôi khá chắc. Chưa ai từng nghĩ đến chuyện đó cả. Nhưng tôi biết ngay cái lúc mà tôi nhìn cô ta - khi tôi quay trở về - sau đó... Và cô ta biết là tôi biết... Điều mà cô ta không nhận thấy là tôi đã yêu thương đứa bé đó...”

Cậu ta không nói thêm nữa, nhưng cũng khá dễ dàng cho tôi lần ra được câu chuyện đó và dựng lại từ đầu.

Tôi cần nạn nhân thứ mười. Tôi tìm ra Morris. Hắn là một tay nhỏ thó có nhiều điều khuất tất. Bên cạnh những tội khác, hắn còn là một tên bán lẻ thuốc phiện và còn mắc tội dụ dỗ con gái một ông bạn tôi dùng thuốc. Con bé đã tự tử vào tuổi hai mươi mốt.

Trong suốt thời gian tìm hiểu của mình, kế hoạch đã dần định hình trong đầu tôi. Giờ đây nó đã hoàn thiện và viên gạch cuối cùng của nó chính là cuộc phỏng vấn giữa tôi và một vị bác sĩ phố Harley. Tôi đã nhắc đến việc là mình từng phải phẫu thuật. Cuộc phỏng vấn của tôi nơi phố Harley cho tôi biết thêm rằng một cuộc phẫu thuật nữa cũng sẽ chỉ là vô tác dụng. Cố vấn sức khỏe của tôi đã gói gọn mấy thông tin đó

một cách đẹp đẽ, nhưng tôi đã quen với cách đi thẳng vào sự thật trong từng lời nói.

Tôi không hề nói cho bác sĩ biết dự định của mình - rằng cái chết của tôi sẽ không chậm chạp hay kéo dài theo như cách mà nó diễn ra tự nhiên nữa. Không, cái chết của tôi phải kèm theo niềm sung sướng chói lòa. Tôi sẽ sống trước khi ra đi.

Và giờ là đến lượt cơ chế thực sự của tội ác trên Đảo Chiến Binh. Có được hòn đảo này, tôi dùng lão Morris để xóa dấu vết của mình, cũng khá dễ dàng. Hắn là một chuyên gia trong lĩnh vực đó. Sau khi đã phân loại thông tin mà tôi thu thập được về những nạn nhân tương lai, tôi đã có thể lên ý tưởng nhử mồi cho từng người một. Không có cái nào bất thành. Tất cả những vị khách của tôi đều đến Đảo Chiến Binh vào ngày 8 tháng Tám. Trong đám đó có tôi.

Morris đã được chăm lo tới nơi chốn. Hắn bị mắc chứng khó tiêu. Trước khi rời London tôi đã đưa cho hắn một viên con nhộng để uống vào buổi tối mà tôi nói là có tác dụng hiệu nghiệm với dịch vị dạ dày của tôi. Hắn nhận không chút đắn đo - hắn bị bệnh tương loại nhẹ. Tôi cũng không mấy lo lắng là hắn có thể để bất cứ tài liệu nào liên quan hay bất cứ bản ghi nhớ nào sót lại. Hắn không phải loại người như vậy.

Thứ tự của những cái chết trên hòn đảo ấy hoàn toàn phụ thuộc vào tôi sau hàng loạt suy ngẫm cùng sự quan tâm đặc biệt. Tôi thấy, rằng trong những vị khách của mình, có nhiều cấp độ tội lỗi khác nhau. Những người có tội nhẹ nhất, tôi quyết định là sẽ được chết trước tiên, và không phải chịu đựng sự căng thẳng thần kinh và sự sợ hãi như những kẻ máu lạnh hơn phải chịu. Anthony Marston và bà Rogers chết trước tiên, người này nối liền sau người kia trong giấc ngủ bình yên.

Marston, theo tôi thấy, là loại người sinh ra mà không có cái ý thức về đạo đức như phần lớn chúng ta. Hắn vô đạo đức - vô đạo. Bà Rogers, tôi không nghi ngờ gì là hành động của bà ấy chịu ảnh hưởng lớn từ ông chồng.

Tôi cũng không cần phải đi vào chi tiết việc hai người đó đi đến cái chết của họ như thế nào. Cảnh sát hắn đã giải quyết chuyện đó dễ như trở bàn tay. Xyanua phốt pho đơn giản là được chiết xuất tại nhà từ ông. Tôi có giữ một ít trong tay và cũng không mấy khó khăn mà rắc vào chiếc cốc gần như trống rỗng của Marston sau khi mọi người đều căng thẳng vì cuộn băng ghi âm.

Có thể nói là tôi đã quan sát khuôn mặt của những người khách ấy một cách kỹ càng trong lúc bản tuyên án được phát ra và tôi không còn nghi ngờ gì nữa, sau những kinh nghiệm lâu năm ngồi tòa của mình, là tất cả bọn họ đều có tội.

Vì những cơn đau gần đây, mà tôi được kê cho một loại thuốc ngủ - thuốc mê dạng lỏng. Tôi giấu kín việc này cho đến khi có đủ một liều chết người trong tay. Khi Rogers mang chai brandy cho bà vợ, ông ta để nó trên bàn và trong lúc ông ta đi qua bàn thì tôi đã lén bỏ thứ đó vào chai rượu. Không hề khó chút nào vì khi đó vẫn chưa có mối nghi ngờ nào xuất hiện.

Tướng Macarthur có một cái chết không mấy đau đớn. Ông ấy không nghe thấy tiếng tôi đến từ đằng sau. Tất nhiên là tôi phải chọn thời gian phù hợp mà rời hiên nhà một cách cẩn thận, và mọi thứ đã diễn ra suôn sẻ.

Đúng như tôi dự đoán, sau một cuộc truy tìm khắp đảo, họ phát hiện là chẳng có ai nữa ngoài bảy người bọn tôi. Điều này ngay lập tức tạo ra một bầu không khí nghi kỵ lẫn nhau. Theo kế hoạch của mình thì tôi cần phải có một đồng minh

ngay lúc đó. Tôi đã chọn bác sĩ Armstrong cho vai này. Ông ta là loại người cả tin mềm yếu, ông ta chỉ biết mặt và danh tiếng của tôi nên sẽ không thể ngờ nổi là một người vị trí như tôi đây lại là tên giết người! Mọi sự nghi ngờ của ông ta hướng vào Lombard và tôi đã giả vờ cùng ý kiến đó. Tôi gợi ý một kế hoạch cho ông ta để đặt bẫy kẻ giết người, dụ hắn tự làm lộ chân tướng.

Mặc dù đã có một cuộc khám xét từng phòng của mỗi người, song vẫn chưa có màn khám toàn thân. Nhưng điều đó sẽ sớm xảy ra thôi.

Tôi giết Rogers vào sáng ngày mùng 10 tháng Tám. Ông ta đang bỏ củi để dóm lửa và không hề nghe thấy tiếng tôi bước tới. Tôi tìm thấy chìa khóa cửa phòng ăn trong túi của ông ta. Ông ta đã khóa chặt nó từ tối hôm trước.

Trong lúc mọi người còn đang bối rối khi tìm thấy xác Rogers thì tôi đã lẻn vào phòng của Lombard và lấy cắp khẩu súng lục. Tôi biết là hắn có mang theo khẩu súng bên mình - thực ra thì chính tôi đã ra lệnh cho Morris phải gợi ý như vậy với hắn lúc nói chuyện.

Vào bữa sáng tôi đã lén cho liều thuốc mê cuối cùng vào cốc cà-phê của bà Brent khi rót đầy cốc cho bà ta. Chúng tôi đã để bà ta lại trong phòng ăn. Tôi lại lẻn vào đó một lúc sau - khi đó bà ta đã gần như mất ý thức và tôi đã có thể dễ dàng tiêm một lượng lớn xyanua vào người bà ta. Còn chuyện con ong vo ve kia thì có hơi trẻ con - nhưng theo một cách nào đó, nó làm tôi thỏa mãn. Tôi muốn càng trung thành với bài vẽ của mình càng tốt. Ngay sau chuyện này thì những gì tôi dự đoán đã diễn ra thật - thực ra thì tôi tin là mình đã gợi ý điều đó. Chúng tôi đều phải chịu một cuộc rà soát khó chịu. Tôi đã giấu

khẩu súng một cách an toàn, và không còn giữ chút xyanua nào hay thuốc mê nào trong tay mình nữa.

Chính lúc đó tôi đã tâm sự với Amrstrong rằng chúng tôi cần phải thực hiện kế hoạch của mình ngay. Đơn giản là như thế này - tôi phải giả vờ làm nạn nhân tiếp theo. Điều đó có lẽ sẽ khiến cho tên giết người mất bình tĩnh - hơn nữa nếu bị coi như là chết rồi thì tôi có thể đi quanh nhà do thám kẻ giết người ẩn danh kia.

Armstrong khá tâm huyết với ý tưởng đó. Chúng tôi làm ngay vào tối hôm đó. Một ít bùn đỏ trên trán - tấm rèm đỏ, đám len và bụi diễn bắt đầu. Ánh sáng từ nển quá chập chờn nên không chắc chắn và người duy nhất khám tôi đủ gần là Armstrong. Chuyện diễn ra hoàn hảo. Cô Claythorne hét đến rụng trần nhà khi cô ta tìm thấy đám tảo biển mà tôi đã chu đáo đặt ở trong phòng cô ta. Họ đều chạy đến, và tôi bắt đầu tạo dáng của một người bị giết hại.

Phản ứng của họ khi tìm thấy tôi là đúng như mong muốn. Armstrong đã đóng vai của mình một cách chuyên nghiệp nhất.

Họ mang tôi lên tầng và để tôi nằm trên giường. Không còn ai lo về tôi nữa, họ đều sợ chết điếng và kinh hãi lẫn nhau rồi.

Tôi có một cuộc hẹn với Armstrong bên ngoài ngôi nhà vào lúc hai giờ kém mười lăm. Tôi dẫn ông ta lên phía sau nhà nơi vực đá. Tôi nói là ở đó chúng tôi có thể thấy bất cứ ai đến gần, và rằng chúng tôi sẽ không bị nhìn thấy từ ngôi nhà vì những phòng ngủ kia hướng ra nơi khác, ông ta vẫn không có chút nghi ngờ gì - kể cả khi ông ta đã được cảnh báo từ trước - nếu như ông ta còn nhớ lời bài vè. “Trích đỏ nuốt một tên...” Và thế là ông ta bị nuốt gọn.

Chuyện rất dễ dàng. Tôi thốt lên một câu, ngó ra ngoài bờ đá, bảo ông ta nhìn theo, có phải đó là một miệng hang không? Ông ta nhào người ra trước. Một cú đẩy mạnh khiến ông ta mất thăng bằng mà rơi tõm xuống biển. Tôi quay trở lại căn nhà. Hẳn là Blore đã nghe được tiếng chân của tôi. Một vài phút sau đó tôi quay trở lại phòng của Armstrong rồi lại rời đi, lần này tạo ra một tiếng động để ai đó có thể nghe thấy. Tôi nghe thấy tiếng cửa mở khi đã xuống tới chân cầu thang. Hẳn họ đã nhìn thấy bóng tôi ngay khi ra khỏi cửa chính.

Chỉ một, hai phút sau là họ đuổi theo. Tôi đã đi vòng quanh căn nhà và vào qua cửa sổ phòng ăn mà tôi vốn để mở từ trước. Tôi đóng cửa sổ lại rồi đập vỡ cửa kính. Rồi sau đó tôi lên gác nằm nghỉ trên giường của mình.

Tôi tính là họ sẽ lại khám quanh nhà lần nữa, nhưng không nghĩ là họ sẽ đi kiểm tra mấy cái xác làm gì, dù chỉ là lướt qua để chắc chắn là Armstrong không giả làm mấy cái xác. Đó chính là điều đã diễn ra.

Tôi quên chưa nói là mình đã để lại khẩu súng vào phòng Lombard. Biết đâu lại có ai đó quan tâm muốn biết tôi đã giấu nó ở đâu trong lúc bị rà soát. Có một chõng thức ăn đóng hộp rất cao trong tủ chứa. Tôi đã mở ngăn thấp nhất - đựng bánh quy thì phải, rồi giấu khẩu súng vào đó và thay bằng một dải băng dính khác.

Tôi đã tính rồi, và tính chính xác, là sẽ chẳng ai lại đi quan tâm đến chuyện kiểm tra một chõng thức ăn toàn những thứ chưa đụng tới, đặc biệt là khi mà mấy chiếc hộp ở trên đã được hàn kín.

Tôi đã giấu tấm rèm đỏ bằng cách trải phẳng nó dưới lớp

đệm ghế phòng khách và giấu đăm len trong mớ gối ngò, rạch mấy khe nhỏ.

Và giờ đã đến lúc mà tôi mong đợi từ lâu - ba con người quá sợ hãi lẫn nhau nên bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra - và một người trong số đó lại có súng. Tôi quan sát họ từ cửa sổ trong nhà. Khi Blore vào một mình, tôi đã chuẩn bị sẵn khối đồng hồ cầm thạch rôi. Loại được Blore...

Từ cửa sổ tôi thấy Vera bắn Lombard. Một người phụ nữ trẻ nhiều đức tính tiềm ẩn và đầy thách thức. Tôi vẫn luôn nghĩ cô ta ngang sức ngang tài với hắn. Ngay khi chuyện đó xảy ra, tôi đã dọn sẵn bục diễn trong phòng của ả.

Đó là một màn thí nghiệm tâm lý thú vị. Liệu nhận thức được tội lỗi của mình, tình trạng căng thẳng đem lại bởi phát súng giết người ấy, có đủ, cùng với cả gợi ý thôi miên từ cảnh vật xung quanh, để khiến cho cô ta tự kết liễu mình không? Tôi đoán là có. Và tôi đã đúng. Vera Claythorne đã tự treo cổ mình ngay trước mắt tôi khi tôi đang đứng núp trong bóng tối của tủ quần áo.

Và giờ là bước cuối cùng. Tôi bước tới, dựng chiếc ghế lên sát tường. Tôi tìm khẩu súng và thấy nó ở ngay đầu cầu thang nơi cô gái đã đánh rơi. Tôi cẩn thận giữ lại dấu vân tay của cô ta trên đó.

Giờ thì sao?

Tôi sẽ viết nốt lá thư này. Tôi sẽ cho vào phong bì, nút chặt trong chai và ném cái chai xuống biển.

Tại sao?

Đúng vậy, tại sao lại thế?

Tham vọng của tôi vốn là sáng tạo ra một vụ giết người bí

ẩn không thể giải đáp nổi.

Nhưng cũng không có người nghệ sĩ nào, giờ tôi đã thấy, lại thỏa mãn chỉ với nghệ thuật mà thôi. Có một sự thôi thúc tự nhiên để được người khác công nhận không thể chối bỏ được. Hãy để tôi thú nhận một cách khiêm nhường, dù chỉ là một ước muốn nhỏ nhoi trần thế, ấy là tôi muốn có một ai đó biết được tôi đã thông minh đến nhường nào.

Trong tất cả chuyện này, tôi đã tự cho là bí ẩn trên Đảo Chiến Binh vẫn chưa có lời giải đáp. Tất nhiên là cũng có thể cảnh sát thông minh hơn tôi nghĩ. Dù sao thì, cũng có ba gợi ý. Thứ nhất: cảnh sát hoàn toàn biết rõ là Edward Seton có tội. Vì thế, họ phải biết là một trong số mười người trên đảo không phải là tên giết người theo bất cứ nghĩa nào, và cũng vì thế, thật nghịch lý mà kẻ đó chính là tên giết người cần tìm. Gợi ý thứ hai nằm trong câu thơ thứ bảy của bài về đó. Cái chết của Armstrong được gắn với 'con cá trích đỏ' mà ông ta nuốt phải - hay đúng hơn là cuối cùng nó đã nuốt chửng ông ta! Điều đó có nghĩa là cái chết này có ám chỉ rõ ràng một trò lừa lọc - và rằng Armstrong vì bị lừa mà chết. Điều này sẽ dẫn tới một câu hỏi thú vị. Vì lúc đó chỉ còn có bốn người và trong số bốn người đó chỉ có tôi là đủ gây ảnh hưởng đến ông ta một cách tự tin. Thứ ba là một biểu tượng. Tôi chết với một cái niêm ở trên trán. Dấu ấn của Cain.

Như vậy là, tôi nghĩ chẳng còn nhiều điều để nói nữa.

Sau khi đã ném cái chai cùng lá thư xuống biển, tôi sẽ vào phòng mình và nằm lên giường. Trên chiếc kính của tôi có gắn một sợi giống như dây đeo màu đen - nhưng thực chất là dây co giãn. Tôi sẽ đặt tất cả sức nặng của mình đè lên kính. Tôi sẽ cuốn sợi dây quanh tay nắm cửa và gắn nó, không cần quá

chặt, vào khẩu súng. Tôi nghĩ chuyện sẽ xảy ra thế này. Tay tôi, được chiếc khăn mùi xoa bảo vệ, sẽ bấm cò. Tay tôi sẽ buông lỏng sang một bên, còn khẩu súng thì bị giật lại bởi sợi dây co giãn, nên sẽ bị kéo tới cánh cửa, bật khỏi tay cầm và tách ra khỏi sợi dây mà rơi xuống. Sợi dây, lúc này được buông lỏng, nên sẽ rút về vị trí bên cái kính nằm dưới người tôi ngây thơ vô tội. Chiếc khăn mùi xoa rơi trên mặt đất sẽ không gây ra bất cứ bắn khoản nào.

Khi được tìm thấy, thì tôi đã nằm ngay ngắn trên giường, bị bắn qua trán giống hệt như ghi chép của những nạn nhân kia. Thời gian của cái chết sẽ khó mà đoán được chính xác vào lúc mà những cái xác được phát hiện.

Khi nước biển lặng, sẽ có người và thuyền từ đất liền tới.

Và họ sẽ thấy mười xác chết trên Đảo Chiến Binh mà không có lời giải đáp.

Lawrence Wargrave

